

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP



NV2016.23

M THÀNH LẬP TỈNH ĐỒNG THÁP
(02/1976 - 02/2016)

40 năm

Đồng Tháp

NHIỀU TÁC GIẢ



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ĐỒNG THÁP

40 năm
Kỷ Đồng Tháp

BỘ SƯU TẬP ĐỊA CHỈ ĐỒNG THÁP

KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP TỈNH ĐỒNG THÁP
(02/1976 - 02/2016)



năm



đồng tháp

NHIỀU TÁC GIẢ



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ĐỒNG THÁP

Lời nói đầu

40 năm Ký Đồng Tháp là một tập hợp các tác phẩm đã in trên báo Văn nghệ Đồng Tháp, như một công trình chào mừng 40 năm thành lập tỉnh Đồng Tháp (02/1976-02/2016). Bạn đọc có thể tìm thấy trong quyển sách này một Đồng Tháp những ngày đầu giải phóng với đủ mọi những gian truân, cơ cực, nhọc nhằn và quan trọng hơn hết là những bước đi lên của Đồng Tháp. Bao vùng đất hoang trở thành cánh đồng lúa trĩu bông vàng hạt. Bao công trình mọc lên trên vùng đất khô cằn khắc nghiệt. Rồi các mô hình làm ăn mới, các giải pháp để tạo điều kiện cho bà con nông dân và nhân dân thoát đói, thoát nghèo để có được một cuộc sống ổn định hơn, tiện nghi hơn.

Chúng tôi hoàn toàn không có tham vọng qua quyển sách này sẽ giới thiệu hết những thay đổi của Đồng Tháp sau bốn mươi năm. Đây chỉ là một phần “lịch sử Đồng Tháp” được ghi nhận qua các thể loại ký báo chí và văn học của những văn nghệ sĩ Đồng Tháp, được thể hiện một cách trung thực và sinh động. Những cái tên như Động Cát, Quyết Thắng, Giồng Găng, Bình Thành hay Thanh Mỹ, Tân Phú, Bàu Hút, Giồng Bàng... sẽ gợi cho người đọc ký ức một thời đã qua, một thời “*nửa năm nắng hạn, nửa mùa nước dâng*”, một thời mà con người ở Đồng Tháp, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng kháng chiến trước đây từng bước vượt qua mọi trở ngại đi lên bằng nội lực của chính mình. Những Tam Nông, Tân Hồng, Tháp Mười, Hồng Ngự sau mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm rồi bốn mươi năm cũng được khắc họa có khi chỉ bằng một vài nét chấm phá nhưng đó là tấm lòng, là tình cảm của văn nghệ sĩ Đồng Tháp dành cho từng vùng đất, từng con người ở đây với tình yêu và niềm tin mãnh liệt nhất.

Đọc 40 năm Ký Đồng Tháp, chúng ta còn thấy thấp thoáng trong những thay đổi, những thành công, những thắng lợi của Đồng Tháp trên mọi lĩnh vực sau 40 năm là những trăn trở, những lo toan của các cấp

lãnh đạo trước “cơ hội và thách thức” đang chờ đợi ở phía trước. Quá khứ là một phần không thể tách rời được với hiện tại và tương lai. Nhìn lại những gì Đồng Tháp đã đi qua, chúng ta sẽ thấy những đổi thay hôm nay là kỳ tích và càng thêm tin ở tương lai. Nhất là khi Đồng Tháp đang tập trung triển khai thực hiện các đề án lớn như tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển du lịch, xây dựng chính quyền thân thiện và năng động... Hy vọng, quyển sách sẽ làm hài lòng bạn đọc.

Mong nhận được ý kiến đóng góp, phê bình để chúng tôi có dịp bổ sung hoàn chỉnh hơn.

Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Đồng Tháp

Vùng đất tôi yêu

LÊ NGỌC

Vừa qua tôi được đi vòng quanh qua một số vùng sâu Tháp Mười để được nhìn tận mắt bao sự đổi thay ở nơi đây sau mười năm giải phóng.

Tôi vô cùng xúc động khi trở lại nơi mà mười mấy năm kháng chiến tôi đã sống, công tác và được sự chở che, đùm bọc của biết bao tấm lòng, của cả từng chòm cây bụi cỏ và tất cả đã trở thành máu thịt trong tôi.

Về Láng Biển ghé nông trường, bao nhiêu kỉ niệm thời kháng chiến sống lại trong tôi mãnh liệt. Cánh đồng bao la toàn đứng lác, sinh lầy hoang dã, nơi này tôi đã cùng nhiều đồng chí luồn trong đưng đánh giặc, từng che tum ở và làm việc vào mùa khô cũng như mùa nước, từng giăng câu, giăng lưới, cặm chim để cải hoạc. Mùa nước hành quân bằng xuồng, mùa khô cuốc bộ. Ngoài con kinh Nhứt, giặc đóng đồn, có kinh Xáng Xéo, kinh Kháng Chiến cũ và mới nhưng đều bị rong, cỏ, lục bình bịt kín và ít người đi lại. Tôi nhớ có lần mùa nước giụt, đắp tàu ngang kinh Xáng Xéo bắt được rất nhiều cá, chúng tôi phải khiêng đi gần suốt cánh đồng đưng này đến đầu cửa khẩu ở đầu kinh Kháng Chiến để bán và mua lương thực, thực phẩm cho cơ quan. Suốt ngày ở cánh đồng chỉ nghe gió thổi rì rào trên lá đưng, tiếng chim kêu... và còn biết bao nhiêu chuyện nữa không sao nói hết. Thế mà giờ đây tôi được ngồi trên tắc rắng từ kinh Nhứt theo con kinh mới đào chạy thẳng tắp vào trụ sở của nông trường. Trên đoạn kinh dài gần 6 cây số này có con đường bộ chạy cặp bờ kinh, hàng bạch đàn uốn mình trong gió. Đồng chí Lâm, phóng viên nhiếp ảnh đi cùng với tôi cứ lia ống kính, lấy cảnh mây trời lồng lộng, rặng tràm xanh, những chiếc xuồng chở tràm con, xuồng chài lưới trên dòng nước. Phóng tầm mắt ra xa hai bờ kinh là màu xanh rừng tràm

con của nông trường chạy dài mùt mắt. Nơi đây trước chỉ có vài cụm trầm như đám trầm Hai Cu, trầm ông Liễu mà chúng tôi thường nhắm vào đó để định hướng đi. Không phải chỉ có thêm con kinh tôi đang đi mà cứ một cây số, chúng tôi qua một ngã tư và con kinh nào cũng chạy thẳng băng nhìn mùt tầm mắt. Kinh thủy lợi lớn nhỏ trên cánh đồng hàng ngàn héc-ta của nông trường làm sao tôi biết và đi cho hết.

Trụ sở nông trường Láng Biển nằm trên ngã tư con kinh mới đào của nông trường ở giữa đồng. Vốn là một vùng đất hoang vu, ít người đặt chân tới, thế mà giờ đây những dãy nhà tôn, nhà lá mọc nối tiếp nhau trên những bờ kinh. Đêm đêm ánh đèn tỏa lên tạo một vòm sáng trên vòm trời vùng sâu. Hàng tháng, người dân ở đây thường được xem phim, truyền hình màu và cả nghệ thuật ca múa nữa.

Khi chúng tôi đến, đồng chí Ba Trinh, Giám đốc nông trường không có ở nhà. Chúng tôi phải đợi và được biết người giám đốc tuổi cao ấy sáng nào cũng lội đi, đến trưa hoặc chiều mới về. Đồng chí đã đi thì khó mà tìm, lúc ở chốt này lúc ở chốt nọ. Cuối cùng rồi anh em cũng tìm được, hỏi ra là đồng chí đi xuống coi vật đất đang dọn để chuẩn bị làm lúa đông xuân. Thì ra các cánh đồng vốn hoang vu này, với cái tên như thách thức người sản xuất nông nghiệp, nông trường đã biến thành màu xanh của trầm, của lúa một vụ rồi bây giờ lại thí nghiệm thành công ở một số thửa ruộng làm lúa hai vụ.

Chỉ với bao nhiêu đổi thay ấy cũng đủ biết các đồng chí ở nông trường này đã phải chịu đựng gian khổ, phải phấn đấu đến dường nào từ buổi đầu cho đến có cơ ngơi như ngày nay. Anh Tư Tô, Phó giám đốc nông trường cho tôi biết về cái khó lúc đầu khi đưa người dân vô đây “cắm sào” để xây dựng. Đưa dân vào khó, mà giữ được họ ở lại không phải là chuyện dễ. Cuộc sống ở rừng tách biệt, quá buồn. Chỉ vấn đề lúc đầu nông trường chỉ có nam không có nữ cũng là vấn đề phải suy nghĩ. Và còn bao nhiêu chuyện nữa cũng có vẻ như đơn giản và bình thường như thế nhưng lúc đầu nông trường không thấy hết.

Từ nông trường chúng tôi đi đến thị trấn Mỹ An (huyện lỵ Tháp Mười) cách đây không xa lắm. Từ ba bốn giờ sáng, xuống ghe đã đi lại khá tấp nập trên ngã tư dòng kinh tại thị trấn. Trên bốn doi đất là cơ quan Huyện ủy, trụ sở Ủy ban nhân dân huyện, chợ, tiếp phía sau là khu văn hóa đang xây dựng còn ngổn ngang và Bệnh viện 30/4 (ba mươi tháng

tự). Mỗi nơi đều có sự thay đổi. Cơ quan Huyện ủy đang xây dựng hội trường. Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện có thêm dãy nhà lầu bên cạnh. Chợ đã sắp xếp lại buôn bán khá trật tự, văn minh. Bệnh viện 30/4 với dãy phòng xây tường gạch còn tươi màu núp sau rặng dừa tơ. Bác sĩ và nhân viên bệnh viện quần áo trắng tinh tới lui rộn rịp. Thành quả xây dựng bệnh viện này bằng nguồn vốn tự lực. Vì vậy, đồng chí Hai Hón, Bí thư Huyện ủy giới thiệu và đưa chúng tôi đi tham quan. Đồng chí Thế Vân, Bệnh viện trưởng, hướng dẫn chúng tôi đi qua một lượt. Thì ra bệnh viện không chỉ có dãy phòng xây tường ở phía trước như tôi vừa nói mà còn có cả chiều sâu với những khoa phòng, đường đi lối lại khá sạch sẽ và rộng rãi. Bệnh viện có đủ các khoa phòng như một bệnh viện tỉnh (trước đây chỉ có một phòng y tế nhỏ). Bệnh viện ngoài điều trị bệnh cho dân còn bào chế được vài loại thuốc trị bệnh. Bệnh viện còn có máy đèn dùng khi mổ xẻ... Qua các đồng chí tôi được biết bà con ở đây rất tin tưởng vào khả năng điều trị của y, bác sĩ bệnh viện. Một số bà con ở vùng giáp ranh thuộc tỉnh Tiền Giang, Long An cũng đến đây điều trị bệnh.

Ngoài thành tựu xây dựng cơ sở vật chất nói trên, còn nhiều điều rất phấn khởi khác mà các đồng chí lãnh đạo huyện đã cho chúng tôi biết. Trong số đó có vấn đề phát triển sản xuất và xây dựng giao thông bộ. Nơi đây là vùng đất sinh lầy, sáu tháng mùa khô thì đất ruộng nứt nẻ, sáu tháng nước dâng thì ngập mênh mông, trung bình cũng gần hai thước. Bà con ở đây quen làm lúa mùa, đằng đằng một năm chỉ trông cậy một mùa lúa với năng suất hai tấn, tấn rưỡi một héc-ta. Nguồn thu nhập từ cây trà phải nói là khá, nhưng chỉ với một số người có vốn khá, có máy cày mới trồng được trà. Từ bao đời nay, tại Tháp Mười phương tiện giao thông chính là xuồng ghe, chỉ có những con lộ làng có thể đi bộ vào mùa khô, xe đạp còn không đi được nói gì đến ô tô. Vùng đất này tự nhiên đã là như vậy, qua hai cuộc chiến tranh bị tàn phá nặng nề nên đời sống của bà con phải nói là nghèo, rất nghèo. Vấn đề đặt ra khá gay gắt cho Đảng bộ Tháp Mười là phải tìm ra phương án phát triển kinh tế thế nào cho đúng đắn? Câu hỏi đó đã là điều nghĩ suy trăm trở, đeo đuổi hầu hết cán bộ ở đây. Và đồng chí Bí thư Huyện ủy tóc đã bạc càng bạc thêm. Với niềm phấn khởi, các đồng chí cho biết đến nay huyện đã chuyển được 9 ngàn héc-ta đất trồng lúa một vụ lên hai vụ đạt năng suất

ba tấn rưỡi một vụ trên một héc-ta. Đây cũng là kết quả của quá trình vận động khá gian khổ vì phải thay đổi tập quán sản xuất. Cái gì thuộc tập quán, thói quen muốn thay đổi là chuyện dễ đâu, không phải trải qua quá trình phấn đấu. Rồi bà con cũng làm theo và đi đến kết luận rằng, làm một vụ thì ít lúa mà lại không tránh được lũ lụt; làm hai vụ được nhiều lúa mà tránh được lũ lụt.

Đồng chí Bí thư Huyện ủy cho chúng tôi biết kế hoạch của huyện, ngoài màu xanh của lúa, huyện sẽ đẩy mạnh trồng tràm ở những nơi đất hoang, nhiễm phèn nặng dưới các hình thức quốc doanh, tập thể và cả cá thể nữa. Hiện tại huyện có tám ngàn năm trăm héc-ta tràm, trong hai năm tới sẽ trồng thêm bốn ngàn rưỡi ha nữa là coi như không còn đất hoang. Hiện tại có vấn đề lớn đặt ra là làm thế nào để sản xuất hàng xuất khẩu, nếu không tạo ra nguồn hàng xuất khẩu thì huyện không phát triển nhanh được. Trước mắt các đồng chí có ý định phát động trồng chuối già, đào lộn hột trên những bờ kinh cao ráo, ở những xã có điều kiện, mặt khác dựa vào thế mạnh nông - lâm của huyện mà tạo ra nguồn hàng lớn trao đổi với các nơi và xuất khẩu.

Song song với phát triển kinh tế, huyện đẩy mạnh xây dựng giao thông. Ngoài con đường bộ ô tô chạy được từ Cao Lãnh về thị trấn huyện, các đồng chí đã chỉ đạo đào đắp con đường Mỹ An - Trường Xuân (Gãy Cờ Đen). Huyện đang làm đường Mỹ An - Thiên Hộ dài mười bảy cây số. Nếu các con đường trên hoàn thành thì từ Mỹ An đến Thành phố Hồ Chí Minh có thể đi bằng ô tô qua Thiên Hộ qua lộ Bốn hoặc Mỹ An qua Long An. Mở đường xe trong Đồng Tháp Mười quả là việc đổi đời, thực hiện mơ ước của nhiều người. Ngày khánh thành con đường Cao Lãnh - Mỹ An, một số cụ già trên 70 tuổi đã đi chơi một lần cho biết vì chưa hề được ngồi trên xe hơi lần nào.

Trước mắt tôi, huyện Tháp Mười đang mở ra nhiều triển vọng mới trong phát triển kinh tế và đời sống. Nhưng chắc chắn sẽ còn không ít khó khăn, thách thức ở phía trước.

Rồi Tháp Mười tôi đến huyện Tam Nông. Cũng như Tháp Mười trước đây, Tam Nông cũng là huyện mới được thành lập từ cuối năm 1983. Nơi này tôi có biết qua vào thời kỳ kháng chiến. Hầu như toàn huyện nằm lọt thỏm giữa cánh đồng bao la. Ngoài con kinh xáng An Long mà trước đây bọn nguy thành lập các khu di dân, hai bên bờ kinh

trống trơn và những ngọn rạch Cái Tre, Bắc Đâu, Tân Phú của huyện Thanh Bình chạy thọc vào. Kinh Cô Đông lưá thừa những cành cây. Toàn huyện không có con kinh nào có nhà cửa sung túc, cây cối sum sê như ở một số huyện khác. Vì thế cách xa hàng năm, bảy cây số, vẫn có thể nhìn thấy những dãy nhà ngói, mái đỏ tươi và những công trình đang xây dang dở. Cũng như Tháp Mười, huyện Tam Nông đã đào thêm rất nhiều kinh. Huyện lỵ được đặt tại ngã năm nơi các con kinh cắt nhau. Nơi này trước đây là vùng đất trống nằm trên bờ kinh An Long, cách khu Tràm Chim (căn cứ Đồng Tiến cũ của ngụy) một cây số. Giờ đây đã mọc lên những công trình mới tuy chưa hoàn chỉnh. Bên này, dãy nhà hai tầng chạy dài là cơ quan Huyện ủy, trụ sở Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan trực thuộc. Bên kia là nhà lồng chợ, rạp hát, đối diện bên kia bờ kinh là bệnh viện huyện và cơ quan quân sự. Giao thông đi lại vẫn là đường thủy. Huyện mới đắp con đường từ An Long về huyện lỵ, sắp tới sẽ làm con đường theo kinh Tân Phú chạy ra Thanh Bình và từ huyện lỵ chạy dọc theo kinh An Long đến Gãy Cờ Đen.

Tôi rất nhất trí với nhận xét của các đồng chí lãnh đạo ở đây: Tam Nông là huyện nghèo nhất tỉnh. Nhưng chỉ trong thời gian hơn một năm mà bao nhiêu công trình tại ngã năm này và một số nơi khác trong huyện đã mọc lên thì quả là một sự phấn đấu hết sức lớn lao. Được các đồng chí cho biết kinh phí xây dựng được cấp trên đầu tư hơn 30 triệu đồng (tiền ngân hàng cũ), huyện phải đầu tư gần một trăm triệu nữa mới đạt được kết quả và tốc độ xây dựng như thế. Cũng cần nói rõ điều này, việc xây dựng cơ bản ở vùng sâu phải tốn kém hơn các vùng khác do phải tạo mặt bằng và cước phí chuyên chở vật tư cao..., phải đắp bờ cho xáng thổi bùn lên mới có mặt bằng xây dựng. Quá trình qua là quá trình các đồng chí khắc phục bao nhiêu khó khăn. Việc ổn định đời sống cho dân ở vùng sâu chỉ làm một vụ lúa năng suất thấp, giải quyết việc học hành cho trẻ em, vấn đề trị bệnh, vui chơi giải trí... cho dân quả là không đơn giản chút nào. Đó là chưa nói cuộc sống tinh thần của người dân rất thấp. Đến nay dân không còn đòi bỏ xứ đi nơi khác, các em nhỏ có trường để học, bệnh hoạn có bệnh viện và trạm xá của xã. Huyện và nhiều xã có thư viện, có bãi chiếu phim, biểu diễn văn nghệ.

Cũng như Tháp Mười, huyện Tam Nông cũng đang tăng vụ ở những nơi có điều kiện, đất không trồng được lúa thì trồng tràm. Huyện

đang thành lập lâm ngư trường (chuyên trồng tràm và nuôi cá, tôm, ong) rộng sáu ngàn héc-ta.

Rất tiếc tôi đến Tam Nông không đúng vào mùa nước dâng cao để nhìn thấy “thành phố nổi” như các đồng chí đã từng nói. Dù vậy, hôm nay đến Tam Nông, từ xa tôi cũng đã thấy một thành phố tuy so với các thành phố khác rất nhỏ bé - và thành phố đó mọc lên giữa màu xanh của đồng lúa bao la Tháp Mười. Có biết cái nghèo, cái hoang dại xưa kia mới thấy hết giá trị cái đang đổi mới hôm nay. Và có thấy hôm nay mới vững tin vào tương lai rực rỡ.

Nơi tôi đến đều là vùng sâu của Đồng Tháp Mười vốn đã nghèo do hoàn cảnh thiên nhiên mà ông cha ta - do chưa có khoa học kỹ thuật, do hoàn cảnh chiến tranh - từ bao đời nay chưa phát huy hết tiềm năng của đất đai, sông rạch. Vả lại, huyện cũng là nơi bị hai cuộc chiến tranh tàn phá hết sức nặng nề. Bà con ở đây đã từng chịu đựng biết bao hi sinh mất mát nhưng vẫn một lòng theo cách mạng.

Nơi tôi đến đều có những khó khăn gần giống như nhau. Nhưng mười năm qua là mười năm thử thách lòng người và con người đã chứng minh sự chiến thắng của mình bằng những đổi thay tuy không nhiều nhưng là cơ sở, là nền tảng vững chắc tạo cho nơi này có những bước đi nhanh hơn và xa hơn. Niềm vui đó được thể hiện rõ ở mỗi gương mặt những người mà tôi đã gặp trong chuyến đi và đã truyền sang tôi một cách mạnh mẽ.

Tháng 12/1985

L.N

Ơ một vùng đất mới

LÂM NGỌC

Hơn 10 năm qua, mọi người vẫn có thói quen gọi xã Tân Phú là vùng kinh tế mới - cái tên từ lúc sơ sinh. Sự thật hôm nay Tân Phú đâu còn dáng dấp của vùng kinh tế mới. Xã đã có hình bóng của một làng quê miền Tây Nam bộ. Đến Tân Phú tôi có cảm tưởng xã đang cố gắng vươn mình một cách mạnh mẽ: những ngôi nhà dọc kênh rạch núp dưới tán lá sum sê của cây trái bốn mùa. Sự lột xác ấy do chính bàn tay của những người cách đây không lâu chưa chấp nhận mảnh đất này là nơi để gửi thân của mình. Điều đó liên quan đến câu nói tâm tình của người dân đối với Đảng: “Mười năm tiếp thu, năm năm nghe được”. Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp đưa dân đến đây xây dựng vùng kinh tế mới Tân Phú đã 10 năm, nhưng chỉ thời gian 5 năm nổi lên với hiện tại, người dân mới thực sự hiểu và tin con đường của Đảng dẫn dắt họ đi là đúng. Từ đấy họ tự nguyện nhận mảnh đất này là đất mẹ. Tấm lòng của đất mẹ hiền hòa, nhân hậu, âm thầm dâng tặng cho con dòng sữa của mình, cho hoài cho mãi không hề mệt mỏi. Những mầm non cây trái bắt đầu nảy nở sinh sôi.

Tân Phú - cái tên gọi một miền đất mới, được hình thành từ hai phần của hai xã Tân Phú Trung và Phú Long. Trên cánh đồng rộng mênh mông khoảng 2.000 ha thì hơn phân nửa bị hoang hóa. Ở phần đất còn lại, người từ nơi khác đến làm lúa mùa kiểu tài tử “làm chơi ăn thiệt”. Đất rộng nhưng không có người ở, không có cây trái. Đó là ý muốn của bọn thực dân cũ và mới. Là vùng đất cách cơ quan đầu não của tỉnh Sa Đéc hơn 10 km đường chim bay, Tân Phú được chính quyền Mỹ - ngụy quan tâm rất đặc biệt. Cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt thì đồn bót được tăng cường nhiều hơn. Từ năm 1968 về trước chỉ có một đồn ở cửa ngõ Sa Đéc nhìn ra cánh đồng này thì đến năm 1973 có đến 7 đồn. Để yên tâm hơn về vùng đất phía đông bắc Sa Đéc này, chúng đặt ra một quy định nghiêm ngặt về thời gian làm việc của nông dân trên cánh

đồng: từ 6 giờ sáng đến 15 giờ chiều. Ngoài thời gian quy định ấy nếu phát hiện bóng người trên cánh đồng này thì chúng sẽ bắn bỏ. Thành phần dân đến làm ruộng nơi đây cũng không bình thường, vùng đất phía trong hầu hết do gia đình, thân nhân binh sĩ nguy chiếm lấy.

Bác Năm là một trong ba người duy nhất sống ở đây từ năm 1968 kể lại: Dân muốn vô đây sinh cơ lập nghiệp cũng không dễ. Quê Bác Năm ở Cao Lãnh. Trong đợt tiến công và nổi dậy năm 1968, bác sơ hở để lộ tông tích là cơ sở cách mạng và có 3 người con đang theo “Việt cộng”. Biết điều đó bọn giặc giở trò nay bắt, mai tha. Thấy khó sống bác đã bỏ nhà ra đi. Bước chân phiêu bạt đưa đẩy bác cùng hai người bạn thân đến đây dựng lều mua bán đồ tạp hóa cho những người đến làm ruộng. Để yên thân bác dựng lều ở đầu ngổ cánh đồng hướng Sa Đéc đi ra. Vài ngày sau trong lúc bác Năm đi chợ, bọn lính trong đồn gần đó kéo đến lục soát, khám xét đồ đạc trong lều và bắt hai người bạn của bác giải về Sa Đéc. Sau hai tuần giam giữ, xét hỏi, bọn chúng tha hai người. Hai người quay lại từ già bác rồi bỏ đi luôn biệt tích. Bác Năm không thể bỏ nơi đây đi được vì bác không biết phải đi đâu? Bác ở lại trong sự giám sát chặt chẽ của bọn giặc. Nhưng chúng không để bác sống một nơi yên ổn làm ăn. Đầu năm 1973, chúng nghi ngờ bác che giấu, tiếp tế du kích, cán bộ đi công tác ngang đây, chúng ra lệnh cho bác trong 3 ngày phải dời nhà đi nơi khác.

Chúng đuổi không cho bác ở ngoài ấy, bác dời nhà vô kinh Tầm Vu. Hồi trước, kinh Tầm Vu trước nhà bác chỉ là con rạch nhỏ xíu rộng hơn 1 thước, bác nhảy qua nhảy lại không cần bắc cầu. Trước cửa nhà dọc con rạch bác trồng một hàng tràm. Tràm vừa ngang vai, giặc cho chặt sạch. Chúng cấm không cho bác trồng cây cối gì quanh nhà, để “Việt cộng” không có chỗ ẩn nấp.

Bác Năm vừa nói vừa nhìn mông lung phía khoảnh sân trước nhà, nơi những đóm nắng lung linh di động bởi luồng gió nhẹ ban trưa khẽ chạm vào những tán lá xanh thắm.

Quân xâm lược Mỹ cùng quân đội Việt Nam hung hăng có trong tay vũ khí hiện đại lại sợ những người tay không hiền lành, sợ cả cây cỏ vô tri. Nỗi lo sợ của kẻ phi nghĩa để lại hậu quả: vùng đất rộng mênh mông sát một thị xã vốn nổi tiếng là xứ sở của hoa kiểng với tên gọi Vườn Hồng lại là vùng đất hoang vắng.

Không có bàn tay con người cải tạo thiên nhiên, thiên nhiên cứ phải phát triển theo quy luật của mình. Hai nhánh của dòng Cửu Long: Tiền và Hậu âm thầm chở phù sa bồi đắp những cánh đồng nằm cạnh mình mà bỏ quên những cánh đồng phía xa. Cánh đồng Tân Phú, lòng chảo nằm giữa hai dòng sông Tiền và sông Hậu ít được phù sa bồi đắp lại không được dòng nước thông thương rửa phèn nên bị hoang hóa

Ngày lịch sử 30/4/1975 đã đổi thay cuộc đời người dân miền Nam, thay đổi cả “cuộc đời của vùng đất” Tân Phú.

Những người không nghề nghiệp hoặc sống bằng nghề mua gánh bán bưng, một số binh lính chế độ cũ... được chính quyền cách mạng giúp đỡ đưa đến cánh đồng bao la này lập nên xã Tân Phú vào cuối năm 1975. Những người đến Tân Phú mấy ai quen với cái cuộc, cái cày; mấy ai quen với việc cầm dao, cầm phảng chặt cỏ, phát sậy. Đứng trước vùng đất hơn nửa diện tích là lau sậy, bìm bìm, dầy rần rừ... cộng với thiên nhiên khắc nghiệt một năm thì 10 tháng nước phèn và cỏ thú, lòng người tránh sao khỏi ngao ngán. Đi hay ở? Câu hỏi ấy đặt ra trong lòng tất cả mọi người mới đến. Bỏ đi, để tiếp tục sống bấp bênh, nước sông, gạo chợ phải đong từng ngày. Ở lại thì liệu đất này có cho mình cái để ăn mà sống không? Cuộc đấu tranh “đi - ở” diễn ra trong lòng người quyết liệt. Một số người đã ngoảnh mặt với đất, ra đi không trở lại. Nhiều người kiên trì bám đất. Rồi kinh Tầm Vu, kinh xã Khánh và hàng loạt kinh rạch khác ra đời đưa dòng nước ngọt đến nơi này gột rửa phèn rong để lại những hạt phù sa nhỏ nhoi.

Ba năm sau cuộc sống tạm ổn, người với đất đã quyến luyến nhau. Nhưng chỉ thị thành lập “dãy nhà năm căn” đã đảo lộn cuộc sống của mọi người. Nội dung chỉ thị: Tập trung dân về ở dọc kinh Tầm Vu, một hộ được chia 25m² đất nền nhà. Thiết kế nhà kiểu lán trại, một cụm chia làm hai dãy đối diện nhau. Nền nhà cũ chưa lảng bóng dấu chân người, nền nhà mới lại đón về dấu chân cũ. Cây trồng quanh nhà cũ chưa kịp hái trái, mọi người đã vội bỏ tất cả để về nơi ở mới. Rồi tai họa của thiên nhiên ập đến. Nước lụt tràn về. Dân lại bỏ đi, con số lên đến một phần ba. Tình trạng này không thể kéo dài. Chỉ thị thành lập “dãy nhà năm căn” được hủy bỏ. Mỗi hộ nhận lại đất nền nhà và vườn 3000m².

Cuộc sống mới một lần nữa được bắt đầu.

Năm tháng đi qua, hiện tại cuộc đấu tranh trong lòng người đã chấm dứt nhưng cuộc đấu tranh giữa người với đất vẫn còn tiếp diễn.

Nếu sự đổi thay trong lòng người không diễn ra trong phút chốc thì sự thay đổi trong lòng đất không thể tính bằng năm tháng. Màu xanh cây trái chưa phủ đều quanh mọi nhà ở Tân Phú, đâu phải do người lười biếng không trồng tía, chăm sóc mầm non mà đôi lúc sức người không chống nổi với chất chua còn chứa trong đất. Muốn trồng một cây chuối, người dân phải đào hố sâu 4 tấc, đường kính 4 tấc, bỏ tro dưới đáy hố, lấy đất từ sông lên lấp kín hố cùng gốc chuối lại. Phải trồng công phu vậy chuối mới xanh màu xanh nguyên thủy của nó.

Thiên nhiên dù có khắc nghiệt đến vô cùng thì cũng phải cúi đầu khuất phục trước ý chí sắt đá của con người. Bằng chứng năm 1975, toàn xã có 120 ha đất sản xuất, nay đã có 1.140 ha. Từ chỗ Nhà nước phải cung cấp lương thực hoàn toàn, nay dân Tân Phú đã đủ ăn và làm nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước được 197 tấn. Hầu hết dân Tân Phú có đời sống ổn định. Số gia đình từ hai bàn tay trắng nay đã có cuộc sống sung túc, khá nhiều. Gia đình dì Út ở tập đoàn 6 thuộc lớp người như vậy. Ngày mới vô đây, gia đình dì gồm 9 người có 8 cái chén, không chiếu giường, phải trải manh bao dưới đất ngủ. Nền nhà dì ở có ba lớp sậy: sậy non, sậy già, sậy khô và nhiều rấn rít. Ăn hết lương thực Nhà nước cấp 3 tháng dì vẫn chưa khai phá được cục đất nào để trồng tía, vậy mà bây giờ dì có một cơ ngơi vững vàng. Căn nhà lá rộng, thoáng mát với đầy đủ vật dụng cần thiết. Dì không phải chạy lo gạo từng lon. Sắp tới đây 19 công rười khoai cho dì thu nhập khoảng 100.000 đồng. Đối với dì và bà con ở đây những khốn khó ban đầu đã trở thành kỉ niệm khó quên và có chuyện còn buồn cười nữa. Đó là những cây sậy già đã góp phần nuôi sống họ (bà con cùng nhau chặt sậy chõ ra Sa Đéc bán) hay chuyện “đào hang bắt chuột” suýt chết vì rấn cắn. Lúc ấy gia đình dì thường ăn cơm với muối, trong khi chuột ngoài đồng rất nhiều. Một hôm dì cùng đứa con trai 10 tuổi vác xuống đi đào chuột. Từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, dì mới đi đào chuột lần đầu nên không biết hang nào là hang chuột, hang nào là hang rắn. Dì đi thẳng ra đồng gặp cái hang miệng lớn tròn trên gò cao, xung quanh hang mặt đất lảng bóng. Dì nói với đứa con trai:

- Hang này chắc chuột lớn lắm đó con. Đào đi.

Hai mẹ con hì hục đào, một lúc sau dì đưa hai tay vô hang nắm chặt ngang cổ con rắn lớn có da đen như quần lãnh kéo ra từ từ. Đúng lúc ấy có một ông già đi ngang thấy vậy, đến bên dì nói:

- Con cứ đè mạnh cái cổ nó xuống đất, để chú chặt cái đầu nó về làm thuốc.

Hai tay nắm chặt cổ rắn ấn xuống đất, bụng cứ nơm nớp lo chắc ông ta là chủ đất, ông ta sẽ lấy luôn mình rắn nên đi năn nỉ:

- Chú lấy cái đầu, cho con cái mình nghe chú. Mấy ngày nay con của con ăn cơm với muối. Tội nghiệp tội nó quá!

- Ủ chú chỉ xin đầu về làm thuốc thôi. Con ráng giữ chặt để chú chặt đầu nó nghen.

Mình rắn dài hơn mét đã quấn ngang ngực đi. Ông già bình tĩnh lấy xuống chặt ngang đầu rắn. Xong xuôi ông ta bỏ xuống ngang xuống đất, mắt trợn lên, một tay túm lấy áo, tay kia tát vô mặt đi mấy cái liễn. Vừa tát tai ông ta vừa thét:

- Bây là vợ con nhà ai mà ngu dũ vậy nè? Vợ con nhà ai mà ngu dũ vậy hả? Bộ bây muốn chết hả?

Rồi ông lúi đi đến Ban Chỉ huy nông trường ở gần đó và hỏi mọi người:

- Nó là vợ con nhà ai mà ngu quá vậy? Suýt nữa toi mạng với con hổ đất này rồi. Không biết gì về rắn lại đi đào rắn!

Di đổi con rắn lấy một thùng gạo về nhà ăn và thầm cảm ơn ông già đã cứu sống mình.

Ở Tân Phú còn biết bao nhiêu chuyện trong những ngày đầu bà con mới vào đây lập nghiệp cũng như trong quá trình phát triển mà tôi không sao ghi hết được.

Từ trong gian khổ của cuộc đấu tranh để sinh tồn, con người đã trưởng thành. Bây giờ ở Tân Phú người dân đã biết cầm cuốc, cầm xuống... chẳng những đã biết mà còn thuần thục. Và tương lai không xa, những người này, chủ nhân của Tân Phú, sẽ mang lại cho nó bộ mặt mới. Trên đường về Thị xã Hoa Hồng tôi ao ước một ngày thật gần hoa hồng cũng sẽ nở khắp trên vùng kinh tế mới Tân Phú vào mỗi xuân sang.

Tháng 6/1986

L.N

Bộ đội về

NGUYỄN SƠN

- Không, không thể như vậy được. Đất Đồng Tháp này bộ hết rồi sao? Cứ đi khai phá như mọi người. Cớ sao để người ta làm sẵn rồi nhào vô? Không giao cho ai hết!

- Bảy, tám năm rồi, đồ biết bao mồ hôi nước mắt mới có hôm nay. Chớ bộ để ăn lấm sao?

- Miệt trên đó tao biết rành: gò nổng, lung bầu, đồng khô cỏ cháy, cọng năn còn còi, trồng tĩa gì được!

- Cái xứ đó...

Nằm ở phòng cạnh bên cạnh, đại úy Ba Trọng nghe hết mọi lời. Cũng chưa có gì quá đáng. Thời thì cứ để anh em hả lòng, vả lại lòng mình có yên ổn gì đâu! Đâu phải mọi ước mơ trên đời đều đạt được. Nhớ lại lúc đánh giặc Mỹ chạy rồi, dự tính sẽ ở thành thị cho khỏe, bù lại những năm tháng chiến đấu gian khổ và có dịp học hành cho xong Đại học Kinh tế Kế hoạch mà anh đã bỏ dở để đi B. Bạn bè tiếp tục học từ năm bảy mươi đến giờ, cô đứa đã thành kỹ sư, phó tiến sĩ, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Có đôi lúc anh muốn về Bắc để sống gần mẹ già.

Tính toán chưa vào đâu thì năm bảy mươi sáu anh lại được lệnh đi sản xuất. Người kém sức, thương tật đã đành, mình còn trẻ, khỏe sao không ở đơn vị chiến đấu. Thắc mắc trong lòng, nhưng cũng quảy ba lô đi về Đồng Cát để thành lập nông trường quân đội đầu tiên của tỉnh Đồng Tháp.

Tám năm rồi, từ buổi đầu về đây với hai bàn tay trắng. Nai lưng phát hoang, dọn đất, đào kinh... đồ biết bao công sức, có đứa bị chết vì cây dêm lật máy xuống đĩa... để hôm nay có được một ngàn héc-ta tràm,

năm trăm héc-ta lúa, bốn mươi bảy con kinh thủy lợi, máy móc, đường sá, cơ ngơi...

Trầm sấp thu hoạch sẽ là nguồn vốn lớn để thực hiện ước mơ xây dựng một nông trường quân đội kiểu mẫu: có kinh tế - văn hóa cao và cũng là pháo đài phòng thủ vững chắc. Đêm khuya rồi mà anh vẫn nghe tiếng nói ở phòng bên kia còn vọng qua:

- Cái bữa tao nghe giao nông trường cho Sở Nông nghiệp còn bộ đội đi về Giồng Găng cứ tưởng như pháo nổ trúng nắp hầm.

- Chơi vậy là ép mình lắm. Tưởng đâu giao rồi mình đi đánh giặc. Ai ngờ lên Giồng Găng phát hoang, làm lại từ đầu.

Có những chuyện ngẫu nhiên, tưởng như là một sự sắp xếp đến diệu kỳ. Mới vừa được lệnh bàn giao nông trường thì ít hôm sau anh lại được thư chiêu sinh của Quân khu gọi đích danh đi học ở Học viện Quân sự, đào tạo cán bộ trung cao.

Đi học để có "cửa" lên... và cũng có dịp xa cái vùng phèn chua giảm tuổi thọ này. Nhớ có lần một kỹ sư Hà Lan đi tham quan nông trường hỏi anh: "Chính phủ Việt Nam trả công cho giám đốc bao nhiêu tiền độc hại vì phèn". Họ hỏi vậy chớ anh nào nghĩ đến chuyện đó.

Anh cứ yên dạ đợi ngày đi học. Nhưng một hôm đồng chí Hai Tốt, Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đến gặp và nói một cách chân tình: "...Tìm người đi học ở Học viện Quân sự thì có nhưng tìm người làm giám đốc nông trường thì khó quá. Bộ Chỉ huy cần đồng chí ở lại làm Giám đốc Nông trường Giồng Găng. Nơi đây có tiềm năng kinh tế lớn, đây cũng là bao tử của bộ đội Đồng Tháp...". Những lời động viên của đồng chí Hai Tốt đã đưa anh đến quyết định: Tiếp tục đi về vùng đất mới mà mình biết sẽ có nhiều khó khăn, nhưng có khó khăn nào mà người lính chẳng vượt qua!

Bàn giao Nông trường Động Cát cho Sở Nông nghiệp xong vào khoảng tháng tư năm tám tư. Một trăm tám mươi chiến sĩ lại quảy ba lô lên đường đi về Giồng Găng. Mỗi người vác theo hai cây trầm cừ. Đến điểm các anh liền cắt giàn bầu, cắt cỏ phủ lên làm chòi. Cái nắng ở đất cát nóng đến cháy da, đồng khô khốc phải đi năm kí lô mét mới có nước chua lờ lợ, chiều xuống quơ tay chộp được muối, gạo trắng nấu nước phèn cơm trở thành màu đen, ăn vô sôi ruột liên miên. Ngày chịu biết bao cơn lốc cát bay ngập đầu, tối lại nằm đất. Nhà dân lúa thừa, sống như

biệt lập... Bởi những gian lao đó nên mỗi đêm có từ hai đến ba mươi chiến sĩ đào ngũ. Anh em viết thư để lại: “Khó khăn quá em không thể sống được, súng đạn em để tại trực ban. Thủ trưởng và anh em ở lại mạnh khỏe...”. Chỉ trong tháng đầu, ở đây có người sụt đến năm ký!

Đại úy Phạm Ngọc Trọng, Giám đốc Nông trường ngẩng lên nhìn ra ngoài trời, đôi mắt xa xôi:

- Đấy, cái khó khăn ban đầu ở Giồng Găng vậy đó - Rồi anh nhìn sang tôi nói tiếp - Còn thực tế hai năm qua, chúng tôi sẽ đưa anh đi tham quan nông trường.

Anh pha bình trà mới và mời tôi. Nãy giờ tôi bị cuốn hút theo câu chuyện nên chưa có dịp nhìn kỹ anh. Anh có khổ người trung trung, gương mặt lạnh lợi, tác phong nhanh nhẹn, đã nhiều năm sống với nước phèn nhưng da vẫn trắng. Đêm đó chúng tôi ngồi với nhau đến khuya. Qua thăm hỏi được biết quê anh ở mãi miền trung du Bắc bộ, anh tình nguyện đi B từ năm bảy mươi, về đến miền Nam tăng cường cho d502 (Đồng Tháp). Anh cũng là một tay xạ thủ M79 rất cừ.

Tháng tư năm bảy hai trong trận phục kích đánh một đại đội ngụy tại ngã tư kinh Kỳ Sơn (xã Ba Sao). Lúc địch còn hơn hai mươi tên co cụm dưới đĩa, bắn trả quyết liệt, anh dùng M79 bắn vòng cầu, ngay trái đầu rơi trúng giữa đĩa... Bồi thêm trái nữa, trái nữa... đến phát thứ ba súng địch im bật. Anh thét xung phong. Mười hai tên giặc sống sót đầu hàng, mười lăm tên nằm tại chỗ. Nghi ngờ địch giả chết, anh ra lệnh bắn bồi thêm mỗi tên một viên. Bỗng từ trong đám giặc bật dậy năm tên đưa tay đầu hàng. Ta bắt sống mười bảy tù binh, diệt gọn một đại đội địch. Trận này anh được tặng bằng khen.

Năm bảy sáu mới vào Động Cát, anh là thiếu úy Phó phòng Kế hoạch, rồi lên Trưởng phòng, rồi Phó giám đốc. Đến năm tám mươi hai anh là Giám đốc nông trường.

Ngoài anh Ba Trọng ra, tôi còn may mắn gặp lại anh Hạo (tức đại úy Chín Hứa, Phó Giám đốc nông trường), quen anh trong dịp cơ quan Tuyên huấn của chúng tôi về đóng tại xã Thiện Mỹ (Ba Sao huyện Cao Lãnh ngày nay) thời kháng chiến chống Mỹ. Anh đi làm du kích rồi lên Xã đội phó sau đó về bộ đội chủ lực. Anh đối xử với anh em thật hiền hậu nhưng đánh trận lại nhanh nhẹn và hết sức dũng cảm. Anh tham gia trên năm mươi trận, gần hai trăm vết thương lớn nhỏ trong người. Bây

giờ người chiến sĩ gan dạ đó đang ngồi trước mặt tôi vẫn giọng nói ôn tồn, vẫn gương mặt nhân hậu. Anh đi vào cuộc chiến đấu mới, mặt trận sản xuất, xây dựng kinh tế chiến thắng kẻ thù nghèo đói. Có một sự kính nể dậy lên trong tôi.

Đêm đầu tiên ở Nông trường Giồng Găng, tôi chìm sâu trong suy nghĩ, bao hình ảnh anh bộ đội lướt qua đầu: Những năm tháng chiến đấu với kẻ thù, người chiến sĩ luôn giáp mặt với cái chết, phải đối phó với biết bao hoàn cảnh khắc nghiệt, có đôi lúc “tưởng như ngã quy”; Nhưng có cái gì và sức mạnh nào đã làm cho họ đi hết trận này đến trận khác. Phải chăng đó là lòng căm thù giặc và tình yêu quê hương đất nước? Ngày nay, ở bên kia biên giới họ còn đang tiếp tục đi giữ yên lành cho đất mẹ và ở tại nơi đây họ đang...”. Tôi đi vào giấc ngủ không bình thường.

Nông trường Giồng Găng, một rẻo đất hai ngàn héc-ta nằm lọt giữa vùng đồng trũng Tháp Mười, cách biên giới Việt Nam - Campuchia 15 km và từ thị trấn Hồng Ngự đi theo kinh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng (còn gọi là kinh Trung Ương) 19 km.

Mảnh đất anh hùng với Gò Quản Cung - Giồng Thị Đam, nơi xảy ra trận đánh lấy lòng trước phong trào Đồng Khởi ở miền Nam.

Thiên nhiên đã tạo cho Giồng Găng một sắc thái riêng. Nằm giữa đồng bằng bao la mà lại lồi lõm với những gò cao và trũng xuống với bưng, bầu tạo thành túi đọng phèn đậm đặc, là “vương quốc của lúa trời”.

Trước kia bà con phá từng lổm trên gò để trồng cây lúa nước được một công ba, bốn gia.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, quân đội về thành lập Nông trường Giồng Găng với diện tích trồng lúa 190 héc-ta và Nông trường Cô Đông rộng 300 héc-ta, làm độc canh một vụ lúa nổi. Năng suất bình quân từ một tấn đến một tấn hai trên một héc-ta.

Các anh về đây đúng vào thời vụ nên bắt tay ngay vào vụ mùa trên diện tích có sẵn của Cô Đông và Giồng Găng cũ giao lại. Năm đó bị lụt nên thất trắng.

Thất bại ban đầu, một phần do thiên tai một phần do chưa hiểu vùng đất mới nên áp dụng kỹ thuật chưa hợp.

Có phải để ăn đâu! Tôi lắng nghe anh nói về vùng đất, về kỹ thuật canh tác, phân, giống, thời tiết... áp dụng cho hái vụ mùa qua mà trong đầu cứ nghĩ: Anh như một kỹ sư địa chất, một lão nông vi điền, nhìn trời biết gió, đoán mưa.

Giồng Găng bây giờ khác xưa rồi. Mở thêm đất ruộng đến 700 héc-ta, năng suất bốn tấn rưỡi một héc-ta. Cây đậu phộng qua hai mùa trồng thí nghiệm cho thấy một vụ màu bằng ba vụ lúa mà khỏi sợ lũ lụt. Diện tích màu lên đến 100 héc-ta. Năm tám sáu, nông trường sẽ khoán cho bà con làm xen canh một vụ lúa, một vụ màu đại trà. Cây lúa ngắn ngày đã có mặt trên đất nông trường nhưng chưa hội đủ điều kiện phát triển “chắc ăn”.

Giồng Găng đặc biệt có đồng cỏ mồm, cỏ mốc, nông trường quy hoạch chăn nuôi trâu bò. Chỉ hai năm ngắn ngủi mà đàn bò lên đến 100 con, hướng tới phát triển đến 400 và đàn trâu 100 con.

Hôm sau, chúng tôi đi thăm Đội lâm nghiệp đóng trên bờ kinh Cô Đông.

Thượng úy Trang Thanh Tuấn, đội trưởng kể với chúng tôi: “...Đầu năm đưa vào 25 quân, hai đêm sau đào ngũ mất 21 quân. Mùa này, ngoài đồng đội ra, lính chỉ còn làm bạn với loài chim nhạn ngày ngày lượn dọc kinh tìm bắt cá. Anh em thường nói chơi với nhau: “Cô Đông đâu chẳng thấy chỉ thấy cô đơn”.

Thiên nhiên khắc nghiệt, nhưng bù vào đó cá, lươn, chim, rắn, chuột có quanh năm. Tôi đã có dịp thưởng thức món chuột nướng, úp trách, khìa, xào. Lính ở đây lấy thịt chuột thay thịt heo, họ sáng tác thêm món thịt chuột nấu cháo và nấu hủ tiếu.

Tràm có ba lứa tuổi, mỗi lứa là một tầng xếp nối tiếp nhau, ở xa trông giống như những bậc thang khổng lồ đi lên cổng trời. Nước trong veo, nhìn suốt dưới độ sâu hai mét thấy tràm con mới sạ vài tháng, giống như cây rau răm đang tựa thân vào rong và cỏ cố ngoi lên. Khi lũ xuống nó lớn nhanh phơi phới. Bộ đội nói đùa, cỏ đi hoang để bật lên 655 héc-ta tràm. Năm tới, nông trường không những sạ thêm 200 héc-ta theo quy hoạch mà sẽ đưa cây tràm lấn mãi đất hoang. Thượng úy Tuấn lòng đầy phấn khởi nói: Tràm nhú lên là tiền nhú lên. Năm nay nếu cần nộp về trên một triệu đồng, thì nông trường chỉ ra công nhỏ bán một triệu rưỡi tràm con sẽ đủ.

*Tháp Mười nước mặn đồng chua
Nửa mùa nắng cháy nửa mùa nước dâng.*

Dường như con người, cỏ cây ở đây đã tạo cho mình một sức sống, một cách sống thích nghi với thiên nhiên nghiệt ngã.

Buổi sáng, chúng tôi đi dọc trên một đoạn đường dài 7 km nằm trong khu vực nông trường. Mặt đường rộng 8 mét, có đoạn chưa đủ kích thước nhưng có điều là nước không ngập. Ở cái xứ mà trước đây hằng năm vào mùa nước nổi cứ mỗi bước di chuyển đều phải cần xuồng. Bây giờ các bé không còn co ro trong nhà mà được tung tăng chạy nhảy ngoài đường. Tôi gặp anh thanh niên đang uốn éo cái lưng trần trên chiếc xe đạp thật khó nhọc nhưng nét mặt rạng rỡ. Tôi như vui lây cùng mọi người...

Vừa đi anh Ba Trọng vừa kể: “Nhớ lúc mới về đây đất trống trơn, có hòm dụn cơm ra bị một cơn gió cát bay vô chén như rắc tiêu. Nắng cháy da, không có bóng mát, vấn đề tạo môi sinh thật cấp thiết. Hai năm qua chúng tôi trồng được một triệu cây đủ loại, sắp tới sẽ trồng sáu triệu cây trong khu vực thổ cư của nông trường để chắn gió, chắn cát, vừa tạo địa hình che khuất chiến đấu khi có giặc”.

Tại tôi bỗng nghe có tiếng chim trảo kêu trên cây. Khi người lính về, cây dừa, cây mít, vú sữa, măng cầu, chuối cũng theo về, tiếp đến là các loài chim ăn trái.

“Tôi chưa kể cho anh nghe về con cá. Hằng năm cứ vào đầu mùa nước, cá non từ thượng nguồn sông Mê-Kông trôi theo nước xuống, cá ở bưng, trấp Campuchia ngập đồng tràn qua và cá ở tại chỗ, tạo thành nguồn cá tự nhiên dồi dào. Mỗi năm nông trường thu hoạch cá bằng một phần ba lúa, chưa tính cá nuôi, sắp đến sẽ giao hằm cá tra bột năm mươi ngàn con, một con trên 1 kg; đã có quy hoạch đưa máy ủi lên để bao quanh khu vực Bầu Dong nuôi lươn và khu vực Gáo Lồng Đèn kéo dài đến kinh Phú Đức nhử và nuôi cá đồng”. - Anh Ba Trọng nói tiếp.

Chiều qua, tôi đến cơ sở làm gạch nằm trên kinh K12. Hai lò nung kiên cố đã được xây xong, tiếp tục xây thêm một lò nữa để đảm bảo kế hoạch sản xuất một triệu viên năm. Tuy gạch, ngói chưa ra lò mà hồn tôi đỏ tươi màu ngói mới trên khắp nông trường.

Qua vòm kinh Phú Đức trăm mét là công trình nhà máy xay. Người ta cố ý đặt nó nằm giữa hai kho lúa có sức chứa 1.200 tấn. Nhà máy có năng suất 10 tấn ngày, xay gia công giá hạ để lấy trấu đun lò gạch.

Hai công trình sẽ khánh thành nhân kỷ niệm 42 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12/1986.

Bên kia đường những chiếc máy cày đã được tu sửa hoàn chỉnh đang đậu trong nhà, đợi mừng 2 Tết Nguyên đán ra đồng. Ngày mùa, lính lái máy cày thực hiện khẩu hiệu: “Tranh thủ ngày nắng, chiến thắng ngày mưa, đi sớm về trưa, không chừa chủ nhật”. Với 34 chiến sĩ, 12 máy cày, 3 máy ủi DT75, đội cơ giới đảm bảo kịp thời vụ xuống giống và ủi đất làm gạch. Máy hàn, máy tiện hoạt động thường xuyên, lính thợ đảm bảo sửa máy nhanh để trả máy về đồng.

Qua khỏi Đội cơ giới đến khu nhà dân. Gặp bác nông dân niềm nở mời chúng tôi vào nhà uống nước.

Bác vừa rót nước vừa hỏi thăm khách.

Giới thiệu tôi xong, anh Ba Trọng nhìn sang chủ nhà nói hết sức thân mật:

- Giới thiệu với anh Tư, chú Tư Ngành nông dân cố cựu cũng là “trùm sò” ở đây đó.

Tôi nhìn có ý dò xét, chú Tư gần 60 tuổi, mặt vuông, da màu đồng, đầu búi củ tỏi.

Chú nhanh miệng:

- Nói thiệt với chú em, “qua” là nông dân rất ở đây lâu đời. Công việc làm ăn “qua” tính kỹ lắm nên có người gọi “qua” là “trùm sò”. Chớ “qua” thấy chú Ba tính còn “chê nước” hơn “qua” nữa. Chú làm kinh tế thôi khỏi nói.

Trong lúc anh Ba Trọng bận trả lời cho cô bác về phương thức khoán heo, bò, chú Tư nghiêng người nói riêng với tôi:

- Năm rồi học theo chú Ba, “qua” trồng đậu phộng trúng lắm. Hộ không hà chú Tư ơi. Hai công được 30 tạ. Lúc rày đậu phộng giá 1.200 đồng một tạ. Thấy ham quá, năm tới “qua” nhận khoán thêm 15 công nữa.

Chú Tư như được trôn hăng say nói tiếp:

- Trồng đậu phộng xấp đất và mình có bón phân cho đậu nên sau đó sạ lúa xuống, nó tốt “một cái y chang như một”.

Tiếp tục đi, chúng tôi gặp chú Bảy Phước đang sẫm soi mấy con bò. Vừa thấy chúng tôi chú Bảy khoe:

- Được 2 nghé, giống bò bê lớn con lắm!

- Chú nhận khoán mấy con? - Tôi hỏi.

- Bốn con cái, hồi tui nhận nó có chữa rồi. Mới 6 tháng nay, được 2 con nghé. Còn 2 con kia - Chú đưa tay chỉ 2 con bò cái cột dưới bóng tre - Một tháng sau thêm được 2 con nghé nữa. Chia đôi với nông trường tôi được 2 con. Ham quá chú ơi! - Rồi giọng như tâm sự - Làm nông dân, muốn có trâu bò để cày ruộng nhưng mình nghèo đâu có vốn, nhờ chú Ba về đây cho tui tui nhận khoán. Chịu cực vài ba năm mình có bò cày.

Về đến Văn phòng Ban giám đốc có khoảng 20 người đang đợi anh Ba Trọng.

Bà con đến xin nhận khoán đất, trâu, bò... Có cả dân các xã Tân Công Chí, An Bình, Phú Hiệp đến xin đất thổ cư để dời nhà về đây nhận khoán. Tôi nghe một cặp vợ chồng sau khi ký hợp đồng nhận khoán phấn khởi nói: “Nông trường lo cho dân như mẹ lo cho con”.

Tôi vừa lắng tai nghe chuyện vừa theo đuổi hình ảnh bất chợt sống dậy trong tôi, những năm tháng kháng chiến ác liệt, bom đạn của Mỹ - nguy cày nát xóm làng. Bà con nông dân dẻo dai bám trụ cùng phối hợp chiến đấu diệt giặc, chia sớt cho bộ đội từng chén cơm, hạt muối. Bà con trong vùng bị địch tạm chiếm đã mưu trí, len lỏi đem lương thực, thuốc uống cả đạn dược đến cho bộ đội. Họ không sợ tù đầy, chết chóc. Bộ đội sống trong sự đùm bọc của bà con, thật là “quân với dân như cá với nước”.

Ngày nay bà con đến với nông trường quân đội để xin đất thổ cư, nhận khoán đất ruộng, trâu bò, heo... “Đôi bên cùng có lợi”, có gì đâu mà họ thấy đó như cái ơn lớn.

Tôi đã qua Nông trường Động Cát, nhìn những cái xây dựng hôm qua như còn ươm mầm hời bộ đội. Và đi trong thực tại của Giồng Găng, cũng chính những con người này đã làm đồng hoang bạt dậy những mùa vàng. Cuộc sống ở đây bây giờ không có gì có thể đảo ngược được. Bộ đội về đuổi xa ám ảnh về cái đói và đang đưa mơ ước lên cao.

Tháng 10/1986

N.S

Nông trường vùng biên giới

HỒNG PHƯƠNG

Giám đốc Nông trường Thanh niên Quyết Thắng là một thanh niên trẻ, tuổi đời chưa đến ba mươi, dáng người dong dỏng, có nước da trắng pha một chút rạm nắng. Gương mặt luôn nở nụ cười.

Sự trẻ trung và nhất là cái dáng thư sinh, nếu chưa được tiếp xúc hoặc chưa được giới thiệu chắc chắn ai cũng nghĩ Sáng là một thầy giáo hơn là một Giám đốc nông trường.

Tôi trầm tư, e ngại. Không chỉ vì vượt hàng trăm cây số với những đoạn đường không được bằng phẳng, rồi phải ngồi trên chuyến đò mất khoảng ba tiếng đồng hồ mới đến đây mà tôi ngại chuyến đi thực tế lần này có đạt như mục đích kế hoạch mình đề ra hay không?

Chừng như đoán được ý nghĩ của tôi, Vũ - Chỉ huy lực lượng thanh niên xung phong tỉnh hồ hởi nói:

- Anh ngại phải không? Cứ yên chí, mọi việc đâu sẽ vào đó. Yêu cầu của anh sẽ được đáp ứng thỏa mãn thôi. Thực tế nông trường chứng minh. Bọn mình toàn cánh trẻ không mà. Anh có nhớ không? Trước đây tôi, anh cũng là thanh niên xung phong. Tỉnh giải thể lực lượng. Anh học tiếp, tôi chuyển sang công tác Đoàn. Năm 1985 thanh niên xung phong tỉnh lập lại, tôi được điều về đây. Dường như trúng gu anh ạ. Tụi mình làm ăn khấm khá lắm.

Trời tờ mờ sáng, tôi còn đang trùm mền, mơ hồ từ đâu vọng lại tiếng cười nói lao xao, những âm thanh của nổi thau va chạm. Tôi bật ngồi dậy cố xua đi cái lạnh rất ư khó chịu của những trận mưa cuối mùa. Thì ra sự huyền ảo ấy là thời điểm bắt đầu cho một ngày làm việc ở

nông trường. Nhanh chóng vệ sinh cá nhân rồi tôi thắp tùng theo Vũ, Sáng ra ruộng đồng.

Nông trường Thanh niên Quyết Thắng có hình dáng giống như một hình tam giác. Phía đông giáp kinh Hồng Ngự - Long An, phía tây giáp ấp Rọc Muống, phía nam giáp rạch Trám Muối, phía bắc giáp với kinh Sa Rài. Sự qui hoạch với những con kinh nhân tạo sẽ tạo điều kiện chủ động tưới tiêu cho 1.257 héc-ta diện tích của nông trường.

Rời nông trường bộ, chúng tôi đi về phía nam nông trường. Phải xắn quần lội ngang con kinh cấp II, dẫn từ kinh Hồng Ngự - Long An xuyên ngang nông trường. Sang bờ bên kia, đi dọc theo kinh máng nổi. Bề rộng của bờ bao rộng gần một mét rưỡi với độ cao không cao lắm. Mặt đất chưa được bằng phẳng. Nắng gió làm cho mặt đất nứt nẻ. Mãi mê ngắm màu xanh của lúa, tôi hết hụt chân này lại hẫng chân kia rồi đá vào những mô đất đầu đống, tụt lại tuốt phía sau.

Vũ và Sáng bước đi thật đều đặn và thoải mái, tay chỉ bên này rồi lại chỉ bên kia. Thịnh thoảng dừng lại chờ tôi sóng bước.

Chẳng bao lâu chúng tôi đã đến căn nhà của Đội sản xuất. Tiếng cười nói lao xao của nhiều người át cả tiếng máy bơm gần đó. Càng xa nông trường bộ, màu xanh của lúa càng cuốn hút tôi. Mệt mỏi dường như tan biến. Như có một sức đẩy, tôi nhanh bước về phía có tiếng cười.

Nói nhà cũng chưa phải, đúng hơn là một cái trại. Mới mẻ quá mà. Nông trường bộ - bộ mặt của nông trường cũng còn quá đơn sơ. Văn phòng Ban Giám đốc vừa là nơi làm việc, vừa là chỗ nghỉ ngơi, đồng thời cũng là nơi tiếp khách.

Được vậy đã là khá, dù trước đây Sở Nông nghiệp đã cố gắng xây dựng cho nông trường về cơ sở vật chất, nhưng các anh cũng gặp nhiều khó khăn. Tháng 8/1985 lực lượng Thanh niên xung phong tiếp nhận nông trường với một cơ sở vật chất khá khiêm tốn: 9 chiếc máy cày, 3 chiếc DT. Trong đó còn sử dụng được 4 chiếc. Nếu sửa chữa bằng số phụ tùng bàn giao chỉ được một chiếc hoàn chỉnh. Tiếp nhận gần 100 cán bộ, công nhân viên được bàn giao lại đã khó, đơn vị đưa thêm một đại đội Thanh niên xung phong mới nữa càng thêm gay go. Ăn nghỉ tập trung trên ba gò. Nhà cửa tẹp nhẹp. Nhiều cái khó dồn đến. Anh em mới đến cứ nghĩ mình đi cải tạo lao động chứ không phải đi làm nghĩa vụ kinh tế. Thái độ bất mãn hiện

lên rờ nét. Nhiều đồng chí đã rời bỏ đơn vị ngay trong ngày đầu. Với số lượng người đông như vậy mà trong tay Ban Giám đốc chỉ nhận được 57.818 đồng do Ban Giám đốc cũ bàn giao lại. Ở cái xứ:

Tháp Mười nước mặn đồng chua

Nửa mùa nắng đốt nửa mùa nước dăng

Không có tiền có của mà xây dựng cái quái gì(?). Lúa không đủ ăn, phải chạy vay tiền mua từng giạ, hưởng hồ gì đến cải tạo ruộng đồng.

Nói không quá, hầu như tất cả phải làm lại từ đầu. Nhưng phải bắt đầu từ đâu? Đó là một câu hỏi bao quát, đồng thời cũng là trọng tâm để Ban Giám đốc mới tìm hướng giải quyết.

“Tư tưởng không thông, lông công xách không nổi” - Đó là lời của một đội viên bất mãn từ những ngày đầu tâm sự với tôi. Và Ban Giám đốc cũng đã phát hiện ra vấn đề từ đó.

Giáo dục. Nhưng đâu thể nói chính trị suông. Một mặt đả thông tư tưởng, mặt khác phải lo tới cái ăn cái mặc của anh chị em. Không phải ngẫu nhiên, sau khi bàn giao nông trường, nhiều cán bộ, công nhân viên cũ đã chuyển đi nơi khác. Trước hết phải lo cái nhà. Ông bà mình chẳng phải thường nói “an cư rồi mới lạc nghiệp” đó sao. Dù chưa có những dãy nhà ngói và mỗi người một chiếc giường, nhưng với 20 ngàn lít dầu chạy ngược chạy xuôi, nông trường san lấp được mặt bằng, xây dựng một số cơ ngơi, cải tạo hai mươi bảy ngàn mét khối đồng ruộng. Đời sống anh chị em bước đầu được ổn định.

Sáng tâm sự:

- Nói về cái khó thì có trăm ngàn. Như anh biết, tuổi trẻ dám mình đâu có ngại. Làm tới. Có ai khôn từ trong bụng mẹ. Phải học thôi. Nhiều người ngán vào đây lắm. Tụi mình nghĩ, bà con nông dân ở đây làm được chắc tụi mình cũng làm được. Mỗi người ở một nơi và có hoàn cảnh khác nhau mà phải hợp lại thành một khối thống nhất thật là khó. Cực khổ mình chẳng sợ, sợ nhất là có gắn kết được anh em ở lại mảnh đất này không? Những ngày tháng đầu nhận nông trường tụi mình rối bời. Ruộng thì nước mênh mông như biển, sào thọt xuống đã lún quá nửa cây. Trời thì cứ mưa như trút nước. Đó là những thử thách buổi đầu đối với những người đi mở đất. Ổn định tư tưởng anh em xong, lại bắt tay ngay vào công việc. Tự mình nuôi mình đâu để Nhà nước nuôi mình mãi. Qui

hoạch lại đất đai. Cải tiến phong cách làm ăn. Chạy vay nguồn vốn. Đợi kinh phí từ trên rót xuống biết đến chừng nào. Anh biết không, đến lúc có kinh phí muốn lấy tiền từ ngân hàng ra đâu phải là dễ. Muốn nhận được tiền nhanh phải chi nhiều khoản bất hợp lí...

Ngoài những điều vừa nói, tôi còn biết thêm, nông trường gặp khó, địa phương cũng vậy, nên có lúc các đồng chí có trách nhiệm chỉ đạo cho ngân hàng huyện không giải quyết tiền mặt cho nông trường vì đây là đơn vị của tỉnh. Phòng Y tế không khám và trị bệnh cho anh chị em. Việc cấp phát vật tư nông nghiệp phải chuyển qua nhiều khâu: Tỉnh rót xuống huyện, huyện không cho nông trường nhận mà lại chuyển về xã gây khó khăn cho thời vụ.

Từ giã anh em ở Đội sản xuất chúng tôi tiếp tục đi thăm đồng ruộng. Mù sương đã tan và những hạt mưa phùn cũng dứt hẳn. Nắng sớm mai thật sự mang sự ấm áp đến với mọi người. Chúng tôi đi trên bờ bao kinh cấp II, con kinh chia hai phần đất khu vực trồng lúa hai vụ. Trên đường đi, chúng tôi nhận được tiếng chào mời nồng nhiệt của anh em đội viên và của bà con đến nhận đất khoán.

- Chú Tư đi thăm đồng hả?
- Anh Tư về hồi nào vậy?
- Ghé đây uống ly trà chú Sáng.
- Làm điều thuốc, anh Tư ơi.

Và từ đó tôi suy ra, yếu tố tình cảm, cách đối xử của Sáng đối với anh chị em, bà con đã buộc chặt họ với nhau ở vùng đất Tân Công Chí này.

- Nông trường mình làm được bao nhiêu héc-ta lúa hai vụ? - Tôi hỏi Sáng.

- Ba trăm năm chục.
- Mùa rồi?
- Toàn lúa một vụ.

- Vậy có đủ lương thực cung cấp cho nông trường không?

Từ sự trầm tư nghĩ suy bỗng nhiên đôi mắt Sáng hiện lên một niềm tin, anh giới thiệu với tôi một cách khiêm tốn:

- Anh coi đất này toàn đưng và cỏ. Thú thật lúc mới vào đây tôi cũng ngán lắm. Nhưng chẳng lẽ chịu thua cuộc. Cái khó là phải biết làm cái gì đó có lợi trước mắt. Có khi cấp trên cho mình cái này nhưng xét thấy yêu cầu chưa cần thiết, cái nào làm lợi trước mắt là làm. Biết là sai nguyên tắc nhưng chẳng lẽ nằm đó chờ chết hay sao. Cách làm ăn của mình là khoán sản phẩm. Đơn vị nào vượt khoán được thưởng. Do đó, đời sống anh chị em càng lúc được nâng cao. Vụ mùa vừa rồi ngoài việc lo cái ăn cái mặc, chuẩn bị giống má, bọn mình còn làm nghĩa vụ về trên một ngàn hai trăm tấn lúa. Anh em tự chế ra dàn trang đất, giảm được 75% chi phí lao động. Sáng kiến dùng máy Ko-le 4 làm máy phát cỏ tăng năng suất gấp 15 lần. Đàn trâu bò của tui tui được mấy trăm con, hàng trăm con heo, mười ngàn con vịt. Để cải thiện đời sống, anh chị em nuôi được hai mươi ngàn con cá... Hầu hết tự cung tự cấp. Nước mắm mình ăn đó, anh thấy có ngon không? Nông trường có hai miệng máy, cá bắt được cung cấp cho xưởng chế biến nước mắm. Bên kia bờ kinh Sa Rài nay mai sẽ xây thêm xí nghiệp than bùn. Nói không quá lắm, mảnh đất này thực sự gắn liền với tuổi trẻ chúng mình. Hàng năm anh em có mười lăm ngày phép, nhưng ít ai đi trọn vẹn, chỉ mười đến mười hai ngày đã trở về đơn vị. Bà con ở đây thương lực lượng mình lắm.

Chúng tôi tiếp tục đi trên ruộng đồng, gặp anh em thì học sửa lại bờ ven. Tôi đến làm quen.

- Anh vào nông trường bao lâu rồi?

Như một cái máy anh trả lời ngay:

- Từ đầu anh ạ.

- Quê anh ở đâu?

- Nha Môn.

Tôi bật ứng khẩu:

- Gà nào hay bằng gà Cao Lãnh, gái nào bảnh bằng gái Nha Môn.

Anh cười xòa lộ cả hàm răng trắng đều như hạt bắp và nói:

- Đâu cổ dữ vậy anh!

- Vậy ông bạn có thường về quê thăm nhà không?

- Ít lắm.

- Không nhớ nhà à?

- Nhớ chứ, dần dần cũng quen thôi. Lúc mới vào đây chán lắm, em muốn đào ngũ phức cho rồi. Nói đi làm nghĩa vụ xây dựng kinh tế gì đâu mà như bị đi đày - Anh trầm giọng nói tiếp - Nhưng chuyện đời đâu có đơn giản. Thật tình mà nói các anh trong Ban Giám đốc, Ban Chỉ huy lực lượng làm công tác chính trị hay lắm. Nghe anh Bảy Thái, anh Vũ, anh Tư nói chuyện mê lắm. Các anh phân tích, giảng giải về trách nhiệm, nói những điều hay lẽ phải, dần dần bọn em mới thấy được trách nhiệm của mình. Vả lại sống lâu ngày cũng quen. Cái tình đồng đội dường như bị thôi miên, xa lâu không được. Về nhà đôi bữa em vọt ngay vào nông trường. Tuy cực nhưng sống có tình có nghĩa. Ở đây, không phải chỉ riêng có tụi em mà còn có nhiều anh em tình nguyện khác nữa. Anh gặp anh Lương Tuấn Khải rồi chứ. Cái anh Trưởng phòng Tổ chức nông trường đó mà. Gốc ảnh là giáo viên cấp II, có người thân sống ở nước ngoài. Được bảo lãnh và có giấy xuất cảnh nhưng ảnh không đi, tình nguyện xin vào nông trường. Nhìn cánh đồng anh thấy khoái không? Người ta nói ở đây làm lúa 2 vụ không được nhưng tụi em làm được. Cây lúa vẫn lên xanh đồng. Năm tới tụi em còn trồng mía nữa.

Chia tay với người đội viên vui tính, tôi tiếp tục tìm hiểu thêm ở Sáng.

- Anh phá vỡ cái thế độc canh có bị phản ứng gì không?

- Không đến nỗi, cái khó nhất là ở niềm tin. Đất này từ trước đến nay của nông trường. Mỡ đất buổi đầu không bị phản ứng như ở Nông trường Láng Biển. Lấy lực lượng trong nhà là chủ yếu, sau đó phát động rộng rãi trong bà con nông dân. Chỉ sợ thất bại, chứ kết quả tốt ngại gì bà con không ủng hộ.

- Nông trường khoán toàn bộ?

- Khoán tất cả, trồng trọt lẫn chăn nuôi.

- Khoán bằng cách nào?

- Với bà con mình khoán 4 khâu. Nông trường chịu trách nhiệm san lấp, cây vớ, kỹ thuật gieo trồng, tưới tiêu, đầu tư và bảo vệ thực vật.

- Cuối mùa nộp cho nông trường bao nhiêu?

- Mười gia một công.

- Trong lực lượng?
- Nông trường chịu hết.
- Khoán nộp lại?
- Cũng mười gia.
- Số dư ra?
- Anh em hưởng và bán giá thỏa thuận.
- Thế anh không sợ thiệt thòi à?
- Thiệt thòi cái nỗi gì. Sản phẩm anh em làm ra anh em hưởng. Mình chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu cho đời sống của họ thì mình tạo điều kiện cho anh em làm.

- Còn bốn trăm hai chục héc-ta lúa một vụ?
- Bọn mình sẽ làm trong những vụ mùa tới và phát triển cây công nghiệp ngăn ngừa kết hợp với phát triển chăn nuôi tăng đàn gia súc. Làm phải chắc ăn anh ạ.

Sáng kể tiếp:

- Ở đây có nhiều cái hay lắm, mình vốn là học sinh, đầu tiên gia nhập công an, do sức khỏe yếu mình xin chuyển công tác về Tỉnh đoàn. Thanh niên xung phong thành lập, mình vào đây. Lúc ấy anh Vũ làm Chỉ huy trưởng kiêm Giám đốc nông trường. Ngại lắm. Có biết gì đâu. Hồi nhỏ đi học rồi làm công tác chính trị, hiểu quý quái gì về công tác kinh tế. Mình lân la tìm hiểu vùng đất, học tập cách làm ăn của bà con và từ đó kết hợp tri thức của bản thân áp dụng vào thực tiễn. Việc trồng cây bắp xen với cây lúa cũng thật lạ. Cây xong tĩa cây bắp xuống trước, sau đó sạ lúa. Hai cây lên song song. Thu hoạch bắp mình cũng càn vào trong đó, vậy mà cây lúa cũng xanh tươi.

- Còn chuyện gì nữa?

Ồi câu chuyện.

- Chuyện gì?

- Chuyện mấy ông tướng mình.

- Vậy thì kể đi.

Nông trường có ba nữ, không cô nào khá lắm. Vậy mà đất giá. Máy ông mình ông nào cũng găm ghé, hết mực chiều chuộng. Thế mà không tướng nào lọt vào mắt xanh các cô. Thế là mấy ông tướng liền đổi chiến thuật, bung ra vòng ngoài. Nhiều ông đã mọc rễ ở đây. Cái ti vi của nông trường dành để giải trí sau một ngày lao động mệt nhọc nhưng nó đồng thời cũng là tiếp điểm của tình yêu...

Những gì có được của ngày hôm nay ở nông trường chưa thể nói thật hoàn hảo, thật ưng ý. Nhưng so với những âu lo của những thanh niên đặt chân đến đây ngày đầu tiên quả là một sự kiện hết sức lớn lao. Việc xây dựng trụ sở nông trường bộ không khó đối với Ban Giám đốc. Nhân lực có. Còn gạch thì có cái lò "lá sen" lấy đất tại chỗ, sản xuất mỗi đợt hàng trăm ngàn viên gạch là điều hứa hẹn. Nhưng không, Ban Giám đốc nông trường chỉ làm việc ấy khi cơ ngơi của các Đội sản xuất, các bộ phận trực thuộc nông trường tương đối hoàn chỉnh.

Ước ao đã được đáp ứng. Tôi đã thực sự đặt chân trên vùng đất cuối cùng phía Tây - Nam Tổ quốc mình. Vững đất mà người dân ở đây qua hai thời kháng chiến luôn đứng sừng sững như những cây tràm dù ngày đêm trầm mình dưới nước chua phèn. Tôi bốc lên một nắm đất phù sa mới bồi nghe tay mình mát lạnh.

Quê hương còn khó, các anh đã lao vào trận chiến đấu mới, cải tạo đồng ruộng, diệt đói nghèo. Các anh đã đánh thức đất đai và phủ lên mình nó màu xanh no ấm, góp phần xây dựng quê hương, mãi mãi xứng đáng với danh hiệu Nông trường Thanh niên Quyết Thắng.

Cuối tháng 12/1986

H.P

Một thời để nhớ

(Ghi theo lời kể của đồng chí NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP -
Tỉnh ủy viên - Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Đồng Tháp)

QUỲNH ANH

Cuối năm 1967, thanh niên quê tôi sôi nổi tòng quân. Năm đó tôi 17 tuổi. Thấy tôi đăng ký, chú Tư An nói: “Bên Quân y đang cần người. Con đăng ký, chú hoan nghinh tinh thần. Nhưng chú chưa thể quyết định được, phải xin ý kiến ba con đã, coi ông đồng ý cho đứa nào đi theo”. Vài hôm sau tôi được báo tin vào Ban Quân y huyện Lấp Vò. Ngày 1/1/1968, đó là bước ngoặt cuộc đời tôi. Chia tay tuổi thơ với bao điều mà tôi đã chứng kiến, nơi mình sinh ra và lớn lên - rạch Cao Đài, xã Tân Khánh Tây (nay là xã Tân Khánh Trung). Ở Long Hưng, Thủ Ô nơi má tôi dẫn mấy chị em chạy giặc ruộng bố, tránh bom đạn về sống bên ngoại. Những ngày ba, anh Hai, chị tôi, các bác, các chú phải nằm đất, ngủ hầm bí mật. Những cuộc họp kín, mà lúc bấy giờ tôi chưa hiểu để làm gì, bao giờ cũng có năm người: bác Ba Thạnh, bác Bảy Bằng, anh Hai Dũng, ba và anh Hai tôi. Tôi được ba giao ra lộ canh gác, thấy lính Mười Miên hay người lạ đi đến thì la lên: “Con heo (hay gà) chạy đâu mất tiêu rồi”. Những đêm khuya, má tôi thức nấu cơm rồi bỏ vào mo cau, rồi âm thầm đem ra ngoài đồng cho ba tôi và các chú ở dưới hầm bí mật. Năm 1960, bà con quê tôi tháo dỡ cầu Mương Khai, Ông Từ. Cả làng làm mố bằng ống tre, thùng thiếc, đêm đêm đánh lên tác động tinh thần bọn địch. Từ ngày ba tôi được điều động lên tỉnh, má tôi thân cò lặn lội nuôi con thay chồng. Ngôi nhà nhỏ của chúng tôi, các anh ở đơn vị Lê Hà, du kích xã vẫn thường dừng chân và kể về những trận đánh, tội ác của giặc. Người dân phải chịu cảnh bom rơi, máu đổ vì bom đạn giặc. Từ cuộc sống ấy đã gieo mầm trong tôi một hướng đi và tôi đã quyết định. Trước đêm lên đường, tôi không sao ngủ được. Phần háo hức của tuổi trẻ

đã đạt được mục đích trở thành người Giải phóng quân. Phần thương má, nhờ lời dặn dò của má, nước mắt tôi lại ứa ra: “Đi làm cách mạng là muôn vàn gian khổ, hy sinh. Con gái càng khó khăn hơn. Đã đi phải đi cho tới cùng. Sống cùng sống, chết cùng chết với anh em. Đi nửa chừng quay về má không chừa. Ra đầu thú, chiêu hồi coi như phản bội bà con, anh em”. Tôi đã hứa là không làm hổ danh ba tôi, sống chết cũng đi tới cùng.

Vào đơn vị quân y, tôi được phân công vào tổ điều trị. Nghe thì oai vậy, nhưng tổ chỉ có mấy người. Nhiệm vụ chính là nấu cơm, kiếm củi, bắt cá và giặt băng gạc. Có nhiều băng gạc dính máu mủ, mùi tanh tưởi, ban đầu tôi ói lên ói xuống nhăn mặt mà vô. Nhưng tôi xác định tư tưởng cho mình: “Đi làm cách mạng, anh em chiến đấu hy sinh mà không sợ. Mình giặt băng gạc có chết chóc gì đâu. Ráng chịu đựng tanh hôi rồi sẽ qua”. Từ đó bất cứ công việc gì của đơn vị tôi cũng lăn xả vào làm. Đầu khoảng hơn một tháng, tôi được chuyển qua phòng mổ. Mới chân ướt chân ráo nhận nhiệm vụ mới thì hai chiếc ghe chuyển đến 7 thương binh, toàn là bị thương nặng. Máu lẫn với nước ngập cong ghe. Nhìn thấy hình ảnh ấy rất hãi hùng. Chỉ trong vòng hơn 10 giờ đồng hồ lần lượt năm người hy sinh, chỉ còn lại 2 người, một nam, một nữ là chị Bảy Mụ. Sang tổ mổ, việc của tôi là đứng chuyển dụng cụ mà không biết tên dụng cụ, tên thuốc cũng không rành vì không biết đọc. Chị Tư Nhiên phải hướng dẫn cho tôi và cứ một ca mổ, tôi quan sát tự đưa đúng dụng cụ. Sau đó, tôi được cử đi học lớp cứu thương. Do hoàn cảnh gia đình năm chị em gái chúng tôi không ai được đến trường nên một chữ cần đòi tôi cũng không biết. Làm sao mà học đây? Tôi nhớ có lần, anh Năm Danh, y tá đơn vị nói: “Bảy nè, đi làm cách mạng nhiệt tình, gan dạ chưa đủ, phải có văn hóa nữa”. Tôi quyết tâm học, tranh thủ mọi lúc để học. Có lúc 9 giờ, có lúc 12 giờ khuya, lúc giữa trưa khi công việc đã xong. Thấy tôi chịu học, các anh cũng chịu dạy tận tình. Nỗ lực của bản thân, sự giúp đỡ của các anh, tôi đọc được chữ cái và ghép vần, biết đọc, biết viết, biết làm tính chỉ trong thời gian ngắn. Nhờ có học mà khi đơn vị giao cho tôi giữ kho thuốc, tôi làm được sổ sách trong thời gian dài không thất thoát, không lầm lẫn thuốc. Nhờ vậy, tôi được đưa đi học lớp đào tạo y tá rồi sau này được giao làm Tổ trưởng phòng mổ, Phó ban rồi Trưởng ban Quân y huyện Lấp Vò, tôi vẫn hoàn thành nhiệm vụ. Sau Mậu Thân, địch phản

kích bằng những cuộc càn quét đánh phá ác liệt cả ngày lẫn đêm vào căn cứ. Nơi đóng quân của Ban Quân y huyện là xã Long Hưng, căn cứ cài rãng lược của ta và địch. Địch coi vùng này là tự do oanh tạc nên sử dụng mọi phương tiện chiến tranh hiện đại như B52, các loại vũ khí giết người như bom (bom napan, bom bi), chất độc hóa học để khai hoang, hủy diệt màu xanh, hủy diệt sự sống, địa hình. Rồi bọn biệt kích, bộ binh thường đánh vô. Đơn vị phát động phong trào bám trụ căn cứ chiến đấu, bảo vệ thương binh bằng cách xây dựng xã chiến đấu. Mỗi người phải đào hầm chông, làm chông và gài chông. Suốt mười ngày liền, tôi đào được khoảng 200 hố. Giữa năm 1968, địch mở các cuộc càn quét quy mô lớn. Ở địa bàn Lấp Vò, tháng 10/1969, tôi đang đứng chuyển ca mổ cho đồng chí Tùng, thì đồng chí Tám Hải, Huyện đội phó huyện Lấp Vò đến. Tôi nhìn thấy cử chỉ của anh Tám không bình thường, đi tới đi lui ra chiều bần khoản, do dự. Lúc ấy trong đầu tôi lóe lên câu hỏi: “Gia đình mình có sao không?”. Một lúc sau, trong lúc người đứng mổ đang kéo ruột thương binh ra để tìm vết thương thì Thu Vân từ ngoài chạy bổ vào báo tin: “Dượng Tư, ba chị hy sinh rồi chị hay chưa?”. Tôi trả lời: “Chưa hay”. Biết đi vào cuộc chiến đấu với kẻ thù là có mất mát, hy sinh. Nhưng nghe tin này, tôi thấy choáng váng, bàng hoàng, trời đất như tối sầm lại. Có đồng chí nói: “Đứng vững không, sao mặt tái thế này?”. Tôi gạt nước mắt, nén đau thương tiếp tục công việc của mình. “Con sẽ trả thù cho ba bằng chính công việc con đang làm. Cùng anh em cứu thương binh. Thêm một thương binh sống là chiến trường thêm một tay súng đánh quân thù”. Cuối năm 1968, địch đóng bót dày đặc. Địa bàn Lấp Vò là nơi “hấp quân”. Riêng ở Long Hưng luôn có hai tiểu đoàn địch đứng chân, mở các cuộc đánh vô căn cứ. Tình hình rất căng. Tập thể giải quyết cho số chị em nữ chuyển ra hoạt động hợp pháp, một số lên tỉnh. Tôi được phân công về tỉnh Vĩnh Long. Ra đi lúc khó khăn, gian khổ, anh em nam vẫn chấp nhận mọi hy sinh bám trụ căn cứ. Lúc này tôi nhớ lời dặn dò của má: “Sống cùng sống, chết cùng chết”. Thực tế Ban Quân y cần có nữ để lo cơm nước, giặt giũ, khâu vá rồi an ủi động viên thương binh. Tôi suy nghĩ rồi quyết định xin ở lại và được chấp thuận. Tôi đã gắn liền cuộc sống cùng chiến đấu, cùng vượt qua gian nan, hiểm nguy với anh em Ban Quân y cho đến khi cuộc chiến kết thúc.

Giai đoạn năm 1969 - 1973, có thể nói cuộc chiến tranh diễn ra khốc liệt nhất. Lúc đó, Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành, Sa Đéc thuộc tỉnh Vĩnh Long. Địch phong tỏa gắt gao, huyện Lấp Vò xa sự lãnh đạo của tỉnh. Đảng bộ Lấp Vò lúc đó đưa ra khẩu hiệu: “Phải bám đất, bám dân, tự lực tự cường, một tấc không đi, một li không rời, quyết chiến đấu sống chết với quân thù”. Trong ba năm 1969 - 1971, địch thực hiện các cuộc càn quét, đánh phá liên tục hồng binh định cấp tốc vùng Lấp Vò. Chúng phá sạch địa hình, phản kích bằng các cuộc càn quét, đánh phá ác liệt cả ngày lẫn đêm vào căn cứ. Huyện ủy, các ban ngành và Ban Quân y không còn chỗ đứng chân. Trước sự phong tỏa gắt gao chia cắt cách mạng và dân, cắt đứt các đường dây tiếp tế, đa số đồng chí vẫn vững vàng tư tưởng, ý chí chiến đấu nhưng cũng có người dao động lên “cơ sốt” tư tưởng. Có người chịu đựng không nổi ra đầu thú, chiêu hồi, đứng sang hàng ngũ địch, quay súng bắn giết đồng bào, đồng đội. Trong bối cảnh ấy, quần chúng vẫn tin tưởng, hướng về cách mạng. Nhiều cơ sở của ta phải tạm lảng vì cảnh giác không biết ai ta, ai địch. Tình hình lương thực, thực phẩm, thuốc men thiếu hụt trầm trọng. Anh em thương binh về ngày càng đông. Chưa nói đến thuốc kháng sinh, ngay cả bông băng, gạc, thuốc sát trùng cũng thiếu. Quá căng rồi, không thể bó tay ngồi nhìn thương binh về được tới đây lại chết vì thiếu thuốc, thiếu ăn. Chi bộ đơn vị họp, anh em bàn tính lối ra. Có ý kiến nêu lên: “Anh em bộ đội, du kích quyết tâm bám đất bám dân địch để đánh. Anh em quân y quyết bám cơ sở để có lương thực, thuốc men”. Tôi nhớ hình ảnh anh em thương binh về Ban Quân y nhìn chúng tôi với đôi mắt hy vọng. Rồi hình ảnh Hai Quýt gói tất cả các dụng cụ bỏ đi khi anh thương binh cái chết nằm kề, sự sống vẫn còn le lói. Đó là đầu năm 1969, bộ đội địa phương đánh vô đồn Mỹ An Hưng, cán bộ chuyên môn giỏi của Ban Quân y được điều đi phục vụ chiến trường. Ở Ban còn tôi, y tá Tâm, 2 cứu thương. Buổi chiều, bên công trường sản xuất vũ khí do sơ suất làm nổ một thùng kíp nổ. Ba anh bị thương nặng là anh Thơ, Thanh, Hà được chở sang Quân y. Dụng cụ như kim khâu cơ, mạch và y sĩ phẫu thuật không có. Tôi bàn với Tâm sang bên dân y nhờ tiếp viện. Y sĩ Hai Quýt được cử sang phẫu thuật. Anh Thơ tử thương trên bàn mổ vì vết thương quá nặng. Còn anh Hà và anh Thanh bị thương ở mắt và nhiều vết thương phần mềm. Đang mổ đồng chí thứ hai thì Hai Quýt ngưng lại, xếp dụng cụ vào túi, nói với chúng tôi: “Bên Dân y tối nay có cuộc họp rất

quan trọng, không thể thiếu mặt tôi”. Lúc này đã khoảng 7 giờ tối. Tôi hỏi anh Hai Quýt: “Cuộc họp gì mà quan trọng dữ vậy, trong khi sự sống của thương binh đang cần anh, anh không đình lại được sao?”. Hai Quýt trả lời dứt khoát: “Không!”. Tôi đề nghị: “Nếu anh cần phải có mặt tại cuộc họp, dụng cụ anh để lại cho chúng tôi mượn để làm tiếp phần còn lại”. Hai Quýt điềm nhiên trả lời: “Đây là dụng cụ riêng của tôi, tôi không thể cho ai mượn” (Sau đó chúng tôi biết đêm hôm đó, Hai Quýt dẫn một nữ y tá dân y chạy ra vùng ngoài). Vết thương ở mắt thì ngoài khả năng chuyên môn của chúng tôi nên chúng tôi không được phép xử lý. Còn vết thương phần mềm, không lẽ bó tay ngồi nhìn đồng chí mình chết vì mất máu. Trong cái khó lại lộ ra cái khôn. Trong đầu tôi nảy ra ý nghĩ liền đưa ra bàn với Tâm. Tâm đồng ý ngay. Tôi lấy kim khâu quần áo hơi nóng trên lửa, uốn cong lại từ từ, vô trùng bằng alcohol. Chỉ không xỏ được qua lỗ kim vì bằng nilon đã tưa đầu. Tôi lấy kéo cắt xéo, chấm vô máu của chính người thương binh vuốt để xỏ. Tôi chịu trách nhiệm chính, Tâm phụ cùng với hai cứu thương. Số anh em thương binh nhẹ xung phong phụ vòng ngoài. Các động mạch và tĩnh mạch nhỏ trong sâu bị chảy máu nhiều được khâu lại. Kết quả anh Thanh và Hà cầm được máu ở vết thương phần mềm chờ các cán bộ chuyên môn về giải quyết những phần ngoài khả năng của chúng tôi.

Có khi chỉ vì thiếu dụng cụ, thuốc men, anh em thương binh chết oan uổng. Tôi xung phong đi ra cơ sở trước. Lúc ra đi, đồng chí Trưởng Ban Quân y nhìn tôi vừa động viên bằng lời và cả bằng mắt: “Ráng nghe Bẩy, đơn vị tin tưởng ở em”. Mùa nước đổ về, cánh đồng lấp xấp nước đến bắp chân, đĩa nhiều lắm. Tôi lấy dây thun, dây chuối buộc ống quần nhiều lớp như đòn bánh tét, để khi có sự cố, ém mình giữa ruộng, đĩa không thể đeo cần. Sẩm tối, tôi ra đi. Từ căn cứ ra nhà cơ sở đi vòng vo khoảng 10km. Ra gần đến nơi, tôi nằm ở ngoài ruộng khá lâu, quan sát, nghe ngóng có động tĩnh gì không, mới dám bò vô. Trời tối đen như mực, thỉnh thoảng có vài con đom đóm lập lờ xé đêm tối. Ngoài tiếng côn trùng rả rích thì bốn bề yên ắng. Tôi bò sát vách nhà chị Hai Cường, gõ vào vách. Không có tiếng trả lời. Tôi gõ lần thứ hai, chị Hai ho húng hắng. Tôi gọi khê; “Chị Hai, em Ngọc Điệp đây, chị cho em vô với”. Chị mở cánh cửa cho tôi lách vào. Chị hỏi ngay: “Đêm hôm em đi đâu mà ghé về đây. Có việc gì không?”. Tôi trả lời: “Chị Hai à, ở trong quân y,

anh em các nơi về nhiều, thuốc men, bông băng, lương thực thực phẩm không đủ, tính mạng, sức khỏe anh em khó bảo toàn. Đơn vị cho em ra đây gặp chị, nhờ chị mua cho ít thuốc”. Chị Hai Cường lặng thinh, ngó đăm đăm vào cây đèn dầu hột vịt vụn nhỏ tim, ánh sáng chỉ đủ nhìn mặt nhau. Chị thở dài: “Khó lắm Điệp à! Địch bố ráp khắp nơi, lại còn...”. Vừa động viên vừa năn nỉ, tôi nói: “Chính lúc khó khăn, cam go này tại em nghĩ tới chị. Biết khó mấy chị cũng giúp”. Chị Hai gật đầu, hỏi tôi: “Cần mua những thuốc gì hử Điệp?”. Tôi mừng quá suýt reo lên, ôm chầm lấy chị, nước mắt chảy dài trên má. Chia tay chị, tôi bò trở ra, trở về đơn vị an toàn. Khi tháo dây thun ra, những con đĩa hút máu no tròn bằng ngón tay cái, đen thui. Tiếp nữa, tôi đi gặp chị Năm Tròn, chị Tư Đực. Tình hình quần chúng lúc này rất lo sợ, để nắm được dân, tôi bàn với Ban lãnh đạo quân y và được Ban lãnh đạo đồng ý, tôi cùng với anh em trong phòng mổ ra ngoài gặp quần chúng cấy nhau. Đây là cách tiếp cận dân có hiệu quả nhất trong giai đoạn này. Chúng tôi đã vận động bà con đóng điểm phụ, thanh niên tòng quân, lạc quyền mua thuốc, lương thực... Các chị và bà con đã vượt qua nguy hiểm, nhiều mưu trí, che mắt địch mua thuốc men cả thuốc tê, các dụng cụ cần thiết cho quân y phục vụ điều trị cho thương binh. Gạo chỉ đủ ngày hai bữa cơm, cháo cho thương binh. Còn anh em chúng tôi phải ăn khoai mì, khoai lang, chuối và cả ngọn lục bình nấu với cá tự bắt suốt cả tháng trời. Ăn uống thiếu thốn, kham khổ, chúng tôi còn phải đào hầm bí mật, công sự, tránh phi pháo cho thương binh và cả nhân. Tình hình êm, thay nhau ra đồng kiếm cua, cá. Phơi nắng, lội đồng, xuống sông, các móng chân, móng tay của chúng tôi đóng phen vàng xỉn, da sạm cháy, tóc khô vàng khét nắng. Hằng ngày, người đi vận động quần chúng, người ở lại chăm sóc thương binh để sớm trả anh em về đơn vị chiến đấu. Mỗi lần Ban Quân y tiễn một thương binh về đơn vị, chúng tôi xem đó là niềm vui, hạnh phúc của người chiến sĩ quân y. Mùa nước năm 1969, đồng chí Hai Thuận, Chánh văn phòng Huyện ủy bị thương nặng, không thể điều trị tiếp ở căn cứ, Huyện ủy quyết định đưa đồng chí ra vùng ven. Tôi được phân công đi theo điều trị tiếp vết thương và chăm sóc. Đồng chí Thuận nằm điều trị ở Ngã Thấp ấp Tân Thuận tại nhà đồng chí Hai Tâm - Bí thư xã Mỹ Hòa Hưng. Lúc đưa đồng chí Thuận ra, chưa có hầm bí mật. Tôi và đồng chí Tâm thay nhau đào suốt đêm. Đất đào cho vào thùng đội đi đổ cách nơi đào khoảng 40m và nguy trang để địch không phát hiện được. Đào hầm

bí mật xong, anh Hai về lại nơi công tác, tôi ở lại tìm cách gởi mua thuốc, dụng cụ để điều trị tiếp cho đồng chí Hai Thuận. Nhiều lần địch ruộng bố, bao nhà, tôi đã bình tĩnh điều đồng chí Thuận xuống hầm bí mật an toàn. Điều trị hai tháng trời, đồng chí Thuận trở lại công tác, tôi quay về đơn vị quân y tiếp tục nhiệm vụ.

Cứu thương binh trong điều kiện thiếu thốn rất khó. Bảo vệ thương binh không hy sinh hay bị bắt sống khi địch càn lại càng khó hơn. Mồng 4 tết năm 1970, buổi chiều, anh em trong đơn vị đi dự đám tuyên hôn của anh Tiến và chị Hồng cách đơn vị đóng quân khoảng 300m. Còn Hồng và một số anh em ở lại. Xế chiều, pháo địch từ Đức Thành bắn qua. Chúng tôi nhận định tình hình: pháo bắn giờ này không bình thường. Tôi bỏ đám cưới trở về đơn vị. Pháo bắn khoảng nửa giờ chừng 200 quả thì ngưng. Nắm được quy luật của địch, pháo bắn là mở đường cho bộ binh đánh vô. Tôi trèo lên cây quan sát, thấy lính đồn Nước Xoáy đổ vô, ở rạch Bà Năm đi lên. Tôi nghĩ “lợi dụng tết nhất nó đánh úp mình đây”. Tôi chạy lao về nói với đồng chí Hồng: “Đưa ngay thương binh xuống hầm bí mật”. Hồng là nữ quân y nhanh nhẹn, tháo vát, cùng tôi công thương binh đưa xuống hầm bí mật. Phương tiện, thuốc men giấu vào công sự. Hồng xuống hầm bí mật xong, số anh em đi dự đám cưới cũng vừa về tới. Tôi cầm khẩu các-bin M2, đeo mấy trái lựu đạn vào thắt lưng đã nghe tiếng giày đạp lên sậy rộp rộp. Chúng tôi không còn kịp xuống hầm bí mật nữa, anh em tản ra. Tôi nhảy qua cái mương nhỏ, nằm ém mình sau một bụi sậy, lính cũng vừa vào tới nơi. Dẫn đầu là Sơn Lâm, du kích xã Long Hưng. Trong đầu tôi xoáy câu hỏi: “Nó đi đầu hàng hồi nào mà không nghe bên anh Mười Thắng thông báo cả?”. Giận lắm, tôi tính đứng lên rĩa một băng cho nó tàn đời luôn. Đúng lúc, địa phương quân tới, anh em kêu tôi phải rút ra phía sau. Trận đó, địch khai hầm của Ban Quân y lấy một số thuốc, gạo, mấy cái ba lô quần áo của thương binh và tôi. Tôi còn duy nhất bộ đồ dính da. Bọn lính ra chợ chửi um: “Trong quân y có hai bà cố, vậy mà không bắt được bà cố nào”. Mồng 5 tết, đơn vị cho tôi về thăm gia đình để xin quần áo. Về tới nhà, tôi được tin anh Hai công tác ở đơn vị công an vũ trang Vĩnh Long đã hy sinh. Nhìn má tôi ốm nhom, lòng tôi se lại không dám nói sự thật hoàn cảnh của chúng tôi lúc này. Động viên gia đình, tôi quay về đơn vị. Ra đến kinh Tư, tôi gặp anh Tám Mì, Huyện đội trưởng. Anh nói: “Tình hình

còn gay go, ác liệt lắm. Ráng nghe Điệp”. Anh đưa cho tôi thêm cái khăn choàng rồi quay đi. Về đơn vị, tôi phải mượn quần áo của anh Ba Thiện mặc tạm vì nữ trong đơn vị quân y rất nhỏ con, áo quần tôi mặc không vừa. Ngày tôi mặc áo quần của mình, tối đem giặt. Hôm nào có gió hanh thì khô. Hôm nào không khô, hôm sau phải phơi trên lửa. Một tháng ròng như vậy. Má tôi hay tin gửi tiếp cho tôi hai bộ quần áo. Ngay ngày hôm sau, đơn vị phân công tôi và ba đồng chí khác đi xây dựng căn cứ mới ở cù lao Ông Tiên xã Long Hưng. Đơn vị quy định mười ngày chúng tôi phải hoàn thành công việc. Chúng tôi động viên nhau làm ngày làm đêm, chỉ trong một tuần căn cứ hoàn tất. Chúng tôi chuyển thương binh về căn cứ mới. Tháng 9/1970, địch đánh liên tục vào rạch Bà Năm - rạch Chùa, Trà Bông - nơi đóng quân của Ban Quân y và một số cơ quan, ngành huyện. Ban Quân y không thể bám trụ được, ban ngày chúng tôi chở các thương binh ra các đám sậy cao, lớn sát đồn Mương Trâu ẩn nấp. Được một tuần chúng tôi phải chở anh em ra đồn Cỏ Côn, ngọn Bờ Rào - kinh Thầy Lâm. Anh em thương binh cứ hai người một xuồng ẩn theo các lung lúa lên cao. Ban ngày, chúng tôi đùm lúa lại, lấy vải dù che nắng và ngụy trang máy bay. Khi màn đêm buông xuống, lo cho thương binh nghỉ ngơi yên giấc ngủ, chúng tôi thay nhau đi vào quần chúng vận động ủng hộ lương thực, mua thuốc men...

Đầu năm 1973, địch không thi hành Hiệp định Pari. Chúng ra sức mở các cuộc càn quét vào căn cứ của ta để lấn đất, giành dân. Vào một ngày tháng 3/1973, đồng chí Vẽ bị thương nặng ở tay phải cấp cứu giải phẫu. Khoảng 2 giờ địch đánh vào điểm. Chúng đi rất êm. Khi chúng tôi phát hiện thì địch đã vào sát mé vườn. Đưa thương binh xuống hầm, còn đồ đạc chúng tôi liệng xuống công sự, rạ cỏ, nhận xuống mương. Địch không đi trên đất liền mà bò theo mương. Chúng tôi rút ra phía sau, chỉ còn Trần Thanh Hùng (Hùng Ét) ở lại cản địch. Địch bắn M79 và liệng lựu đạn. Đang chạy tôi nghe tiếng la: “Tôi bị thương rồi”. Tôi quay lại kè Hùng Ét qua khỏi mương. Lúc này có một tiểu đội địa phương quân vừa tới. Một đồng chí bộ đội cùng tôi kè Hùng ra công sự. Hùng bị thương nặng ở đầu nên bất tỉnh. Tôi cùng anh Hai Cách, Út Nhung đi về phía sau. Địch đã chiếm được điểm ở của Ban Quân y và công trường. Chúng châm lửa đốt nhà. Tối chúng rút quân ra mé sông Cỏ Gáo đóng. Chúng tôi quay về điểm cũ, quyết định di dời điểm quân y ngay trong

đêm. Quân y chỉ còn có 5 người, thương binh nhiều, có hai ca nặng là Vê và Hùng Ét phải khiêng. Số thương binh nhẹ tự đi. Chúng tôi băng qua hai cánh đồng ra rạch Bà Kết. Vừa đi vừa lách lựu đạn gài. Hai hôm sau chúng tôi dời đến điểm mới cách văn phòng Huyện ủy khoảng 200 mét. Đến điểm mới chỉ còn tôi và anh Út Nhung, Huyện ủy tăng cường thêm anh Tám Tùng. Đến trưa, anh Út Nhung và Tám Tùng vào văn phòng Huyện ủy xin ý kiến chỉ đạo đi xây dựng căn cứ. Tôi ở lại chăm sóc Hùng Ét và Vê. Địch bất ngờ cất đồng, chẻ vườn đi ngay vào chỗ tôi. Không có công sự nào cả. Tôi ẵm hai thương binh xuống cặp mé ruộng, ngụy trang khúc đường mòn. Tôi đến ngồi bên cạnh Hùng Ét và Vê cầm khẩu AR15 sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ thương binh. Địch đi vào cách nơi tôi ngồi khoảng 50 m nhưng không phát hiện được gì, chỉ bắn mấy phát tiểu liên và M79 rồi rút...

Mùa nước nổi năm 1974, căn cứ quân y huyện trở lại rạch Bà Năm - rạch Chùa, căn cứ lồm của ta. Ý định của tên Hoàng, Quận trưởng Lấp Vò, trong một tuần lễ phải phá hoang khu vực này để đánh bật căn cứ của ta, biến cả vùng này thành một vành đai trắng. Ngày 8/10/1974, đồng chí Năm Châu - Chánh trị viên Huyện đội xuống đơn vị triển khai nghị quyết. Địch đánh bom, bắn cối 81 li vào. Khoảng 1 giờ chiều, địch gồm có đại đội thám báo 834, tiểu đoàn Bảo an 441 của Tiểu khu Sa Đéc, phối hợp cùng đồn Nước Xoáy chia hai mũi đánh vào căn cứ quân y theo lối "Sâu đò". Tôi báo cáo với đồng chí Năm Châu: "Lính từ rạch Ông Thắng băng qua, ở bót Nước Xoáy đổ gòi, đang tiến vào hướng mình". Tôi cùng anh em đưa thương binh nặng vào các hầm bí mật. Thương binh nhẹ và đồ đạc phân tán vào các công sự xa. Tôi bố trí lựu đạn gài chặn hướng địch đi. Địch chẻ vườn xăm xăm tiến vào. Chúng tôi có 5 người: anh Nam Châu, Hùng Cường - chiến sĩ bảo vệ anh Năm, Tư Đức, Vê và tôi. Lính tiến vào, nơi nào chúng nghi là liệng lựu đạn vào đó hoặc bắn M79. Anh Năm Châu bị thương ở cánh tay, tôi đến băng bó xong, lính cũng rút ra. Tôi cho Tư Đức đưa anh Năm ra phía sau. Còn lại tôi, Vê, Hùng Cường ở lại tiếp tục chiến đấu. Tôi phân công Hùng Cường và Vê một công sự. Tôi đảm trách 3 công sự, chạy tới chạy lui để địch tưởng lực lượng ta đông. Chúng phát hiện ra đường mòn lớn của ta, chúng tiến vào theo đường ấy. Nhắm vào hướng địch đi, tôi bắn nguyên một băng AR15, hạ ngay ba tên. Công sự bên kia, Hùng Cường và Vê

vừa bắn vừa liệng lựu đạn. Chúng mở ra nhiều cuộc tấn công nhưng không có hiệu quả. Đến 4 giờ chiều thì địch tăng cường thêm hai đại đội từ rạch Ông Mút, Cỏ Gáo kéo qua. Cuộc chiến đấu giằng co, kéo dài từ một giờ chiều đến 7 giờ tối, địch tấn công 9 đợt. Không chiếm được quân y và công trường huyện, tối hôm đó, địch dùng pháo sáng từ bót Nước Xoáy và Cỏ Gáo bắn lên để gom quân ra mé sông. Chúng tôi cũng lợi dụng ánh sáng của pháo chuyển thương binh về Trà Bông. Riêng tôi và Dung ở lại. Hai chị em chuyển hết số thuốc cần thiết ra ngoài. Trận này chúng tôi diệt 8 tên, có một tên thiếu úy, nhiều tên khác bị thương. Tôi và Dung về đến đơn vị lúc 4 giờ sáng hôm sau. Sáng hôm sau, khoảng 9-10 giờ, anh Năm Châu phát động quân y và công trường về bám điểm. Tôi và Dung tình nguyện đi. Tôi thấy hai nữ đi thì bất lợi nên trao đổi với Vẽ - lính của công trường, nhỏ tuổi nhưng gan dạ không sợ chết. Hai chị em xuất phát. Tôi nói với Vẽ: “Chị đi trước cố dụm lính, em phía sau yểm trợ”. Tôi bò vào tới điểm khoảng 3 giờ chiều. Địch đã rút ra khỏi điểm khoảng 500m. Tôi ra hiệu cho Vẽ biết. Tôi và Vẽ đến chỗ mương hạ ba tên lính hôm qua thu được chiến lợi phẩm gồm một khẩu AR15, một nón sắt. Đến các hầm chông, máu vương vãi từng vũng, đã khô, cỏ bị quần nát lấy thêm được tám ba lô, có bốn trái mìn playmo, 12 trái lựu đạn, một số đạn AR15, một số quân dụng khác. Mừng quá hai chị em quay về Trà Bông báo cáo tình hình. Được chỉ đạo, hôm sau tôi và Vẽ tiếp tục trở vào bám điểm gờ trái của địch, gài trái của mình. Liên tục tám ngày ta và địch giằng co. Cuối cùng, địch phải rút quân và kế hoạch vành đai trắng của tên Hoàng bị phá sản. Chúng tôi bảo vệ điểm quân y và công trường, trong đó có hai tấn thuốc nổ TNT của tỉnh mới gửi về. Trận này, tôi được biểu dương. Chú Năm Thảo - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy ở phía Bắc sông sang chỉ đạo. Ở Thủ Ô gặp tôi, chú Năm nói một câu tôi nhớ đến giờ: “Nhìn tướng tá nó vậy mà làm dữ quá ha...”.

Q.A

Tản mạn về con Sếu Tràm Chim

NGUYỄN QUANG NGỌC

Chúng tôi gọi nó là Xéo, bởi lẽ nó tới đâu thì bất kể năn, lác hay lúa đều bị nó xéo nát. Xéo ta có cái cổ dài ngoẵng, trụi lủi nên có tên là Xéo cổ trụi. Trong sách vở, Xéo có tên khác là Sếu. Xéo hay sếu thì cũng vậy, thôi thì cứ theo sách vở cho phổ thông. Đó là một loài chim lớn, mỗi con nặng tới bảy tám ký lô, khi đứng dưới ruộng mà nhón chân, nghênh cổ lên thì nó còn cao hơn bất cứ một người nào khác. Bộ cánh của nó mới khủng khiếp, nếu đo từ mút lông bên này tới mút lông bên kia dễ đến hai thước rưỡi tây. Ngoài tôi có cái quạt lông sếu đẹp lắm nhưng ít dùng bởi nó nặng quá. Cái quạt lông sếu đen xám ánh bạc giắt trên mái lá đã mở đầu không biết bao câu chuyện về Đồng Tháp Mười xa xưa, hoang dã... Đạo đó Tràm Chim còn hoang vu lắm, bạt ngàn toàn là tràm, có cây to đến cả một vòng ôm, còn chim thì vô kể, người vào rừng lảng cháng là giẫm bể trứng, chết chim con như chơi.

- Con sếu này - Ngoài tôi chỉ vào chiếc quạt lông sếu - Tao bắt được từ hồi thằng Pháp còn chưa múc kinh Đồng Tiến. Đạo đó tao còn nhỏ, đi đi móc củ năn rồi không biết làm sao tao ôm được cái giò của nó, ai dè nó đập cánh mấy cái, tha bổng tao lên trời. Lúc này buông ra là chết liền nên tao cứ nhắm mắt kệ nó tha đi đâu thì đi. Cũng may, sếu không quen tha nặng nên một chập là cả tao và nó rơi xuống cái đĩa. Vậy là tao tìm được nó.

Năm nước lụt, luỳnh quỳnh thế nào mà chiếc quạt bị trôi mất, ngoại tiếc lắm và định bụng làm một cái khác. Tính là tính vậy nhưng không kịp. Ngoài tôi đã đi trước khi đàn sếu quay lại. Ngày còn sống,

ngoại tôi khoái xem sếu bay lấm. Ông giảng giải, khi sếu bay có nét riêng của nó, bao giờ cũng theo hình số 1. Một nét dài, một nét ngắn (Bây giờ trong sách gọi là hình chữ V). Cái giò của nó không duỗi thẳng ra sau như cò, như vạc mà chỉ buông lỏng, hơi chếch về phía sau. Đặc biệt sếu có điệu vỗ cánh rất nhàn nhã, mềm dẻo, trong một phút độ chừng vài ba chục cái là cùng. Nhìn sếu bay ta dễ có cảm giác nghi ngờ - nó vỗ cánh để bay hay chỉ để nâng mình lên mây chơi vơi, để ngắm nhìn và suy tưởng.

Không biết có đúng không, người ta còn nói con hạc trong chùa, trong đình làng, trên bàn thờ cũng chính là sếu. Người xưa, theo thuyết lưỡng hợp cho con hạc đứng trên con rùa là biểu tượng của sự kết hợp hài hòa, bền vững, chắc cũng vì lẽ đó mà trong bài văn tế bố đẻ và bố vợ của Trạng Quỳnh có câu "...Than ôi! Hạc tếch lên ngàn. Rùa mò xuống biển" nghe ra cũng có lý lấm.

Từ thuở nào, con sếu đã quá quen thuộc với người dân Tràm Chim chúng tôi. Hàng năm cứ vào mùa khô, trước và sau vụ Tết ta độ vài tháng thì đàn sếu cổ trụ hàng trăm con không biết từ phương nào bay về, cùng với suốt, le le, giang sen... tạo thành một quần thể chim bay kín trời Tràm Chim. Hồi còn đánh Mỹ, quân ta đã một phen bị xô. Số là nơi đây trước kia là căn cứ của ta. Một buổi sáng sương mai, anh em còn ngủ ngon lành trong bia trầm, bỗng dưng bị dựng dậy. Thoáng thấy trong màn sương khoảng một đại đội biệt kích, không biết nhảy dù từ bao giờ đang lỏm nhòm tiến vào căn cứ. Lệnh chiến đấu được phát ra, quần áo, bông mền, soong nồi đều được nhận chìm xuống đĩa. Tiếng đạn lên nòng lách cách... Lúc sau, mọi người định thần nhìn kỹ, té ra bầy sếu đang giăng hàng ngang kiếm ăn. Lại có lần quân nguy Sài Gòn huy động cả chục chiếc trực thăng vào việc săn bắt loài chim khổng lồ này. Một cuộc săn đuổi diễn ra giữa một bên là loài sếu có tiếng là lớn, là khôn với một bên là cánh quạt trực thăng và súng máy. Một bên là sức mạnh của sinh tồn với bên kia là sức mạnh của ét-xăng. Và kết cục cũng thật dễ hiểu, sếu chớ không phải đà điệu, mà cho dù cặp giò ốm nhom của sếu có lợi nước khỏe như đà điệu thì cũng không thể đứng trước gió xoáy trên cấp 13 của cánh quạt trực thăng chứ nói chi đến chuyện cất cánh. Sau mỗi lần như thế người ta cứ tưởng sếu sẽ bỏ đất này mà đi luôn. Nhưng

không, hàng năm cứ đến mùa củ năn bắt đầu lớn, tôm tép co lại trên các lung, đĩa thì đàn sếu từ phương nào cũng trở lại với Tràm Chim và mùa bắt chim của chúng tôi lại bắt đầu. Sếu có tiếng là tinh khôn và cảnh giác, trong khi cả đàn kiếm ăn thì luôn có một con đảo đạc canh chừng. Nó có thể phát hiện ra mùi lạ cách xa cả cây số. Đạo trước có mấy tay phóng viên ngoại quốc tới đây cũng tửu rơm lên đầu, trườn như thằn lằn để được gần nó, nhưng các ngài lại quên mất, mùi xà bông Camay ở khách sạn du lịch đã hại các ngài. Đối với chúng tôi thì khác, chúng tôi biết chắc sếu sẽ đến ăn những chỗ nào và nó sẽ không biết được sự ranh ma của con người. Chợ An Long đã có lần bày bán cả bốn, năm chục con sếu đã chết cứng vì thuốc độc. Sếu khôn mà không ranh, không phân biệt được con cá cấm đầu trong bùn do nóng với con cá đã bị chúng tôi nhét cả cục thuốc vào bụng rồi giả cấm lại vào bùn. Dầu sao nó cũng là loài vật.

Sếu ở Tràm Chim là vậy. Cái tiếng kêu lanh lảnh “trong như tiếng hạc bay qua” cùng với cái vỗ cánh khoan thai in trên nền trời chiều lấp lánh như “cánh cò trắng về đầu hồi hả” khi mặt trời chìm dần sau rặng tràm xa. Tất cả chỉ là những họa tiết của bức tranh Đồng Tháp Mười hùng vĩ.

Gần đây, bỗng nhiên sếu trở nên quý giá. Lệnh của tỉnh, lệnh của huyện, cấm bắt sếu, bẫy sếu, thuốc sếu. Không riêng gì sếu mà cả le le, gà đái, cò, giang sen, săn sắt... nghĩa là bất kể con gì bay được, bơi được ở Tràm Chim đều cấm tuyệt. Hàng ngày có người lên tận lầu hai chiếu ống nhòm ra Tràm Chim xem có ai vi phạm cái lệnh nghiêm ngặt ấy không. Chưa hết, Lâm trường Tràm Chim hàng ngày còn cử người canh chừng, có súng ống đầy đủ, sẵn sàng bắt giải về huyện những ai vi phạm. Cái con sếu cao kều, lò dò khắp khừng dưới rộng như con nít đi cà kheo, thật thì dai nhách như thật voi, bắt được con sếu còn tốn thêm mấy thước củi nữa mới ăn được, vậy mà quý giá nổi gì. Hay nó trị được bách bệnh? Hay nó trị được bệnh ung thư, si-đa gì mà nghe nói chưa tìm ra thuốc trị. Hay nó bỏ lăm, ăn vào có thể cải lão hoàn đồng? Hay để xuất khẩu? Chưa biết do đâu mà con sếu đang bình thường bỗng trở nên quý giá, nhưng rành rành nó hết sức quan trọng. Từ đầu mùa khô tới nay, không biết bao nhiêu người, bao nhiêu đoàn đã đến đây vì sếu. Thôi thì người ngoại

quốc có, người Việt có, trẻ có, gái có, xồn xồn có. Cái huyện lỵ mới lập ở rốn Đông Tháp Mười heo hút này phút chốc bỗng nhiều người biết tới. Họ mang theo lũ khỉ đủ thứ, từ cái đơn giản nhất là cái ống nhôm, cái máy ảnh có ống kính dài cả gang tay đến cái hiện đại hơn là cái máy quay phim nhỏ xíu mà có thể quay được cả ban đêm nữa. Tháng trước, chiếc xe xanh có hàng chữ "SAI GON TOURIST" đưa đến huyện mấy người Mỹ, da đỏ như đầu sếu. Người ta kháo nhau, họ là những nhà khoa học trong Hội sếu thế giới. Ôi! Con sếu mà lại quan trọng đến thế ư? Trong số những người đó có một bà già hom hem lắm rồi, có mái tóc bạch kim giống tợ tợ như lông sếu (Sau này tôi mới biết mái tóc đó được nhuộm công phu, tốn kém tiền). Ở cái tuổi sắp tịt mà họ dám bỏ ra bạc triệu, đi nửa vòng trái đất, vượt mấy chục cây số bụi lấm đất đỏ để được ngắm nhìn mấy con sếu ư? Trời ơi! Có đúng vậy không, có động cơ nào ẩn náo trong cái vỏ hiền lành và rất Tuốc-ghe-nép đó không? Sếu ơi! Mày có hay mày đang trở thành nhân vật số một không, mà sao vẫn bình thản và lạnh lùng vậy. Họ đến ăn uống vội vã, họ đi từ lúc trời chưa sáng và trở về lúc tối mịt. Chưa kịp tắm rửa, họ đã xúm nhau lại xem đoạn phim video mà họ vừa quay được, họ nói, họ cười, xem ra có vẻ sung sướng và hài lòng lắm. Đối với tôi sếu thì chẳng lạ lắm gì, mà thực ra chưa bao giờ tôi được ngắm nhìn nó gần và rõ ràng, ngoại trừ những con chúng tôi bắt được đã say thuốc hoặc đã chết. Một người Việt tuổi xồn xồn tự giới thiệu với tôi là phó tiến sĩ ở tận ngoài Hà Nội, tên ông là Dục, Lê Diên Dục, chính ông ta năm trước tới đây năn nỉ tôi cho xem bộ lông sếu mà tôi có. Qua ông, tôi biết được thêm đôi điều về con sếu thân quen của chúng tôi. Sếu là loài chim cổ nhất, những loài động vật đồng niên của nó đã chết và hóa thạch cách đây cả triệu năm và hiện nay sếu đang chết dần chết mòn và có nguy cơ bị diệt chủng. Trên thế giới có 15 loài sếu khác nhau, nhưng loại sếu cổ trụi, đầu đỏ này chỉ có ở vùng Đông Nam Á. Số lượng còn lại của sếu cổ trụi không nhiều, từ 200 - 300 con. Nó quý bởi nó hiếm, nó quan trọng bởi con người đang quyết tâm bảo vệ nó để còn nghiên cứu dài dài về sau. Ngày trước ở Thái Lan cũng có nhiều sếu cổ trụi lắm, nhưng do bị xua đuổi nên nó không còn nữa. Hội sếu thế giới đã cho Thái Lan ba cặp để gây giống lại, nhưng một trong số đó có một con đã bị chết, còn lại năm con mà đã bốn năm vẫn không chịu đẻ. Ông ta còn nói nhiều điều nữa nhưng tôi không tài nào nhớ hết.

Ông tiến sĩ, Chủ tịch Hội sếu người Mỹ còn tặng tôi một bức ảnh làm kỷ niệm. Bức ảnh chụp một gia đình sếu, con trống đang nghiêng cổ quan sát về lo âu, con mái đang cúi đầu âu yếm con sếu con mới nở và bên cạnh một cái trứng sắp nở. Ông chủ tịch cho biết, ở Ấn Độ, khách du lịch muốn vào xem sếu phải trả 25 đô la, nếu khách mang theo máy ảnh phải trả thêm 5 đô la nữa.

Thôi chuyện đô la, chuyện ngoại tệ là của người khác! Tôi đi trong đêm Đồng Tháp Mười lộng gió, ớn lạnh. Tiếng kêu ken két của đàn sếu trong đêm nghe sao náo nùng làm tôi sợ hãi. Ngoại tôi vẫn gọi đó là tiếng sếu kêu sương và sương đã bắt đầu giăng giăng, tiếng kêu của loài vật khốn khổ, bị xua đuổi vẫn xoáy vào tim tôi. Thôi hãy yên lòng sếu ơi, đừng kêu nữa. Hãy yên lòng ở lại với người dân Tràm Chim. Đồng Tháp Mười đã nuôi mày, đang nuôi mày và sẽ nuôi mày mãi mãi.

N.Q.N

BỘ SƯU TẬP ĐỊA CHỈ ĐỒNG THÁP

Nông dân - Hướng đi...

NGUYỄN HUỲNH HIẾU

CHUYỆN NÓNG BỎNG Ở NÔNG THÔN

Tôi về một số vùng nông thôn, khi con lũ 1991 đang hoành hành ở các huyện đầu nguồn và đang là nỗi lo lớn nhất của bà con nông dân ở các vùng còn lại. Sự tất bật, nỗi lo âu từng giờ, từng ngày của bà con lo chống lũ để giành lại từng hạt lúa, bảo vệ từng gốc cây, từng con cá... Thiên tai là chuyện ngoài ý muốn, con người phải chấp nhận sự phẫn nộ của thiên nhiên và bao giờ thiên nhiên cũng chịu thua ý chí của con người, rồi cuộc sống cứ tồn tại và sinh sôi.

Chưa bao giờ sinh hoạt ở nông thôn lại sôi động và nóng bỏng như bây giờ. Người ta lo chí thú làm ăn, tìm cách làm giàu một cách chính đáng, để có tiện nghi sinh hoạt: nhà tường, tivi, cassette, hon-da, đèn điện... Chưa bao giờ diện tích lúa hai vụ, năng suất lúa, việc thử nghiệm giống lúa mới kháng sâu bệnh, sự chuyển giao khoa học kỹ thuật đem lại nguồn kinh tế hàng hóa lúa gạo cao như bây giờ. Nông thôn hiện nay là một thị trường khổng lồ: Thị trường đầu tư sản xuất, thị trường lưu thông hàng hóa, thị trường về nhu cầu vật chất sinh hoạt của người nông dân.

Tìm hiểu hoạt động của Hội Nông dân tỉnh Đồng Tháp thời gian gần đây, tôi được biết ở nông thôn ngoài những thuận lợi có biết bao chuyện nóng bỏng, lo âu triền miên của người nông dân. Trong sản xuất nông nghiệp, nông dân còn gặp nhiều khó khăn như giá vật tư nông nghiệp không ổn định, nạn dịch rầy nâu phá hại lúa. Bà con cố gắng bằng nguồn vốn của mình, tự khắc phục, bảo đảm diện tích, năng suất mùa vụ. Còn những khó khăn không thuộc trách nhiệm của người nông dân: Có thời điểm tình cân đối thuốc đặc trị rầy không kịp thời và không

đầy đủ, dân phải mua ngoài thị trường tự do giá một chai Basa từ 18 ngàn đến 20 ngàn, trong khi đó, ở dịch vụ vật tư nông nghiệp giá chỉ từ 12 đến 14 ngàn, phân Urê từ 2.000 đến 2.500 đồng 1 ký... Như vậy tính đầu vào và đầu ra hiện nay, nông dân sản xuất vẫn chưa có lời theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị. Thuốc sâu, phân bón, Nhà nước chưa chủ động, công tác dự trữ và quản lý chưa chặt chẽ, tạo nên những cơn sốt giá hoặc có dịch bệnh mới chạy lo thuốc, rất bị động trong việc phục vụ sản xuất.

Nỗi lo lắng khác vây lấy người nông dân: Nạn làm giả thuốc trừ sâu, phân bón, vấn đề đầu tư cho những hộ nông dân thiếu vốn sản xuất, chuyện cho vay nặng lãi trở thành phổ biến ở nông thôn chẳng khác gì thời địa chủ bóc lột, nông dân biết mình bị bóc lột nhưng phải chấp nhận. Đó là hiện tượng cho vay lúa non được qui định: Vay lúa ăn 10 giạ đến mùa trả 15 giạ, có nơi nông dân thiếu vốn sản xuất phải đi vay một bao phân Urê tới mùa trả 12 giạ, một bao phân DAP 17 giạ...

Con số điều tra cơ bản đã nêu cụ thể trong Dự thảo Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ IV: "...Ở nông thôn còn 30% hộ nông dân thiếu vốn sản xuất, hơn 70% hộ còn ở nhà lá, một số hộ còn ở nhà chòi".

TỪ ĐIỂN HÌNH NHỮNG NGƯỜI SẢN XUẤT GIỎI

Cuối năm 1990, liên ngành nông dân và nông nghiệp tỉnh đã phối hợp tổ chức hội nghị những người sản xuất giỏi, chọn được 27 nông dân đạt tiêu chuẩn những người sản xuất giỏi. Việc tổ chức được hội nghị này có hai ý nghĩa rất quan trọng: Một là nhằm khơi dậy tiềm năng, kinh nghiệm vốn có của người nông dân làm điển hình, phổ biến rộng rãi trong nông dân. Hai là trong điều kiện kinh tế khó khăn, thời tiết chưa thuận lợi, thị trường còn biến động, chưa ổn định, nông dân vẫn có thể tiếp cận, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất ngay trong từng hộ gia đình, đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

Tôi được dự một lớp tập huấn viên nông nghiệp ở thị xã Cao Lãnh do Hội Nông dân thị xã và Ban Khuyến nông của tỉnh tổ chức. Đối tượng là những nông dân sản xuất giỏi và cán bộ Hội ở xã, phường nhằm đào tạo những người cốt cán để tuyên truyền, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Trong tay tôi đã có những tài liệu, hay nói đúng hơn là những bí

quyết cách thức sử dụng thuốc trừ cỏ Sofit 300 ND rất ngắn gọn, dễ nhớ, đạt hiệu quả, đã được các điểm trình diễn trong tỉnh thử nghiệm, các tài liệu khác về biện pháp thâm canh lúa cao sản xuất khẩu, phòng trừ sâu phao, bệnh khô vằn, phòng trừ bù lạch, cỏ dại, sâu cuốn lá, biện pháp sử dụng giống lúa mới kháng sâu rầy, phòng trừ rầy nâu... với những hình ảnh màu, được in ấn rất đẹp do Ban Khuyến nông tỉnh phát hành.

Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật của những điển hình nông dân sản xuất giỏi để tăng năng suất, hiệu quả kinh tế cao, đã được khẳng định tại hội nghị này.

Qua năng suất lúa thu hoạch hai vụ một năm của nông dân Đỗ Văn Kiếp ở xã Mỹ Trà, thị xã Cao Lãnh làm chúng ta vui mừng: 1987: 13 tấn, 1988: 13,6 tấn, 1989: 14,8 tấn, Đông Xuân 1990-1991: 8 tấn. Ông được chọn là nông dân sản xuất giỏi toàn tỉnh, được chọn đi dự hội chợ Quang Trung 1990, mang về cho tỉnh Đồng Tháp giải thưởng Bông lúa vàng. Thu nhập từ vườn, từ lúa đối với những nông dân sản xuất giỏi từ năm, bảy triệu đến hàng chục triệu đồng mỗi năm là chuyện bình thường, có thật như: Nông dân làm vườn Ba Nhã ở ấp 3, Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, với 3 ha vườn, ông là người nổi tiếng có diện tích vườn lớn nhất tỉnh, nguồn thu nhập của gia đình duy nhất từ vườn; Của nông dân Đinh Tấn Xê ở Mỹ Long, nổi tiếng về kỹ thuật trồng ổi; Của nông dân Phạm Văn Đẩu, đại tá về hưu ở phường 6 thị xã Cao Lãnh có kinh nghiệm cải tạo vườn, biết kết hợp mô hình kinh tế hộ gia đình từ vườn, heo, cá...

Và một dấu hỏi được đặt ra: Làm thế nào để thời gian tới đưa nhanh số lượng nông dân sản xuất giỏi lên thành phổ biến và nâng kỹ lục, năng suất, hiệu quả lên cao hơn, nhiều hơn nữa?

ĐẾN MÔ HÌNH KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH VÀ CÁC TỔ CHUYỂN NGÀNH, NGHỀ

Chủ trương của Đảng và Nhà Nước là trên cơ sở kinh tế hộ gia đình tự chủ sản xuất bằng nhiều ngành nghề, cần xây dựng, củng cố cơ sở Hội Nông dân đi vào các ngành nghề trong từng xóm ấp, xã cùng nhau tự lực tự cường ra sức phấn đấu hình thành các dịch vụ sản xuất, góp phần nâng cao sống và phúc lợi cho nhân dân.

Đây là định hướng hoạt động của Hội Nông dân theo phương thức đổi mới. Tôi được biết khắp nơi trong tỉnh đang nhen nhóm hình thành các tổ ngành nghề do nông dân tự lập ra, được Hội Nông dân khuyến khích để tập hợp bà con tham gia trao đổi kinh nghiệm, giúp nhau trong sản xuất, để cùng nhau làm giàu cho gia đình.

Anh Năm Thum tổ trưởng tổ làm vườn ấp 2 xã Mỹ Long cho biết, lúc đầu tổ chỉ có 13 người, sau thời gian sinh hoạt hiện nay tổ viên tăng lên 22 người. Tôi hỏi:

- Vì sao tổ làm vườn của anh lại thu hút được nhiều người tham gia?

Anh vui vẻ kể:

- Tổ thành lập được hơn 1 năm nay, mỗi tháng sinh hoạt 1 lần vào ngày 16 sáng trăng. Nội dung sinh hoạt của tổ là trao đổi kinh nghiệm làm vườn, kỹ thuật trồng cây, chọn giống, bón phân... Do tổ có cán bộ kỹ thuật giỏi, hầu hết vườn của các hộ trong tổ đều thu hoạch năng suất cao hơn các hộ ở bên ngoài. Tổ rất đoàn kết, tới mùa thu hoạch tất cả 22 người thay phiên nhau vận đổi công từ vườn này đến vườn khác, chừa vườn nào thu hoạch xong mới thôi. Vườn có diện tích lớn hơn, nhỏ hơn đều được giúp đỡ đến khi hoàn tất. Nếu gia đình nào có vợ đẻ, con đau, tổ sẽ làm thay. Khi làm xong vườn nào chủ vườn đó tổ chúc lai rai vui vẻ, thể hiện tình đoàn kết chòm xóm.

Tôi gặp người kỹ thuật viên là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thu hút người ngoài vào tổ càng đông - Ông Đinh Tấn Xê. Ông không ngần ngại, không kềm được chất nghề nghiệp của mình khi tôi gợi ý về cây ổi. Ông say sưa nói về kỹ thuật đặt cây, bẻ ngọn, cách bón phân kali để cây cho nhiều trái to, cứng, giòn, không bị úng. Khi thị trường biến động, phân kali lên giá cao, ông chuyển sang dùng thuốc cỏ, kết quả đạt được cũng như dùng phân kali. Ông nói đó là sự tìm tòi kỹ thuật của ông. Ông bộc lộ nghề trồng ổi không giấu giếm. Trước kia ai cũng trầm trồ, ao ước vườn của mình được như vườn ổi của ông. Bây giờ trong tổ, vườn ổi nào cũng trúng không kém gì vườn ổi của ông.

Điển hình người sản xuất giỏi đã có, điển hình tổ chức mới chuyên ngành nghề đang nhen nhóm hình thành một cách tự nguyện, tự giác, chắc chắn sẽ được bà con nông dân hưởng ứng và đồng tình.

Qua một số tổ ngành nghề được tiếp xúc, người được cử làm tổ trưởng thường là những người sản xuất giỏi và giàu. Sự giàu có và trí tuệ đang là khẩu hiệu để đổi mới cuộc sống của người nông dân.

Trong cuộc hội nghị của Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Đồng Tháp quý III năm 1991, một tin vui đến với bà con nông dân thiếu vốn sản xuất, tỉnh đã sơ kết vụ mùa Hè Thu 1991, ngân hàng các huyện, thị đã cho nông dân vay tổng cộng 1 tỉ 300 triệu đồng. Trong kế hoạch vụ mùa Đông Xuân 1991 - 1992, tỉnh dự kiến cho nông dân vay vốn sản xuất là 13 tỉ 800 trăm triệu đồng.

N.H.H

BỘ SƯU TẬP ĐỊA CHỈ ĐỒNG THÁP

Đất lành

HOÀNG KIM

Tới Bình Thành - huyện Thanh Bình, ấn tượng trong tôi là hình ảnh những người cán bộ trẻ, xông xáo, nhiệt tình, vui nhộn như chị Ba Hải (phụ trách Thương binh - Xã hội), anh Thẹn (Chủ tịch xã), anh Lợi và Xuân Đức (Phó chủ tịch xã)... Với "bản năng" của một phụ nữ, tôi đã "để ý" đến sự sung túc, phong phú của ngôi chợ. Những điều ấy đã giúp tôi phần nào nhận định được tình hình của xã. Đây là lần thứ hai tôi có dịp trở lại mảnh đất mà đã có một lần mình từng đặt bút viết về nó. Nguyên là, Bình Thành được huyện Thanh Bình giới thiệu là một trong 13 xã và thị trấn đạt số điểm cao nhất trong đợt thi đua hai năm 1991 - 1992.

Đường làng vẫn như cũ, nhưng lạ sao, có vẻ gì đó nhộn nhịp hơn, tấp nập hơn. Đến khi tới ủy ban tôi mới vỡ lẽ. Trước mắt tôi là một sân lúa vàng rục. Không còn lối nào để đi, tôi đành phải bước lên những đê mấp mấp, tiếng xào xạc dưới chân gợi nhớ những kỷ niệm ngày mùa thời thơ ấu. Tôi ngược mắt nhìn bầu trời, hồi hộp theo dõi từng cụm mây. Bao cả tuần nay, lúa không phơi được. Có lẽ bữa nay nắng tốt, bà con nông dân hối hả đem phơi. Sân Ủy ban, sân trường, sân nhà, phòng họp, phòng học, các lối đi, nhà ăn, thêm ba, chái bếp... đâu đâu cũng lúa. Lúa vun thành đống, lúa được đưng từng bao no tròn, lúa tràn ra trên từng tấm đê mấp mấp... Hồi ra mới biết, vụ hè thu năm nay năng suất của Bình Thành vẫn không thua năm ngoái dù trời hạn khá lâu. Anh Lợi, Phó Chủ tịch xã khoe: Bình Thành rất mạnh về nông nghiệp. Hiện nay xã còn giữ được mô hình tập đoàn sản xuất, trong đó liên tập đoàn 3 là nổi bật hơn cả.

Giữa thời buổi này mà còn nói đến chuyện tập đoàn nghe cũng lạ! Anh Xuân Đức, Phó chủ tịch xã vô tình "đả thông" cho tôi:

- Trong sản xuất nông nghiệp có những khâu chúng tôi khoán cho các hộ, nhưng cũng có những khâu rất cần đến tổ chức tập thể. Chẳng

hạn như khâu nước. Mùa hạn vừa rồi, có những hộ không đăng ký đầu tư thủy lợi với tập đoàn, nhưng cuối cùng tập đoàn vẫn có kế hoạch điều động nước kịp thời, rộng khắp, cho nên không có hộ nào bị thiệt hại. Số lượng lúa toàn vùng vẫn giữ vững.

Anh Hai Tâm, Bí thư xã nói thêm:

- Đặc biệt, hè thu năm nay hạn, một số nơi bỏ đất, chết mạ hoặc giảm năng suất nhưng liên tập đoàn chúng tôi vẫn bảo đảm diện tích xuống giống là 512ha (bằng với diện tích xuống giống của một xã vùng cù lao) và năng suất đạt 4 tấn/ha, cao nhất trong các xã toàn huyện và cao hơn cả các năm trước.

À, “bật mí” với nhà báo nghe! Vốn của liên tập đoàn hiện nay hơn 400 triệu đồng, một phần đã đầu tư cho bà con nông dân khoảng 23 tấn phân, 25 ngàn lít dầu. Còn khoảng 150 triệu thì đang gửi trong ngân hàng. Vốn lớn nên chúng tôi không bị động, cung ứng đầy đủ thuốc trừ sâu, phân, xăng, làm thủy lợi cho bà con an tâm sản xuất và đảm bảo năng suất. Tỷ giá của chúng tôi lại rẻ hơn nơi khác, kể cả Nhà nước của mình. Ví dụ, Nhà nước đầu tư một ký phân là 3,5 ký lúa, liên tập đoàn chỉ lấy 3 ký; dầu 5 ký, liên tập đoàn chỉ lấy 4 ký... Số lời của mỗi vụ chúng tôi trả công cho Ban Quản lý tập đoàn chứ không vận động bà con đóng góp như hồi trước. Một phần gửi vào ngân hàng. Số tiết kiệm của chúng tôi thường là lãi nhập vốn, vốn thêm vốn chứ không cần rút tiền ra.

- Ban Quản lý tập đoàn chắc đông người lắm mới điều động nổi hả anh?

- Trời, có bốn người thôi!

- Ủa, ít vậy sao?

- Cho nên cực lắm cô ơi! Nhưng đoàn kết và làm việc hết mình. Cứ năm ngày họp một lần để thảo kế hoạch và chạy đi nắm tình hình đồng ruộng, tình hình thị trường. Đầu vụ, cuối vụ đều công khai vốn liếng, phương án làm ăn, mua sắm.

Anh Xuân Đức khái quát:

- Chúng tôi nhận ra rằng yếu tố quyết định chính là con người - Anh cười - Cũng may là từ trước đến nay liên tập đoàn không có “ông” nào tiêu cực. Cán bộ có đi lên chứ không đi xuống.

Thì ra cả anh và anh Hai Tâm trước kia đều là cán bộ liên tập đoàn.

- Kế hoạch tới của các anh?

- Chà, năm nay thấy bà con phơi lúa cực quá, tui tui tính đi khảo sát cái máy sấy lúa. Nghe đâu hơn chục triệu, vốn liên tập đoàn chắc làm được vài cái.

Tôi trở về Ủy ban xã Bình Thành với lòng nhẹ nhõm. Nhìn những đám mây vẫn vũ bay ngang qua bầu trời tôi lại tin rằng tương lai những hạt lúa nơi đây sẽ không còn thất thõm chờ nắng như năm nay. Liên tập đoàn quả là một mệnh thường quân lý tưởng. Trước giải phóng, có đến 60% số hộ thiếu ăn, sống bằng nghề làm mướn. Nay thì cứ mỗi năm mọc thêm 50 - 70 căn nhà ngói và cassette, tivi rải đều trong xóm.

Liên tập đoàn còn là mệnh thường quân của tất cả các hoạt động khác trong xã. Cát trường, sửa phòng học, xây dựng cầu, đường, tặng quà và trợ cấp cho gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình nghèo, ủng hộ giáo viên... đều có công đóng góp không nhỏ của các liên tập đoàn. Và có lẽ ít có xã nào chăm lo cho giáo dục như Bình Thành. Hiện nay, xã đã cất đủ các phòng học, xóa được lớp học ca 3. Hai năm nay, trong các dịp 20/11, tổng kết năm học xã đều tặng quà cho giáo viên. Tính chung với 124 giáo viên toàn xã, đã có 309 cái áo, vài chục chiếc cặp được trao tặng. Đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách khối văn xã nguyên là giáo viên chuyển sang nên luôn có tình cảm sâu đậm với ngành Giáo dục. Anh tâm tình:

- Có những nơi vào ngày 20/11, các thầy cô tự tổ chức kỷ niệm với nhau rồi mời Ủy ban, phụ huynh đến dự. Như vậy đâu còn ý nghĩa. Ở Bình Thành, thì Ủy ban-kết hợp với phụ huynh tổ chức lễ kỷ niệm rồi mời thầy cô giáo đến dự, vừa trang trọng vừa thân mật. Xã hội phải quan tâm đến ngành Giáo dục một cách tế nhị và thiết thực chứ không phải ca ngợi suông.

Qua anh, tôi được biết thêm hầu hết các trường trong xã đều không có kinh phí của huyện nên xã phải lo hết từ sách, tập, tiếp khách, giấy khen, bàn ghế cho đến từng cây đinh, sợi kẽm...

Câu chuyện giữa tôi và các anh bị ngắt quãng bởi tiếng chuông điện thoại. Một đoàn cán bộ y tế của Sở sẽ về khám bệnh cho nhân dân trong xã. Thì ra Trạm Y tế Bình Thành là trạm y tế điểm của tỉnh từ năm 1989. Ngày thầy thuốc Việt Nam 27/7 vừa qua, đoàn cũng về khám và cấp thuốc cho 96 gia đình thương binh liệt sĩ trong xã.

Nhắc tới chuyện này, anh Lợi dẫn tôi băng ngang những đê mấp mấp vàng đến phòng họp của Ủy ban xã. Tôi ngỡ ngàng trước bàn thờ Tổ quốc, ảnh Bác Hồ và chiếc lư hương đầy chân nhang. Bên cạnh đó là tấm bảng đỏ rực có ghi tên 228 liệt sĩ trong xã với đầy đủ tuổi tác, đơn vị, chức vụ. Đây là “bảng vàng” sẽ được đặt trang trọng trong Nhà truyền thống tương lai của xã. Tấm bảng được bí mật làm và đưa ra đúng vào ngày 27/7/1992 vừa qua. Tôi hình dung những bà mẹ đưa bàn tay già nua rờ vào dòng chữ ghi tên con mình, tưởng như hơi ấm của ngày còn ấm lòng, chăm sóc. Những người vợ dò tìm tên chồng mà đôi mắt nhòa lệ thủy chung suốt bao nhiêu năm ở vậy nuôi con. Chợt nhớ, tôi vừa mới viết về công tác thương binh liệt sĩ ở Bình Thành thì nay đã lạc hậu. Cái mới, cái tốt đẹp như hoa cứ nở giữa mùa xuân tình người.

Tôi hỏi thêm một câu trước khi chia tay Bình Thành:

- Nguyên nhân nào đã giúp địa phương đạt được các mặt khá toàn diện như vậy?

Anh Lợi nhỏ nhẹ:

- Theo tôi, có lẽ vì Bình Thành có quan niệm khác với một số xã trong huyện. Nếu các nơi khác chỉ lo sản xuất thì ở Bình Thành, sản xuất là để hỗ trợ cho các mặt tinh thần. Ủy ban đã kết hợp chặt chẽ với các liên đoàn sản xuất để có điều kiện làm tốt các phong trào. Chẳng hạn, số gia đình thương binh liệt sĩ đông, chúng tôi có chính sách chăm sóc tốt thì công tác tuyển quân cũng tốt theo. Rồi giáo dục, các công trình phúc lợi được xây dựng đàng hoàng, bà con thấy công sức đóng góp của mình không bị thâm lạm, lãng phí... thì lần sau vận động rất dễ. Đó là tác dụng liên hoàn, cái này tốt sẽ kéo theo cái kia tốt. Và xin nói thêm, cũng tại một phần đội ngũ cán bộ xã khá trẻ, trình độ từ lớp 11, 12 trở lên, nên khá xông xáo, tiếp cận được cái mới. Đảng ủy và Ủy ban có đề xuất gì thì chúng tôi đều đoàn kết, thống nhất và bắt tay làm.

Câu nói của anh Xuân Đức chợt văng vẳng trong tôi: “Yếu tố quyết định chính là con người”. Phải chăng Bình Thành đã có câu trả lời xác thực?

H.K

Niềm vui của người nghèo

PHƯỚC THU

*"Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng"*

Câu ca không biết có tự bao giờ, nghe mà thấm thía tấm lòng của ông cha ta nghìn xưa để lại. Đó cũng là truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam. Đất nước triển miên chiến tranh, luôn phải đối phó với nạn ngoại xâm, thì làm sao tránh được nghèo khổ. Ai cũng từng mang chữ nghèo trên lưng. Ai cũng một thời áo rách. Nhưng kỳ lạ sao! Trong cảnh chật vật, tấm lòng con người lại càng rộng mở, để kết tinh thành những câu hát sống mãi với thời gian:

*"Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn"*

Và chúng ta làm sao quên được Di chúc của Bác, niềm mong ước mà Người ấp ủ từ những ngón tay trắng ra đi tìm đường cứu nước.

"...Ai cũng có cơm ăn, áo mặc và được học hành..."

Nền kinh tế ngày càng rộng mở, đã tạo điều kiện cho những gia đình vươn lên khá giả, nhưng bên cạnh đó cũng có nhiều hộ còn khó khăn, đói kém. Giải quyết tình trạng này là trách nhiệm của Nhà nước, đồng thời cũng là của nhân dân trong nghĩa đồng bào, tình làng xóm. Cho nên Đồng Tháp đã đề ra chương trình xóa đói giảm nghèo trong toàn tỉnh và bắt tay thực hiện vào cuối năm 1992.

Mục đích chính của chương trình xóa đói giảm nghèo là huy động vốn vay từ nhiều nguồn trong toàn xã hội để tạo điều kiện cho những hộ đói nghèo tìm được cách làm ăn tốt hơn, tự mình thoát ra cảnh khó khăn. Nguồn vốn này gồm có của Nhà nước và của nhân dân đóng góp. Nhưng hiện nay trên thực tế chỉ có số vốn của Nhà nước đầu tư là chính. Đợt thứ

nhất trong năm 1993 là 1 tỷ đồng. Trung bình mỗi huyện, thị chỉ được vay từ 80 đến 100 triệu. Mỗi huyện thị có khoảng 10 xã, thị trấn. Như vậy trung bình mỗi xã nhận 8 đến 10 triệu. Quả là chưa thấm vào đâu so với số hộ nghèo trong xã (200 - 300 hộ). Cho nên đa số địa phương đều lúng túng tìm cách xử lý, làm thế nào để giải quyết thỏa đáng, công bằng?

Khâu đầu tiên là phân loại đối tượng. Những thành phần liều lĩnh ăn chơi, rượu chè, cờ bạc, hoặc già yếu, neo đơn, không sức lao động, hoặc những hộ còn thiếu nợ Nhà nước đều không được vay, mà có những chính sách khác thích hợp hơn (giáo dục, cải tạo, trợ cấp, từ thiện...). Chỉ giải quyết cho những gia đình có thiện chí làm ăn, có sức lao động nhưng không có phương tiện hoặc vốn liếng. Qua điều tra, tỉnh có đến 22% hộ nghèo. Và hầu hết là nghèo đến độ "rót mùng tơi", trong nhà không có một món gì có thể đem thế chấp được. Làm ngày nào ăn ngày nấy. Ngày nào "ế ẩm" coi như đói. Và thường là thiếu nợ quanh năm. Cho nên hình thức thế chấp ở đây là "tín chấp", nghĩa là chỉ đem uy tín của bản thân mình ra bảo đảm với Nhà nước. Đợt đầu trung bình mỗi xã giải quyết từ 18 - 50 hộ.

Chỉ thị của tỉnh là mỗi hộ được vay không quá một triệu đồng. Điều này tất nhiên dễ chấp hành. Nhưng thực tế, cho mỗi hộ vay bao nhiêu đây? Có huyện như Lai Vung chỉ tập trung cho một vài xã để số tiền được nhiều, dễ phân phối. Nhiều huyện khác thì lại chia đều để tránh so bì và cũng để cho cán bộ xã làm quen với công tác này, bởi còn nhiều đợt kế tiếp nữa.

Khi về tới xã số tiền đó cũng được phân phối theo hai hướng. Có nơi như thị trấn Thanh Bình thì chia bình quân cho các hộ để bà con khỏi thắc mắc. Nhưng đa số nơi lại giải quyết theo ngành nghề và điều kiện sản xuất cụ thể của từng hộ. Cho nên số tiền chênh lệch đến ngạc nhiên. Có hộ chỉ được vay 50.000 đồng, có hộ lại được 700.000 đồng. Kết quả như thế nào?

Thực tế qua một thời gian kiểm nghiệm, đúng là hiệu quả của công việc không chỉ phụ thuộc vào số tiền vay bao nhiêu mà còn phụ thuộc điều kiện sản xuất của đối tượng. Như chị Trần Thị Hạnh 43 tuổi, độc thân (thị xã Sa Đéc), làm nghề gánh nước mướn, nên chị chỉ cần 50.000 đồng để mua cặp thùng. Vì mỗi ngày chị gánh được 20 đôi nước. Thùng của chủ nhà thì tính 200 đồng/đôi, cả ngày được 4.000 đồng. Thùng của

chị thì tính 300đ/đôi cả ngày được 6.000 đồng. Mỗi ngày chị có thêm 2.000 đồng. Mỗi tháng cũng thành 60.000đ. Nhưng nếu cho vay nhiều hơn nữa chị cũng không biết làm gì vì không có nghề khác cũng không có chỗ chăn nuôi. Hoặc như dì Hai Trường bán cá ở thị trấn Thanh Bình, chỉ cần 100.000đ vốn mà lại được vay theo mức bình quân là 250.000đ. Vậy số dư 150.000đ đó phải tính toán làm ăn cách nào để đảm bảo còn nguyên vẹn lại vừa có tiền mà đóng lãi? Không khéo một số bà con đem chơi hụi, mua sắm, trả nợ cũ cuối cùng tới thời hạn sẽ không có để trả cho Nhà nước. Còn như trường hợp chị Huỳnh Thị Kim Cương (thị xã Sa Đéc), chỉ dám xin vay 300.000đ nhưng địa phương thấy rằng số tiền đó cũng không giúp được gì, chỉ bằng cho chị vay hẳn 700.000đ đủ mua chiếc xe ba gác. Trước kia hai đứa con trai của chị phải thuê xe, mỗi ngày chở mướn được chừng 14.000đ thì phải trả cho chủ xe hết phân nửa. Còn phân nửa ăn uống cả ngày, không dư đồng nào, nghèo cứ nghèo hoài. Khi có xe, mỗi ngày gia đình chị giữ lại 10.000đ chi xài, còn 4.000đ đem đi trả góp cho Ban tự quản khu phố. Chỉ cần 6 tháng chị đã trả dứt 700.000 vốn và 50.000 lãi, lại được làm chủ chiếc xe ba gác luôn. Em Tấn Thanh 18 tuổi, con trai lớn của chị, nói: “Má à, con ráng làm, 6 tháng nữa sẽ dư mua cho em con chiếc ba gác nữa. Hai anh em chạy hai chiếc thì mình có tiền để dành sửa lại cái nhà”.

Rõ ràng đây là sự linh hoạt của chính quyền địa phương để cho đồng vốn có được hiệu quả cao nhất. Và qua thực tế cũng thấy rõ ràng đời sống bà con nghèo có đỡ hơn. Ai cũng phấn khởi. Chú Nguyễn Ngọc Ruộng (Tam Nông) nói: “Trước kia có ai đặt làm bình ắc-quy là tôi phải chạy đi vay lãi suất 20%. Làm xong cái bình đi trả nợ liền, còn lời bao nhiêu ăn bấy nhiêu. Chừng ai đặt nữa thì đi vay nữa. Không dành dụm được đồng nào. Giờ Nhà nước cho vay rẻ như vậy, tôi mua dụng cụ sắp lắp về đặt sẵn, có làm hoài, thấy dư dả đôi chút. Tôi cảm ơn Nhà nước lắm. Nhà nước quan tâm tới dân nghèo như vậy là dân rất mừng”. Bác Bảy Đơn (Châu Thành) nói: “Tôi thiệt phấn khởi. Được vay rẻ mà dài hạn như vậy mình ít lo hơn đi hỏi bạc ở ngoài tư nhân”.

Điều đáng mừng là qua quá trình triển khai công tác, chưa nghe phản ánh tiêu cực nào. Bởi những bà con lên xã ký tên làm kế ước vay đều là những “nhân vật nổi tiếng” về nghèo trong địa phương, xóm giềng đều biết. Lọt ai “khá khá” vô là bà con phát hiện liền. Và lại cũng không ông cán bộ nào muốn giải quyết thiên lệch cho thân nhân mình, vì

như anh N.V.H (Tam Nông) nói: “Số tiền vay tối đa chỉ một triệu đồng, chẳng thấm tháp vào đâu, mà rủi bị phát hiện thì “tiêu đường công danh”. Chỉ một trường hợp ở Phú Đức (Tam Nông) có hộ vừa vay của chương trình xóa đói giảm nghèo, vừa vay chương trình giải quyết công ăn việc làm. Đoàn thẩm định đã đề nghị rút vốn.

Chương trình xóa đói giảm nghèo không chỉ giúp được dân về mặt kinh tế mà còn có tác dụng góp phần giảm bớt tệ nạn xã hội. “Bản cùng sinh đạo tặc” - Ông bà ta nói đâu có sai. Như hai đứa con lớn của chị Huỳnh Thị Kim Cương, đang độ tuổi 15 -18, trước kia cũng có ham chơi nhưng từ ngày có chiếc xe, hai anh em đều chí thú làm ăn và ước mơ sửa lại căn nhà cho mẹ đỡ vất vả. Cảm giác làm chủ được chiếc xe khiến hai anh em sung sướng, ham làm hơn lúc phải đi thuê xe. Cứ tình trạng như trước, nhà nghèo, làm hoài không đủ ăn, lại ở ngay bên bến xe hằng ngày đối diện với những trò cờ bạc, hút sách, giứt dọc... ai đảm bảo các em sẽ không sinh chán nản mà lao vào những thói hư tật xấu hoặc túng cùng phải đi móc túi, làm những điều phi pháp? Chương trình xóa đói giảm nghèo đã tạo một cửa ra cho con người, giúp họ thoát khỏi sự bế tắc, cùng cực.

Công tác này còn tạo điều kiện cho các đoàn thể và cán bộ cơ sở được gần gũi dân, ngược lại dân cũng gần bó với Nhà nước hơn. Cán bộ có gần dân thì mới hiểu dân và tin dân. Không tin làm sao dám cho vay? Dân mà không trả thì cấp trên sẽ trừ ngân sách địa phương. Do đó người cán bộ cơ sở cũng phải đứng mũi chịu sào. Như chú Năm, trưởng khu phố 9 thị xã Sa Đéc dám đứng ra đảm bảo cho gia đình chị Huỳnh Thị Kim Cương, cũng là tấm gương về người cán bộ sâu sát với quần chúng.

Công việc mới mẻ, bắt tay vào thực hiện có cái vui mừng, cái phấn khởi, nhưng cũng không tránh khỏi những hạn chế. Thứ nhất là chúng ta chưa làm được công tác kiểm tra đối với những hộ đã vay, xem họ có dùng đồng vốn đúng như quy định hay không? Một số nơi làm khá tốt (Tam Nông, Sa Đéc), còn nơi khác thường báo cáo là do địa bàn rộng, làm không xuể. Nhưng nếu xét cho kỹ thì mỗi ấp chỉ có vài hộ được vay, thì một hoặc hai tháng cán bộ tranh thủ ghé thăm một lần. Phạm vi áp dụng không phải là quá lớn, số hộ cũng không phải nhiều, và thời gian một, hai tháng cũng không phải quá cấp rập. Ngoài ra còn có sự theo dõi gần gũi của cán bộ tổ, chắc không đến nỗi khó khăn. Và chúng ta cũng nên giao cho một đoàn thể trong địa phương mà cán bộ nòng cốt vững mạnh

để chịu trách nhiệm quản lý kiểm tra công tác này. Chẳng hạn ở xã Tân Công Sinh (Tam Nông) giao cho Nông hội vì đa số hộ vay là nông dân. Thanh Bình lại giao cho Mặt trận Tổ quốc, Thanh Hưng giao cho Hội Phụ nữ.

Hạn chế thứ hai là chúng ta chưa giúp bà con phương hướng trả tiền vay. Tôi đã gặp nhiều bà con như đi Tư Tộ, đi Tư Trưng (Thanh Bình), đi Lê Thị Dự, bác Nguyễn Văn Dót (Tam Nông), chú Lê Đại Lợi (Thanh Hưng), anh Nguyễn Văn Sáu (Lai Vung), đi Trần Thị Bé (Châu Thành)... Ai cũng nói: “Chừng nào hết hạn thì Nhà nước cho tui hay trước một vài bữa” - “Rồi đi làm sao?” - “Thì cũng ráng chạy trả cho Nhà nước chớ. Đâu có để mất uy tín với Nhà nước được. Mình nghèo Nhà nước lo cho mình mượn thì mình phải ráng trả”. Nghe bà con nói mà thương đứt ruột. Nhưng nếu không định hướng ngay từ bây giờ thì không khéo đến ngày cuối cùng của kỳ hạn lại phải chạy vay của tư nhân để trả cho Nhà nước. Nghèo lại hoàn nghèo. Đi Trần Thị Bé (Châu Thành), trước kia ngày nào cũng chạy qua hàng xóm mượn 10.000đ, đi mua lá chuối bán cho các lò nem. Chiều về trả chủ 11.000đ, còn số lời 5, 6 ngàn đồng đủ đong gạo. Hôm sau lại vay tiếp. Cái nghèo lẫn quần không lối ra. Bây giờ có 100.000đ, đi mua sẵn lá để dầy nhà, bất cứ lúc nào cũng có hàng bán và bán được nhiều hơn. Tôi nói: “Không phải Nhà nước sợ đi không trả, mục đích là làm sao để đi hết nghèo, chứ đi mượn đâu này trả đâu kia, cũng bằng không. Mỗi ngày đi chỉ cần để dành 500đ, bảy tháng sau đi trả xong nợ mà còn nguyên 100.000đ vốn. 500đ mua gói xôi cũng hết nhưng nếu góp lại hàng ngày thì tới kỳ hạn đi rất khỏe. Dứt nợ mà không hay. Chứ lo 100.000đ một lần thì ngán lắm”. “Ồ, cô nói tui nghe có lý, vậy mà tui hỏng nghĩ ra”. Các bà con khác cũng tán thành cách đó. Như vậy “trả góp” là một phương pháp tích cực giúp bà con thanh toán nợ nhẹ nhàng. Bởi tiền vô nhà nghèo như gió vô nhà trống, bao nhiêu cũng hết. Chỉ có cách nhín lại mỗi ngày một chút là “chắc ăn”. Phương hướng này đòi hỏi sự cần cù, nhiệt tình của cán bộ cơ sở. Ở thị xã Sa Đéc, Ban tự quản khu phố 9 đã có hẳn một cuốn tập để ghi tên bà con vay tiền, cứ chiều chiều ai đem tiền đến góp thì gạch một dấu. Những nét mực cứ nối nhau dài trong quyển vở, cũng là đánh dấu sự chịu khó, sự kiên nhẫn của người cán bộ đối với bà con nghèo trong khu phố. Chú Năm Nam (Phó ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo tỉnh) nhận xét: “Công việc lắt nhắt nên giao cho phụ nữ, lựa cô nào, bà nào rảnh rảnh một chút”. Đối tượng thích hợp là các hộ vay làm nghề buôn bán.

Còn các hộ vay chăn nuôi, trồng trọt thì phải theo lúa, theo thời vụ, không áp dụng “trả góp” được. Phương thức trả góp cũng giúp quay vòng vốn nhiều hơn. Thí dụ mỗi người góp 1.000đ, mười người thì được 10.000đ. Có thể 10 ngày là đủ cho các hộ khác vay tiếp. Tính ra một năm biết bao nhiêu vòng quay như vậy.

Qua mấy tháng triển khai công tác, nhìn chung, kết quả tốt đẹp. Hướng tới, các địa phương đề nghị tỉnh cấp vốn nhiều hơn để giải quyết cho các hộ nghèo còn lại vay và số tiền vay của mỗi hộ cũng được nhiều hơn. Chẳng hạn vay 300.000đ nuôi heo, nhưng thực tế chỉ đủ mua con giống, rồi sau đó cũng không có tiền cho heo ăn suốt 8 tháng. Mỗi ngày đi làm đong gạo cho người trong nhà còn không nổi, lấy đâu lo thêm cho heo.

Nhưng trong lúc chờ vốn của Nhà nước, cần phát triển các kiểu giúp vốn khác trong nội bộ nhân dân (như tiền, đất, con giống, cây giống, ghe, máy...). Có các mô hình tự phát đáng chú ý như ở xã Tân Mỹ (Thạnh Hưng), xã Tân Phước (Lai Vung) Hội Phụ nữ tỉnh và khu phố 9 (thị xã Sa Đéc). Chị em trong Hội Phụ nữ Tân Mỹ và Bình Thành tự đóng góp mỗi người vài ngàn rồi cho vay xoay vòng với lãi suất 5%. Các đảng viên chi bộ xã Tân Phước cũng áp dụng hình thức tương tự nhưng không tính lãi. Các hộ trong xóm ấp ở Tân Phước lại có hình thức góp lúa. Chẳng hạn mỗi hộ góp 1 gia/mùa. Mười hộ được 10 gia cho ông A vay. Tới mùa ông A trả 11 gia, đưa cho ông B. Mùa sau ông B trả 12 gia... rất rẻ so với tỷ lệ 10 - 15 gia mà tư nhân cho “lúa non”. Hội Phụ nữ tỉnh tổ chức giúp nhau vốn, cây, con giống, ngày công lao động. Khu phố 9 thị xã Sa Đéc thương lượng với chủ xóa lãi cho số bà con vay trước đây với tỷ lệ cao trong thời gian quá lâu, số lãi chồng chất thậm chí còn nhiều hơn số vốn. Đó cũng là những kiểu tương trợ lẫn nhau.

Chương trình xóa đói giảm nghèo đang là một phong trào được khắp nơi ủng hộ. Tuy có vất vả hơn, eo hẹp hơn đối với một số cán bộ xã và nhân dân, nhưng ai cũng phấn khởi và xúc động vì thấy mình giúp được đồng bào của mình, chia sẻ được niềm vui, nỗi đau với xóm giềng, thân tộc. Ai làm ngơ được trước cảnh bầy trẻ reo mừng khi được một manh áo lành lặn, không còn bữa đói bữa no, không còn lê la phố chợ. “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”, tấm lòng người Việt Nam là như thế đó!

P.T

Báo cáo không có trong báo cáo

HỮU NHÂN

Tôi đi dọc theo bờ sông giữa buổi trưa oi bức và tĩnh lặng. Con đường rải cát và đá như cánh tay vững chắc bao bọc che chở cho một xóm làng trù phú. Thỉnh thoảng vài cơn gió lùa qua mát rượi. Hỏi thăm nhà anh cán bộ Mặt trận ấp mới hay anh còn bận chấm thi cho học sinh. Gặp đồng chí Trưởng ban nhân dân ấp tại Ủy ban nhân dân thị trấn lúc anh đang cùng đoàn khảo sát tình hình các hộ nghèo chuẩn bị kế hoạch xét cho bà con vay vốn. Đành phải chờ đến tối vậy. Tranh thủ đọc báo về công tác xây dựng khu dân cư và gia đình văn hóa, tôi hình dung ra được phần nào về nơi mình vừa đến - ấp Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò.

Ở Bình Thạnh 2, đời sống nhân dân chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp. Cả ấp có hơn 70% nhà bán kiên cố. Điều đáng mừng là chỉ có 11,64% hộ nghèo. Thuận lợi về kinh tế là điều kiện tiên quyết đưa Bình Thạnh 2 trở thành nơi được công nhận khu dân cư văn hóa cấp tỉnh. Anh Lê Văn Bảng - cán bộ Mặt trận ấp nói: “Chúng tôi cố gắng làm việc bằng tất cả sức mình. Luôn tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của bà con trong xóm”. Anh Bảng quê tận bên An Giang sang đây làm rể và chọn mảnh đất này làm quê hương thứ hai. Hằng ngày anh phải giải quyết công việc của một Hiệu phó trường tiểu học tận bên kia sông. Đêm về ngồi lại cùng anh em trong Ban Vận động xây dựng khu dân cư bàn bạc kế hoạch sắp tới. Bản thân anh còn là thành viên của tổ hòa giải ấp. Trưởng ấp Nguyễn Thanh Tòng và cũng là Trưởng ban vận động nguyên là Phó công an thị trấn nên có đầy đủ bản lĩnh và kinh nghiệm giải quyết mọi trường hợp xảy ra. Từ đầu năm đến nay, cả ấp có 16 vụ tranh chấp

thì các anh đã hòa giải được 13 vụ. Anh Nguyễn Văn Lợi đối tượng thường xuyên nhậu nhẹt gây rối, đánh vợ, đập phá nhà cửa nay trở thành một người chí thú làm ăn đã minh chứng cho sự thành công của công tác hòa giải ở Bình Thạnh 2. Trong căn nhà tương đối vững chãi, đã được tôn nền để tránh lũ, anh Lợi vui vẻ tâm sự: “Minh hư hỏng nhiều là do ảnh hưởng của bạn bè xấu đã làm khổ gia đình. Bậy bạ quá. Nhờ các anh trong Ban Nhân dân ấp khuyên giải mới hiểu ra đúng sai. Giờ chỉ biết gắng hết sức lo cho gia đình”. Điều gì đã giúp cho các anh thành công? Anh Bằng cùng đi với tôi hôm ấy nói ngay: “Tất cả chỉ bằng lý lẽ và tình cảm. Mọi việc lớn nhỏ nếu chịu ngồi lại để cùng nhau mổ xẻ và tìm cách giải quyết thì ổn thỏa cả thôi”. Mãi cho đến khi được nghe những lời nhận xét của bác Nguyễn Văn Được tôi mới hiểu ra, các anh thành công chính vì các anh được lòng dân. Bác Hai Được nhận xét: “Cán bộ ấp này hết sức vui vẻ và nhiệt tình. Bất kể ngày đêm khi chúng tôi cần là các anh kịp thời có mặt”.

Những ngày tôi về Bình Thạnh 2 là những ngày tôi được hít thở không khí trong lành. Với sự kết hợp của tất cả các ban, ngành, đoàn thể, toàn ấp đã thực hiện tốt phong trào giữ gìn thôn xóm sạch đẹp. Vệ sinh môi trường ở đây hầu như được đảm bảo. Toàn ấp, nhà vệ sinh tự hoại đạt 100% chỉ tiêu đề ra. Tất cả các tuyến đường đều mát, bóng điện sáng choang. Rồi câu lạc bộ tài tử, phòng đọc sách, tụ điểm hát với nhau... luôn đáp ứng kịp thời nhu cầu hưởng thụ văn hóa của bà con. Lớp học tình thương của thầy giáo trường làng cha truyền con nối hôm tôi ghé thăm có hơn 40 học sinh. Bác Lâm Phát Nha cho biết: “Bác đã dạy các em được hai năm nay. Hầu hết các em đều có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn”.

Việc học hành của các em luôn bị gián đoạn. Tuy vậy bác vẫn cố gắng duy trì lớp học để các em biết đọc biết viết. Bác Nha là người góp phần không nhỏ trong việc đưa Bình Thạnh 2 đạt chuẩn hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

“Điều gì còn khiến các anh ưu tư?” - Tôi hỏi. Anh Tòng trả lời ngay: “Lo làm sao bà con mình hết nghèo. Mấy hôm nay tôi cùng các anh ra soát thật kỹ tất cả các trường hợp khó khăn trong ấp. Để bà con đều được vay vốn, ăn nên làm ra là chúng tôi mừng lắm. Còn một hộ trong ấp chịu nghèo đói là chúng tôi vẫn chưa an tâm”.

Một buổi sáng đi vòng quanh khu vực ấp với các anh, đâu đâu tôi cũng thấy các anh được bà con vui vẻ chào hỏi như người thân trong gia đình. Tôi hiểu, chính vì các anh đã làm được cho bà con quá nhiều. Biết dựa vào sức nhân dân mà hành động, tôi tâm đắc câu nói của trưởng ấp Nguyễn Thanh Tông: “Sống với con người bằng tình cảm là chính nhưng khi cần lý lẽ cũng rạch ròi nghiêm chỉnh”. Thực hiện phương châm đó nên phong trào an ninh trật tự của Bình Thạnh 2 luôn ổn định. Cả ấp không còn bất kỳ một tệ nạn xã hội nào. Tổng số nhân khẩu của ấp là 1.988 người thì chỉ có một đối tượng có tiền án trộm cắp. Quả là lý tưởng. Ước gì tất cả mọi nơi đều là những Bình Thạnh 2. Tôi muốn hét toáng lên: “Cuộc đời vẫn đẹp sao, tình yêu vẫn đẹp sao...”. Tôi sống với tâm trạng ấy khi rời khỏi mảnh đất chưa quen mà đã nhớ, đến một lần rồi lòng đầy lưu luyến này.

Tháng 5/1998

H.N

BỘ SƯU TẬP ĐỊA CHỈ ĐỒNG THÁP

20 năm trước, ngày này...

Trích hồi ký của đồng chí Nguyễn Thanh Tâm, Nguyên Tỉnh ủy viên, Phó bí thư Đảng ủy quân sự tỉnh, Đại tá Phó chỉ huy trưởng chính trị - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Tháp.

NGUYỄN THANH TÂM

Đối với những ai không phải là người Việt Nam, “30/4” chỉ là một chỉ số thời gian đo lường chiều dài vận hành mang tính chu kỳ không ngơi nghỉ của vũ trụ đất trời.

Nhưng đối với người Việt Nam thì lại khác. Bởi “30/4” không còn là một ngày bình thường. Nó trở thành một sự kiện vĩ đại, một ấn tượng lịch sử.

Riêng tôi, với tư cách một người được vinh hạnh tham gia đóng góp vào sự biến chuyển của ngày 30/4 ấy, ở ngay trên thị xã Cao Lãnh thân yêu của mình, thì cái sự kiên vĩ đại, cái ấn tượng lịch sử kia lại càng khó phai mờ trong ký ức.

Tôi nhớ rõ như in. Hôm đó là một ngày cuối tháng 4 của năm 1975. Tôi, đồng chí Hoàng Ngọc - Thị đội trưởng, cùng một số cán bộ khác đang ngồi tại văn phòng Thị đội ở chùa Ông Chín Hứa, xã Nhị Mỹ để theo dõi chiến sự đang diễn ra mỗi ngày một dồn dập khắp các chiến trường trong và ngoài tỉnh thì có chỉ thị cấp trên đưa xuống khẩn trương chuẩn bị các mặt tiến hành đánh chiếm thị xã Cao Lãnh trên tinh thần tự lực “Tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã” nhằm hưởng ứng và phối hợp chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn miền Nam đã khởi sự long trời lở đất từ mấy tháng nay.

Nhận được chỉ thị, thú thật, chúng tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì đi kháng chiến cực khổ gian nguy bao năm dài đằng đẵng ai mà chẳng

mong có được ngày này. Nhưng lo thì có phần lo lớn hơn. Vì thị xã Cao Lãnh là một tiểu khu quân sự của địch có nhiều lực lượng, bố trí nhiều tầng nhiều lớp phòng thủ rất vững chắc theo thế liên hoàn nương tựa lẫn nhau trải dài trên một địa bàn rộng với nhiều phân chi khu và đồn bót dày đặc.

Chẳng những thế, trên địa bàn thị xã Cao Lãnh còn có đầy đủ các cơ quan chỉ huy đầu não của tỉnh Kiến Phong. Ngoài ra, thị xã Cao Lãnh nói riêng, tỉnh Kiến Phong nói chung từng lúc còn được sự yểm trợ về quân sự của Sư đoàn 9 do chuẩn tướng Huỳnh Văn Lạc làm tư lệnh. Tên này vào lúc đó có lập một văn phòng Bộ Tư lệnh nằm ở nhà thầy thuốc Lư, gần Bảo tàng của tỉnh Đồng Tháp hiện nay.

Về mặt tương quan, lực lượng vũ trang của chúng ta không thể so sánh được với địch. Bởi ta chỉ có vốn vẹn một trung đội biệt động lộ.

Đã vậy, sau khi nhận được chỉ thị, chúng tôi còn bắt được một tin hết sức quan trọng. Đó là toàn thể bộ đội của tỉnh ta, gồm Tiểu đoàn 502A và 502B, cùng các cơ quan Tham - Chánh - Hậu của Tỉnh đội với nhiều cán bộ chủ chốt các ngành tỉnh đã vượt Nam sông Tiền để tăng cường sức mạnh cho các huyện, thị theo kế hoạch giải phóng tiểu khu Sa Đéc. Nên thị xã Cao Lãnh và các huyện Bắc sông nói chung đều phải tự lực. Nhưng dù sao, Ban Chỉ huy tiền phương Tỉnh đội vẫn còn đặt tại xã Mỹ Thọ để theo dõi chỉ đạo tình hình. Đặc biệt còn có mặt của đồng chí Nguyễn Thanh Khê, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách giải phóng thị xã Cao Lãnh. Tập thể Thị xã ủy và Thị đội cũng như các ngành đều thống nhất nhận định: Tuy lực lượng ít nhưng chúng ta có chính nghĩa, có nhân dân hậu thuẫn và phát huy được sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân; còn kẻ địch dù có mạnh hơn ta trăm lần về lực lượng và trang bị, nhưng chúng trên đà tan rã về tinh thần và tổ chức thì rõ ràng chúng ta có điều kiện để giải phóng thị xã, nếu chúng ta quyết tâm.

Bây giờ là 10 giờ ngày 30/4/1975. Sau khi đồng chí Võ Hồng Nhân, Bí thư Thị xã ủy, phân công đồng chí Thị xã viên và cán bộ bám lại các địa bàn nội ô của thị xã Cao Lãnh, hãy còn nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của địch, với tư cách Phó bí thư Thị xã ủy kiêm Chính trị viên Thị đội, tôi được đồng chí Phạm Văn Nĩ (Hai Lô), Tỉnh đội phó, đang ở vườn trầu anh Ba Nghiệm, xã Mỹ Thọ, mời đến để kiểm tra kế hoạch tiến công vũ trang đánh chiếm thị xã. Buổi làm việc hôm ấy có đồng chí

Nguyễn Quốc Cường (Mười Cường), Tham mưu phó Tỉnh đội dự. Công việc báo cáo, bàn luận, trao đổi, cân nhắc diễn ra nửa chừng thì cái radio đặt kế bên phát ra lời tuyên bố đầu hàng vô điều kiện của “Tổng thống” nguy Dương Văn Minh.

Các đồng chí phấn chấn hẳn lên. Nhưng nhiều nhận định cho thấy bọn địch ở Tiểu khu Kiến Phong có khả năng tử thủ để chờ cơ hội cứu vãn tình thế, vì lực lượng của chúng hã còn nguyên vẹn. Thế là nửa buổi còn lại hôm đó, một tiểu đoàn mới tức tốc được thành lập, theo chỉ đạo của Tỉnh đội, do đồng chí Mười Cường làm Tiểu đoàn trưởng, tôi làm Chính trị viên, đồng chí Bảy Hùng (Huyện đội trưởng Cao Lãnh) và đồng chí Hoàng Ngọc làm Tiểu đoàn phó với nhiệm vụ tự lực giải phóng toàn bộ Tiểu khu Kiến Phong bằng những phương thức thích hợp.

Vấn đề là lấy lực lượng từ đâu ra? Vì cấp nào giải phóng cấp ấy và cấp nào cũng cần lực lượng. Bàn tới tính lui, Tỉnh đội quyết định lấy lực lượng biệt động lộ của thị xã Cao Lãnh, du kích xã Nhị Mỹ, địa phương quân Cao Lãnh và một tiểu đoàn trinh sát của Tỉnh đội. Tổng cộng chưa quá 80 tay súng.

Đến 17 giờ 30 ngày 30/4/1975, tại U Trệt, xã Nhị Mỹ, chúng tôi tập hợp được các lực lượng thông báo tình hình, phổ biến yêu cầu nhiệm vụ, triển khai phương án tác chiến cho tiểu đoàn.

Theo kế hoạch chung, chúng tôi dự định phát động quần chúng cùng lực lượng vũ trang các khu ven, kết hợp với công tác địch vận, trước mắt sẽ bức hàng các đồn chung quanh thị xã như đồn Ông Thợ, Sáu Quốc, Xẻo Bèo, Tam Giác, Kinh Ngang, Xếp Lá... tạo điều kiện tiến công thị xã.

Song song đó, chúng tôi sẽ cắt đứt các tuyến đường bộ và đường thủy dẫn vào nội ô thị xã. Mục đích là ngăn chặn, phong tỏa toàn bộ các hoạt động chi viện tiếp tế từ ngoài vào nội ô cho bọn địch, kể cả lương thực, thực phẩm.

Cuối cùng và đồng loạt, chúng tôi sẽ chỉ đạo cho toàn bộ biệt động mật, tự vệ mật nội ô nhất tề nổi dậy diệt ác ôn, phá nhà đèn, Trung tâm cấp thủy, đánh chiếm và làm chủ về đêm một số khu vực đường phố, kết hợp với công tác địch vận, làm suy yếu tinh thần chiến đấu của kẻ thù, đi đến buộc chúng đầu hàng. Dự kiến nếu địch ngoan cố kháng cự chúng

tôi sẽ quyết tâm chiến đấu đến cùng; vừa đánh vừa bổ sung lực lượng từ các nguồn nhân lực tại chỗ.

Thế là sau đó tiểu đoàn của chúng tôi xuất phát hành quân. Cùng đi với Tiểu đoàn còn có các đồng chí cán bộ chính trị của tỉnh tăng cường gồm: đồng chí Năm Hải, Phó ban An ninh tỉnh; đồng chí Mười Hải, Phó ban Binh vận tỉnh; đồng chí Ba Dương, Tám Hải cán bộ tuyên huấn tỉnh...

Bây giờ mới có 18 giờ 30 phút, nhưng trời âm u vì giăng nhiều mây đen. Gió lại thổi mạnh. Một chốc sau thì có mưa to. Song anh em vẫn lẫm lũi khấn trương băng qua nhiều cánh đồng, vượt lách nhiều đồn bót địch với hy vọng sớm tới khu 4 (Hòa An) như kế hoạch.

Nhưng mới tới Mường Khai thuộc xã Mỹ Trà, tôi bất ngờ bắt được điện từ máy PRC25 của đồng chí Bình Dân, Thị xã ủy viên phụ trách khu, cho biết bọn sĩ quan ở Tiểu khu Kiến Phong chịu đầu hàng và đang cử đại diện đón đợi tôi, đồng chí Mười Cường cùng đoàn tại chợ Mỹ Ngãi để tới Tiểu khu của chúng làm việc.

Thú thật lúc đó tôi rất bàng hoàng, ngỡ vực. Vì tôi nghĩ đồng chí Bình Dân là cán bộ chính trị. Đồng chí này không có máy PRC 25, có khi là quỷ kế “điều hổ ly sơn” của bọn địch trong trường hợp đồng chí chẳng may sa vào tay giặc.

Nhưng khi điện đàm kỹ lưỡng, trực tiếp với đồng chí Bình Dân lần nữa thì tôi tin tưởng diễn biến tình hình sẽ thuận lợi. Thế là đoàn cán bộ chúng tôi hội ý chớp nhoáng. Theo đó tôi mượn chiếc ghe máy của dân để chở tôi, đồng chí Mười Cường, các đồng chí cán bộ tỉnh và hai đồng chí bảo vệ đến nhà ông Hai Tổng ở gần chợ Mỹ Ngãi trước; còn đồng chí Bảy Hùng và đồng chí Hoàng Ngọc chỉ huy Tiểu đoàn hành quân theo kế hoạch. Bây giờ đã 21 giờ. Đoàn chúng tôi đến nhà anh Hai. Sau khi tạm nghỉ, rửa mặt, sắp xếp kế hoạch làm việc với địch xong, chúng tôi đi bộ ra chợ Mỹ Ngãi. Tại đây chúng tôi nhìn thấy các phố đều còn mở cửa. Đèn điện sáng choang, cờ Mặt trận bay phần phật ở khắp nơi chen lẫn tiếng chuyện trò cười nói xôn xao của quần chúng. Ba chiếc xe Jeep với pha sáng lờ đờ chờ sẵn ở trước mặt.

Sau cuộc gặp gỡ trao đổi với cán bộ của ta đã ra trước, tôi bước lên xe của trung tá Lưu, Liên đoàn trưởng bảo an Tiểu khu Kiến Phong cùng

với đồng chí Hùng, Trung đội phó bảo vệ đã được căn dặn kỹ lưỡng mọi cách ứng xử trong các tình huống bất trắc có thể xảy ra. Đồng chí Mười Cường thì lên xe của trung tá Hữu, an ninh vùng 4 cùng 1 chiếc xe trinh sát bảo vệ. Còn các đồng chí khác thì đi trên chiếc xe Jeep cuối cùng của thiếu tá Phạm Đoàn Thành, Quận trưởng Cao Lãnh.

Lúc này trời đã tạnh mưa. Đường về nội ô vắng ngắt vì đã quá 21 giờ. Lại do thời tiết chính trị - quân sự đang hồi "oi bức" nên nhà cửa dân hai bên đường đều khép chặt cửa. Chắc chắn bà con ở đây chưa hay tin Phân chi khu Mỹ Ngãi đã được giải phóng. Chúng tôi đang trên đường tiến về khu Tỉnh lỵ Kiến Phong. Nên vừa ngồi trên xe tôi vừa réo to liên tục với bao cảm xúc dạt dào ở trong lòng: "Bà con ơi, quân giải phóng đang về tiếp quản thị xã, xin mời bà con thức dậy đón ngày hòa bình. Bà con ơi... quân giải phóng...". Tiếng réo của tôi lạnh lạnh, vang dội trong đêm làm cho nhiều ngôi nhà bật mở cửa. Rồi giữa ánh sáng mập mờ của điện đường và sao trời dọc theo lối đi, tôi bất giác nhìn thấy khốe mắt đồng chí bảo vệ lóng lánh ngấn lệ. Còn khuôn mặt của trung tá Lưu thì đỏ ửng và méo xệch một cách thảm hại.

Bây giờ chúng tôi đã vào dinh của đại tá Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Minh nằm sâu trong một khoảng đất rộng có tượng phù điêu ở mặt tiền cùng lô nhô nhiều công sự, lô-cốt nổi bằng xi-măng chất đầy bao cát ở xung quanh. Tiếp chúng tôi có trên 30 người cấp bậc từ đại úy đến trung tá cùng các Trưởng ty. Một phần ba mặc trang phục dân sự. Còn lại mặc sắc phục nhà binh với cấp hàm cấp hiệu còn dính trên bầu và vai áo. Tất cả đều không có vũ khí tùy thân. Bầu không khí hết sức trang nghiêm, lặng lẽ và đầy hoang mang lo sợ về phía bọn địch.

Tôi nhớ lúc đó đúng 22 giờ. Đèn điện sáng trắng. Mọi người lần lượt yên vị trên nhiều bộ salon kê thành bốn hàng dọc ở tầng trệt, gần cửa ra vào hầy còn 2 tên hạ sĩ quan của tiểu khu ngồi gác. Bước vào làm việc, một người đàn ông trạc tuổi trên bốn mươi, mặc áo sơ-vin bốn túi màu nâu nhạt, chân mang giày da đen, trình trọng đứng lên. Ông ta tự giới thiệu mình là trung tá, tên Thịnh và sau khi giới thiệu tiếp cấp bậc, chức vụ, tên họ những người còn lại, từ cao đến thấp, trung tá Thịnh nói: ...Sau khi ông Dương Văn Minh tuyên bố trên đài phát thanh Sài Gòn thì hồi 15 giờ ông đại tá Tỉnh trưởng kiêm Chỉ huy trưởng Tiểu khu Kiến Phong đã bỏ anh em chúng tôi ở lại để trốn thoát bằng máy bay lên

thăng ra hạm đội 7, tại khu Văn Miếu có một số sĩ quan, binh sĩ dùng súng có cả đại liên bắn phi cơ nhưng không trúng. Đứng trước tình hình đó, tôi đã gặp trực tiếp các ông có trách nhiệm còn lại như ông Hữu, ông Lưu, ông Dung, ông Thành... - Ông ta hướng mắt vào những người đang ngồi xung quanh - Để bàn bạc phương cách nhằm tránh xô xát và đổ máu trong một tình thế đã như thế này. Sau đó, chúng tôi có quan hệ bằng đường trời (máy thông tin) với lực lượng Mặt trận Giải phóng cả buổi chiều nay nhưng không được. May nhờ nghe tin Mặt trận đã chiếm giữ và làm chủ phân chi khu Mỹ Ngãi nên chúng tôi vội vã cử người đến tìm cách liên lạc và mời được quý vị đến đây. Giờ thì chúng tôi muốn thực hiện theo lời tuyên bố kêu gọi của ông Dương Văn Minh”.

Ông Thịnh nói chậm rãi. Và giống như Thịnh, bọn địch lúc ấy nói chung không bao giờ dùng từ “đầu hàng vô điều kiện”. Bọn chúng chỉ dùng từ “bàn giao bàn lãnh với quân giải phóng” mà thôi.

Để tiếp tục chương trình làm việc, tôi đứng dậy giới thiệu cấp bậc, chức vụ từng người trong đoàn của chúng tôi rồi nói rằng chúng tôi chỉ là đoàn sĩ quan liên lạc làm nhiệm vụ tiếp quản bước đầu còn cấp trên thì sáng ngày mai mới đến. Và tôi tiếp tục nói rõ chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc và đại xá của cách mạng đối với những người lầm đường lạc lối; thực sự ăn năn hối cải thì sẽ được Mặt trận khoan hồng. Sau đó chúng tôi buộc bọn địch báo rõ tình hình quân sự, vũ khí, trang bị, phương tiện của các lực lượng, kể cả Biệt khu 44 và văn phòng Sư đoàn 9; đồng thời chỉ thị cho các lực lượng tiến đồn về ngay; hạ lệnh cho các chi khu, yếu khu, phân chi khu, đồn, tua trong tỉnh chủ động quan hệ với chính quyền cách mạng tại chỗ để giao nộp vũ khí và cho sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ về quê đoàn tụ với gia đình.

Chúng tôi còn buộc địch báo rõ các nơi quan trọng để tiếp tục kiểm tra như Ty điện lực, Trung tâm cấp thủy, ngân hàng; đưa chúng tôi đến các cơ quan, đơn vị quân sự chủ chốt, đầu não để tiếp quản. Song song với việc chờ người của chúng tôi (đồng chí Ba Dương và Tám Hải) sang Ty Thông tin dùng đài truyền thanh để thông báo rộng rãi cho quần chúng biết là quân giải phóng vào tiếp quản thị xã Cao Lãnh...

Bấy giờ có hai điều đáng nhớ xảy ra. Thứ nhất là trung tá Trần Văn Dung, Chỉ huy trưởng cảnh sát quốc gia Tiểu khu Kiến Phong chẳng hiểu sao luôn hậm hực. Hấn cứ hằm hằm nét mặt và bảo: “Không thể tin

vào những lời ông nói” rồi có ý không đầu hàng vì “Riêng cảnh sát tập trung các loại của tôi hiện giờ vẫn đang còn tới 720 tay súng”.

Thứ hai, sau khi chúng tôi kiên trì giải thích chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc và đại xá của cách mạng cho Trần Văn Dung và đồng bọn của hắn thì trung tá Hữu hỏi tôi: “Nếu ngày mai ông đại tá Chỉ huy trưởng Trung tâm huấn luyện Trần Quốc Toản và ông trung tá Chỉ huy trưởng Trung đoàn Thiết Kỵ đang hành quân ở Sarai không chịu quy thuận mà còn kéo quân về tấn công thì quý ông làm sao?”.

Nghe vậy tôi nghiêm nghị đứng lên và nói: “Báo với các anh, như chúng tôi ban đầu đã nói, chúng tôi chỉ là đoàn sĩ quan liên lạc. Trong khi chúng tôi ngồi làm việc với các anh ở đây thì 3 trung đoàn bộ binh của quân giải phóng đang tiến công vào thị xã. Nên tất cả các nơi khác lực lượng các anh cũng vẫn phải bàn giao với quân giải phóng tại chỗ. Các anh không có gì phải băn khoăn, lo lắng.

Nghe tôi nói vậy, Trần Văn Dung có phần biến sắc mặt. Riêng những tên còn lại thì mười phần tỏ ra quy thuận hết mười. Thấy vậy chúng tôi nhắc lại các yêu cầu bắt buộc ban nãy. Không ai bảo ai bọn chúng vừa cho xe GMC lên Mỹ Ngãi rước lực lượng tiểu đoàn của chúng tôi xuống vừa điện thoại hạ lệnh cho các chi khu, yếu khu, phân chi khu, quan hệ giao nộp vũ khí cho chính quyền cách mạng tại chỗ và tự tan rã.

Riêng vấn đề tù chính trị của ta, vấn đề ưu tiên số một khi đặt nội dung làm việc với địch, thì bọn chúng nói ngay từ đầu là đã thả hết từ lúc “ông đại tá Tỉnh trưởng chuẩn chạy”, tổng cộng 250 người. Trong đó có 30 tù vi cảnh. “Vì quá mừng đo thấy hòa bình đã đến nên tha luôn” - Tên Hữu nói với tôi như vậy, giọng xu nịnh. Buổi tiếp xúc làm việc của chúng tôi với bọn địch đã có kết quả tốt đẹp.

Bấy giờ song song với việc lãnh đạo các khu ven thị xã cùng với chi bộ và lực lượng vũ trang tại chỗ nổi dậy đồng loạt buộc bọn địch đầu hàng và quản lý tốt các phân chi khu, đồn, tua... chúng tôi cũng bắt đầu phân công cán bộ và lực lượng kiểm tra, quản lý các căn cứ quan trọng của địch. Trước tiên là Tòa hành chánh. Sau đó là Biệt khu 44, văn phòng Bộ Tư lệnh Sư đoàn 9, Trại Thống Linh, Trung tâm tiếp vận, Khám đường, Ty Cảnh sát quốc gia, Chi khu Cao Lãnh...

Cần phải nói thêm là, lúc đó nhờ tiếng nói cách mạng phát trên đài truyền thanh liên tục nên sau 30 phút cơ sở của ta đã lãnh đạo quần chúng nổi dậy có khí thế và chiếm giữ các đường phố khu vực: về địch thì đã góp phần làm suy sụp, tan rã thêm tinh thần tư tưởng của chúng. Và có thể nói rằng, bọn địch xem như đã bị xóa sạch về thực chất quyền lực trên địa bàn thị xã Cao Lãnh, dù rằng tất cả hầu như vẫn còn trọn vẹn, từ cơ sở vật chất, phương tiện chiến tranh, bộ máy kiểm kẹp cho đến các “quân tướng” từng hung hăng, hùng hổ một thời...

30/4/1995

N.V.T

BỘ SƯU TẬP ĐỊA CHỈ ĐỒNG THÁP

Gió Thanh Mỹ

TRẦN MẠNH HẢO

Buổi sáng ở trung tâm Đồng Tháp Mười ngọn gió thức dậy trước con người, chim muông, cây cỏ. Hay nói đúng hơn ngọn gió có ngủ bao giờ đâu mà tỉnh thức.

Có lẽ đó chỉ là cảm giác của tôi khi bất gặp vầng mặt trời như đám cháy ngoi lên trên vùng đất kỳ lạ này. Tôi nổi vào ngọn gió bất diệt của Tháp Mười bằng chính hơi thở của mình. Và tôi biết, trước tôi, sau tôi hàng nghìn vạn con người đã và sẽ lấy lồng ngực mình góp nên ngọn gió. Mọi biến động của vùng đất dữ dội này đã đi qua để cơn gió lịch sử thổi mãi, âm ỉ trong đất, rưng rưng trong cuống phổi con người, tràn đầy trong vòm cây tán lá, trên kinh rạch quê hương. Chính ngọn gió đó đã dẫn tôi về Thanh Mỹ, xã anh hùng của huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Người phương Tây có một thành ngữ: “Ngọn gió nào đưa anh tới đây?” Có phải chính ngọn gió của tình yêu, của lòng ngưỡng mộ đã đưa tôi về với Tháp Mười, về Thanh Mỹ?

Từ thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, chúng tôi ngồi trên tắc rắng theo kinh xáng về thăm xã anh hùng Thanh Mỹ. Đi cùng chúng tôi có đồng chí Bí thư Huyện ủy Hai Hớn, đồng chí Trưởng phòng Văn hóa Thông tin Ba Phong. Tôi đã gặp xã Thanh Mỹ ngay trên chiếc tắc rắng này bởi vì hai đồng chí trên đều là người Thanh Mỹ. Những ngày đen tối thời kỳ tố cộng, đồng chí Hai Hớn từng là Bí thư chi bộ xã Thanh Mỹ trong nhiều năm. Bao nhiêu nắng gió bom đạn đã lặn trong người ông và vì vậy nhìn ông có vẻ già hơn cái tuổi sáu mươi mốt nhiều. Tôi có cảm tưởng như người ông được đúc ra từ đất phèn chua mặn của đồng đất Tháp Mười. Người ông rắn lại, chắc nịch như một gốc trầm già với đôi tay thô ráp và mái tóc bạc gần hết. Ông ngồi đó trong nắng ban mai với

dáng trầm tư lặng lẽ hút thuốc và rủ rủ nói chuyện cùng tôi về mảnh đất anh hùng Thanh Mỹ. Ông nói về những tháng ngày dữ dội, sống chết của cuộc kháng chiến chống Mỹ với một giọng hiền khô và một dáng vẻ hết sức khiêm nhường. Qua một số đồng chí địa phương, tôi được biết ông Hai Hồn từng là người đánh giặc rất dữ, rất "chì". Chẳng thế mà ông đã lấy tên một thằng ác ôn nhất trong vùng đặt cho mình vừa để đánh lạc hướng địch vừa để chứng tỏ cái chất dữ dằn quyết sống mái với giặc. Ông không nói về mình mà kể với tôi về bao nhiêu con người anh hùng đã nằm sâu trong lòng đất gan góc này, đã để lại cho tôi bầu trời xanh mát đầy gió nắng. Không, tôi không thể nào ghi chép xuể trước bao nhiêu sự tích, trước bao số phận con người, bao nhiêu đắng cay ngọt bùi, bao nhiêu xương máu, mồ hôi của đồng bào, đồng chí đầu chỉ trên địa bàn xã và chỉ qua lời kể ngắn ngủi của đồng chí Bí thư huyện. Cũng như tôi không thể nào cảm nhận hết cái hơi thở lớn lao của vòng ngực đất đai vô tận này. Cũng như tôi không thể nào hiểu hết được những hi sinh xương máu của biết bao người để gìn giữ dù chỉ một dòng kinh tôi đang đi. Mặc dù tôi cũng từng trải qua bao ngày tháng gian lao trong kháng chiến chống Mỹ nhưng trước vùng đất thánh địa của cách mạng nơi đây, tôi xin nghiêng mình kính phục từng con người, từng gốc cây, ngọn cỏ. Làm nhiều mà nói ít, đó là cốt cách của con người nơi đây. Thôi, hãy im lặng để cho ngọn gió vô cùng lên tiếng, hãy để cho bờ ruộng, dòng kinh, con đường, hàng cây, cánh chim, giọt nắng đất này lên tiếng với những rung động chân thành. Kia, những ngày tháng bỗng chấy đang ở trước mặt tôi. Thanh Mỹ đấy, đồng chí Hai Hồn kêu lên và cho tôi nhìn thấy xã anh hùng mà tôi ngóng đợi. Những suy tưởng trong tôi bỗng chìm xuống như dòng phù sa gặp bãi bồi. Những giác quan của tôi ngập vào cái hiện thực xanh tươi của những xóm ấp chợt thanh bình lại chợt khói lửa.

Thanh Mỹ, có gì khác lắm đâu so với các làng xã của Tháp Mười. Cũng những ngôi nhà lá nằm dưới rặng trâm bầu hay một hàng me tây, một rặng trâm hoặc một tán dừa, bụi chuối. Thanh Mỹ với hơn sáu nghìn con người gồm bốn ấp: Hưng Lợi, Lợi Hòa, Mỹ Thạnh, Lợi An mà đã có đến gần ba trăm liệt sĩ, ngót bảy chục đồng chí thương binh. Chỉ riêng cuộc chiến tranh chống Mỹ, tính bình quân mỗi đầu người, mỗi đầu cây ở đây đã phải chịu hàng tấn bom đạn. Vậy mà chỉ sau gần mười năm giải phóng, dấu vết của sự hủy diệt điên cuồng kia như chỉ còn nằm trong

lòng đất. Thanh Mỹ nhìn lên bản đồ của huyện có dáng như cái đầu con bọ ngựa đang chuẩn bị bay về phía trước. Hay nhìn từ góc độ khác, xã Thanh Mỹ trên bản đồ giống như một lưỡi mác phóng về phía Mỹ An. Quả thực những ngày đó Thanh Mỹ chính là lưỡi dao đâm vào cổ giặc ngoài thị trấn. Thanh Mỹ, quê hương của anh hùng nổi tiếng đánh trái Nguyễn Văn Tre, quê hương của những người bám trụ gan lì, là căn cứ địa kháng chiến cho khu, tỉnh, huyện. Trận đánh nổi tiếng nhất của Thanh Mỹ là trận giải phóng đồn Vinh Huê năm 1959. Có thể nói, trước Đồng khởi Bến Tre, đây là trận đầu tiên của cả miền Nam bằng ba mũi giáp công ta đã giải phóng hoàn toàn một xã. Tính chất chiến lược của sự kiện này không chỉ được ghi chép trong sử sách bằng giấy bút mà nó còn được ghi lại rất nóng bỏng trong nắng gió nơi đây. Ý nghĩa của trận đánh được ghi lại như một cột mốc, một khởi điểm của sự bùng nổ. Và như vậy Thanh Mỹ không còn là của riêng Thanh Mỹ nữa. Ngọn gió thần diệu Thập Mười đã mang trận đánh kia gieo ra khắp nơi. Tôi xin gọi ngọn gió ấy là gió Thanh Mỹ. Hai mươi lăm năm rồi ngọn gió ấy không ngừng thổi trong lòng người dân Đồng Tháp, tuôn chảy trong nhựa cây, trong kinh rạch, trong từng hạt lúa, củ khoai của đất phèn chua mặn.

Tôi theo con đường dọc kinh Nguyễn Văn Tiếp B để đi qua các ấp: Hưng Lợi, Lợi Hòa, Mỹ Thạnh, Lợi An để tìm lại dấu vết của trận đánh lịch sử hai mươi lăm năm xưa. Đây là cái đồn Vinh Huê nằm án ngữ ngã tư kinh Cổ Cò và kinh Nguyễn Văn Tiếp, nơi địch từng gây ra nhiều tội ác trong những ngày tố Cộng kinh hoàng? Đây rồi những người lính đầu tiên trong Đại đội 272 tiền thân của Tiểu đoàn anh hùng 502 của tỉnh đã về đây phối hợp với cơ sở để giải phóng xã Thanh Mỹ? Đây ngọn gió tự do phóng khoáng đồng bằng, sao để bầu trời những ngày đen tối ấy ngột ngạt đến tức thở?

Đồng chí Hai Hớn kể với tôi về những ngày sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, ở Thanh Mỹ, Thập Mười. Ngọn gió cuồng tráng mãnh liệt của quê hương dường như phải tạm chìm vào trong đất. Các đồng chí ta vừa đi tập kết thì bọn Hòa Hảo nống ra lập bót, lập đồn. Rồi Ngô Đình Diệm dẹp được Hòa Hảo, ngụy quân tới và ngụy quyền được lập nên, Giặc trước mắt mà không được đánh, các đồng chí chúng ta còn lại, được lệnh tổ chức rút vào bí mật hoặc nằm im chờ chỉ thị. Nhiều đồng chí chọn vũ khí xong ngồi khóc nấc lên như con nít. Hỡi ngọn gió

cháy bỏng và dữ dội từng thổi qua nòng súng và dữ dội làm nên bão táp quật ngã giặc Tây suốt chín năm trời hã âm thầm nén vào đêm tối. Hã nằm im chờ đợi hơi viên đạn nhức nhối cắm thù. Ngọn gió bất diệt của đất này đang nén trong mỗi lồng ngực khổ đau sẽ chờ dịp phóng ra nghìn cơn lốc.

Giặc đến, chúng đưa máy chém và súng đạn ra hòng kìm kẹp người dân, với những tấm bảng đen kinh hoàng cắm trước cửa những gia đình có người đi tập kết, với tấm bảng đỏ cho những gia đình có người kháng chiến, đảng viên. Xóm ấp đầy tiếng chó sủa và tiếng súng, tiếng lính nhậu say chửi thề, tiếng những con vợ lính choen choét ngoài chợ Vinh Huê, tiếng người thét nấc lên vì bị tra tấn trong đồn.

Đồn Vinh Huê mọc lên trong bối cảnh ấy. Nó như một bóng ma đè nặng lên mỗi mái nhà. Giặc định đim ngọn gió hùng vĩ của quê hương xuống dòng kinh chẳng? Không, ngọn gió ấy vẫn thổi trong đêm, thổi trong những cuộc đối thoại thông minh, kiên cường của bà con ta với giặc. Ngày đó tên quận Tôn mang cả trung đội lính từ Mỹ An xuống kêu bà con tới nghe hấn huấn thị. Hấn tuyên truyền miền Bắc đói quá, ba người đeo cành đu đủ không gãy. Mấy bà già vịn lại tên quận Tôn: Như vậy thì cần gì bắt lính, cứ để chị em tôi ra ngoài đó bắt trời mang về có phải tốt hơn không. Tên giặc cụt hứng nhưng nó vẫn chưa chịu, nó nói ngoài miền Bắc ăn cám không hà, làm gì có gạo như trong ta. Mấy bà đập lại: Trong này mình chà mười giạ lúa mới được một giạ cám, mà ngoài đó người ta ăn cám không thì chắc lúa gạo nhiều dữ ta. Cuộc đấu tranh chính trị của bà con Thanh Mỹ với giặc diễn ra bằng nhiều hình thức phong phú, linh hoạt. Gió cách mạng vẫn nén trong từng tia nhìn, từng hơi thở, từng bước chân của người nông dân ra đồng sạ lúa... Gió cách mạng vẫn nằm trên các đợt dừa, trong một nhánh ô môi trưa hè vắng lặng hay trong rặng tràm xao xác mùa hoa.

Ta đã bí mật cài cán bộ, đảng viên vào bộ máy tề nguỵ, đưa người của cách mạng vào làm lính dân vệ trong đồn Vinh Huê. Tôi đã gặp đồng chí Tư Liễu ngày ấy là đảng viên được chi bộ điều vào làm ủy viên hệ tịch trong bộ máy tề xã. Đồng chí Tư Liễu năm nay đã về hưu, tuổi ngót sáu mươi, tính trầm lặng ít nói, kể cho tôi nghe về những ngày tháng đầy biến động ở cái xã nhỏ bé nằm sâu hút trong Đồng Tháp Mười này. Lúc đó giặc trên Mỹ An cho tên Lê Đoan, một tên ác ôn khét tiếng

làm trưởng đồn bình định dẫn đầu bốn chục tên về đóng đồn tại chợ Vinh Huê xã Thanh Mỹ. Chúng kiểm soát từng chân tơ kẽ tóc, mọi việc làm dù nhỏ nhất của người dân cũng không qua nổi mắt chúng. Súng ống rần rần, dây thép gai ngang dọc, lô-cốt mọc lên, nhà việc, nhà làng người lui kẻ tới, lính tráng ăn nhậu, làm tiền đồng bào trắng trợn. Chỉ còn có khí trời là chúng chưa gom vào đồn bót. Lòng căm thù giặc của người dân bị nén tới mức cuối cùng chỉ còn chờ cơ hội bùng lên thành bão táp. Tình hình lúc đó không chỉ ở Thanh Mỹ, Tháp Mười mà ở cả miền Nam, một mặt ta tôn trọng Hiệp định Giơ-neo chưa ra lệnh vũ trang, mặt khác Đảng vẫn lãnh đạo quần chúng đấu tranh chính trị kết hợp binh vận. Có đồng chí đã giấu súng đi rồi, song thấy giặc đàn áp chịu không nổi đã bí mật đào súng giết chết tên ác ôn trong xã. Làm xong việc đó đồng chí ấy đã đến gặp tổ chức xin chịu kỷ luật. Các đồng chí trong chi bộ lúc đó chỉ còn cách nhìn trân trân đồng chí mình bị bắt, bị giết mà lặng lẽ rơi nước mắt. Nhưng tình hình thực tế cách mạng miền Nam thay đổi, nhân dân đòi khởi nghĩa vũ trang. Ngọn gió lịch sử đã đến lúc xoay chiều. Trận đầu tiên là trận bằng lực lượng vũ trang, ta đã đánh tiêu diệt và làm thiệt hại nặng hai tiểu đoàn chủ lực địch ở Gò Quản Cung tháng 9/1959. Trận đánh có ý nghĩa vang dội, làm nức lòng người, truyền cho mỗi người dân nơi đây một sức mạnh mới, tạo cơ hội cho những đợt sóng vũ trang tiếp theo.

Không khí tại xã Thanh Mỹ lúc đó là không khí trước trận bão. Ai cũng cảm thấy sắp có điều gì lớn lao sắp xảy ra trước mắt mình, dưới chân mình. Đồng chí Năm Phú bấy giờ được tổ chức điều động làm nhiệm vụ nắm cơ sở trong đồn Vinh Huê. Sau đó đồng chí thay đồng chí Hai Minh làm Bí thư chi bộ B, chi bộ hợp pháp. Ta đã có bốn đồng chí cơ sở trong đồn. Đó là Năm Một, Tư Thanh, Tư Chớp và Bơ. Đồng chí Tư Thanh lúc đó là trưởng y tế hương thôn, kiêm phụ trách y tế trong đồn. Giờ đây sau hai mươi lăm năm trời đi qua đồng chí là Phó giám đốc Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp. Tôi đã tìm gặp đồng chí Tư Thanh tại thị xã Cao Lãnh trong phòng khách của Sở Y tế. Với mái tóc hoa râm, dáng người nhỏ nhắn, nét mặt hiền lành tưởng như đồng chí chưa hề kinh qua gian khổ sống chết những năm tháng chống Mỹ gian lao.

Đồng chí Tư Thanh kể:

Thông qua đồng chí Hai Tường nay là Phó giám đốc Sở Lâm nghiệp tỉnh, tôi liên lạc với tổ chức mà cụ thể là đồng chí Năm Phú. Cùng với Năm Một, Tư Chớp chúng tôi phải hết sức cố gắng tranh thủ anh em binh sĩ trong đồn. Tình hình thời đen tối ấy mọi cái đều không dễ dàng, bất cẩn một chút thôi là có thể rơi đầu. Tôi được lệnh tổ chức sắp tới ta sẽ giải phóng Vinh Huê. Bản thân chúng tôi rất vui mừng tin tưởng, tuy nhiên lòng vẫn không khỏi lo âu. Trong buổi ban đầu này, bằng cách gì đây để đỡ tổn xương máu, để đạt được hiệu quả tốt nhất. Riêng tôi rất sẵn sàng dù có hy sinh thân mình để giải phóng xã nhà tôi cũng không hề toan tính. Việc đầu tiên là để chính đồng chí Năm Phú vào quan sát đồn Vinh Huê. Bấy giờ tôi là thư ký tề xã nên nhân buổi Xã đoàn trưởng Tư Lự, đại diện tề xã và ủy viên cảnh sát Hồ Văn Phước dẫn lính đi ruồng bố kinh Ba, tôi tạo điều kiện để các đồng chí lực lượng vũ trang của trên về điều tra nghiên cứu. Đồng chí Năm Phú dẫn hai đồng chí giả bộ đi bắt rần, ếch quanh đồn. Trong đồn, chỉ còn tôi là đốc gác và ba lính. Tôi sai một tên lính gác cửa sau đồn, hai tên kia ra chợ mua mỗi nhậu. Vì thế các đồng chí ta đã vẽ được sơ đồ đồn Vinh Huê. Tối đó tôi gặp đồng chí Năm Phú tại chợ Thanh Mỹ để phối hợp ngày giờ đánh đồn.

Tối ngày hành động thì buổi sáng tôi bị tên Trưởng ty Y tế tỉnh gọi lên Cao Lãnh họp, may mà tối đó kịp về. Tối ấy tôi hồi hộp chờ theo đúng hẹn là một giờ đêm tới phiên gác của Tư Chớp, đặc công mới bò vào đặt trái nổ và trong đánh ra, ngoài đánh vô. Nhưng mới mười hai giờ rưỡi đêm, hai chiến sĩ đặc công đã bò vào, lúc đó là giờ gác của tên Ba Ghe Đá. Hắn phát hiện động và bắn hàng loạt. May mà hai chiến sĩ của ta kịp lăn xuống kinh chạy thoát. Bấy giờ trong đồn náo loạn hẳn lên, lính tráng bắn ra, ở ngoài lực lượng ta bắn vô. Nhân lúc hỗn loạn, tôi giắt lấy cây súng của Bơ là một cơ sở đứng phía sau bắn gục tên Lê Đoan là chủ tịch khu bình định 1 Cao Lãnh kiêm chủ tịch xã Mỹ Quý. Sau một lúc bắn nhau, lực lượng bên ngoài rút êm còn bốn chúng tôi là cơ sở không thể rút. Giặc mở cuộc điều tra ráo riết về cái chết của tên Lê Đoan. Bung tôi cũng hơi run có ý định đồng tuốt vào trong bưng nhưng được chỉ thị của tổ chức tôi phải bám trụ lại chừng nào chưa giải phóng được đồn Vinh Huê. Cuối cùng cái lì lợm của chúng tôi đã thắng cái hung bạo gian ngoa của giặc. Chúng không thể tìm ra người đã bắn Lê Đoan. Định điều thêm 5 tên từ huyện lỵ Mỹ An về. Chúng canh phòng

ráo riết, cẩn thận hơn trước nhiều. Thời gian sau chúng tôi tìm ra sơ hở của giặc để bố trí ngày giải phóng xã.

Thời cơ đã đến, ta chọn đêm 24 rạng 25/12/1959 là ngày đánh đồn Vinh Huê. Đêm ấy bầu trời Thanh Mỹ im lặng một cách đáng sợ. Tưởng như hàng nghìn đêm đều dồn lại đêm nay. Những anh em cơ sở trong đồn hồi hộp chờ giờ G. Đêm ấy anh em chúng tôi đi mua rùa về nhậu chuốc cho những tên ác ôn say mèm. Chúng nằm vật ra đất ngủ. Khi lực lượng trên bờ vào chúng tôi đã kịp gom hết súng. Đêm đó ta thu 17 khẩu súng, 2 thùng lựu đạn và nhiều quân trang quân dụng khác. 5 tên ác ôn phải đền tội. Sau đó 2 tiểu đội của lực lượng vũ trang kết hợp với chúng tôi đốt đồn Vinh Huê. Kết hợp chặt chẽ với mũi võ trang và binh vận khởi nghĩa, nhân dân trong xã nổi dậy đánh trống mõ, cầm gậy gộc đổ ra đường lòng bắt bọn tề ấp, bọn mật báo, làm chủ xóm thôn và tuyên bố xã Thanh Mỹ giải phóng.

Đồng chí Tư Thanh kể xong lặng lẽ cùng tôi ngồi hút thuốc. Mọi suy tưởng của tôi chợt ùa dậy như trận gió đồng bằng để được tham dự vào cơn bão táp Thanh Mỹ hai mươi lăm năm về trước trong trận phá đồn giải phóng xã đầu tiên của miền Nam. Tôi hình dung ra ngọn lửa cháy bùng bùng thiêu đồn giặc đêm ấy như ngọn đuốc đồng khởi dữ dội, báo hiệu sức mạnh quật khởi. Ngọn gió của chiến tranh nhân dân đã bắt đầu từ mỗi giọt máu đồng chí đồng bào chúng ta rơi trong bao năm trời. Ngọn gió ấy đã âm thầm cháy lên thành ngọn lửa trong căn hầm sâu dưới đất nhà bà Tám Thôn, nơi nuôi giấu đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trong những ngày giặc khủng bố gặt gao. Ngọn gió ấy đã bắt đầu nhóm lên thổi bà Tám Thôn bị giặc bắn chết khi đội cơm cho cán bộ ăn trong những ngày gian khổ. Ngọn gió ấy có lúc mang hình những đường roi ngang dọc trên thân mình ông Sáu Soái bị giặc tra tấn dã man vì có hầm giấu cán bộ trong nhà.

Từ đêm 24/12/1959 ấy, ngọn gió Thanh Mỹ quật khởi đã nổi lên không chỉ trên bề mặt của quê hương, nó còn thổi xiết trong chiều sâu thẳm của lòng người. Như một đốm lửa đầu tiên của Đồng Tháp Mười, lửa Thanh Mỹ đã loang đến khắp nơi trên quê hương miền Nam đồng khởi.

Tôi đã tìm gặp đồng chí Bảy Việt hiện là thiếu tá quân đội, người tiểu đội trưởng còn sống duy nhất đến ngày nay trong 2 tiểu đội tiền thân

của Tiểu đoàn anh hùng 502 của tỉnh từng tham gia giải phóng đồn Vinh Huê năm ấy.

Đồng chí Bảy Việt bấy giờ là tiểu đội trưởng tiểu đội hai, người được giữ khẩu ga-răng quý nhất của lực lượng võ trang tỉnh. Khẩu súng trường lịch sử ấy đã đi suốt cuộc chiến tranh, lập nhiều chiến công, nhiều đồng chí giữ súng đã hi sinh nhưng khẩu súng vẫn còn, giờ nằm trong Bảo tàng tỉnh. Cũng như khẩu súng ấy, đồng chí Bảy Việt đã tham gia 385 trận, bảy lần bị thương. Người chiến sĩ tham gia đánh đồn Vinh Huê năm ấy đang ngồi kể lại cho tôi nghe một cách sôi nổi như thể trận đánh vừa xảy ra. Ngọn gió Thanh Mỹ như ngọn lửa cháy lên rần rật trong mắt người chiến sĩ. Ngọn gió ấy đang thổi vào tôi những dòng kinh các đồng chí ngâm mình trong đêm, những cánh đồng trống trải chua phèn mù trời bom dội.

Đồng chí Bảy Việt kể về những ngày ếm quân trong Đồn Tháp Mười khi giặc vây lùng bốn phía, nước mùa phèn đắng chát không uống được, các đồng chí ta sáng sáng phải đi tìm từng giọt sương đọng lại trong vết chân trâu hay gom từng giọt sương trên lá sen về uống. Gió trời Thanh Mỹ, Tháp Mười cứ xoáy cũng như con người từng quần quai trong nghìn cơn khát cháy đòi giải phóng quê hương.

T.M.H

Duyên dáng Sa Đéc

LÊ NGÂN

Đi một vòng chợ Tết, tôi giật mình, Sa Đéc là một nơi có truyền thống trồng hoa kiểng, và chơi kiểng vậy mà năm nay, hoa ngoài chợ chỉ bán được phân nửa, nửa còn lại bán đổ bán tháo với cái giá khiến người làm vườn đau lòng. 30 Tết, một cặp đại đoá 3.000đ, một cặp thực được 4.000đ, một cặp vạn thọ 600đ... Kinh tế biến động quá, hay vì con người không còn thích những thú vui tinh thần? Tôi tự hỏi. Nhưng khi ghé gian hàng cây cảnh của chị Nguyễn Thị Phú, tôi mới nhận được giải đáp cho mình.

Ở đây, rợp cây và người. Chị Phú không có đủ hàng cung cấp cho khách. Khách từ tỉnh khác qua lấy sỉ như An Giang, Hậu Giang, Cửu Long, hoặc các huyện Châu Thành, Lai Vung, Thạnh Hưng, Hồng Ngự. Khách trong nội ô thị xã thì đến mua lẻ về chưng. Tha hồ khách chọn. Từ “cây nhà lá vườn” của Sa Đéc là xứ Thái Lan, Cẩn thẳng, Nguyệt quế, Kim mai, Kè nhứt, Trắc bá điệp... cho đến xương rồng, Kè ta, các loại bon sai của Thủ Đức, Bình Dương, hay Bạch tuyết mai của Cái Mơn, Sơn liễu của miền Trung... Rồi nào là Mai vàng, Mai chiếu thủy, Quỳnh tử mai, Cúc mai, Phước lộc mai, Thiên tuế, Kim quít, Kim thủy Tùng và các cây uốn hình nai, công, lân, cá, bản đồ Việt Nam, quả địa cầu... Bao nhiêu người ngắm nhìn thích thú. Và đang lúc gạo đất đỏ, tén dụng bề khắp nơi, buôn bán trầy trật, vậy mà người ta dám bỏ ra một vài trăm ngàn mua cây kiểng quý, hoặc ít nhất năm, mười ngàn mua một chậu bon sai hay một hòn non bộ nhỏ. Cũng có lẽ do đời sống ngày càng công nghiệp hóa, con người dễ mệt mỏi, nên quay tìm về sự tĩnh lặng của thiên nhiên. Vẻ đẹp của cây kiểng tuy không phô trương như hoa, nhưng tiềm tàng mạnh mẽ, tạo cảm giác thanh thần, trong sáng, đồng thời tự tin, nghị lực. Có thể nói ở Sa Đéc, mười nhà đã có 8 nhà chơi kiểng.

Phong trào bắt đầu từ lúc nào chẳng rõ, chỉ biết năm 1990 là năm mốc làm mọi người chú ý. Cây kiểng thay đổi cả vị trí lẫn ý nghĩa. Vào thời Pháp thuộc nó chỉ hiện diện ở những nhà giàu có, nhất là địa chủ. Và mang ý nghĩa: Chơi cây kiểng phải tốn nhiều thì giờ chăm sóc, ai chơi nó có nghĩa là người đó không cần phải vất vả với miếng cơm manh áo. Cây kiểng là một bằng chứng cho sự khá giả. Quả thật, nó tôn vẻ quyền quý của ngôi nhà, khiến khách vào khép nép, chùn chân. Đến thời Mỹ - Thiệu, thì cây kiểng hầu như bị quên lãng. Người ta đua nhau làm giàu, rảnh thì đi nhảy đầm, coi hát. Một người 60 tuổi, từng sống qua nhiều chế độ, chơi kiểng sành sỏi, đã nói với tôi như vậy. Nhưng bây giờ cây kiểng không còn vị trí độc tôn ấy nữa. Nó đã có mặt ở khắp nơi. Một thân cây uốn hình nai trước sân một ngôi nhà lá. Một chậu bon sai trên bàn viết của một công chức bình thường. Cây kiểng biểu thị cho sự thanh lịch, trí thức, tao nhã.

Và “nghề chơi cũng lắm công phu”, nhiều người bỏ ăn bỏ ngủ, mê kiểng còn hơn... mê vợ. Anh Ba Liệt là thợ cắt tóc, tiền dành dụm dồn hết vào kiểng. Cứ lâu lâu rinh về một cặp giá trăm ngàn đổ lên. Đây sân lúc nào không hay. Hết giờ làm, lại chúm mũi vô kiểng với hòn non. Chị Ba nghi, chồng không cờ bạc, rượu chè là tốt rồi. Anh Hai Tài có 6 cây kiểng trên 100 năm, người ta trả giá toàn bằng vàng nhưng anh nhất định không bán. Cậu học trò nhìn ấn sáng để dành tiền mua từng cục đá về sắp hòn non. Và còn rất nhiều gương mặt khác nữa. Thì ra con người vẫn vượt lên khỏi những nhỏ nhen đời thường để nâng niu cái đẹp. Lẽ nào không vui mừng khi thấy xã hội có những sinh hoạt văn hóa như thế.

Cũng không thể không viết đôi dòng về những người đã sáng lập ra gian hàng cây cảnh của thị xã.

Những năm 60 có một cô gái ngày nào cũng đợi cậu đem về một bó hoa tươi để cắm trên bàn học. Cậu có chiếc xe đồ chạy đường Sài Gòn - Châu Đốc, thương cháu nên không bao giờ quên món quà nhỏ nhoi nhưng vô cùng giá trị về tinh thần ấy. Kỷ niệm thời thơ ấu như một dấu hiệu của định mệnh để vài mươi năm sau, cô gái của vùng Châu Đốc núi đá khô cần trôi dạt về sống hẳn ở Sa Đéc, nơi nổi tiếng về nghề hoa kiểng. Rồi chị trở thành người quản lý gian hàng cây cảnh của Phòng Công an thị xã.

Gian hàng như một nốt ruồi duyên dáng điểm trên gương mặt thị xã. Nhiều khách ở xa nói: “Về Sa Đéc, ghé chỗ chị, dù không mua tôi cũng vui, vì được chiêm ngưỡng những cây cảnh đẹp”. Nhờ cách đây 4 năm, con đường Hùng Vương là nơi người dân rất ngại đi qua. Vắng, tối, lại có một hàng rào gai bịt bùng những cỏ. Đối diện đây là Phòng Công an. Ấn tượng từ phía nào cũng nặng nề. Nhưng không ngờ, chính những người công an, đầu tiên là anh Tuấn Phó phòng, đã xóa đi ấn tượng nặng nề ấy bằng cách góp sức và giúp đỡ chị Phú thành lập gian hàng cây cảnh. Con đường bỗng đẹp hẳn lên, tươi mát, và đậm đà nét truyền thống của xứ sở.

Nhưng bước đầu cũng lắm gian nan. Phong trào chơi kiểng chưa rộ, bán buôn rất ít. Ba năm trời, chị Phú bỏ vàng cây ra làm vốn, mà thu lại chẳng thấy đâu. Có khi ba ngày trời không bán được món nào. Nhưng chị không nản. Các anh bên Phòng Công an động viên chị, khuyên chị hãy cố gắng duy trì. Tấm lòng của các anh làm chị cảm động. Hướng gì chị là người rất yêu hoa yêu kiểng. Cho nên chị cố gắng chịu đựng. Chị bươn chải việc khác để nuôi gian hàng, kiên nhẫn chờ đợi ngày mọi người nhìn ra giá trị cái đẹp của cây kiểng. Và trời đã không phụ lòng người. Năm nay chị làm ăn khá hơn. Mọi người càng chú ý đến gian hàng của chị, điều đó thuận lợi cho tương lai sau này.

Đặc biệt, ở chị, dường như không có ranh giới giữa kinh doanh kiểng và chơi kiểng, chị bán đúng giá trị món hàng và không thích khách trả tới trả lui. Nhưng chị có thể biểu không một cách hào phóng, chân tình, đối với một người khách nghèo nhưng quá mê cây kiểng. Chị biết họ sẽ chăm sóc nó chu đáo, không làm cho nó tủi thân. Một là bán đúng giá, hay là cho không, chứ cây kiểng không phải thứ để bị o ép, mặc cả.

Và con mắt sành sỏi của chị được nhiều người tin tưởng. Tình cờ tôi gặp anh Út - Chủ tiệm mì Chí Ký - ở gian hàng, anh nói: “Cây mai tôi mua của chị 100.000đ, thẳng bạn tôi ở Sài Gòn về hỏi, tôi nói đùa là 500.000đ. Nó trả liền 1 triệu. Nhưng tôi không bán”. Bây giờ anh mới thật phục sự “tiến cử” của chị.

Sắp tới chị sẽ phát triển gian hàng hơn nữa để đáp ứng kịp với nhu cầu chơi kiểng ngày càng cao và đa dạng. Sự hậu thuẫn của Phòng Công an thị xã thật đáng quý. Họ đã góp phần khai sinh cho nét duyên dáng của quê hương, đồng thời cũng làm cho ngành mình thêm duyên dáng,

xóa đi ấn tượng không tốt trong lòng người dân. Nhưng bên cạnh đó còn phải có sự giúp đỡ của các cơ quan phụ trách, như Ủy ban nhân dân, Phòng thuế... Những ngày khó khăn của gian hàng, người quản lý nó phải âm thầm chịu đựng thì bây giờ, có khá hơn, lại càng nên ủng hộ nó hơn, để nó có thể tiếp tục phát triển. Cái lợi ở đây là vô giá không thể đơn thuần tính bằng tiền bạc. Bớt đi một chút thu nhập kinh tế, để có được cái đẹp và niềm tự hào quê hương, chắc là không quá đắt!

Thị xã nhỏ bé, không ồn ào, còn vương vấn nhiều nét rất cổ, nhưng ẩn chứa sự duyên dáng và sức sống mãnh liệt. Hãy trồng cây kiểng kia, hàng trăm năm lá vẫn tươi xanh! Người làm đẹp cho cây, hay cây làm đẹp cho người? Đối với Sa Đéc, đó là một sự hòa quyện...

L.N

Về Bàu Hút

NGUYỄN TRUNG THỨ

Bàu Hút. Cái tên ấy không biết do ai đặt ra và cũng không biết chính xác có từ lúc nào, nhưng khi tôi được sinh ra thì mặc nhiên trở thành dân miệt Bàu Hút. Lúc đang học lớp nhì trường tiểu học ngoài quận, mấy đứa học trò dân chợ xúm lại dòm tôi thò lỗ rồi vặn hỏi, bình phẩm lung tung:

- Mà ở chỗ... hút, hút... gì đó chắc xa dữ lắm hả?

- Nghe ba tao nói dân ở trồng “quê một cục”, còn con nít toàn “cù lẩn lữa” không hà. Ngoài đồng địa và muối ghê lắm...

- Có thấy Việt cộng không?

Trong tiếng Việt, từ “hút” thường đi đôi như “heo hút”, “mất hút”... để chỉ sự xa lác tí mù, bất tin cá nhạn. Có lần đám trang lứa chúng tôi cãi nhau ỏm tỏi:

- Bồ hút, Bù hút, Bàu hút, kêu tên nào cho đúng?

Giảng co hoài, chẳng biết tên nào chính xác, bởi lúc đó chỉ toàn nghe nói miệng, không thấy thể hiện địa danh này trên giấy tờ, bằng hiệu gì cả. Cuối cùng cả bọn huề trớt quớt, “thôi, hút nào cũng hút”, cãi cọ chi cho mệt. Còn cánh người lớn thì nhắc đi nhắc lại câu: “Tân Bình, Bàu Hút, Xẻo Gia...” để nhớ lại một thời xa xưa với những sự kiện khó quên nào đó.

Bàu Hút ở cách huyện Lấp Vò khoảng một giờ rưỡi bơi xuồng. Nhiều người có cảm giác đó là nơi đèo heo hút gió, bởi đây là vùng đất ghi dấu nhiều ấn tượng hư thực lẫn bi hùng của một vùng bưng biển, lung trấp.

Vùng Bàu Hút nằm trên một đoạn của con rạch Lấp Vò, lọt thỏm giữa mấy địa danh gọi lên một thời cơ cực của cư dân. Đầu ngoài là xóm Đuôi Chuột - cái xóm nghèo xơ xác thời Pháp thuộc phải đi bán đuôi chuột (những nhà khá giả mua để nộp thuế đuôi chuột cho làng xã) nhằm kiếm miếng cơm, manh áo. Phía trong giáp với mương Chuông Bò, không biết vì sao kêu như vậy, nhưng rõ ràng cái tên ấy chẳng hay ho gì. Trung tâm là một ngã ba dẫn vào con rạch Bàu Hút, với hai nhánh là Ngã Cạy và Ngã Bát. Tại ngã ba này, theo đường sông và đường đồng có thể tỏa ra đi chợ Lấp Vò, xuống Vĩnh Thạnh, sang Mỹ An Hưng, lên Hội An Đông hoặc qua quốc lộ 80.

Theo ông già bà cả nói lại, hồi xưa trong ngọn Ngã Cạy, nơi giáp nước với ngọn Mương Kinh có một cái bàu khá rộng. Chẳng biết tác động của dòng thủy lưu ra sao mà tạo nên một vùng xoáy, các thứ trôi đến gần bị hút xuống đáy rồi nổi lên ở nơi khác. Địa danh Bàu Hút có lẽ xuất phát từ đây với bao câu chuyện huyền hoặc đậm nét dân dã của thời mở đất. Còn tiếp giáp với ngọn Ngã Bát có một nơi gọi là Ngọn Tháp. Cũng nghe kể lại, hồi xưa nơi đây tự nhiên nổi lên một gò đất xen lẫn với đá. Dân trong vùng sợ nó lớn dần thành quả núi rồi mất hết đất đai, chẳng còn nơi cư ngụ, bèn đem quần áo phơi lên đó, cột trâu bò giẫm đạp riết nên nó không lớn thêm nữa, để lại một truyền thuyết khá hi hữu. Mấy chuyện trên hư thực ra sao, thế hệ hậu sinh chúng tôi không tiện lạm bàn. Trong khi tâm lý học trở miệt vườn ra chợ đều tránh né nói tên nơi chôn nhau cắt rốn, sợ bị chê là dân quê mùa thì tôi vẫn luôn thật thà, mặn nồng với cái gốc gác là dân Bàu Hút.

*
* *

Buổi hàn huyên “ôn cố tri tân” được mở đầu bằng câu khẳng định như đinh đóng cột của gia chủ, một người thuộc hàng cố cựu nơi đây:

- Ở cái xã Bình Thạnh Trung anh hùng này, đất địa và dân Bàu Hút là trần thân khổ ải hơn ai hết.

Sở dĩ nơi đây hứng chịu nhiều gian khổ do nằm ngay vùng rốn của xã và huyện, vùng tranh chấp quyết liệt, cả ta và địch đều muốn nắm Bàu Hút để làm khâu huyết mạch giao lưu nơi khác. Mấy năm kháng chiến chống Pháp và mở đầu chống Mỹ, Bàu Hút từng là nơi đùm bọc,

chở che cho nhiều cán bộ Tỉnh ủy Long Xuyên, Huyện ủy Lấp Vò (thời ấy Lấp Vò thuộc tỉnh Long Xuyên). Rồi xuyên suốt cho đến ngày giải phóng, Bà Hút thuộc ấp Bình Thạnh, không một ngày yên ổn. Gia chủ lại trầm tư:

- Giặc ruộng bố liên miên. Có năm lúa chín vàng đồng, bọn chúng tràn vào thành bình địa hết. Coi như năm đó chẳng có tết chút gì ráo.

So với ấp Bình Hiệp, Bình Trung ở phía ngoài vàm rạch, thuộc vùng bình định của Mỹ - nguy, ít chịu bom đạn. Phía trong, ấp Bình Hòa là vùng giải phóng, mấy năm ác liệt dân chúng tản cư gần hết, cũng đỡ thiệt hại. Còn lại ấp Bình Thạnh khúc giữa, có lúc là vùng giải phóng, có lúc lại bị địch chiếm đóng đồn, có khi “ngày quốc gia, đêm Việt cộng”. Bộ đội tỉnh, bộ đội huyện lần dân quân du kích thường qua lại, ém quân nơi đây, mặc dù đồn Bà Hút như cái gai trước mắt.

Tư Trí nhà ở trong ngọn Ngã Cạy, hồi xưa làm du kích, nay là Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận huyện Lấp Vò ngâm ngùi hồi tưởng:

- Anh em “đàng mình” lúc đó hy sinh nhiều lắm. Còn bị thương thì có lúc như cơm bữa. Đến chết rồi tụi nó cũng không để yên, hành hạ tàn bạo dữ lắm. Có lần hai cán bộ ta hy sinh, tụi nó vùi thây ở ngọn Ngã Cạy, kèm theo ba trái lựu đạn đã bật nắp, rồi mai phục suốt ba ngày đêm. Phải đến đêm thứ tư ta mới lấy xác nhưng sống chết trong gang tấc, bởi sơ sẩy chút xíu là người sống lẫn người chết sẽ thành tro bụi.

Còn chuyện Út Liễu thoát chết còn chua xót hơn. Bữa đó anh đang kéo côn dưới sông, tên trưởng ấp đi ngang ra lệnh:

- Ê, liệng lên vài con bự bự nhậu coi mậy!

Vốn chơn chất, yếu bóng vía, Út Liễu lượm vài con cá lóc lớn nhất đưa lên. Tên trưởng ấp vừa xách râu cá bước đi thì tốp lính bảo an trở tới, cũng đòi phần. Út Liễu luynh quynh gom vét mấy con cá còn lại trong khoang xuồng để cống nạp thêm lần nữa. Tưởng đâu vét nổi giữ ống “cúng khở đốt nhang” như vậy là êm xuôi. Dè đâu đến xế chiều có người mách bảo làm anh ta kinh hồn bạt vía:

- Thăng Út, mày lánh mặt tối nay. Tụi bảo an tính giết mày đó.

- Nhưng tui có tội tình gì đâu? Nó xin cá tui, tui cho đàng hoàng mà!

- Tao nghe rõ ràng một thằng ra vẻ chỉ huy hẳn học, chửi thề rồi nói: Nó khinh thường tụi mình quá. Cho thằng trưởng ấp cá tổ chẳng. Còn cho tụi mình cá con, có nước cho chó ăn. Dám chơi xỏ lá, tối nay rình bắn bể đầu cho nó chầu trời luôn...

Tối đến, tụi bảo an mai phục nhà Út Liễu thiệt. Đạn lên nòng, tay chực sẵn cò súng, năm sáu tên chong mắt canh me sẵn sàng nhả đạn. May nhờ anh đã trốn khỏi nhà từ chiều. Đám lính rình rập tới khuya chẳng thấy tăm hơi, bèn kêu vợ Út Liễu ra làm khó dễ, bắt đi mấy con gà mái đang làm ổ rồi rút.

Câu chuyện bi ai của Tư Trí vừa kể khiến cho ai nấy dăm chiêu. Không gian buổi sáng mùa xuân như chùng xuống, thời gian dường như đọng lại. Ngoài sân, mấy cây mai rục vàng một góc, lũ bướm đa sắc màu chập chờn trong gió. Rồi mọi người cũng quay về hiện tại bởi tiếng rồ ga của một đoàn xe gắn máy lao nhanh trước cửa. Con đường đất hẹp tẻ, cong queo, nhấm dấu chân bò, mùa mưa sinh ngập đến mắt cá chân, mùa nước lên ngập đến lưng quần, nay đã cao nghệu, mặt lốt đal sạch sẽ, rộng rãi. Có ai đó hỏi Bảy Thắng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã:

- Từ bến đò số 8 tới đây tốn hết bao nhiêu?
- Hai cây số tư, kinh phí hai trăm rưỡi triệu.
- Có sợ lâu ngày đal bể, nứt không?
- Hồng sao, xã mượn thợ đổ đal tại chỗ, kiểm tra kỹ, chắc ăn lắm.

Sẵn trốn, Bảy Thắng cho biết đường vô ngọn Ngã Cạy, Ngã Bát, rạch Xáng Nhỏ bây giờ đã lắm. Còn ngay trước mặt, chiếc cầu đúc bắc ngang sông còn mới tinh màu xi măng. Phía bên kia, trên nền bót Bàu Hút ngày xưa, bây giờ là trụ sở Đảng ủy, Ủy ban và Trạm Y tế xã. Kế đó, khu chợ xã mới được mở rộng, thay cho cái chợ chồm hổm xưa kia. Nhà lồng chợ khá bề thế nằm giữa hai dãy phố mới, đêm về điện sáng lung linh, ban ngày xập xình tiếng nhạc hoặc văng vẳng mấy câu vọng cổ ngọt ngào. Trước mặt nhà lồng, tấm bảng “Chợ Bàu Hút” được treo trang trọng. Có lẽ đây là lần đầu tiên cái tên địa danh này được hợp thức hóa bằng cái tên chợ xã.

Tôi gặp anh Sáu Giỏi, anh Út Trí, là những lãnh đạo xã, huyện ngày trước. Các anh đều lạc quan trước những gì đang xảy ra ở Bàu Hút và tỏ ý tâm đắc:

- Ít có nơi nào có được như cái xóm “Việt cộng” ở sát bên đồn giặc mà lại tồn tại hàng chục năm trời, không lay chuyển. Có lúc mình ở ngay trước mũi súng của chúng mà vẫn an toàn. Dân Bàu Hút thật lòng thật dạ với cách mạng lắm.

Bàu Hút bây giờ không còn là cái ngã ba vắng vẻ, um tùm lau sậy như ngày xưa. Nơi đây đã thành cái ngã năm dập dềnh tàu xe, kẻ đến người đi như con thoi. Ông anh họ của tôi cho biết:

- Dân ở đây đi Long Xuyên, Cao Lãnh, Sa Đéc như ăn cơm bữa. Không đầy một tiếng đồng hồ ngồi xe honda là tới trung tâm đô thị. Nhờ vậy đám trẻ tiến bộ lắm, ra đời chẳng thua kém ai, chỉ nội một xóm năm sáu chục nóc gia mà đã có trên chục kỹ sư, bác sĩ.

Bàu Hút bây giờ chẳng còn là miệt lung bấu, “heo hút” nữa, nó đang tạo ra một sức hút vào cái vòng xoay của làm ăn kinh tế để xây dựng phát triển quê hương và tiến quân vào lĩnh vực khoa học - kỹ thuật.

Lãnh đạo xã cho biết đang xúc tiến quy hoạch trung tâm xã, tương lai sẽ là một thị tứ khang trang. Còn hiện tại, mỗi lần qua lại, nhìn lên cái tên Bàu Hút, tôi cảm thấy lằng lằng khó tả. Rồi tôi tự nhủ với lòng, nhắc nhở con cháu - dù đi đâu, ở đâu, làm gì cũng phải luôn nhớ mình là dân Bàu Hút.

Tháng 3/2002

N.T.T

Từ Bưu điện Hồng Ngự nhìn sang các lĩnh vực khác của huyện

HÀ MINH MÃN

Về Đồng Tháp mùa này gặp ngay thời điểm bà con nông dân đang thu hoạch lúa. Lúa hai bên cánh đồng vàng ửng, nơi nào gặt rồi thì lúa được phơi sát vệ đường, có nơi thì lúa được vô bao chất cao hơn đầu người, chưa kể dưới sông ghe lớn, ghe nhỏ gắn máy đuôi tôm chở lúa đầy khẳm. Tất cả đều chờ vận chuyển về nhà máy xay xát. Sông nước, ruộng đồng và cả tiếng máy xình xịch ngày đêm như muốn cùng với con người hát chung bài ca bội thu. Vậy mà anh Định, Trưởng phòng Tổ chức Hành chánh của Công ty Lương thực cấp 1 Cao Lãnh nói với tôi: “Chưa đâu, phải hết tháng giêng qua tháng hai gần rằm, lúa chín ở các vùng ven, vùng xa mới gặt được, lúc đó các nhà máy phải chạy tới ba ca mới kịp cho tàu ăn gạo để xuất ra nước ngoài”.

Vụ Đông Xuân toàn tỉnh chưa có kết quả cụ thể, nhưng ở huyện Hồng Ngự thì theo lời anh Lê Hữu Nghĩa, Phó chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân huyện cho biết dự kiến sản lượng lương thực năm 1998 toàn huyện đạt 235 ngàn tấn, tăng 16% so với năm 1997, với số dân hơn 230 ngàn người thì Hồng Ngự sẽ đạt bình quân 1.000 ký lương thực/năm/người. Hỏi anh về các mặt kinh tế - xã hội của huyện hiện nay thì anh tâm đắc điều gì nhất. Suy nghĩ một hồi anh nhoẻn miệng cười: “Có thể là hệ thống thông tin viễn thông bưu chính”.

Những khám phá từ một đại hội

Bây giờ thì tôi mới thấy hết giá trị của hai chuyến đi về Hồng Ngự của hai năm 1997 - 1998. Năm trước chỉ là xem qua việc phòng chống lũ lụt của Bưu điện Đồng Tháp đối với các vùng sâu, vùng xa. Công việc

cười ngựa xem hoa chưa đủ độ rung đối với nhà báo. Năm nay, anh Út Dũng, Giám đốc Bưu điện tỉnh nói với tôi: “Đến Hồng Ngự mà không biết đến cột mốc biên giới, không nhìn thấy các bưu cục ở vùng sâu vùng xa và nhất là không hiểu được sự đổi mới sâu sắc của một vùng quê biên giới thì xem như chưa biết gì về Hồng Ngự!”. Từ lời khích bác ngọt ngào đó tôi lại có dịp về Hồng Ngự lần thứ hai. Lần này may mắn đúng ngay dịp Đại hội công nhân viên chức của Bưu điện huyện. Những con số chỉ tiêu như biết nói qua sự thảo luận, bàn cãi của 23 người dự đại hội, vắng 6 người vừa đi học vừa đi trực. Chỉ tiêu nào cũng được bưu cục đồng ý nhưng để thực hiện được phải có bao nhiêu điều kiện kèm theo, ví dụ như muốn phát triển thêm 470 máy thì phải đảm bảo số cấp ra sao, nhân sự phải tăng thêm thế nào để đảm bảo doanh thu của các khâu. Chưa kể xe cộ phương tiện đi lại cho các bưu cục ở xa như Bưu cục Thường Lạc mới động móng đóng cửa từ đầu năm 1998. Cậu công nhân kỹ thuật Đặng Thời Đại phải mượn xe của tía ở nhà để đến địa điểm theo dõi tiến độ công trình. Còn Bưu cục Thường Thới Hậu A phải ngồi tắc rắng gần hai tiếng đồng hồ mới tới. Cậu kỹ sư Trần Ngọc Triều tốt nghiệp Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh quê ở huyện Tam Nông, được đưa về làm Trưởng Bưu cục ở đơn vị mới thành lập, cười nhiều hơn nói, vậy mà trong đại hội cũng đã phát biểu: “Chỉ tiêu phát triển thuê bao điện thoại là 24, nhiều hơn tôi cũng không lo, chỉ có điều số lượng phát hành báo chí thì chưa mạnh lắm, vì dân trí bà con chưa cao, vận động mua báo nhiều chú bác cười hề hề nói dẫu có thì giờ rảnh, với lại lật tờ báo ra chỉ biết xem hình, còn chữ thì miễn bàn”. Trong cuộc họp Triều chưa nói hết nhưng khi đến tận nơi mới biết bưu cục này “nhứt nhơn - nhứt mã” chỉ có một mình Triều, ăn ở đóng đô tại chỗ, ngủ ngay tại phòng tổng đài, cơm tự nấu, thức ăn đưa tiền nhờ dân... lo. Thương nhất là bưu cục chưa có bảng hiệu, chưa có quầy giao dịch. Triều đi dự Đại hội, Bưu điện huyện phải cho người vô trực thay. Vậy mà theo lời Triều thì bà con vùng này thương chú “bưu điện” ghê lắm nên mới dành cho miếng đất trống của khu nghĩa trang đã bốc mộ gần 3 năm trước. Kế bên bưu cục là ngôi trường tiểu học khang trang cũng vừa được Nhà nước và nhân dân cùng xây dựng. Công việc vừa xây dựng vừa phát triển đến chóng mặt, nháy mắt mà toàn xã đã có 30 máy thuê bao, hiện nay số đơn xin đã hơn 60, vì vậy chỉ tiêu năm 1998 phát triển thêm 24 thuê bao là chuyện nhỏ!

Vẫn còn nhiều cái so le

Hai ngày được đưa đi bằng xe Jeep và tắc ráng, tôi chứng kiến tận mắt một vùng quê biên giới giàu sức sống mà biểu hiện rõ nét nhất là nhà nào cũng có dàn ăng-ten truyền hình cao ngất. Chương trình điện khí hóa nông thôn chưa phủ kín 16 xã do đó chỉ tiêu năm 1998 là phải có 60% hộ dân được dùng điện lưới quốc gia, khác với hệ thống thông tin liên lạc đã đạt 16/16 xã, nhờ năm ngoái ngành Bưu chính Viễn thông đầu tư 800 triệu đồng để xây dựng cột ăng-ten cao 60 mét ở Bưu điện Hồng Ngự, do đó dân có tiền ở sát mốc biên giới vẫn có thể sắm điện thoại di động như thường. Nhưng khoản này thì phải nói nhỏ với Bưu điện tỉnh đây, bà con có máy điện thoại di động còn bực mình về việc mỗi tháng đóng tiền thuê bao phải về tận Cao Lãnh thay vì chỉ lên huyện.

Dù trên bờ hay dưới sông, phóng tầm mắt thật gần thì bên kia đã là đất bạn Campuchia. Cô Hồng kế toán Bưu điện Hồng Ngự cho biết, dân bên kia ở giáp biên giới có cả người Việt của mình, điện lưới quốc gia đã đến tận cửa khẩu. Tuy nhiên phải công tâm mà nói thì bên cạnh những thuận lợi phát triển đi lên của một huyện biên giới thì còn nhiều cái so le, do đặc điểm của địa lý, địa hình, Hồng Ngự có 6 tháng khô, 6 tháng ngập vì nước lũ, nên đường giao thông nông thôn hết sức khó khăn, chỉ có xe hai bánh mới về được tận xã. Năm 1998 này cần phải có trên 20 tỷ đồng để nạo vét kênh mương, bảo vệ đê bao và phục vụ tưới tiêu. Năm ngoái hai xã Thường Phước 1, Thường Phước 2 và ấp Phú Trung của xã Phú Thuận B bị sạt lở nên sản lượng lúa bị giảm 25.290 tấn, mất gần 80 ha đất, phải di dời dân lên vùng cao đến 1.433 hộ. Năm nay huyện dự kiến bố trí lại cụm dân cư ở 9 tuyến và 8 cụm với tổng số di dời là 7.550 hộ, hơn 30 ngàn dân. Danh sách mới được duyệt 5.493 hộ, kinh phí gần 27 tỷ, đã giải ngân được 10 tỷ.

Dân hai xã Thường Phước 1 và 2 với xã Thường Thới Tiền được Bưu cục Mương Miếu phục vụ. Tuy chưa đi hết giáp 5 bưu cục nhưng ở 3 nơi mà tôi được đưa đến thì Bưu cục Mương Miếu đích thực là công trình chống lũ của ngành Bưu điện tỉnh mang nét chấm phá của nền kiến trúc hiện đại. Giữa đồng không mông quạnh mà ngôi nhà sàn đúc bê-tông của bưu cục tựa như cô gái đẹp đến thì trở mã. Máy móc được đưa lên tầng trên, tại đây có 3 người thì có 1 là nữ. Cô Hà Thị Mùa 36 tuổi còn độc thân, dân Hà Nam Ninh được bố trí ở luôn tại bưu cục, còn anh Lê Thanh Đăng 34 tuổi - Bưu cục trưởng là dân địa phương và cậu Nguyễn Văn Chiêu 26 tuổi dân bên Hồng Ngự. Năm nay, Bưu cục Mương Miếu

nhận thuê 60 máy, cộng hiện có 160 máy và các chỉ tiêu khác được giao thì kể như Mương Miếu thuộc hàng anh cả.

Còn tồn đọng những gì?

Khi chiếc tắc rắng đưa đoàn chúng tôi đến cửa khẩu sông Sở Thượng thì được biết đoàn của đồng chí Phan Văn Dĩnh - Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cũng vừa rời nơi đây. Anh Lê Văn Hồng - Đội phó Đội điều tra chống buôn lậu của Hải quan cửa khẩu Sở Thượng cho biết dân buôn lậu ngày càng tinh vi. Từ sau tết đến nay tình hình như án binh bất động vì lực lượng công an biên phòng, hải quan phối hợp lực lượng quản lý thị trường tấn công ráo riết. Chưa biết cao điểm của đợt này sẽ ra sao nhưng năm 1997, theo lời anh Lê Hữu Nghĩa thì toàn huyện đã xử lý 54 vụ, so cùng kỳ giảm 10 vụ, tổng giá trị hàng hóa tịch thu trên 1,2 tỷ. Các mặt thuộc an ninh chính trị, trật tự xã hội ở vùng biên giới tương đối ổn định. Nhưng có một số vấn đề còn đặt ra là: Số trẻ em đến trường ở vùng này còn rất thấp, mặc dù ở xã Thường Phước 2 vừa có hai ngôi trường cấp 1 và cấp 2 được xây dựng. Đây là công trình chống lũ của ngành Giáo dục. Nhưng vì ở Thường Phước 1 ở quá xa, thấy có nhiều người lớn, trẻ em còn mù chữ, các chữ biên phòng phối hợp bên giáo dục mở nhiều lớp xóa mù chữ. Nghe dân sở tại nói có 3 chữ học: sáng, chiều và tối.

Nói chung, các công trình phúc lợi xã hội cho một huyện biên giới còn khá khiêm tốn. Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự đang kiến nghị Trung ương cho đầu tư theo chương trình điện khí hóa nông thôn, giao thông nông thôn, còn y tế xã kế hoạch năm 1998 huyện phải xây mới 5 trạm y tế. Toàn bộ các xã có trên 70% dân còn xài nước lóng phèn, chỉ tiêu huyện chỉ dám đề ra là phấn đấu 45% hộ dân được dùng nước sạch trong năm 1998.

Bên cạnh những đóng góp tích cực của ngành Bưu chính Viễn thông đối với công cuộc xây dựng và phát triển một huyện vùng sâu vùng xa thì các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác vẫn còn nhiều điều cần bàn. Bởi 1.000 ký lương thực/người/năm vẫn chưa phải là cao, nhà tranh tre tạm bợ ở vùng sâu còn chiếm đa số. Cái đói mặc dù không còn, nhưng cái nghèo, vẫn luôn là nỗi ám ảnh của đa số nông dân. Mong sao một sức bật mạnh hơn nữa sẽ thực sự đem lại mùa xuân trọn vẹn cho dân Hồng Ngự trước ngưỡng cửa của năm 2000.

H.M.M

Về miệt nắng

TRỌNG QUÝ

“...Tháng giêng - hai, mùa này chưa có gió nồm nam réo rất cành tre. Nắng như từ khắp cái vòm trời sáng choang không một bóng mây ập xuống. Nắng hắt lên từ một khúc đường, những gò đất xám tro cát bụi. Nắng cười cợt trên những vỉ bánh đa là thứ đặc sản của người dân xứ Quảng vào đây lập nghiệp, phơi khúm núm cạnh những ngôi nhà sàn bằng tre, gỗ mang đậm chất miền Tây Nam bộ. Và nắng như cũng có ở những thân cây thưa thớt ven đường xao xác cảnh lá...”

Thực lòng, cho đến tận lúc này, khi vừa có dịp trải qua đến ba, bốn ngày trời khổ vui có đủ ở miệt biên giới xa xôi là huyện Tân Hồng này, tôi vẫn không sao hiểu được vì có gì anh bạn thơ Hoàng Tiến của Hội Văn nghệ chúng tôi cách đây vài năm lại quyết định từ giã bạn bè, rồi khăn gói vào đây lập nghiệp. Hội ấy nghe anh nói: Mình vốn bản chất nông dân, sống ở chốn thị thành thấy không đã. Tôi lấy làm lạ. Ừ, thì cứ cho điều anh nói là thực bụng, song chẳng lẽ các miệt vùng ngoài không có chốn nông thôn nào hấp dẫn được anh? Mấy năm vừa rồi, Đồng Tháp Mười năm nào cũng có lũ lớn. Tân Hồng là một trong hai huyện đầu nguồn của Đồng Tháp phải chịu nhiều khó khăn mất mát. Đến nước này - một vài bạn thân của anh tỏ ý quan tâm - thế nào bạn mình cũng đâm hoảng chạy về thôi. Ai ngờ chẳng thấy anh tỏ ra hoảng sợ hay lo lắng gì cả, mà thỉnh thoảng còn gửi về cho mấy bài thơ đọc nghe như chẳng có sự việc gì xảy ra. Tôi đặt nghi vấn: Phải chăng cái tâm hồn vốn ít nhiều đã “mẫn nhạt” với nắng thơ của anh, nơi đây có lắm điều thơ mộng? Tôi quyết định thỏa mãn trí tò mò của mình, vừa cũng để lấy thêm tư liệu viết bài bằng một chuyến đi xuyên xã bắt đầu từ thị trấn Sa Rài lên Bình Phú, Tân Hậu Cơ, Tân Thành rồi về Tân Công Chí. Kết quả là chỉ mới đi

được chừng vài mươi km đường, anh bạn phóng viên nhiếp ảnh cùng đi với tôi mặt mày đã bí xị, thốt ra một nhận xét: “Xứ này nắng nóng kinh người!”. Tôi tìm cách gợi chuyện sang một hướng khác: “Nơi đây bà con sống mộc mạc, chân tình lắm. Dọc đường, thế nào cũng có cảnh sinh hoạt đặc biệt thú vị cho anh có ảnh đẹp để đi dự thi”. Nhưng rồi chẳng được bao xa, cũng đến lượt tôi cảm thấy mệt mỏi, xây xẩm cả mặt mày. Quả thật, cái nắng nơi đây sao mà dữ dội! Tháng giêng - hai, mùa này chưa có gió nồm nam về réo rất cành tre. Nắng như từ khắp cái vòm trời sáng choang không một bóng mây ập xuống. Nắng hắt lên từ những khúc đường, những gò đất xám tro cát bụi. Nắng cười cợt bên những vỉ bánh đa là thứ đặc sản của người dân xứ Quảng vào đây lập nghiệp, phơi khúm núm cạnh những ngôi nhà sàn bằng tre, gỗ mang đậm chất miền Tây Nam Bộ. Và nắng như cũng có ở những thân cây thưa thớt ven đường xao xác cành lá. Chứng kiến cảnh này, tôi càng cảm thấy thấm thía hơn mấy câu thơ Tiền viết gửi về cho số báo xuân của chúng tôi vừa rồi: “Tìm một nhánh hoa tươi tặng bạn, không có hoa, chỉ thấy me nước đồng...”. Anh bạn phó nháy của tôi còn phát hiện: “Ở đây kênh rạch không nhiều, nước lại thiếu. Hình như người dân sử dụng nước giếng nhiều hơn nơi khác”. Và anh tỏ ý thắc mắc: “Năm trước vào đây chụp hình lũ lụt, thấy trời nước mênh mông. Ai ngờ...” Điều này thì tôi biết: Theo một vài tài liệu nghiên cứu được ghi trong quyển “Địa chí Đồng Tháp Mười” thì so với các vùng đất khác (trong phạm vi Đồng Tháp Mười), vùng đất Sa Rài có quá trình hình thành rất sớm... Bắt đầu từ chân của Gò Sa Rài. Từ Sa Rài đến Đức Huệ, phù sa cổ tạo thành những gò đất cứng, có khi bị đá ong phủ lên và khảm cứng. Tuổi thấp nhất của nó không dưới ba vạn năm... Đợt vị này có địa hình cao nhất, trên 5 mét so với mực nước biển. Mùa nắng là một mùa rất kiệt, còn mùa mưa thì hết sức ẩm ướt, vì ngoài nước mưa còn có lũ từ Campuchia đổ về, tạo ra thời tiết khó chịu, từ thái cực này sang thái cực khác... khắc nghiệt như vậy đó! Bạn thơ tôi có thể mơ mộng gì ở chốn này!

Hay anh bị hấp dẫn bởi cái tương lai đầy hứa hẹn của một vùng đất kinh tế vừa bắt đầu phát triển? Điều này nghe chừng có vẻ hợp lý. Bạn bè cũng có người đã từng khuyên tôi: “Vốn ít, muốn có cơ hội làm ăn phát đạt thì cứ mạnh dạn nhảy vào những chỗ mới thành lập huyện, xã. Ở đó về sau chắc chắn sẽ có sự thay đổi. Vào thời điểm đầu, việc mua

bán ít có cạnh tranh gay gắt...”. Chưa đầy mười năm trước, Tân Hồng là một trong những chỗ như thế. Nhưng ai đã có dịp đến đây hồi dạo ấy hẳn còn nhớ rõ cảnh chợ cũ Sa Rài lều tều như thế nào. Bà con sống vất vả ra sao. Vài người bạn đồng nghiệp của tôi có một kỷ niệm nhớ đời: Năm 1986, trong một chuyến đi thực tế ở Nông trường Quyết Thắng, muốn lên thăm Sa Rài cách đó chỉ chừng chục ngoài cây số mà không biết phải đi bằng cách nào, bí cùng phải nhờ đến Ban Giám đốc nông trường điều cho một xe máy cày đi bằng đồng qua nhiều chỗ lên gò xuống trũng “muốn thoát tim” và mất gần cả hai tiếng đồng hồ mới tới được. Các anh kể: Tới nơi vừa lúc trời tối, thấy giữa chợ có một đám đông khá náo nhiệt, tưởng ở đây đang có hội chợ, gánh hát chi đó về biểu diễn, hỏi ra mới biết bà con đang hào hứng theo dõi một tuồng cải lương phát từ một chiếc ti vi đen trắng nhỏ xíu. Ấy vậy mà... Tuy chưa thể sánh bằng với chợ huyện Hồng Ngự - nơi giao thông thuận lợi cả về đường thủy lẫn bộ, được xem là một trong những điểm tập kết hàng hóa từ biên giới qua Campuchia hoặc ngược về Cao Lãnh, Sa Đéc, Thành phố Hồ Chí Minh ..., nhưng Tân Hồng đã có những bước thay đổi hết sức nhanh chóng. Một sáng đi dạo quanh con đê chống lũ bao quanh cả thị trấn Sa Rài, nói ra e các bạn cười chứ thật tình đã có lúc tôi cảm thấy ghen tỵ khi đi ngang qua nhiều căn nhà tường men bóng lộng, những cửa tiệm điện máy, vải vóc, nông cụ, bách hóa, bia rượu... đây áp hàng hóa, chẳng hề thiếu thứ gì. Đây là một vài con số thống kê, đối chiếu của huyện: Năm 1989 cả huyện chỉ có 7 xe máy thì nay đã có 2.500 chiếc, 3.500/12.299 hộ có máy thu hình màu, 1.500 đầu máy video, hơn 35% nhà ngói..., điện đã đến khắp xã. “Duy chỉ có điều - Bạn tôi lại phát hiện - Ở đây sách báo rất hiếm, các loại hình sinh hoạt văn hóa chưa phong phú, trình độ dân trí chưa cao...” Tôi gật: “Thì ở vùng sâu mà!”

Nhưng anh bạn thơ tôi lại không có ý định kinh doanh gì cả. Anh ra chợ chỉ như người cười ngựa xem hoa. Hay anh muốn làm ăn bằng chính cái nghề nông cho đúng với bản chất như lời anh bộc bạch? Ở Tân Hồng, cây lúa là thế mạnh. Chúng tôi đến đúng vào dịp bà con vừa làm xong vụ Đông Xuân. Năm nay thời tiết khá thuận lợi, lúa trổng. Giá cả vào thời điểm này khả quan hơn nhiều so với các mùa qua. Trên đường đi qua các xã, ghé thăm vài hộ sản xuất, tôi thấy bà con có “mồi” phấn khởi lắm và nghe kể có nhiều gia đình chỉ riêng vụ thu hoạch này đã nắm chắc trong

tay vài trăm triệu đồng, thậm chí có đến bạc tỷ. Bác Tám Phước ở xã Tân Công Chí tâm sự: “Nếu như năm nào giá lúa cũng được như cỡ này thì cánh nông dân tui tui có cơ hội làm giàu được”. Vâng, tôi nghĩ, đây là điều thật. Và sự thật là ngay cả bây giờ Tân Hồng đã có không ít nhà nông phát lên thấy rõ. Riêng chỉ có... anh bạn thơ không biết do chưa có nhiều kinh nghiệm hay điều kiện đầu tư mà nghe đâu dăm bảy công lúa của anh mùa này năng suất coi bộ không cao, đến giờ vẫn chưa thu hoạch được. Không biết rồi anh có thể làm giàu được bằng cái nghề cực nhọc này không? Và đây có phải là lý do cuối cùng có thể lý giải việc anh quyết định chọn nơi đây làm quê hương thứ hai?

Một dịp nào đó, nhất định tôi sẽ trở lại Tân Hồng để “hạch” anh cho cặn kẽ.

Tháng 3/1998

T.Q

Vui - buồn chuyện vay vốn tôn nền chống lũ ở Đồng Tháp

LÊ MINH HÙNG

+ TRƯỚC HẾT LÀ NIỀM VUI

- Một chỉ thị đúng đắn làm ấm lòng dân

Chỉ thị 256/TTg là chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ được thực thi từ năm 1995 nhằm hỗ trợ nhân dân đồng bằng sông Cửu Long được vay vốn tôn nền nhà chống lũ. Mỗi hộ dân nghèo có nền nhà thấp nằm trong vùng ngập lụt được vay năm triệu đồng với lãi suất ưu đãi 0,7% và cho hoàn trả dần trong 5 năm để tôn nền nhà cao hơn mặt nước khi ngập lụt. Đây là một chỉ thị đúng đắn, giúp cho hàng chục triệu người dân có thể yên tâm “sống chung với lũ”. Đặc điểm của đồng bằng sông Cửu Long là ngập lụt trong mùa mưa. Vì thế, mùa nước nổi, đa số hộ dân nghèo hoặc sống lênh đênh trên ghe xuồng hoặc sống tạm bợ trên các gò cao, dọc lộ, đọi nước rút. Có một lúc 5 triệu để tôn nền ở cố định là rất khó khăn đối với người nghèo. Từ khi thực hiện Chỉ thị 256/TTg đến nay đã ba lần người dân được vay vốn. Đồng vốn của Nhà nước thực sự như một cái “phao cứu hộ” biết bao gia đình nghèo trong cảnh nước ngập tận nóc nhà hai, ba tháng trời mỗi năm.

Năm tuyến dân cư cho 800 hộ. Tân Hồng có 6 tuyến dân cư, cho 2.713 hộ. Đặc biệt như tuyến dân cư kinh Thống Nhất cho 483 hộ ở huyện Tân Hồng. Ở những tuyến ngập sâu và ngâm lâu trong mùa lũ này nếu dân tổ chức làm riêng lẻ thì không thể được, cho dù tốn kém và vững chắc tới đâu. Vì vậy huyện phải quy hoạch, tổ chức thuê thi công bằng

cơ giới, tôn nền đất đồng loạt cả tuyến và hạch toán giá cả từng nền rồi giao cho dân. Cách làm này có thể nảy sinh tiêu cực, nhưng nếu có dân bàn, dân kiểm tra, có sự đồng tình thì dân chịu. Mà giá cả cũng tương đối hợp lí, chi phí tôn mỗi nền trên dưới 3 triệu đồng, phần còn lại của số vốn vay, dân có thể cất tạm được mái lá để ở. Cũng có vùng phải quy hoạch cụm dân cư. Nông dân thường tự ý cất nhà rải rác theo đất canh tác của từng hộ, đi lại bằng ghe xuồng, việc sinh hoạt, giao thương hết sức khó khăn. Tạo ra thói quen sống trong cộng đồng cụm dân cư mới là không dễ, nhưng nhất thiết phải làm. Cụm dân cư tự nhiên hình thành từ nhiều năm thì việc cho vay vốn tôn nền nhà rất thuận lợi - Cụm dân cư mới mở thì không thuyết phục được bà con, họ không đến nhận vốn vay mặc dù có đăng ký vay vốn trước đó. Tân Hồng đang mở thêm hai cụm dân cư mới ở vùng chợ trời Thông Bình và Dinh Bà. Tam Nông thành lập cụm kinh tế mới Phú Thành B. Những cụm dân cư này đều gặp khó khăn trong việc vận động nhân dân định cư. Phải chăng bà con còn ngại sự thay đổi, sợ lương không hết khó khăn. Dù sao cũng cần có một chính sách ưu đãi lâu dài, đặc biệt là đối với tuyến dân cư mới giữa đồng trống như xã Phú Thành B.

+ CÒN ĐÓ NỠI BUỒN

- Đối tượng cho vay - chuyện làm dâu trăm họ

Tiền vay trước đó chưa trả được nên không cho vay thêm, lại có hộ không có đủ hồ sơ như hộ khẩu, chứng minh nhân dân, nền đất, vân vân và vân vân. Tất cả các huyện đã thành lập đoàn kiểm tra, nhưng chưa huyện nào kiểm tra 100% số xã tính đến thời điểm tháng 7/1998 khi tác giả viết bài này. Còn đợt 4 sắp sửa cho dân vay vốn nữa, nếu tất cả các huyện trong tỉnh kiểm tra kỹ, kịp thời phát hiện sai sót và đưa vào hồ sơ cho vay vốn thì chắc chắn sẽ làm yên lòng dân. Cũng nhân đây xin góp với người nông dân vùng sâu một điều. Cha mẹ sinh con ắt phải đặt tên con, phải làm giấy khai sinh để chính quyền chứng thực và công nhận quyền công dân. Được sinh ra rồi lớn lên, làm ăn trong cái nôi của tổ ấm, của bà con lối xóm thân thương, không ai bắt bẻ gì, nhưng đùng chuyện một mảnh giấy tùy thân không có, thật phiền. Nhiều trường hợp, công an xã phải tạm chứng thực để được vay vốn. Ấu đó cũng là cách giải quyết dựa trên tình cảm và có tính tạm thời mà thôi.

- Giải ngân chậm - trăm lý do

Công tác giải ngân cho vay vốn tôn nền nhà chống lũ trong toàn tỉnh Đồng Tháp đến nay chưa hoàn tất. Số vốn tồn đọng ở các ngân hàng huyện đều trên dưới 20% tổng số vốn được duyệt vay. Huyện Hồng Ngự tồn 2.608 triệu đồng, huyện Tam Nông tồn 9.496 triệu đồng, huyện Tân Hồng tồn 5.764 triệu đồng. Số tiền vốn chưa được đến tay người dân trước mùa lũ, có trăm lý do để giải thích. Đến tất cả các nơi, tác giả được trả lời “rất chi đúng đắn”. Vì thủ tục thiếu hợp lý! Vì người vay chưa đến chi nhánh ngân hàng ký nhận! Vì chưa hoàn trả nợ cũ! Vì không vào tuyến dân cư, cụm dân cư!... Chỉ có một nơi làm tốt nhất, đó là cụm dân cư Nông trường Giồng Găng. Nông trường ký nhận vay từ ngân hàng về giải ngân đến từng hộ và vạch giúp người dân phương hướng hoàn trả dần. Huyện Hồng Ngự cũng giải ngân đến các xã xa thị trấn. Còn Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình... Bà con đều phải đích thân đến chi nhánh ngân hàng chờ chực nhận tiền. Nên chẳng có một hình thức giải ngân linh hoạt hơn?

- Tiền đến tay người nghèo - Gió vào nhà trống

Tục ngữ Việt Nam có câu “Tiền đến tay người khó như gió vô nhà trống”. Thật vậy, có một thực tế đau lòng là một số ít hộ được vay vốn tôn nền, không những không tôn được nền nhà mà từ chi nhánh ngân hàng về chỉ còn tờ giấy ghi nợ. Đó là những hộ ít ruộng hoặc không có ruộng. Họ làm ăn đắp đổi qua ngày sinh ra những khoản nợ thực sự không có khả năng trả dứt điểm một lần. Đùng một cái được vay 5 triệu, các chủ nợ “đón lông” lấy hết. Khá hơn một hút, có hộ vay được tiền, tính liều mua thêm công ruộng để làm hoặc chiếc xe đạp để chạy xe ôm. Cán bộ xã biết những đối tượng như thế nhưng vẫn phải đề nghị cho vay. Trao đổi với anh Võ Đình Phương, Chánh văn phòng Ủy ban huyện Hồng Ngự về vấn đề này, anh cho biết: “Đối với những hộ quá nghèo, khả năng thu hồi vốn khó, chúng tôi phải xem xét kỹ lại. Phương án cuối cùng là báo cáo cấp trên, xin kéo dài thời gian hoàn vốn”. Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa lớn nhất nước nhưng còn một bộ phận nông dân đang thiếu ruộng cày, phải làm thuê, làm mướn. Đây là vấn đề được bàn nhiều ở các cuộc họp từ Trung ương đến địa phương. Công tác xóa đói, giảm nghèo nhiều lúc nhiều nơi chỉ làm được ở mức “cho cá chứ chưa cho cần câu”. Đối với người quá nghèo, thiết nghĩ đồng vốn xóa

đổi, giảm nghèo ít ỏi đưa cho họ chỉ là “con cá” để ăn đỡ đói, “chiếc phao” để nâng đỡ khỏi chìm. Chính quyền cấp xã, các đoàn thể, trực tiếp ở cơ sở phải giúp họ cách nghĩ, cách làm, trao cho họ cái “cần câu” để họ “tự câu được cá”.

- Ít lời bàn thêm

Thực tế, các hộ đã được vay vốn mới chỉ đạt trên 70% so với chỉ tiêu được duyệt vay trong cả ba đợt. Số hộ thực sự cần vay cũng đang còn nhiều, ít nhất là 40% so với tổng chỉ tiêu của ba đợt đầu thực hiện Chỉ thị 256/TTg cần phải tiến hành đồng bộ giữa Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và Ngân hàng nhà nước. Nên tiến hành theo tinh thần cho dân vay vốn tôn nền nhà là một trách nhiệm, một nghĩa vụ của tất cả các ngành liên quan, xem đây như một phương án chống lũ. Cần tiến hành giải ngân đến từng hộ dân như cách làm của Nông trường Giồng Găng. Cuối cùng là một số trường hợp có nên linh động cho vay vốn? Như có hộ khẩu mà chưa có nền đất, còn cất chòi tạm trên đất cha mẹ, anh em? Như thực tế là người đã sinh sống lâu năm ở địa phương nhưng chưa làm chứng minh nhân dân? Trường hợp số nợ đọng ngân hàng không lớn lắm có nên cho dân vay tiếp? Ít lời bàn trên đây chỉ mang tính chủ quan của người viết, mong mỗi góp thêm một tiếng nói để cùng thực hiện tốt Chỉ thị 256/TTg.

Đồng Tháp tháng 7/1998

L.M.H

Vài điều về công tác cho dân vay vốn chuộc đất ở huyện Cao Lãnh

CHÍNH NGÂN

Do tác động của cơ chế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng và rõ nét. Tỷ lệ các hộ nghèo ở nông thôn vẫn còn khá cao. Tuy chưa phải là một huyện vùng sâu của tỉnh nhưng ở Cao Lãnh nhiều nơi tỷ lệ này chiếm đến hơn 10%, thậm chí xấp xỉ 20% như ở Mỹ Xương. Mặc dù từ nhiều năm nay chương trình xóa đói, giảm nghèo được triển khai rộng rãi đến tận xóm ấp nhưng hiệu quả thiết thực của nó vẫn chưa được khả quan lắm. Đồng vốn cho vay với lãi suất thấp phần nào giảm nhẹ gánh nặng trên vai người nghèo nhưng ở mức dăm ba trăm ngàn đến vài triệu cũng chỉ là biện pháp cấp bách cho nhu cầu cấp thiết. Đối với người dân ở nông thôn, phương tiện sản xuất chủ yếu là đất canh tác. Do nhiều hoàn cảnh khó khăn khác nhau nhiều hộ gia đình phải cầm cố đất của mình. Vợ đẻ - con đau cầm đất. Cần vốn chăn nuôi, làm kinh tế phụ - cầm đất. Đông con không đủ tiền lo cho con ăn học - cầm đất. Lao động chính ít, lao động phụ lại nhiều, tiêu xài vượt quá mức thu nhập - cầm đất. Có một ngàn lẻ một trường hợp cầm cố đất đai không ai giống ai với mục đích cuối cùng là có tiền giải quyết cho nhu cầu trước mắt. Chuyện khác hồi sau phân giải. Vậy là cái tài sản có giá trị lớn nhất, cần thiết nhất ra đi mà ngày quay lại thì mù tăm. Nghèo thêm nghèo hơn. Thực trạng ấy hiện nay ở nông thôn đã trở nên khá phổ biến.

Xuất phát từ nhu cầu cần chuộc lại đất để sản xuất của bà con nông dân, tỉnh chọn huyện Cao Lãnh làm thí điểm chương trình cho người nghèo vay vốn chuộc lại đất đã cầm cố. Đây là một giải pháp thiết thực

nhất bởi vì giao đất lại cho nông dân chính là giúp họ thoát đói vượt nghèo một cách hữu hiệu.

Những ngày giữa tháng 10/1998, tôi có dịp ghé qua xã Mỹ Thọ - một trong những xã điểm của huyện Cao Lãnh thực hiện chương trình này để tìm hiểu thêm về công việc mà chính quyền địa phương đang tiến hành. Tiếp tôi trong văn phòng làm việc có mặt đủ các đồng chí ở Ban xóa đói giảm nghèo của xã. Họ say sưa phấn khởi kể về những việc mình đang làm với giọng mừng rỡ như chính họ đang được vay vốn chuộc lại đất. Xã Mỹ Thọ trong đợt phúc tra đầu tiên có đến 17 hộ có nguyện vọng chuộc lại đất. Song song với việc lập danh sách gửi về huyện, địa phương tiến hành rà soát, sàng lọc từng đối tượng một. Mọi trường hợp đều được đem ra trình bày công khai trong các buổi họp dân ở tổ ấp, lấy ý kiến của bà con. “Việc này ít nhiều đã giúp cho chúng tôi không bỏ sót một hộ nào” - Đồng chí Việt, Phó chủ tịch kiêm Trưởng ban xóa đói giảm nghèo của xã đã nhận xét như thế. Rồi anh nói tiếp: “Chính bà con là những người góp sức để chính quyền phát hiện kịp thời những trường hợp không đủ tiêu chuẩn xét cho vay vốn”. Từ con số 17 hộ, sau khi loại ra những hộ không có nhu cầu - toàn xã còn lại 13 hộ. Lại tiếp tục khảo sát. Hai trong số 13 hộ cầm cố đất đai chuyển ngành nghề sang kinh doanh, chăn nuôi đã loại ra khỏi đối tượng xem xét, nhiều trường hợp cầm cố đất đã được đem ra bàn bạc nhiều lần mới đi đến thống nhất. Cuối cùng chỉ còn lại 5 hộ được chính thức vay vốn. Thủ tục đã được tiến hành bằng cách giao tay ba. Ngân hàng giao tiền cho người được cầm cố. Người cầm cố đất nhận lại giấy tờ cầm cố và ký tên vào khế ước vay vốn của Ngân hàng trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương.

Tôi cùng đi với đồng chí Chủ tịch Hội Nông dân xã Mỹ Thọ ghé thăm nhà bác Hồ Văn Lệ - một trong số 5 hộ được vay vốn chuộc lại đất đợt này. Chủ nhà đã không sao kìm được nổi vui mừng khi tiếp chuyện với chúng tôi. Đất ít lại đông con, rồi làm ăn thất bại, con đau ốm, bác Lệ đã phải đem mảnh đất của mình đi cầm cố. “Không có đất sản xuất, đứt ruột chủ ơi. Nhưng cần tiền lo cho gia đình phải cầm thôi chứ biết làm sao!”. Bác Lệ đã tâm sự một cách chân tình: “Nay nhờ Nhà nước quan tâm hỗ trợ cho tôi vay vốn. Có được đất rồi gia đình tôi khỏi phải lo nghèo nữa. An tâm lắm”. Tôi nắm chặt đôi bàn tay chai sạm của bác như muốn cùng bác chia sẻ niềm vui này và cầu chúc bác những vụ mùa bội thu. Thăm một hộ khác, anh chủ nhà cũng xúc động không kém: “Dân

nghèo chúng tôi mừng lắm. Sống nhờ đất. Không có đất là chịu chết thôi!" Rồi anh cho biết thêm: Tiền vay chuộc đất còn dư lại một ít, anh đã mua lúa giống xong, chờ nước rút là sạ ngay. Vậy là châu về hiệp phố. Người đã được giải quyết hi vọng sẽ trúng mùa. Người chưa được giải quyết đang hân hoan chờ đợi đến lượt mình. Rồi đây sẽ có một ngày bà con không còn đói nghèo. Cuộc sống no cơm ấm áo sẽ đến với những con người cần cù một nắng hai sương trên ruộng đồng này.

Tuy vậy với mức vốn cho vay cao nhất 7,5 triệu cho một hộ vẫn chưa phải là nhiều lắm. Đã không ít bà con trong lần xét giải quyết này vẫn còn tiếp tục chịu cảnh cầm cố đất mà chưa biết bao giờ mới có khả năng chuộc lại. Ở xã Mỹ Thọ trong đợt phúc tra đầu tiên này đã có không ít trường hợp vốn xét cho vay không đủ để chuộc được đất. Chẳng hạn như ông V.V.X ở ấp 3 - cặm 5 công 2 đất với 480 giạ lúa. Ông H. cặm 4 công với giá 24 chỉ vàng. Bà B cặm 1,4 công với giá 9 chỉ vàng rồi lại tiếp tục thế chấp để vay vốn. Thiết nghĩ với những trường hợp này, cần có biện pháp hữu hiệu để giúp cho người dân chuộc được đất. Nên chăng, Nhà nước bỏ tiền ra chuộc lại đất - trực tiếp giao địa phương quản lý, cho người cầm cố thuê lại với giá rẻ để họ có điều kiện tích lũy. Khi họ trả được nợ sẽ giao hẳn. Chỉ có như vậy mới mong các đối tượng thuộc diện cầm cố đất với giá quá cao có thể chuộc lại đất sản xuất. Cho đến thời điểm cuối tháng 10/1998 này, toàn huyện Cao Lãnh chỉ mới có 198 hộ qua phúc tra đủ điều kiện vay vốn để chuộc lại đất. Tuy vậy chưa đến nửa số hộ trên đã chính thức chuyển giao hồ sơ cho ngân hàng chờ lĩnh tiền nhận đất. Tốc độ làm thủ tục xét duyệt và giải ngân còn quá chậm, trong lúc nhu cầu cần đất cho kịp mùa vụ của bà con lại vô cùng bức xúc. Mong sao vụ Đông Xuân 1998 - 1999 tới, sẽ có thêm nhiều hộ nông dân nữa được canh tác ngay trên đất của mình.

Để kết thúc bài viết này, người viết xin được nêu lên suy nghĩ của những cán bộ đang trực tiếp thực hiện chương trình xét vay vốn ở huyện Cao Lãnh: Lo cho bà con có đất xong rồi, lại phải giúp bà con xác định được phương hướng sản xuất để bảo toàn vốn và trả nợ ngân hàng. Không khéo, lại túng thiếu lại cầm cố nữa thì cái vòng lẩn quẩn ấy sẽ không dứt ra được. Mong Trung tâm Khuyến nông các cấp cùng bắt tay vào hỗ trợ cho nông dân nghèo. Được vậy quý lắm thay!

C.N

Ở nơi không có lũ

HOÀNG TUẤN

Tôi về đến tỉnh Đồng Tháp trong những ngày cuối tháng 7 cũng là lúc chuẩn bị bế mạc Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc tổ chức tại thị xã Cao Lãnh - một sự kiện văn hóa làm thức dậy cả một vùng Đồng Tháp Mười vốn xa xôi, trầm lặng. Một buổi chiều người dân thị xã Cao Lãnh háo hức chờ đón thông tin kết quả của Hội khỏe Phù Đổng trong ngày - thì cũng ngày sau đó lại hồi hộp, lo âu nghe một thông tin khác về cơn lũ sớm đã tràn về tỉnh gần một tháng nay: Đê bao ở Hồng Ngự, Tân Hồng lần lượt bị vỡ, hàng ngàn héc-ta lúa hè thu mất trắng, hàng ngàn bộ đội đang giúp dân cấy lúa chạy lụt, mực nước lũ đã lên mức báo động cấp hai và còn tiếp tục lên nhanh.

Cứ thế, cùng với thông tin của Hội khỏe, thông tin về cơn lũ cũng được cập nhật từng ngày, từng giờ. Người dân Đồng Tháp trong những ngày này vui đó lại buồn đó...

Người dân Đồng Tháp Mười đã có kinh nghiệm sống chung với lũ, Nhà nước và chính quyền các tỉnh đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng cho hệ thống đê điều chống lũ - vậy tại sao chỉ mới báo động cấp 2 nước đã tràn đê bao? Điều đáng nói là cũng cùng một vùng lũ ấy nhưng có chỗ lúa mất trắng có chỗ không? Bên này nước trắng băng, bên kia vẫn ung dung chờ lúa chín?

Khi tôi đặt câu hỏi này với các bạn đồng nghiệp ở Đồng Tháp thì đều nhận được một nụ cười bí hiểm không khác gì nụ cười của nàng Mona Lisa trong bức tranh của Leonardo van hci. Một anh bạn bảo tôi: “Anh nên về những nơi không có lũ mà hỏi”.

Ừ nhỉ, cũng là một ý hay, đi về những nơi không có lũ trong vùng lũ.

ĐI TRONG CƠN LŨ

Suốt 5 ngày tôi “lên voi xuống chó” cùng chiếc xe máy rong ruổi qua 5 huyện của Đồng Tháp Mười, “Lên voi” khi phóng xe vun vút trên những đoạn đường quốc lộ trải nhựa phẳng lì từ Thanh Bình đi Tam Nông, từ Tân Hồng về Hồng Ngự rồi trở lại Cao Lãnh - cũng có lúc “xuống chó” bởi những cơn đê bao nhỏ xíu, trơn trượt, nước đang mấp mé chỉ còn 2 tấc, trời mưa nhẹ là đứng khóc thầm chờ đất khô mới đi được. Nhưng dẫu sao đó cũng là một kì tích của những năm cuối của thế kỷ 20 này bởi chỉ cách đây 10 năm không ai dám mơ đi được xe máy khắp vùng Đồng Tháp Mười ngoại trừ tắc rắng. Kỳ tích ấy chính là kết quả của sự kết hợp trí tuệ của các nhà khoa học, tiền bạc của Nhà nước và sức lực của người dân Đồng Tháp Mười cùng xây dựng hệ thống thủy lợi kết hợp giao thông, rửa chua, khai phá Đồng Tháp Mười trở thành vựa lúa như hôm nay.

Gió lồng lộng, nước mênh mông mà sao cứ thấy thất nghẹn vì xót xa. Dường như tất cả Đồng Tháp Mười đã đổ ra đồng chạy đua với lũ. Tất cả nhân lực, vật lực, xăng cạp, máy bơm... đều đổ hết ra đồng cấy lúa, đắp thêm đê bao. Lúa phơi tràn kín mặt đường dài hàng chục cây số, người ta tranh thủ bất cứ chỗ nào còn cao ráo để phơi lúa, bán xe lăn lạo xạo trên lúa, nhảy chồm lên lúa. Tôi cứ có cảm giác có lỗi với hạt lúa đang nuôi sống mình, lại càng áy náy hơn khi biết số lúa ấy là tất cả những gì còn lại của nhiều gia đình nông dân nghèo sau một vụ hè thu vất vả.

Tôi dừng xe trên đường hỏi chuyện một ông già cởi trần vừa kéo lúa từ dưới nước lên. Ông kể: “Tôi cũng tính mướn vài công đất để làm nhưng sức già rồi nên chỉ đi làm mướn. Không phải lúa của tôi nhưng cũng xót xa lắm. Anh nhìn coi, 10 hạt chỉ còn ăn 5, ấy là còn hên vì chưa mất trắng. Nếu trúng vụ, sau khi trừ công mướn đất, công bơm nước, tiền vay ngân hàng để xuống giống bỏ phân... người làm ruộng lời chừng 10 gĩa mỗi công, còn nếu mất trắng thì... xù luôn, đói dây chuyền mà!”.

Tôi ngạc nhiên hỏi: “Tiền công mướn đất và bơm nước cũng “xù” được sao?”.

“Luật” ở đây vậy mà, người ta đã xui xẻo mất trắng, ai nỡ lòng nào đòi công, mà cũng còn gì đâu mà đòi. Ừ nhỉ, ở đây có cái “luật” thật hay. Nó vừa sòng phẳng và cũng rất nghĩa tình. Nhưng tiền thuê đất, công bơm nước còn “xù” được chứ nợ ngân hàng thì làm sao mà “xù”?

Tôi chỉ tay hỏi ông già: “Vì sao bên này ngập hết trơn, còn bên kia vẫn “khô rang”? “Vì bên đó bờ bao cao hơn, bên này thấp hơn anh không thấy à?” “Thế vì sao cùng một con kênh, bên đó bờ cao mà bên này không đắp cao lên như vậy?”.

Ông già bỗng nhìn tôi như nhìn một người từ sao Hỏa mới xuống: “Tôi chỉ là người làm công, làm sao biết. Anh đi hỏi mấy anh cán bộ ấy”.

Ừ thì đi hỏi mấy anh cán bộ. Nhưng lúc này tìm được một ông cán bộ huyện, cán bộ xã cũng khó. Tất cả đã ra đồng chống lũ hết rồi, cũng xắn quần lội nước như nông dân, làm sao nhận ra! Mãi tôi mới tìm được một ông cán bộ Huyện ủy, sau khi lâu lâu cung cấp cho tôi những thông tin về số héc-ta bị ngập, số tấn lúa thất thu, ông tham mưu cho tôi: “Số liệu này thay đổi thường ngày vì nước lũ vẫn còn đang lên, có lẽ còn thiệt hại nhiều nữa, anh nên viết về những thảm cảnh của lũ ấy. Hôm qua có một bà bị bệnh tim, sáng dậy nghe tin 9 công lúa của mình chỉ sau một đêm bị lũ nhấn chìm, mắt trắng đã lên cơn đau tim rồi đi luôn. Để tôi chỉ nhà cho anh...”.

Tôi ngắt lời ông; “Thiên tai lũ lụt thảm cảnh là cái chắc, đau xót lắm chứ, nhưng năm nào tôi cũng đi viết về lũ lụt, năm nào cũng viết về thảm cảnh, thảm thiết lắm rồi. Chỉ xin hỏi anh một điều thôi: Lũ ở đây thì năm nào cũng có, thà rằng nó bất ngờ như lũ bùn ở Sapa, lũ quét ở miền Trung đã đành, còn ở đây nước dâng lên từ từ. Và năm nào Ủy ban Phòng chống lụt bão Trung ương và tỉnh cũng nhắc nhở, bao giờ các xã các huyện cũng báo cáo lên “Đã tích cực chủ động phòng chống lụt bão” vậy mà nước lũ chỉ mới lên cấp 2, đê bao bên này đã vỡ, đê bao bên kia sắp báo động cấp 3 vẫn vững chãi. Vậy trách nhiệm thuộc về ai?”

Cũng như ông già đi làm mượn tôi gặp ban sáng, ông cán bộ huyện nhìn tôi như nhìn một sinh vật lạ từ sao Hỏa rơi xuống - chỉ có điều ông cán bộ huyện thì không nói gì!

Ở NƠI KHÔNG CÓ LŨ

Mãi đến gần tối chúng tôi mới đến được Nông trường Giồng Găng, một đơn vị làm kinh tế trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Tháp đứng chân trên xã An Phước huyện Tân Hồng. Anh bạn đi cùng bảo tôi: “Ai muốn viết tiểu thuyết về lịch sử phát triển của Đồng Tháp Mười có thể lấy Nông trường Giồng Găng này và Giám đốc Ba Trọng làm nhân

vật trung tâm đấy, nổi tiếng lắm. Nhiều người kính phục nhưng cũng không ít người không ưa vì ông ấy nói được làm được...”

Nhưng thôi, chuyện ấy để sau, chỉ tóm tắt lại là Nông trường Giồng Găng có quyết định thành lập năm 1981 và năm 1984, Giám đốc Ba Trọng và các chiến sĩ của ông gần như chỉ hai bàn tay trắng đặt chân đến mảnh đất toàn là lau sậy, đất phèn chua chát, rắn rít... Bao mồ hôi, máu và công sức đã bỏ ra để đến hôm nay có một nông trường bề thế rộng 2.400 héc-ta đất khai hoang với 1.850 héc-ta trồng lúa; 364 héc-ta rừng tràm và nuôi cá tự nhiên. Một cụm dân cư trên 1.000 hộ gia đình nông trường viên như một thị trấn xinh xinh có chợ, điện, nước máy, có trường học, trạm xá và hiện là một nông trường hạch toán độc lập, làm ăn có hiệu quả.

- Nông trường bộ vắng tanh, tất cả đã ra chốt ở đê bao hết rồi. - Anh nhân viên văn phòng lo cho chúng tôi chỗ ăn chỗ nghỉ nói vậy.

Người ở đây thì ít nhưng muối thì nhiều vô kể, cứ phải chui vào trong màn thì mới yên tâm mà nói chuyện được. Mãi hơn 9 giờ tối, Giám đốc Ba Trọng mới ở ngoài đê bao về. Sau khi bắt tay tôi, ông thân mật bảo: “Ăn cơm chưa? Ăn rồi thì đi ăn thêm với tôi. Chúng ta vừa tranh thủ nói chuyện, sáng sớm mai tôi lại phải về tỉnh họp”. Nhìn thấy vẻ mặt mệt mỏi và vội vã của ông, tôi nói ngay: “Tôi biết nông trường của anh có nhiều chuyện thú vị lắm. Nhưng lần này về chỉ tranh thủ hỏi anh một điều thôi. Tại sao cùng là cái rốn của Đồng Tháp Mười cả, xung quanh nông trường anh, xã Phú Hiệp, An Phước, nước ngập trắng băng, còn bên anh và một phần của xã Tân Phước, bà con nông dân vẫn ung dung ngồi chờ lúa chín?”

Ông Ba Trọng trả lời: “Cũng không ung dung đâu, gần một tháng nay đêm nào tôi cũng ngủ ngoài xáng cạp với anh em để chỉ huy gia cố thêm những chỗ xung yếu. Mực nước trên sông cao hơn mặt ruộng của tôi 2 mét, năm bên này đê bao tôi cũng nôn nao lắm, nó “ục” cho một cái thì đến người cũng băng chứ nói gì lúa. Đã chấp nhận sống chung với lũ thì phải chủ động chứ dù lũ sớm hay lũ muộn thì trước sau cũng có lũ. Mình cứ học theo cách ông bà mình qua chuyện Sơn Tinh Thủy Tinh ấy: Nước cao - núi cao lên, nước cao - núi cao hơn nữa. Ngay từ đầu năm chúng tôi đã đầu tư hơn 100 triệu đồng lấp thêm 1 trạm bơm với 4 ống xả để phòng ngập úng, vừa đóng cầu dao điện là lũ vừa về. Trước lũ một tháng, tôi xuất một ngàn cây bạch đàn 5 tuổi gia cố bờ bao, thuê xáng cạp để đắp cao hơn, cái gì tôi cũng làm theo kiểu ăn chắc mặc bền,

người ta dùng ván 3 phân, tôi đặt mua ở Cao Lãnh loại dày 6 phân, người ta dùng dây thép 4 li tôi dùng dây 6 li. Cứ tính theo mực nước báo động cấp 3, tôi cho đắp đê rộng và cao lên cấp... 5, lũ làm gì được tôi! Rút kinh nghiệm, sang năm tôi cho bà con gieo lúa hè thu sớm 1 tháng, sâu rầy chưa kịp phát triển, nước chưa kịp về tôi đã thu hoạch xong, lũ làm gì được tôi!”.

Chuyện của ông Ba Trọng làm chúng tôi ngạc nhiên, ngạc nhiên bởi nó giản đơn và thực tế nhưng không phải ai cũng làm được. Ông nói tiếp:

- Tôi cũng đồng ý với anh rằng Nhà nước đã đổ ra rất nhiều tiền để chống lũ, nhưng phải thẳng thắn mà nói rằng chưa đủ. Nhưng trong khi nhà nước còn nghèo, kinh phí chưa đủ, mới cho mình được cái quần lửng - đó là hệ thống thoát nước, các công trình lớn; phần còn lại của cái quần lửng là cái đê bao. Tại sao mình không tự làm nốt mà cứ ngồi kêu muỗi chích?

- Nếu mỗi phân khu, mỗi xã đắp được đê bao như các anh thì chắc chắn thiệt hại sẽ không nhiều. Thế nhưng nhiều ông xã, ông huyện đều nói với tôi là vì không có tiền, không có kinh phí. Nông trường các anh chắc giàu lắm?

Ông Ba Trọng cười:

- Làm nông nghiệp đã có ai giàu, tiền tôi huy động ở trong dân chứ đâu. Từ đầu năm chúng tôi đã cho khảo sát đất, thiết kế rồi hợp 950 hộ nông trại viên lại và phân tích: Nếu bây giờ lũ về có thể lúa mất trắng, bà con ta thiệt hại khoảng 7 tỷ đồng mà sang năm vẫn phải đắp đê. Với 28 km bờ bao quanh nông trường nếu ta bỏ tiền ra, gia cố thêm chùng này, rộng chùng này... mất 1 tỷ, lúa không bị lũ, đê bao lại được xài mãi mãi, đi xe honda trên đó được. Giữa 1 tỷ và 7 tỷ, bà con chọn thế nào? Đương nhiên là bà con chọn 1 tỷ. Bây giờ đến tiền, nếu chia đều thì chủ mỗi công đất đóng góp 95 ngàn để gia cố đê, nông trường đi vay giúp bà con, trả trong 3 năm tức là qua 6 vụ lúa. Nghe vậy bà con vỗ tay đồng ý. Tiếp đó tôi đến các ngân hàng thuyết phục “Các anh đã giúp đỡ, tin tưởng cho chúng tôi vay tiền xuống giống, mua thuốc trừ sâu, nay sắp được ăn rồi, lũ về mà mất thì tôi cũng không có tiền để trả các anh, chi bằng cho tôi vay thêm ít nữa đắp cái bờ bao...”. Mấy ông ngân hàng nghe có lý cho vay liền! Sau cái vụ đắp đê bao và lũ sớm này, tôi cho rằng Nhà nước chưa đủ kinh phí để đắp hết tất cả các bờ bao thì ngân hàng nên

mạnh dạn cho dân vay tiền đắp bờ bao. Tiền của ngân hàng vẫn còn trong dân chứ có mất đi đâu mà sợ. Nếu không giữ được lúa, dân mất, Nhà nước mất lại vừa phải trợ cấp, ngân hàng cũng không đòi được nợ - mất đủ đường.

Tôi nói đùa với anh: “Anh còn cái lon trung tá, còn cái chức giám đốc nông trường để thế chấp, chứ dân tay trắng ai dám cho vay”.

Giọng ông Trọng buồn buồn: “Nếu cứ lo mất chức, cứ sợ trách nhiệm thì ai lo cho dân? Sẽ chẳng ai dám làm gì hết mà chỉ ngồi chờ lũ tới thôi”.

THAY CHO LỜI KẾT

Khi tôi đặt bút viết bài này, lũ ở đồng bằng sông Cửu Long đã ở mức báo động 3. Nhớ lúc chia tay anh Ba Trọng ở Giồng Găng tôi hỏi: “Lúa của nông trường anh hươm hươm chín rồi, sao anh không cho gặt đi cho chắc ăn?” Anh Trọng bảo: “Tôi cần mực nước từng centimet, ráng chờ qua ngày 30/7 này, lúa chín hẳn để đạt tiêu chuẩn lúa giống. Lũ năm nay làm lúa thất nhiều, bà con nông dân các nơi sẽ thiếu lúa giống dũ lắm, sẽ vừa lợi cho cả người bán và người mua”.

Trong anh, cái chất của người lính và cái chất “phiêu lưu” của nhà doanh nghiệp khiến tôi vừa phục vừa hồi hộp thay cho anh khi trở lại bên phà Giồng Găng chống chênh trong nước lũ... Tôi nhắc điện thoại gọi về Giồng Găng để hỏi thăm, đầu máy bên kia, cậu Tâm ở văn phòng bảo tôi: “Chú Ba đi vắng rồi anh ạ. Nông trường em đã gặt xong hết rồi, đã xả nước vào ruộng rồi, an toàn anh ạ”.

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Xin chúc mừng Giồng Găng, chúc mừng những xã, những phân khu ở Đồng Tháp Mười nằm trong vùng lũ mà đã đi qua cơn lũ an toàn.

Sau cơn lũ sớm này, chắc chắn chúng ta sẽ còn nhiều điều để rút kinh nghiệm để hoàn thiện hơn hệ thống thủy lợi chống thoát lũ cho đồng bằng sông Cửu Long nhưng không hiểu sao tôi cứ nhớ mãi cái cách ví von rất... Đồng Tháp Mười của anh Ba Trọng về cái quần lửng và phương pháp của anh để hoàn thiện nốt chiếc quần lửng ấy - biết dựa vào dân, không trông chờ ỷ lại và cũng không kêu than...

H.T

Cao Lãnh những cánh tay đang mở

PHAN NGỌC QUANG

Sau khi mua hai lít xăng đổ vào xe, anh thanh niên gỡ mắt kiếng ra nhìn lại đường và hỏi bà bán thuốc lá và xăng: “Thím làm ơn cho hỏi đường Lý Thường Kiệt ở đâu?”. Thấy bà kia lúng túng, anh ta giải thích thêm: “Đường trước Công an tỉnh đó!” Lúc này bà thím mới trả lời: “Thì con đường chú đang đứng đây nè!”.

Sự ngỡ ngàng hiện rõ trên nét mặt anh. Lúc sau, khi đã xác định lại hướng, người khách vẫn không hình dung nổi con đường xưa kia mà mình đã từng sớm tối đi về. Trước khi cảm ơn người chỉ đường, anh nở một nụ cười: “Cao Lãnh bây giờ là quá, gần chục năm nay không trở lại, đường sá cũng khác hẳn!”.

Có biết bao người đã từng đi qua hoặc sống trong cái thị trấn Cao Lãnh nhỏ bé xưa kia, nay trở về dù cách xa một vài năm cũng đều có cùng suy nghĩ như anh thanh niên trước cảnh đổi thay của thị xã. Những dãy nhà cũ dần dần được thay thế bằng những căn phố còn nồng mùi vôi vữa mới quét. Những con đường nối dài thêm, mở rộng ra đã xóa đi những hình ảnh quen thuộc trong tâm trí của mọi người đã từng sống ở đây trước và sau năm 1975 vài năm. Tất cả đã trôi về dĩ vãng nhưng cũng thành kỷ niệm với những ai đã từng gắn bó một thời với nó. Đó là con đường Nguyễn Huệ chạy từ chân cầu Đức đến tận cầu Đình Trung, thực ra nó là con lộ 30 từ Thành phố Hồ Chí Minh về Châu Đốc - An Giang, nhưng vào địa phận Cao Lãnh nó được mang tên khác và trở thành trục lộ chính của thị xã. Hai mươi năm đã qua nhưng vẫn còn in đậm trong tâm trí chúng ta bóng mát của hàng me già che rợp lối đi của

con đường trước mặt Trường cấp ba Vinh Phú. Mấy năm vừa giải phóng, Cao Lãnh còn thông xe về Thành phố Hồ Chí Minh qua An Hữu nên đoạn đường này cũng tấp nập. Sau đó muốn lên Thành phố Hồ Chí Minh thì phải đi đường Sa Đéc nên xe cộ thưa thớt dần, kéo theo sự xuống cấp của cầu cống, mặt lộ. Cầu Đình Trung còn là cầu ván, xe lỏi đi qua kêu lộp cộp, hạn chế các loại xe quá tải. Cầu Đúc cũng không phải như bây giờ. Đường Nguyễn Huệ hồi đó đẹp bởi có cổng tam quan rất ư cổ kính. Cổng tam quan nằm ngay chỗ Cục Thuế bây giờ, sau năm 1975 được chính quyền cách mạng tu sửa lại rồi vài năm sau không phù hợp với việc nâng cấp con lộ nên phải phá bỏ. Cuối năm 1980, quốc lộ 30 thông xe lên Thành phố Hồ Chí Minh, con đường này lại hồi sinh. Nhà cửa, ki-ốt mọc lên, trường học vươn cao đã làm thay đổi bộ mặt của nó. Đây là con đường có mật độ xe cộ qua lại cao nhất thị xã, chẳng bao giờ ngắt tiếng động cơ, kèn hú.

Từ ngã tư thị xã bạn muốn đi ngược lên hướng Trần Quốc Toản thì phải đến đường 30/4. Mới nghe tên bạn tưởng nó ra đời sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Trước đây nó mang tên cũ là đường Cộng Hòa. Cách đây dăm bảy năm thôi, ban đêm có công chuyện gấp để lên Chợ Mới (Mỹ Ngãi) ai cũng ngại vì đường tối hù, ánh sáng đèn dầu của mấy căn nhà hai bên hắt ra không đủ sáng để thấy rõ mặt đường. Hơn nữa mặt lộ lại thấp, gồ ghề rất dễ bị té. Năm 1978, con đường này đã trở thành sông vì xuống ghe qua lại nhộn nhịp. Hậu quả của nạn hồng thủy năm 1978 đã làm ảnh hưởng đến tuổi thọ của nó. Nay thì khác hẳn, phố xá nép mình cho đường rộng thênh thang. Có công viên, đường sá cũng đông vui hơn, đèn cao áp tỏa sáng dịu mát suốt đêm. Cũng con đường này nhưng từ ngã tư đổ về cầu Xáng lại mang tên là Đố Công Tường. Đoạn đường này tuy ngắn nhưng đã chứng kiến được bao đổi thay của vùng đất Kiến Phong cũ. Phố xưa, nhà cũ hai bên bờ để lại dấu tích con đường xưa là khu trung tâm của chợ Cao Lãnh. Tiệm ăn Dầu Ký, Ngọc Đạm ám đầy khói, quán cà phê Kim Thuấn một thời tấp nập đêm ngày. Nhìn mặt lộ, ta không khỏi buồn ngùi vì sự già cỗi của nó, đất lở từng mảng, đá lởm chởm, mùa mưa nước từ những máng xối lớn chảy xuống ào ào làm đất bị móc sâu thêm. Ở đây cũng vậy, mặc cho ổ voi, ổ gà, xe lớn xe nhỏ vẫn cứ phải phóng qua lại, bụi đất mịt mù. Song song với nó là con đường Hai Bà Trưng cũng chẳng thua kém gì, nói là

đường nhưng chủ yếu là chỗ để xe đậu vì đây là khu buôn bán của các vựa lớn như vật liệu xây dựng, gạch chất sát đường, nhích xuống là mấy vựa củi, trại cây. Chạy từ cầu Đức, cặp mé sông qua bến tàu xuống Sở Y tế, con đường này ít khách vãng lai nên cũng chẳng khác gì so với hai mươi năm về trước.

Nói chuyện đường biến thành chợ thì phải kể đến mấy con đường thuộc phường hai, đường Thập Mười, xưa gọi là đường Công Trường. Dù có tên đường nhưng người ta nghĩ đó là chợ vì bây giờ nó nằm trong khu vực buôn bán. Bắt đầu từ trụ sở của Công ty Xuất Nhập khẩu Lương thực thuộc Sở Nông nghiệp, đường Thập Mười đi qua hàng thuốc rê, hàng trái cây cắt ngang đường Đốc Binh Kiều trước tiệm vàng Minh Trí. Khó có ai có thể ngồi trên xe chạy một mạch từ đầu đến cuối đường như mấy đường khác được. Ngay như con đường mang tên nhà thơ Nguyễn Du chạy từ trụ sở Ngân hàng Nông nghiệp qua mấy tiệm thuốc bắc Vĩnh Đức Đường, Hồ Huỳnh Ký đến quầy bán nông cơ thủy lợi, sau giải phóng là mấy sạp vải, quần áo may sẵn, xen hàng gạo và mấy quán cơm nhỏ. Mấy năm nay nó được trả lại cho khách bộ hành, những ngày cận Tết lại thành khu chợ để bà con nông dân bày bán hoa vụn thọ, đồng tiền, cúc đại đóa và các loại trái cây. Có những con đường nguyên sơ của nó là một vùng sinh lầy nước đọng thế mà khi trái tim tuần hoàn kinh tế của thị xã bắt đầu vào nhịp thở nhanh hơn thì nó cũng được "lột xác", tự hoàn thiện lại mình, đó là đường Nguyễn Đình Chiểu chạy từ tiệm ảnh Phương Dung cũ qua Đomesco để vào hông chợ. Trước đây nó là mặt sau của Bệnh viện đa khoa nên bà con ở đây không thể nào tránh khỏi nạn ô nhiễm, đường lại thấp rác rưởi ngập lối. Nhưng mặt lộ hôm nay đã phẳng phiu, vỉa hè rộng, người dân tha hồ hít thở không khí trong lành.

Cách đây 20 năm, đường Thống Linh chạy từ bến tàu lên tượng Thống Linh chỉ là khúc đường cùn. Thế mà bây giờ nó đã vươn cánh tay ra tận sông, từ cầu Đình Trung xuống là đường Lý Tự Trọng. Đây là một trong những con đường mới mở đã làm tăng thêm giá trị của những căn nhà quanh vùng. Một căn nhà gỗ trước đây nằm khuất trong cỏ rậm, trị giá chỉ dăm bảy chỉ vàng, bây giờ giá chót không dưới ba chục cây vàng. Đường mới, phố xá hiện đại nên rất đẹp, chỉ tiếc là có những đoạn người ta phơi củi tràn, vỏ dừa choáng cả lối đi, làm mất vẻ mỹ quan của đô thị.

Nếu bây giờ có ai mở bản đồ giao thông của thị trấn Cao Lãnh cách đây hai mươi năm ra tìm đường thì chắc chắn họ sẽ không bao giờ toại nguyện. Bởi vì có những đường đã được bàn tay con người uốn lại theo quy hoạch đô thị, và có con đường như nét vẽ của anh họa sĩ trên bàn cờ thể thao vừa ráo mực. Rồi chưa kể đến vài đường phải đổi họ thay tên nhiều lần trong giấy khai sinh của mình. Võ Trường Toàn nguyên trước đây là con đường ngắn nhưng sau năm 1975 nó trở thành công vào của Trường Cao đẳng Sư phạm, đến năm 1990 nó mới tìm lại chính bản thân mình. Lộ giới Cao Lãnh những năm sau giải phóng vẫn chưa có gì thay đổi, mùa nắng bụi đỏ, mùa mưa lầy lội. Sau khi tỉnh lỵ từ Sa Đéc chuyển về đây, mọi nẻo đường như bưng tỉnh hẳn, phố xá rạng rỡ, tất cả ùa vào nhịp độ khẩn trương của dựng xây, thiết kế. Những con đường ngập lá rụng với những thân còng già cỗi được thay thế bằng những con lộ bằng phẳng, rộng rãi với những hàng cây nhỏ trong lồng sắt như chuồng chim. Đi lại ở Cao Lãnh, hiếm thấy cảnh người dắt díu nhau, xắn quần vác xe lội trong bùn như thuở trước. Tất cả đã trôi vào quên lãng, quá khứ của một thời gian lao và cực khổ... vì đường. Bạn cứ thông dong ngồi trên xe, chạy một mạch là về tận ngõ, khỏi cần gửi xe đất bộ.

Phiếm luận về đường còn bao nhiêu chuyện phải nói. Riêng tên gọi đường ở Cao Lãnh đa phần vẫn nằm trong thói quen của người dân. Ở đây người ta chẳng cần biết trên bản đồ hành chính nó tên là gì, mà họ cứ gọi theo cách nói bình dân. Đường Nguyễn Văn Tre (tới cầu sắt Hữu Nghị) người dân vẫn gọi là đường số 1, thế là đường Nguyễn Văn Bảnh ở phía dưới (Sở Thủy lợi) được gọi là đường số 2, rồi đường Sở Xây dựng (đường Tôn Đức Thắng) đường Công An tỉnh (Lý Thường Kiệt), đường Lăng Cự, đường Kinh Cụt...

Rồi một vài con đường vừa mới được đặt tên gần đây, dân bản xứ nhiều người cũng “mù tịt”. Ngay cả mấy ông đưa thư của bưu điện cũng không tìm ra tên đường mặc dù biết con đường đó, vì trên bản đồ nhiều khi chưa... có tên. Có thể vì khu đất Trường Cao đẳng Sư phạm cũ là một bản cờ vừa mới được chia ô, người địa phương cũng chưa chắc đã “rành sáu câu” về tên đường, hướng chi là khách từ phương xa.

Nói chuyện làm đường thì bên cạnh niềm vui đổi mới vẫn không ít nỗi buồn quanh nó. Xây dựng đường sá là công trình tốn nhiều kinh phí và trong thời gian dài. Một đoạn đường năm bảy trăm mét cũng ngón hết

bạc tỷ. Có kinh phí đều thì đường dù dài cũng làm nhanh chóng, nhưng kinh phí chậm, lại ách tắc thì có những khúc đường phải vài tháng, thậm chí vài năm mới làm xong. Những đống cát nằm ngổn ngang, những đống đá xanh ngủ quên trong mưa nắng cản trở giao thông làm người qua lại rất cực. Rồi có những đoạn vừa làm xong chưa kịp cất băng khánh thành, vài tuần sau lại có người moi lên sửa lại ống cống, đặt cáp ngầm, khi lấp lại thành một vết sẹo chạy dài trên mặt đường thật xấu xí. Mà đâu chỉ có một lần duy nhất (!) Biết bao giờ mới chấm dứt được tình trạng làm việc thiếu đồng bộ này! Con đường cũng như chiếc áo, dù vải tốt nhưng cứ may đi sửa lại hoài rồi cũng thành bộ đồ vá.

Đường nội ô thị xã Cao Lãnh không dài, không nhiều nhưng đang độ tuổi xuân thì rất tươi trẻ. Những cánh tay chắc khỏe, vạm vỡ này càng vươn rộng xòe ra hàng trăm ngón để làm thay đổi bộ mặt quê hương. Những năm trước, người bên đây gọi người bên kia đường nghe được. Nay thì khác rồi, một chú bé theo mẹ băng qua đường cũng muốn mỗi cả cặp giò. Đường Lý Thường Kiệt là con đường như vậy, một nửa đường coi như đã hoàn thiện, nửa còn lại kế hoạch dự tính 30/4 năm nay sẽ hoàn thành. Thế là con đường sẽ mang một ý nghĩa lịch sử không nhỏ. Lúc đó xe cộ đi lại nườm nượp, không biết có ai còn nhớ trên con đường mình đi ngày trước là sinh lầy cỏ rậm, nhờ giọt mồ hôi của người công nhân giao thông và tiền của nhân dân mà được như ngày hôm nay. Nhà đại văn hào Lỗ Tấn có nói: "Trên mặt đất này làm gì có đường, con người cứ đi mãi sẽ thành đường". Thị xã Cao Lãnh cũng vậy, chúng ta đang đi những bước đi của thời kỳ đổi mới nên đường cũng dài thêm, rộng thêm, hố sâu bãi rậm lùi xa nhường chỗ cho mạch máu giao thông nối liền. Nếu phải xa mảnh đất này, chỉ dăm bảy năm nữa, có nghĩa là năm 2000 thì lúc quay trở lại, chúng ta sẽ ngỡ ngàng trước sự thay đổi của đường phố Cao Lãnh. Lúc đó ta lại đưa ra nhận xét như anh thanh niên nọ: "Cao Lãnh bây giờ lạ quá, gần chục năm nay không đến, đường sá khác hẳn!".

P.N.Q

Những ngày nước mắt và hoa

BẠCH PHẦN

Sau tết Ất Mão năm 1975, lúc ấy, tôi còn là cô học sinh trường làng nhiều mơ lấm mộng. Đang giờ học, bỗng tôi nghe các bạn xì xào: “Đảng xã vừa mới kéo xác mấy ông Việt cộng về, Bọn lính quăng xác mấy ông dưới bến chợ Tân Dương ruồi nhặng bâu quanh, tội nghiệp lắm!”. Cả lớp xôn xao. Đứa đòi đi xem, đứa lại lo: “Rủi mấy ông bên trong pháo kích bất ngờ thì chết!”... Riêng tôi, vừa tò mò vừa muốn xem Việt cộng ra sao, tôi bỏ tiết học cuối, lặng lẽ đi về phía chợ - nơi bọn giặc còn để xác những chiến sĩ cách mạng mà chúng vừa sát hại.

Khác với mọi ngày, chợ Tân Dương hôm nay tan sớm để nhường chỗ cho đám lính bu quanh. Tôi thấy có vài chiếc xe Jeep, xe nhà binh chở cảnh sát dã chiến từ quận Đức Thịnh chạy vào. Bọn dân vệ và đám biệt động quân chạy tới, chạy lui trông rất dữ tợn. Mấy tên quan chức mặt mũi hầm hừ, chửi bới, văng tục điều gì đó với Xã trưởng...

Chen vào giữa vòng người bao quanh, hình ảnh đầu tiên đập vào mắt tôi là cảnh một người con gái mặc bộ bà ba đen trong tư thế nằm sấp cạnh bốn cái xác thanh niên. Tất cả còn rất trẻ, nhưng người thì đổ ruột, người bị mất chân tay; áo quần họ ướt sũng, da trắng bết, máu và nước còn rỉ ra trên nền xi-măng. Riêng chị, tôi thấy hai vạt áo bà ba bị kéo xéch lên gần tới phần ngực, hai ống quần rách tơi, phía trên lưng và chỗ hai cánh tay có nhiều vết đạn xuyên thủng, mái tóc dài quăn bùn đất che khuất một phần gương mặt nên tôi không đoán được chị bao nhiêu tuổi. Có ai đó đoán chừng chị khoảng mười chín, hai mươi...

Quân lính kéo đến càng đông. Đám học trò chúng tôi bị đẩy ra phía sau. Có nhiều tiếng chửi thề, nguyên rửa trong bọn chúng:

- Đ.m! Tao cho bọn mày ngoan cố! Lãnh đủ hai trái M79 mà không chịu đầu hàng, báo hại hai thằng biệt động quân bỏ xác oan mạng.

- Con Việt cộng này có nước lột da nó ra mới hả dạ...

Chúng vừa nói vừa dùng chân đá vào đầu, vào ngực chị. Chúng kiến cảnh này, cổ họng tôi bỗng dưng nghẹn đặc. Tôi òa khóc tức tưởi, rồi chạy khỏi đám đông. Dọc đường và khi về đến nhà tôi vẫn khóc. Thấy mắt con gái đỏ hoe, ba tôi hỏi:

- Sao con khóc vậy?

Tôi ảm ức:

- Người ta giết Việt cộng nhiều lắm ba ơi!

Ba tôi quay đi, giọng lạc hẳn:

- Ba biết rồi! Hồi sáng tối giờ bà Năm con xiu lên xiu xuống nhưng không dám ra xã nhìn xác chú Khoa!

Đến lúc này tôi mới hiểu, thì ra trong năm người hy sinh tôi gặp khi nãy có cả chú Khoa - người bà con cùng họ với tôi!

Hôm sau tôi đến trường. Vừa đến xã, tôi đã thấy mọi người tùm năm tùm ba xì xầm to nhỏ. Gần khu hậu cứ lính tráng canh gác đầy đường. Bọn học sinh chúng tôi thì bị cấm vào lớp. Chúng tôi ảm ức quay về thì được biết: "Sau khi ăn mừng thành tích sát cộng, bọn địch mang xác năm chiến sĩ cách mạng ra phía sau hàng dương gần hậu cứ Tân Dương đào lỗ chôn. Tưởng đã êm xuôi, nào ngờ chẳng biết "xuất quỷ nhập thần" thế nào, sáng hôm sau, năm cái xác bỗng biến đâu mất một cái, chỉ còn trở lại một vũng nước mưa. Mọi người còn nói rành mạch rằng: "Cát xác bị mất là xác cô gái!".

Tin đó nhanh chóng lan đi, người dân trong xóm xôn xao bàn tán:

- Ai gan trời dám bỏ vô lấy xác chị ấy?

Có người còn bảo:

- Hèn gì, hồi hôm tôi nghe súng nổ nhiều lắm!...

Để chữa nhục và trấn an dư luận, bọn giặc cho gài thêm mìn, lựu đạn quanh rào bốt, bố trí lực lượng canh gác nghiêm ngặt. Riêng tôi, không hiểu sao, từ cái hôm nhìn thấy những chiến sĩ cách mạng bị giết và việc xác chị phụ nữ bỗng dưng biến mất cứ luôn ám ảnh tôi suốt mấy tháng trời. Mãi đến sau này, khi được gặp anh, tận tai nghe anh kể lại những điều kỳ diệu đêm ấy, tôi mới hiểu thêm dũng khí của những người cách mạng. Tình yêu và sự hy sinh của họ thật cao cả!

*

* *

Những ngày sau đó, trường tôi liên tục bị cấm dạy. Đường đến trường có bữa người ta đắp mô, kéo chà gai bít lối, trên thân cây quân nguy treo nhiều hình sọ người kèm theo dòng chữ “cấm địa” thấy mà phát khiếp! Ban đêm súng nổ tứ hướng, có lúc lặng im như tờ, thỉnh thoảng có tiếng chó tru, tiếng trẻ con khóc thét... Ban ngày, ba không cho chị em chúng tôi ra đồng hay chạy chơi ngoài sân vì sợ bị trúng đạn mìn côi. Đêm đến, ông bắt cả bảy chị em tôi chui xuống trảng-xê ngủ, để phòng bị pháo bắn, đạn rơi. Có đêm giật mình thức giấc, dưới ánh sáng lờ mờ của bóng đèn trứng vịt, tôi thấy có mấy bóng người đang nói gì với ba tôi coi bộ khẩn trương lắm, sau đó họ lách người qua cửa sau rồi đi mất. Trong màn đêm mờ mịt, tôi chỉ kịp nhìn thấy chiếc nón vải (mà sau này tôi mới biết là mũ tai bèo) cùng tấm khăn choàng phất phơ trong gió, trông giống những chàng kị mã tôi đã xem trên phim. Tò mò, tôi hỏi ba:

- Ai vậy ba?

Ba tôi trừng mắt:

- Con nít biết gì, xuống trảng-xê nhanh!

Các anh đi chẳng bao xa thì đầu xóm vang lên tiếng loa phóng thanh lạnh lạnh:

“Đồng bào thân mến! Mời đồng bào theo dõi bản tin thời sự của Đài phát thanh giải phóng! Bộ đội ta đã đánh chiếm Plây-cu, Buôn-ma-thuột, làm chủ hoàn toàn khu vực miền Trung - Trung bộ, quân nguy tan rã, hoang mang. Quân và dân ta trên khắp mọi miền Tổ quốc đang thừa thắng xông lên đánh đuổi đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc! Những ai có con em theo giặc hãy khuyên họ bỏ súng giặc trở về với Chính phủ lâm thời miền Nam Việt

Nam. Các anh sẽ được đối xử tử tế và được hưởng chính sách khoan hồng của chính quyền cách mạng... Đồng bào thân mến! Đồng bào thân mến!...

Tiếng loa khi gần khi xa lờ lững giữa đêm thanh vắng. Và cứ thế, vài đêm phát lại một lần, kèm theo là những bài hát cách mạng: *Giải phóng miền Nam, Nối vòng tay lớn, Cô gái Sài Gòn đi tải đạn*... Mấy đêm đầu, tôi còn nghe có vài tiếng súng tách, dùng phát ra từ phía đồn đầu Vàm, sau đó im bật. Ban ngày cũng ít thấy bóng lính nghĩa quân, dân vệ đi tuần. Xóm làng căng thẳng, không gian ngột ngạt như sắp có bão lớn.

Nhớ nhất là ngày 30/4/1975! Suốt đêm không biết ba tôi đi đâu, sáng sớm bỗng thấy ông xuất hiện với vẻ mặt hân hoan. Ông bảo má tôi xúc nếp nấu xôi đậu, còn ông thì cứ đi đi lại lại và lúc nào cũng kè kè cái ra-đi-ô bên mình. Sóng đài lúc ấy rất khó nghe, hết rè rè lại rẹt rẹt, có lúc không nghe được gì, vậy mà ba vẫn bám để nghe. Hồi ấy, các em tôi còn nhỏ, chẳng biết chuyện gì sẽ đến, nên chúng cứ vô tư đùa giỡn. Trong lúc đang chạy chơi trước sân, bỗng thằng em trai tôi chỉ tay lên trời reo lên:

- Chị ơi! Chim đâu bay nhiều quá kia!

Chúng tôi ngửa mặt nhìn lên và cùng vỗ tay reo mừng:

- Chim bay nhiều quá! Chim ở đâu nhiều quá!

Hàng xóm nghe thấy cũng túa ra sân nhìn theo:

- Chim đâu mà nhiều quá vậy? Bay rợp cả bầu trời!

Bỗng có tiếng ai đó reo lên thật to: "*Hòa bình rồi! Hòa bình rồi!*"
"*Bà con ơi! Hòa bình rồi!*"

Cùng lúc này ba tôi cũng bỏ cái ra-đi-ô chạy ra sân nhảy cẫng lên:

- Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện rồi tía ơi! Hòa bình thật rồi cô bác ơi!

Ông nội tôi lẳng tai, chẳng nghe rõ điều gì, nhưng khi nhìn thấy mọi người xôn xao nhảy múa, ông ngạc nhiên hỏi:

- Cái gì? Cái gì vậy?

Mọi người chạy đến gần ông, kể tai hét lớn:

- HÒA BÌNH RỒI!

Ông tôi cầm cây gậy đứng lên, tay run run, miệng lắp bắp:

- Hò... a... bình! Mừng... Mừng quá các con! Sống tới từng tuổi này mới thấy... hòa bình! - Rồi ông quay sang ôm ba tôi và mấy cô, giọng nghèn nghẹn - Như... vậy... là thằng Loan... nó sắp về... Nó... sắp... về đó...!

Nghe ông nói, mọi người nhìn ông gật gù, mà mặt ai cũng nửa cười nửa mếu.

*
* *

Bầu trời hôm ấy nắng vàng chanh. Trên cao, những đàn chim vẫn còn giăng kín bầu trời. Chúng kéo thành dây, thành hàng uốn lượn trông rất vui mắt và ngoạn mục. Qua cơn xúc động, mọi người kéo nhau ra đồng đón quân giải phóng. Tôi nhớ, lúc ấy là mùa đọt đồng, bà con trong làng chuẩn bị cây xới để cấy lúa Thần Nông vụ Hè Thu. Hoa bằng lăng vào mùa nở tím ven sông. Từ những hàng cây cuối làng, quân giải phóng tỏa ra rất đông. Họ mặc quần áo ni-lông dầu màu xanh rêu, đầu đội mũ tai bèo, chân mang dép râu, có anh còn quàng cả khăn dù trông rất oai hùng. Vừa đi, các anh vừa vẫy tay chào, có anh vừa đi vừa hát...

Như đã chuẩn bị trước, bà con trong xóm, người cơm nếp, kẻ bánh tét, dưa tươi, bắp nấu... tay xách, vai mang đứng dọc theo bờ đê đợi quân giải phóng đi qua để tiếp tế. Số đàn ông, trai tráng thì chuẩn bị ghe, xuồng đưa quân giải phóng qua sông tiến về thị xã. Những đoàn quân đi qua vội vã nhưng không ngớt lời hỏi han riu rít. Người thì hôn hờ reo mừng vì chồng, con họ bình an trở về, cũng có người lặng lẽ quay đi nhưng vẫn hy vọng sẽ gặp chồng, con, người thân của mình trong những đoàn quân khác... Buồn vui lẫn lộn, hoa và nước mắt tràn ngập ngày vui. Và dù vui hay buồn, ai nấy cũng đều hòa chung công việc đưa đón quân giải phóng và tiếp quản chính quyền. Hôm ấy, ba và chị Hai tôi cũng theo các chú, các anh vào tiếp quản xã Tân Dương. Ông được giữ ở lại và được xã bổ trí làm Trưởng ban Văn hóa - Thông tin.

Đạo ấy, ba tôi ít về nhà. Xã mới tiếp quản có biết bao là công việc cần phải giải quyết. Có đêm phải thức suốt, cơm nước đã có đoàn thể lo, lương thực bà con cung cấp, nhưng mãi lo công việc, mọi người ăn uống

rất thất thường. Vậy mà nhìn ai cũng vui tươi, phấn khởi, tiếng đàn, tiếng hát sôi động ngày đêm. Sợ ba bị bệnh, sau giờ học, tôi thường ghé lại chỗ ba để giặt giũ, lo cơm nước.

Một hôm thấy tôi đến, ba liền bảo:

- Con ăn cơm chưa? Ngồi xuống ăn với ba luôn!

Tôi lí nhí:

- Con không đói!

Anh giải phóng quân đang ngồi ăn cơm với ba, nhìn tôi cười cười, rồi xếp đũa đứng lên:

- Con gái chú hủ, chú Tư?

Ba tôi đáp:

- Ồ! Con nhỏ này thứ ba!

Anh nhú mày lắm bảm:

- Thứ Ba! Bé Ba hủ?

Nói xong anh bỏ đi. Tôi nhìn theo và rất thích khi thấy chiếc khăn dù trên cổ anh đang bay phơ phất. Ngạc nhiên hơn là lúc anh bước nhanh, dáng anh hơi nghiêng, khó nhọc. Thấy tôi cứ chăm chú nhìn theo anh, ba tôi nói:

- Ba quên nói với con. Anh hồi nãy là anh Phương! Người đã trực tiếp lấy xác cô Bé Hai về an táng trong cái đêm mưa gió hôm đó!

Tôi reo lên:

- Vậy lúc nãy sao ba không nói sớm, để con hỏi xem bí quyết nào giúp mấy ảnh làm được một việc kỳ diệu như vậy? Ba biết không, cho đến bây giờ các bạn con vẫn còn thắc mắc: Vì sao năm cái xác của mấy chiến sĩ cách mạng bị giết, chỉ trong một đêm mà biến mất một cái?

Biết tình con gái một khi muốn tìm hiểu việc gì thì phải tìm cho ra lẽ, nên ông dễ ngọt:

- Thôi được rồi! Thỉnh thoảng chú Phương có đến ăn cơm với ba, ba sẽ nói chú Phương kể cho nghe.

Vài hôm sau tôi lại đến chỗ ba. Vừa bước vô phòng tôi đã gặp anh giải phóng quân ngồi trên chiếc võng, cổ vẫn quàng chiếc khăn

dù hôm ấy, tay ôm cây đàn Măng-đô-lin khảy bài “Cuộc đời vẫn đẹp sao” Trông thấy tôi, anh xởi lởi:

- Bé Ba! Kiểm chú Tư hả? Ngồi chơi đi, chú đi họp, chút về!

Cùng lúc ấy, nồi cơm trên bếp cũng bật nắp sôi. Anh chạy vội đến bột củi rồi chất nước. Trông anh làm “tổng khâu” cũng sành điệu lắm!

Lần đầu tiên được tiếp xúc với anh, một chiến sĩ giải phóng quân bằng xương bằng thịt, tôi thấy tim mình cứ đập liên hồi! Nhất là anh khá điển trai, đôi mắt nâu đen với ánh nhìn hồn hậu, không giống như những tranh vẽ bôi bác của bọn ngụy trước kia, nên tôi vô cùng bối rối. Thoáng nhìn, trông anh khắc khổ lắm, nhưng khi tiếp chuyện, lại thấy anh rất lạc quan, hài hước. Có lẽ đã được ba thông tin trước, anh giải phóng quân bước ra ngồi xuống cạnh tôi, nhẹ nhàng rút chiếc khăn dù đang quàng trên cổ đưa cho tôi, anh nói:

- Kỷ niệm của Bé Hai đó!

Thấy tôi chưa hiểu, anh giải thích:

- Trước lúc hy sinh Bé Hai có tặng anh chiếc khăn này. Anh vẫn giữ làm kỷ niệm!

Tôi ngạc nhiên:

- Chị ấy là gì của anh?

Anh cười buồn:

- Nếu nói em gái thì không phải, mà người yêu thì... cũng chưa!

Để giải thích điều bí ẩn kia, anh kéo tôi ngồi lên chiếc võng, còn anh thì vợ lấy chiếc mo cau dùng để quạt lửa mà ngồi. Thấy anh thương tật, ngồi bệt khó khăn, tôi định đứng lên nhường chỗ, thì anh ngăn lại:

- Em mặc áo dài trắng mà ngồi như anh thì bẩn hết.

Nghe anh nói, tôi thấy quý anh vô cùng và tự trách: “Việt cộng lịch sử và ga- lăng như vậy, mà có lúc mình cũng tin theo mấy ông lính ngụy, tướng họ ốm yếu cù lùn, “Bảy người đeo tàu chuối không xu (!)”

Thấy tôi ngẩn ngơ, anh hỏi:

- Em suy nghĩ gì vậy?

- Ồ... không! Em đang đợi anh kể chuyện đi lấy xác chị Bé Hai đấy!

Anh lấy bịt thuốc rê, tay vân vê điệu thuốc, giọng trầm buồn, anh kể:

- Lúc ấy anh là bộ đội địa phương, còn Bé Hai ở Đội tuyên truyền Ban Tuyên huấn từ tỉnh về. Những đồng chí này được trên đưa xuống vận động, tuyên truyền chuẩn bị ngày giải phóng. Để cuộc đón tiếp an toàn, ngày, giờ, địa điểm các anh chuẩn bị rất khít khao. Đúng giờ hẹn, từ phía vườn cây, anh phát hiện có một bóng người đi ra, sau khi nhận rõ ám hiệu lại thấy ba bóng người nữa xuất hiện. Trời tối, nên anh không phân biệt rõ nam hay nữ, chỉ lảng lảng đi bên cạnh một đồng chí có dáng người thon nhỏ mà mình có nhiệm vụ phải bảo vệ. Đi bên nhau suốt chặng đường gần ba, bốn cây số vẫn không ai nói với ai câu nào. Đến lúc cùng băng qua cánh đồng để vào khu vườn cơ sở, bỗng anh nghe có tiếng “Ui!” nho nhỏ phát ra từ người đi bên cạnh. Anh nghe loáng thoáng như tiếng con gái, nhưng không dám chắc! Cùng lúc ấy, người đi bên cạnh cũng dừng lại. Nhìn xuống chân đồng chí ấy, anh thấy máu ra nhiều quá, thì ra lúc lội qua cái mương vườn, chân đồng chí ấy bị đứt. Trước tình huống nguy cấp, vì không thể dừng lại lâu trên cánh đồng trống trải, rất dễ bị máy bay địch phát hiện. Bí quá, anh liền rút chiếc khăn dù đang quấn trên cổ buộc vội cho đồng chí ấy và bế đồng chí ấy chạy vào mé vườn. Vừa đặt đồng chí ấy xuống định thở, thì anh nghe có tiếng “Cám ơn anh!”. Quay qua nhìn, anh mới phát hiện đồng chí mà anh vừa ẵm là con gái, nên nói luôn: “Hèn chi nhẹ hều, nghe mùi thơm thơm!”. Cô ta mắc cỡ quay mặt đi.

Nghỉ chân giây lát, bọn anh lại lên đường. Trên đường đi, anh và cô ấy bắt đầu làm quen và trao đổi chút ít chuyện nhà. Nhờ thế mà anh biết cô ấy tên Bé Hai, quê ở Mỹ Tho.

Đưa các đồng chí ấy đến địa điểm an toàn rồi, không hiểu sao anh cứ nghe lòng vương vấn mãi. Biết rằng, chỗ anh đóng quân chỉ cách chỗ chị Bé Hai có mấy cái mương, nhưng muốn qua lại cũng đâu phải dễ. Hồi ấy kỷ luật ghê lắm! Phần vì mặc cảm mình là lính địa phương, còn người ta ở tỉnh nên anh đâu dám hó hé. Thế là, đêm nào cũng vậy, anh đều âm thầm ra bờ trâm bầu nghe cô ấy thuyết minh, đọc tin tức. Giọng cô ấy ấm và trong lắm! Một hôm, anh nghe đồng đội báo tin: “Có cô thuyết minh

đến thăm!” Anh mừng muốn rớt tim, cố giữ thái độ bình tĩnh mà ngực cứ phập phồng. Hôm đó, Bé Hai mặc áo bà ba đen, tóc thắt bím bỏ ra phía trước. Nói thật, đây là lần đầu tiên anh mới nhìn rõ gương mặt cô ấy. Bé Hai có đôi mắt đen tròn, nụ cười tươi tắn và tinh nghịch. Loay hoay mãi, Bé Hai mới thốt được thành câu: Vết thương lành rồi! E...m... gọi lại anh chiếc khăn!” Anh cũng lập bập như bị cà lăm: “Thôi...khỏi! Tô...i... còn,... chị... cất đi!”. Bé Hai bẽn lẽn: “Khăn này của em! Khăn của anh... em giữ làm kỷ niệm!” Quá bất ngờ, anh chưa biết nói sao, nên cứ đứng ngơ ra, bỗng Bé Hai nói lầy: “Hay anh chê khăn em cũ?...”. Anh lúng túng nhận khăn mà tim đập liên hồi. Bé Hai nói tiếp: “Ngày giải phóng, hẹn gặp anh ở Mỹ Tho nghe!” Nói xong cô ấy bỏ chạy. Anh chỉ còn kịp nhìn thấy hai bím tóc của cô ấy tung đưa theo gió và tiếng cười khúc khích vang lại phía sau. Ai có ngờ đâu... đêm hôm đó Bé Hai hy sinh!

- Nhưng, vì sao chị ấy hy sinh?

Tôi sốt ruột cắt lời. Anh kể tiếp:

- Như mọi hôm, Đội tuyên truyền của Bé Hai lên đường làm nhiệm vụ. Sau khi đã chọn xong địa điểm thuận lợi để phát tin tức và chiếu phim, họ quay lại trở về khu căn cứ. Đêm về khuya, nhìn trăng treo nhà nhat, thấy tình hình yên ổn, anh em bám theo đường cũ mà về, không ngờ bị địch phục kích bắn chết đồng chí đi đầu. Đồng chí đi kế vương mình và cũng bị bọn giặc bắn chết. Biết không chạy thoát, Bé Hai và hai đồng chí đi sau lùi lại, chọn địa thế chiến đấu. Do quyết lòng tiêu diệt quân ta nên bọn giặc cho lính Biệt động quân và máy bay chi viện ruộng bố suốt đêm. Thà hy sinh chứ không đầu hàng, không để kẻ thù bắt sống. Sau gần 3 giờ cầm cự, mặc cho bọn địch kêu hàng, Bé Hai và đồng chí Khoa vẫn kiên quyết chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và đã bắn chết hai tên Biệt động quân và làm bị thương mấy tên nghĩa quân đồn Cái Cỏ.

Tiếng súng phía ta đã ngưng từ lâu, nhưng quân địch vẫn còn bắn phá, quần xéo tới sáng. Suốt đêm, chúng xục xạo. Do đã đưa bốn xác chiến sĩ ta lên ghe, chúng vẫn tiếp tục quần đảo chung quanh nhiều lần để tìm xác Bé Hai và chúng đã tìm được. Tội nghiệp, cô ấy còn trẻ quá, chỉ mới mười chín tuổi!

Vừa thương Bé Hai, vừa lo cho đồng đội. Sau khi nghe cơ sở cho biết bọn lính mang xác cô ấy và bốn đồng chí hy sinh đào lỗ chôn phía sau

rào bót Tân Dương, anh liền báo cáo tổ chức xin được đi lấy xác các đồng chí ấy đưa về căn cứ làm lễ truy điệu và an táng đàng hoàng. Nhưng không được sự chấp thuận, anh đánh liều lên đơn vị, mượn ghe, xuống cơ sở và cùng anh em nửa đêm bí mật vượt sông lấy xác đồng đội.

*

* *

Đám mưa chiều như trút nước. Những tia chớp lập lòe, những tiếng sấm gầm rú trên bầu trời như những nhát búa đập vào đầu anh nhức buốt. Thương Bé Hai và bốn đồng đội đang nằm ngoài mưa, lòng anh càng se thắt. Bằng mọi cách phải đưa họ về an táng. Nghĩ vậy, nên sau khi bố trí sẵn hai chiếc xuồng có phủ lục bình và cho các đồng chí du kích canh gác cẩn thận, anh bám theo sơ đồ cơ sở, bò qua rào bót Tân Dương để vào khu hậu cứ giặc. Lúc này, từng chùm pháo sáng từ bót Tân Dương cứ vọt lên không trung, có lúc chập chờn như những bóng ma trôi. Gió thổi mạnh, những tiếng hú, tiếng kéo kẹt phát ra từ phía hàng dương bên ngôi đình, nghe đến rợn người. Thỉnh thoảng có vài tiếng súng bắn chỉ thiên từ phía đồn giặc vang lên. Anh yên tâm vì quân địch chưa phát hiện ra mình, nhẹ nhàng men theo bờ tường, hố đất, cắt rào kềm gai, trườn người đến những mô đất ướt, nơi bọn lính vừa đập xác Bé Hai và bốn đồng chí của mình. Hình bóng và những kỷ niệm ngắn ngủi của Bé Hai bỗng hiện lên mãnh liệt. Với chiếc len trong tay, vừa dò mìn, anh vừa xới từng lớp đất tìm xác Bé Hai. Mưa lạnh, gió lùa, hì hục mãi anh mới moi được xác cô ấy lên. Cái xác cứng đờ, trơn nhớt vì bùn đất, khó khăn lắm anh mới đưa được xác Bé Hai qua khỏi rào bót, thì chẳng may bị vướng mìn giặc. Mìn nổ, súng giặc từ các phía đổ về chỗ anh. Anh ôm xác bé Hai lăn người xuống cái mương lạng gần đó ẩn nấp. Cũng may, súng chỉ nổ giây lát rồi ngưng, thừa lúc này anh cố sức đẩy, kéo xác Bé Hai xuống bờ sông nơi cơ sở đang đậu xuồng chờ sẵn. Nhưng chưa kịp đưa cô ấy đến nơi thì anh đã bất tỉnh. Lúc tỉnh lại anh thấy mình đang nằm trong một Trạm Y tế huyện. Đồng đội cho biết, anh bị vướng mìn nát cả bàn chân trái, có khả năng bị cắt và mấy vết đạn xuyên qua phổi. Nhưng anh chẳng lo cho thân mình, vì dù đã cố gắng nhưng anh chỉ đưa được xác Bé Hai về vườn Mù U an táng, còn bốn đồng chí khác phải đành nằm lại trong khu hậu cứ giặc.

Sau lần ấy anh phải nằm điều trị vết thương cả tháng trời và bị kỷ luật vì không chấp hành lệnh chỉ huy nên không được ra tiếp quản thị xã, phải ở lại tuyến sau.

Trầm ngâm giây lát, anh bất ngờ hỏi tôi:

- À! Mà em cũng biết Bé Hai rồi đó! Cô ấy có gương mặt tròn, hai bím tóc bỏ ra trước, trông dễ thương lắm!

*
* *

Không ngờ, qua câu chuyện đi lấy xác người nữ chiến sĩ cách mạng trung kiên ngày ấy, anh đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng khó phai về người chiến sĩ giải phóng quân nhân hậu. Và không biết tự lúc nào, tôi đã xem anh như người thân ruột thịt! Biết tôi thích ăn trái sắn, mỗi lần về vườn Mù U thăm mộ chị Bé Hai anh đều hái cho tôi. Thấy anh hiền, siêng năng, ở xã nhiều người mai mối cho anh cô này, cô nọ mà chẳng hiểu sao anh không lấy vợ. Mãi đến khi tôi ra tỉnh học và tham gia vào ngành Công an, có dịp về quê thăm nhà, ba tôi bảo: “Anh Phương đã nghỉ công tác và nghe đâu vẫn chưa lấy vợ?”. Lần khác, tôi bất ngờ gặp anh. Trông anh tiêu tụy đến tội nghiệp: đôi mắt trũng sâu, dáng đi yếu ớt, thỉnh thoảng lại ho khan. Ba tôi khuyên anh bỏ thuốc lá, anh cười:

- Buồn quá chú Tư! Bón hải cốt liệt sĩ chú giữ mấy năm nay, tỉnh đã đưa về nghĩa trang quy tập. Tất cả đều đã có người thân đến nhận, chỉ còn lại hài cốt Bé Hai, đến bây giờ vẫn chưa tìm được thân nhân.

Rồi anh nói với tôi:

- Em đi làm việc, có dịp nào đến Mỹ Tho dò thăm giùm anh! Nghe nói, Bé Hai có người mẹ tên Tám Trang, ngày trước hoạt động ở vùng này và một cô em gái tuổi chừng cỡ em!

Thấy anh quá quyết tâm, tôi hứa sẽ giúp anh tròn ý nguyện. Năm 1985, trong một chuyến công tác đến Tiền Giang, tôi có đến Sở Thương binh - Xã hội của tỉnh để hỏi, nhưng do quá vội nên chưa làm được điều gì. Sau này, trong một dịp tình cờ, anh quen được một cán bộ hưu trí, trước công tác chung đơn vị với mẹ chị Bé Hai. Qua đó, anh đã tìm được địa chỉ chị Lê Thị Hồng Em - tên thường gọi là Bé Ba - người em ruột của chị Lê Thị Hồng - tức Bé Hai! Bé Ba cũng là người thân duy nhất

của Bé Hai còn sống sót trong gia đình có bốn người thân là liệt sĩ. Sở dĩ có việc chậm trễ này là do Bé Ba theo chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh công tác. Hai mươi năm qua, chị luôn cất công tìm kiếm hài cốt chị Bé Hai, nhưng do có nhiều nguồn thông tin không chính xác về địa điểm hy sinh của chị Bé Hai nên dù đã đi hết tỉnh này đến tỉnh khác, Bé Ba vẫn chưa tìm được hài cốt chị mình. “May nhờ có anh...” - Bé Ba nói trong nước mắt:

- Nếu chưa tìm được hài cốt chị Hai, suốt đời này em không yên lòng được!

Sau ngày ấy, anh trở về, bỗng dưng ít nói, biếng ăn rồi sanh tật uống rượu. Vết thương cũ tái phát và anh đã qua đời khi chưa đến tuổi sáu mươi.

Hôm nay đứng trước mộ anh, thấp nén nhang thành kính, tôi lặng người nhớ đến cái dáng gầy gầy và chiếc khăn dù, dẫu đã bạc màu anh vẫn không để rời khỏi cổ. Anh thường bảo: “Chiếc khăn có hơi ấm của Bé Hai! Cô ấy sẽ phù hộ cho anh tại qua nạn khỏi!”

Tháng tư lại về, hoa bằng lăng nở tím ven sông, tôi rắc lên mộ anh những bông hoa chung thủy. Tên tuổi anh dẫu chưa được ghi lên bảng vàng tưởng niệm, nhưng tấm lòng anh đồng đội mãi ghi ơn. Anh là **Chiến sĩ giải phóng quân!**

Tháng 4/ 2002

B.P

Lao động nước ngoài - lối thoát cho người nghèo

HỮU NHÂN

Theo số liệu của Trung tâm Dịch vụ Việc làm tỉnh Đồng Tháp thì hiện nay đã có khoảng 900 người đang làm việc ở các nước Đài Loan, Malaysia, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản theo con đường xuất khẩu lao động. Nói cách nào đó thì con số này vẫn còn khiêm tốn so với chỉ tiêu đặt ra là 1.000 lao động trong năm 2003. Tuy nhiên với tình hình hiện nay thì nguồn cung cấp lao động trong toàn tỉnh vẫn còn dồi dào và dự báo sẽ bùng nổ vào năm 2004.

Những ngày cuối cùng của năm 2003, tại Trung tâm Dịch vụ Việc làm, lượng người đến tấp nập để hoàn thành thủ tục đăng ký ban đầu. Các lớp hướng nghiệp, lớp tiếng Anh sơ cấp luôn đông nghịt. Vừa tiễn một đứa con trai sang Malaysia được 10 ngày, anh Lê Minh Chí lại từ Hồng Ngự trở xuống nộp hồ sơ cho con trai thứ hai. “Thằng con tui qua đó điện về báo tin công việc ổn định. Tết này con sẽ gửi tháng lương đầu tiên của mình về cho gia đình. Mừng quá! Chắc cũng được vài triệu. Chưa bao giờ vợ chồng tôi có được một cái Tết rủng rỉnh chút đỉnh như năm nay”. Anh đang nói trong hơi thở dồn dập vì đang chạy ngược chạy xuôi hoàn tất hồ sơ cho con mình. Một thanh niên khác hình như ở miệt Lai Vung hồ hởi nói: “Em mới tiễn đứa bạn lên sân bay hôm qua. Còn em đang chờ được cấp visa. Đi trước tết thì hơi buồn thiệt nhưng có tiền gửi về cho má nên em cũng thấy đỡ buồn một chút”. Tôi chưa kịp hỏi tên thì thoát một cái em đã lẫn vào trong một đám đông người.

Xuất khẩu lao động là một trong những biện pháp góp phần giải quyết nhu cầu về việc làm hiện nay của tỉnh ta nói riêng và toàn xã hội nói chung. Đó cũng là một việc làm thúc đẩy sự thành công cho mục tiêu

xóa đói, giảm nghèo mà các cấp, các ngành đang thực hiện. Con số 3.500 người có đủ điều kiện đi lao động nước ngoài đặt ra cho các cơ quan chức năng trong tỉnh đến năm 2010 là hoàn toàn có cơ sở. Nhất là những lợi ích thiết thực của việc đi lao động nước ngoài mang đến. Buổi trưa, tôi ghé qua sạp mua bán hàng nông sản thực phẩm của dì Hai Bè đang ế khách nằm lọt thỏm trong căn nhà lổm chổm Tam Nông. Chừng như có được người thông cảm với mình, dì Hai trút hết tâm sự: “Vợ chồng tui đắp đổi qua ngày. Dư dả gì cho lắm đâu. Mới này thôi, nói khô cả nước miếng mới có người mua được đôi chiếu. Chợ huyện mà, sáng mở mắt ra đông đông một chút chứ từ giờ tới chiều bán buôn gì. Mấy ngày giáp tết, thêm được ba cái nếp gói bánh tét, bánh ít kiếm được mỗi ngày trăm ngàn lời là cùng. Chớ ngày thường vài ba chục là mừng quỳnh rồi”. Về chuyện đưa con gái đi lao động ở Đài Loan thì dì Hai Bè có vẻ trầm ngâm: “Còn mấy bữa nữa là giáp năm rồi. Nó đi trước tết năm ngoái. Năm nay thêm một lần nữa phải ăn tết xứ người. Vắng con cũng nhớ”. Hồi Cẩm Loan, con gái út của dì Hai nằng nặc xin đi lao động nước ngoài, dì một mực không chịu. Nhưng thấy chồng và con nói mãi nên dì cũng xiêu theo. Gom hết tiền bạc cả chục năm dành dụm, bán luôn cả vườn bạch đàn sau nhà, mượn thêm hai đứa con trai lớn một ít nữa mới đủ chi phí cho con lên máy bay. Chừng cô con gái điện về báo tin công việc ổn định dì mới yên tâm. Chưa đầy một năm, Cẩm Loan đã về cho gia đình gần một trăm triệu đồng. Số tiền vượt quá mức tưởng tượng của dì Hai lúc con gái ở nhà.

Tấm bảng “Tại đây có vá xe” trước căn nhà lụp xụp của chú Tám Thư ở ấp Phú Thọ C xã Phú Thọ (Tam Nông) khiến tôi hình dung ra sự thiếu thốn, khó khăn dường như vẫn còn lẫn khuất đâu đó trong câu chuyện của vợ chồng chú. “Nhà tám miệng ăn, sáu đứa con nheo nhóc, ăn trước trả sau. Đầu tắt mặt tối suốt ngày, nhìn lại phần nợ ngân hàng, phần nợ vật tư các đại lý, tiền vay nóng, tiền vay nguội lên đến cả trăm triệu. Vô phương trả nổi. Thấy người ta gả con cho Đài Loan nhà cửa khá lên, tôi định nhờ người ta mai mối cho đứa con gái lớn. Ai dè nó nguây nguẩy không chịu. May sao có thông báo của Trung tâm Xúc tiến và Giới thiệu việc làm tuyển lao động đi nước ngoài. Tôi mừng rơn trong bụng vì phen này có cơ hội trả hết nợ nần”. Chú Tám Thư chậm rãi kể cho tôi nghe chuyện gia đình mình bằng giọng điệu có tiết tấu nhanh, chậm, trầm bổng khiến tôi như bị cuốn hút vào đó không dứt ra được. Nguyễn Thị Kim Nhung - cô con gái của chú sinh năm 1977 sang Đài

Loan làm công nhân ở một nhà máy dệt, sau ba tháng gửi về cho chú trên 20 triệu đồng. Điều đó khiến vợ chồng chú càng thêm tin tưởng con đường mình chọn cho con là hoàn toàn hợp lí. Hơn một năm sau, chú đưa cô con gái kế là Nguyễn Thị Kim Hồng tiếp tục sang Đài Loan làm việc. “Một đứa ở Đài Trung, một đứa ở Đài Bắc nhưng chị em nó vẫn liên lạc với nhau thường xuyên qua điện thoại di động. Thu nhập thì một tháng dư ra bằng cả năm tụi nó ở nhà làm công nhân may trên khu chế xuất Linh Trung”. Rồi như không thể giấu được niềm vui quá lớn của mình, chú Tám khoe với tôi: “Từ khi hai chị em nó qua bên đó, gia đình tôi thoát cảnh nợ nần, có khi phải lãi đến 5 - 7 phân. Hôm đầu tháng rồi, tụi nó gửi về thêm 35 triệu nữa. Bán mười công đất lo chi phí cho con, nay mua lại được 20 công. Đắp cái nền nhà tốn hơn 50 triệu. Lần nào điện về, tụi nó cũng khuyên vợ chồng tui yên tâm. Tụi nó quyết tâm làm dành dụm một năm nữa để gia đình mình có được căn nhà khang trang như người ta.

Quả là một cuộc đổi mới như thế một giấc mơ cho những gia đình có hoàn cảnh thiếu thốn như chú Tám Thư, cho những người thu nhập ít như dì Hai Bè và nhiều gia đình khác khi chọn cho con mình một hướng đi đúng. Nói chuyện với chị Lê Thủy ở ấp Tân Hồng, xã Tân Thuận Tây (thị xã Cao Lãnh) khi chị vừa mới đưa con gái thứ hai tiếp tục sang lao động ở Đài Loan, tôi mới hiểu thêm ý chí muốn vượt khó để làm giàu mỗi khi có cơ hội của bà con mình. “Nhà tui thì không đến nỗi thiếu thốn gì - Chị nói - Thành lớn thì rớt đại học đăng ký lao động nước ngoài. Thấy cũng được nên tui với ba nó đồng ý liền. Hai năm làm ở xứ người, nó gửi về hơn trăm triệu. Đưa em gái nó cũng vừa mới đi. Vậy là tết này nhà thiếu thêm đứa con trong đêm giao thừa. Mà thôi... Buồn thì buồn nhưng sau này con nó về là có được số vốn làm ăn phải khỏi lo chạy vạy như người ta là mình mừng lắm rồi”. Tâm trạng hụt hẫng vì thiếu vắng con trong những ngày tết không chỉ riêng của chị Thủy mà là tâm trạng chung của những gia đình đang có con, em miệt mài làm việc nơi xứ lạ quê người. Tôi rất hiểu và dễ dàng thông cảm cho dì Hai, chú Tám, chị Thủy... bởi lẽ tôi cũng từng có những cái tết ly hương. Lòng tôi khắp khởi hy vọng một điều rằng, người ở nhà sẽ sử dụng đồng tiền đúng cách, biết dùng tiền tạo nên một cơ ngơi vững chắc để không phải ổng phí công lao của người đi lao động ở nước ngoài.

H.N

Để con cá tra ngày càng đi xa

HỒ NHỰT TRUNG

Trong phiên họp thường kỳ tháng 7/2004 vừa qua, các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đã biểu quyết thông qua chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2005 là 12%, trong đó tỉnh tập trung xác định mũi nhọn là lĩnh vực thủy sản - mà đặc biệt là con cá tra - lĩnh vực tỉnh còn nhiều tiềm năng, sử dụng nhiều lao động, tạo ra giá trị cao, còn nhiều thị trường - cả trong nước và xuất khẩu. Hơn nữa, lĩnh vực này sử dụng ít vốn hơn phát triển công nghiệp và thương mại - dịch vụ, quay vòng nhanh, mau thu hồi vốn để phát triển chu kỳ sản xuất mở rộng tiếp theo... Về khả năng thực tiễn, theo ý kiến của các thành viên Ủy ban nhân dân thì nếu tỉnh tập trung đầu tư đúng mức, có chính sách sát thực, tăng cường kiểm tra, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc... giúp cho việc phát triển được liên tục thì chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế 12% trong năm 2005 là có thể đạt được. Vấn đề còn lại là cần có những giải pháp cho thật phù hợp và hiệu quả.

NĂM 2005 TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ 12%

Để thực hiện được phương án tăng trưởng trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị tập trung vào 4 giải pháp chủ yếu:

- Thứ nhất về vốn đầu tư phát triển, đây là giải pháp được quan tâm hàng đầu. Theo đó, tỉnh đề nghị nâng cao cơ cấu vốn đầu tư cho khu vực kinh tế từ 35% - theo dự kiến hiện nay - lên 50% trên tổng số vốn đầu tư thuộc ngân sách địa phương, bằng cách tăng đầu tư cho các khu vực - công trình - dự án mang tính bức xúc như: Tỉnh lộ 852 (là hương lộ 13 để

phục vụ cho khu A, Khu công nghiệp Sa Đéc), tỉnh lộ 844, 841, 846... và hỗ trợ đầu tư các công trình thuộc các khu công nghiệp như: khu C mở rộng, khu A Khu công nghiệp Sa Đéc, hỗ trợ đầu tư đường vào Khu công nghiệp Trần Quốc Toản, Khu công nghiệp Sông Hậu và cụm công nghiệp huyện Hồng Ngự... Tỉnh sẽ vay thêm từ 100 - 200 tỷ bằng nguồn vay của Kho bạc để tăng vốn đầu tư khu vực kinh tế, chiếm tỷ lệ 45 - 50% trên tổng vốn đầu tư của ngân sách địa phương. Về chỉ đạo điều hành trong huy động và phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản, cần xác định quan điểm quan tâm đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao để làm phương tiện tạo đà cho việc tăng nguồn lực một cách ổn định và vững mạnh bổ sung nguồn chi cho các lĩnh vực khác như: Văn hóa - xã hội, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, nước sạch, vệ sinh môi trường... Ngoài nguồn vốn ngân sách địa phương - kế hoạch 2005 là 477 tỷ - và các nguồn vốn chương trình mục tiêu của Trung ương, tỉnh sẽ huy động thêm các nguồn vốn khác trên địa bàn như: vốn vay tín dụng nhà nước, vốn vay trung, dài hạn của các ngân hàng thương mại, vốn huy động từ các khu vực doanh nghiệp dân doanh và vốn ngoài dân cư.

Về nguồn vốn vay tín dụng nhà nước, quỹ hỗ trợ phát triển của Nhà nước và Quỹ Đầu tư phát triển của tỉnh sẽ phấn đấu cho vay đạt mức từ 275 - 300 tỷ đồng theo các dự án đầu tư có hiệu quả và đúng đối tượng vay theo quy định. Đối với nguồn cho vay trung hạn của các ngân hàng thương mại, cần tăng định mức huy động vốn tín dụng và định mức cho vay, đáp ứng vốn vay cho các công trình đầu tư trọng điểm của người dân như: đầu tư nuôi trồng, chế biến thủy sản, phấn đấu tăng tổng dư nợ cho vay trung, dài hạn đạt từ 750 - 800 tỷ đồng. Riêng về nguồn vốn huy động từ các khu vực doanh nghiệp dân doanh và ngoài dân cư, tỉnh sẽ tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để kêu gọi, vận động đầu tư, thu hút vốn đầu tư FDI; hỗ trợ một phần vốn ngân sách cho các đơn vị xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các chợ đầu mối... Trên cơ sở áp dụng chính sách thu hút đầu tư vào khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh sẽ tính toán và vận dụng trong các khu công nghiệp còn lại. Tỉnh cũng công khai các quy hoạch phát triển, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, các dự án, các công trình đầu tư... để người dân và các nhà đầu tư biết, tự quyết định và thực hiện đầu tư đúng theo quy hoạch, dự án đã được duyệt. Vận dụng các chính sách để ưu tiên cho các doanh

nghiệp thuê đất trong khu vực quy hoạch, Nhà nước sẽ đứng ra lo việc đền bù giải tỏa hoặc cho doanh nghiệp tự mua đất để đầu tư sản xuất, chế biến thủy sản, Nhà nước sẽ hỗ trợ về các thủ tục hành chính nhanh gọn, tại chỗ. Bên cạnh đó, tỉnh cũng tăng cường liên kết, liên doanh giữa các doanh nghiệp trong tỉnh với ngoài tỉnh, đa dạng hóa các hình thức thu hút đầu tư, khai thác tốt nguồn vốn từ quỹ đất thông qua đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng bằng cơ chế sử dụng vốn linh hoạt. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể từng ngành, từng lĩnh vực và các quy hoạch chi tiết đã được duyệt, tỉnh cũng cập nhật thêm một số dự án khả thi để chào mời và kêu gọi đầu tư. Đi đôi với các biện pháp cải tiến môi trường đầu tư, đơn giản hóa các hồ sơ, thủ tục, tỉnh sẽ thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư chung và riêng cho các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Ngoài ra, tỉnh cũng sẽ hình thành và đưa quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa vào hoạt động, đồng thời tăng cường thực hiện công tác giám sát, đánh giá chất lượng đầu tư, công tác thanh tra, kiểm tra đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý đất đai đạt hiệu quả, chất lượng cao.

- Thứ hai về xúc tiến thương mại, tỉnh sẽ tiếp tục củng cố và giữ vững mối quan hệ truyền thống tốt đẹp với các bạn hàng và thị trường xuất khẩu hiện có, trong đó đặc biệt lưu ý thị trường Campuchia, các nước khối ASEAN, thị trường Trung Quốc, Châu Phi và Trung Đông... Đẩy mạnh công tác thông tin, dự báo thị trường, tích cực hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp tham gia các kỳ hội chợ, triển lãm quốc tế, tham gia các đoàn Chính phủ đi các nước, nhằm giúp các doanh nghiệp có điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ...

- Thứ ba về nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm chủ yếu của từng doanh nghiệp và của nền kinh tế tỉnh, tỉnh sẽ thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư công nghệ mới đối với doanh nghiệp như vay vốn ưu đãi, ưu tiên giải quyết mặt bằng xây dựng, miễn các loại thuế cho các sản phẩm đầu thời kỳ áp dụng công nghệ mới. Tăng cường đầu tư chiều sâu, bổ sung thiết bị có công nghệ tiên tiến, hiện đại hóa từng phần các ngành sản xuất công nghiệp, trước hết là các ngành có lợi thế cạnh tranh, chú trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp hàng xuất khẩu, công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Bên cạnh đó cũng cần có chương trình, dự án nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh

của tỉnh, của các sản phẩm chủ yếu và của cả các doanh nghiệp trong tỉnh để đáp ứng quá trình hội nhập quốc tế và khu vực.

- Thứ tư là giải pháp chỉ đạo điều hành, tỉnh sẽ tiếp tục đổi mới hoạt động chỉ đạo và điều hành của các cơ quan hành chính theo hướng phân công rõ trách nhiệm, quyền hạn của các ngành và các địa phương; giảm bớt hội nhập và tập trung cho cơ sở nhằm kịp thời phát hiện và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc từ cơ sở để chỉnh sửa, bổ sung hợp lí các chính sách, các giải pháp ngày càng tốt hơn.

Theo ông Dương Nghĩa Quốc - Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp, căn cứ vào tình hình thực tế trong thời gian qua, tỉnh mới xác định và đưa ra mục tiêu cùng các giải pháp trên. Chẳng hạn kế hoạch năm 2004, riêng về con cá tra chỉ tiêu đề ra là 41.000 tấn, đến thời điểm này toàn tỉnh đã đạt sản lượng khoảng 26.000 tấn, cộng với tình hình giá cả cá nguyên liệu đang ở mức cao như hiện nay thì đến cuối năm chỉ tiêu 41.000 tấn sẽ đạt được. Sang năm 2005, trong kế hoạch sản lượng thủy sản toàn tỉnh là 132.000 tấn thì riêng con cá tra là 71.000 tấn, cộng với kế hoạch khai thác 300 ha diện tích đất bãi bồi thì ngành Thủy sản nói chung và lĩnh vực trồng nuôi và xuất khẩu cá tra sẽ góp phần đáng kể cho việc hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế toàn tỉnh đạt 12% vào năm 2005.

ĐÁNH THỨC VÙNG BÃI BỒI

Ngoài chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế 12%, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cũng thống nhất thông qua chỉ tiêu đạt kim ngạch xuất khẩu 200 triệu USD vào năm 2005, trong đó có 100 triệu USD từ xuất khẩu thủy sản. Để đạt được chỉ tiêu này, ngoài những giải pháp chung về đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, tỉnh cũng đề nghị tập trung vào một số giải pháp chủ yếu như: Tập trung cho mũi nhọn thủy sản; Tăng vốn đầu tư có mục tiêu, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nuôi trồng - chế biến - xuất khẩu thủy sản; Có chính sách ưu tiên cho các nhà máy chế biến thủy sản thuê đất, mặt nước nuôi trồng thủy sản và cho thuê lại để giữ nguồn nguyên liệu cho chế biến, đồng thời thu được thuế VAT trên địa bàn...

Theo số liệu từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Đồng Tháp có khoảng 70.000 ha diện tích mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản với nhiều loại hình như: ao, hầm, mương vườn, kênh rạch, ruộng trũng, hồ rừng... trong đó có 1.417 ha đất bãi bồi được phân bố ở 9 huyện, thị dọc theo hai nhánh sông Tiền và sông Hậu. Những năm qua, sản xuất thủy sản đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tăng kim ngạch xuất khẩu. Con cá tra và cá basa đạt sản lượng hàng hóa lớn, có thị trường tiêu thụ tốt ở các nước EU và Bắc Mỹ. Đây là những đối tượng nuôi có nhiều triển vọng phát triển trong tương lai.

Theo ông Dương Nghĩa Quốc, thì mặc dù đã từ lâu trong tỉnh xuất hiện nhiều mô hình nuôi cá tra, cá basa thâm canh, tuy nhiên chủ yếu ở hai mô hình là nuôi cá bè và nuôi trong ao hầm, nhưng đến nay cả hai mô hình này đều đang bộc lộ nhiều nhược điểm: Do điều kiện phân bố dân cư và hệ thống sản xuất lúa cũng như hoa màu và cây ăn trái trong tỉnh không đều nên việc bố trí những vùng chuyên canh ao - hầm có diện tích lớn rất khó thực hiện, nếu có cũng sẽ sớm dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường và chất lượng thủy sản nuôi cũng không đảm bảo. Trong khi đó nếu đầu tư nuôi bè thì đồng vốn bỏ ra tương đối lớn, tỷ lệ khấu hao nhiều mà rủi ro, dịch bệnh lại rất dễ xảy ra. Ngoài ra, việc bố trí neo đậu các bè nuôi trên sông rạch lại vừa gây trở ngại trong giao thông thủy, đồng thời làm ô nhiễm nguồn nước tự nhiên... Để khắc phục những nhược điểm trên, đồng thời nhằm khai thác tiềm năng đất bãi bồi một cách có hiệu quả vừa tạo ra lượng sản phẩm thủy sản lớn cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu, Đồng Tháp đã quy hoạch các vùng bãi bồi phù hợp với các loại hình nuôi ở từng vùng.

Trong số 1.417 ha diện tích đất bãi bồi trong toàn tỉnh thì huyện có diện tích tập trung lớn nhất là Châu Thành: 330 ha, Thanh Bình: 322 ha và huyện Cao Lãnh: 282 ha. Qua khảo sát cho thấy, phần lớn diện tích đất bãi bồi có cao trình đất tự nhiên tương đối cao, đã được sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp như làm vườn, trồng hoa màu và một số ít diện tích có cao trình đất tự nhiên thấp đã được khai thác vào mục đích nuôi trồng thủy sản. Ở những khu vực này, có thể nuôi với mật độ thả giống nuôi rất cao từ 20 - 30 con/m², sử dụng thức ăn công nghiệp hoặc thức ăn tự chế phối hợp với thức ăn công nghiệp giai đoạn đầu, chỉ sau 6 tháng nuôi,

trọng lượng bình quân sẽ đạt 1kg/con - trọng lượng lý tưởng cho chế biến xuất khẩu và năng suất có thể đạt từ 200 - 300 tấn/1ha. Với thực tế này, chỉ cần khai thác 300 ha diện tích để nuôi thâm canh, Đồng Tháp có thể đạt sản lượng cá nguyên liệu từ 90 - 100.000 tấn/1 vụ nuôi 6 tháng.

Trong số 1.417 ha diện tích đất bãi bồi toàn tỉnh có 736 là đất thuộc diện quỹ đất của địa phương quản lý. Số này phần lớn là đất lan bồi có cao trình mặt đất thấp, một phần địa phương cho thuê canh tác nông nghiệp theo thời vụ hoặc dân tự chiếm để sản xuất lúa hoặc hoa màu nhưng hiệu quả rất thấp. Phần lớn diện tích còn lại còn hoang hóa do chìm sâu dưới mặt nước, tuy nhiên hơn một năm nay, số diện tích hoang hóa này đang được các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh thuê và xây dựng các quảng - ao nuôi quy mô ngày càng lớn.

Tại huyện Cao Lãnh hiện nay, ngoài 26 ha diện tích do Trung tâm giống thủy sản tỉnh đang quy hoạch quản lý, số diện tích còn lại đang được khai thác rất có hiệu quả. Ở cù lao xã Bình Thạnh, phía ven sông Tiền đang được khai thác nuôi cá tra thịt, phía quốc lộ 30 được Ủy ban nhân dân huyện qui hoạch là vùng nuôi cá điêu hồng trong lồng bè đang đem lại hiệu quả cao.

Ở thị xã Cao Lãnh, dự án nuôi trồng thủy sản trên đất bãi bồi ven sông xã Tân Thuận Tây của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Hoàn cũng đang được triển khai. Dự án này có tổng vốn đầu tư gần 5 tỷ đồng với diện tích 10 ha có quy trình khép kín từ sản xuất đến chế biến xuất khẩu. Sản lượng dự kiến đến năm 2007 là gần 3.000 tấn. Đối tượng chính vẫn là con cá tra. Đến cuối năm 2004 này dự án sẽ sử dụng 3 ao nuôi đầu tiên trong tổng số 10 ao nuôi cá tra thịt.

Bên bờ sông Hậu thuộc xã Định An, huyện Lấp Vò mới đây doanh nghiệp Hiệp Thành ở Thành phố Hồ Chí Minh đã đầu tư 11 tỷ đồng khai thác 50 ha diện tích để đào ao nuôi cá tra xuất khẩu. Đây là cơ sở nuôi theo công nghệ tiên tiến đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, quy trình khép kín từ ương nuôi cá bột, chế biến thức ăn công nghiệp tại chỗ và chế biến cá nguyên liệu.

Ông Dương Nghĩa Quốc cho biết thêm: Năm 2003, tổng diện tích nuôi cá tra toàn tỉnh là 408.5 ha và trên 300 bè, sang 2004 diện tích nuôi đã tăng lên 520 ha và 350 bè, tăng 112 ha diện tích nuôi, tốc độ tăng bình

quân 27%/năm. Đặc biệt mô hình nuôi cá tra trên đất bãi bồi cho hiệu quả cao đang thu hút nhiều nhà đầu tư tham gia nuôi và mở rộng qui mô, diện tích sản xuất. Tính đến đầu tháng 7/2004, toàn tỉnh đã có 25 ha đất bãi bồi đưa vào khai thác và thu hoạch được trên 2.500 tấn, năng suất bình quân 105,6 tấn/ha. Hiện đã có 4 dự án đang được triển khai thực hiện và sẽ đưa vào khai thác. Với 4 dự án này sẽ nâng diện tích nuôi cá tra trên đất bãi bồi toàn tỉnh đạt trên 100 ha vào hai năm tới.

HƯỚNG ĐI NÀO BỀN VỮNG?

Ngoài thế mạnh từ cây lúa, những năm gần đây ngành Thủy sản nói chung, con cá tra nói riêng đã chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu kinh tế của Đồng Tháp... Nếu như năm 2003 tổng sản phẩm thủy sản xuất khẩu đạt 8.904 tấn với kim ngạch gần 25,5 triệu USD thì con cá tra và cá basa đạt gần 20 triệu USD. Sang quý I năm 2004, từ 2 loại cá này cũng đã đem về gần 7 triệu USD trong tổng số trên 8 triệu USD kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành Thủy sản. Thế nhưng bên cạnh sự gia tăng, phát triển vượt bậc trên thì việc nuôi cá tra và cá basa đang đối mặt với không ít khó khăn, đồng thời nảy sinh nhiều vấn đề cần có giải pháp tháo gỡ để xu hướng phát triển ngày càng bền vững.

Những khó khăn đang đặt ra và nhiều vấn đề nảy sinh cần có giải pháp căn cơ để tháo gỡ chủ yếu tập trung ở ba vấn đề lớn, đó là nguồn giống sạch bệnh, tốc độ ô nhiễm môi trường và thị trường tiêu thụ.

Tính đến thời điểm hiện nay, toàn tỉnh Đồng Tháp có 52 cơ sở sản xuất cá tra bột và một trại thực nghiệm giống thủy sản với qui mô diện tích 18 ha và 300 hộ dân chuyên ương giống cá tra. Những năm trước, từ năm 2000 - 2003, các cơ sở trên đã sản xuất khoảng 1.000 - 1.800 triệu con cá tra bột/năm, sang năm 2003 sản lượng cá tra bột đạt cao nhất là 1.800 triệu con và cá giống đạt từ 500 - 700 triệu con/năm, tập trung chủ yếu ở các xã thuộc huyện Hồng Ngự. Con cá basa đã thành công bước đầu trong sinh sản nhân tạo nhưng do giá thành sản xuất còn cao cộng với qui trình sản xuất kéo dài và phức tạp nên vẫn còn lệ thuộc vào việc khai thác nguồn giống tự nhiên. Qua theo dõi về diễn biến dịch bệnh trong những năm qua đã cho thấy, hầu hết các loài thủy sản nuôi đều bị nhiễm kí sinh trùng, mức độ nhiễm thường tăng vào các thời điểm giao

mùa. Nhiều năm mức độ gây hại lên đến 20 - 30%. Trong 4 năm từ 2000 - 2004 Đồng Tháp có đến 4 đợt dịch bệnh (xem như năm nào cũng có) mà tác nhân chính là do vi khuẩn trên đối tượng cá tra, cá basa làm thiệt hại hàng tỷ đồng. Qua theo dõi và quản lý dịch bệnh, bước đầu đã tạo được nền tảng cơ bản cho công tác quản lý và nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản. Tuy nhiên do thiếu trang thiết bị và đội ngũ chuyên môn theo dõi bệnh đồng thời dự báo tình hình dịch bệnh nên đã gặp không ít khó khăn khi dịch bệnh xảy ra. Bên cạnh đó do ngư dân còn thiếu kiến thức trong việc phòng và trị bệnh nên còn nhiều lúng túng trong điều trị và quản lý không cho mầm bệnh lây lan... Trước thực trạng trên, quan điểm phát triển của tỉnh Đồng Tháp trong thời gian tới là thực hiện nghiêm ngặt qui trình xử lý môi trường thủy sản, các qui trình về thú y thủy sản và hệ thống dự báo tình hình dịch bệnh sẽ ngăn ngừa và giảm nhẹ thiệt hại cho các đối tượng nuôi thủy sản; song song đó là dùng thức ăn công nghiệp từ việc tận dụng thức ăn tự nhiên và phế phẩm nông nghiệp, áp dụng kỹ thuật sản xuất thức ăn tổng hợp, đối tượng thủy sản nuôi sẽ tập trung vào những loại đặc sản, có giá trị kinh tế cao và có sản lượng hàng hóa lớn, mà hiện nay chủ lực vẫn là con cá tra. Ngoài các giải pháp về kỹ thuật nuôi như gấn sông, rạch, thuận tiện cho công tác cấp thoát nước, con giống chọn theo tiêu chuẩn ngành, thức ăn phù hợp từng giai đoạn phát triển của cá cũng như tăng cường công tác quản lý và chăm sóc... Về kỹ thuật phòng bệnh do hiện nay kỹ thuật nuôi còn mang tính kinh nghiệm, chất lượng sản phẩm nuôi chưa cao và còn gặp nhiều rủi ro nên tỉnh sẽ đầu tư một số thiết bị chuyên dùng như máy sục khí, máy quạt nước để nâng cao khả năng trao đổi chất với môi trường xung quanh; sử dụng sản phẩm sinh học, vi sinh để tạo sự cân bằng sinh thái, hạn chế vi sinh vật gây hại; cải tiến công thức pha trộn thức ăn tự chế bằng thức ăn công nghiệp, đồng thời tăng cường công tác quản lý môi trường nuôi theo qui trình nuôi an toàn (GAP và CoC) và xử lý xả thải nhằm hạn chế lây lan mầm bệnh cho môi trường xung quanh... Quan hệ chặt chẽ với các trung tâm, viện, trường để ứng dụng các công nghệ mới vào quá trình sản xuất, giải quyết triệt để các vướng mắc về kỹ thuật như công tác tuyển chọn giống, gia hóa đàn cá bố mẹ để nâng cao phẩm chất và tỷ lệ sống...

Đánh giá về tác động của môi trường, Dương Nghĩa Quốc - Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp cho biết, đối với tác động của qui hoạch lên môi trường, ngoài những tác động gián tiếp như nếu qui hoạch triển khai tốt, đời sống người dân sẽ được cải thiện cả về vật chất lẫn tinh thần, nhờ đó người dân sẽ có ý thức tốt hơn trong bảo vệ môi trường sinh thái, đồng thời nạo vét kênh mương thủy lợi sẽ đảm bảo thông thoáng hơn về nguồn nước và chủ động hơn trong việc điều tiết nước... Bên cạnh đó còn có những tác động tiêu cực tiềm tàng khác như: hiện tượng ôxy hóa phèn tạo ra axit gây ô nhiễm nguồn nước, lượng thức ăn thừa cùng các chất bài tiết của cá thải ra có thể làm giảm lượng ôxy hòa tan và tảo bị thối rửa gây thối nước. Đối với sự tác động của môi trường lên qui hoạch, với những thay đổi trong việc quản lí nước ở thượng nguồn và các hoạt động nông nghiệp có sử dụng phân bón vô cơ và thuốc trừ sâu, rồi nước thải sinh hoạt, nên trong quá trình thực hiện cần đề phòng xảy ra ô nhiễm cục bộ trong vùng, khi cho cá ăn cần theo dõi liên tục, không để thức ăn quá thừa, đồng thời thường xuyên kiểm soát các chỉ tiêu về môi trường nước ở mức ổn định. Ngoài ra, việc lắng đọng các chất lơ lửng phù sa trong nước cũng sẽ làm cho lớp bùn lắng đáy ao, quảng nuôi quá dày nếu không nạo vét đúng định kì sẽ gây bẩn, tạo vi khuẩn, sinh khí H_2S làm hại thủy sản nuôi. Để hạn chế những tác động xấu đến môi trường nuôi, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã qui hoạch chi tiết việc bố trí các vùng nuôi, cụ thể như vùng nuôi cá tra bãi bồi thâm canh có diện tích 642 ha với 21 điểm thuộc 18 xã ở 8 huyện thị; vùng nuôi cá ao thâm canh có tổng diện tích 1.000 ha thuộc các huyện Hồng Ngự, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành và Tân Hồng. Đây là vùng sản xuất tập trung, ngư dân có tập quán nuôi cá lâu đời; và vùng nuôi cá bè chủ yếu ở Hồng Ngự kéo dài xuống các huyện dọc sông Tiền tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên, tập quán cũng như trình độ sản xuất của ngư dân và áp dụng theo tiêu chuẩn số 28 TCN 111: 1998 của ngành Thủy sản. Trong từng vùng nuôi tập trung sẽ có các trạm theo dõi và dự báo chất lượng môi trường nước thường xuyên để có thông báo kịp thời cho ngư dân kịp xử lí khi có biến động xấu về môi trường nước, có bộ phận hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ nuôi trong việc sử dụng hóa chất để diệt tạp, cải tạo mương trú và việc sử dụng thuốc trừ sâu trong trường hợp bắt buộc để cứu lúa hay hoa màu chẳng hạn nhằm hạn chế gây hại cho tôm, cá...

Theo số liệu từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp, phương diện lưu thông sản phẩm và nguyên liệu cá tra, cá basa hiện nay tương đối thuận lợi, các doanh nghiệp đã tổ chức các đội thu mua trực tiếp đến các nông hộ mà không qua thương lái, tránh được ngày càng nhiều tình trạng lưu thông vòng vèo cũng như những phát sinh tiêu cực như tranh mua, tranh bán, ép giá... Tuy vậy việc tiêu thụ nguyên liệu cá hiện cũng còn nhiều bất ổn cộng với giá cả còn độ dao động lớn. Điều đó cho thấy khả năng điều tiết và cân đối nguyên liệu trên lĩnh vực sản xuất cá tra, cá basa ở Đồng Tháp chưa thật sự ổn định, nhất là việc liên kết giữa “4 nhà” thực hiện tiêu thụ sản phẩm theo hợp đồng chưa được đẩy mạnh.

Thời gian qua, Đồng Tháp cũng đã có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành phát triển cá tra và cá basa như chủ động nguồn cung cấp giống thông qua công tác sinh sản nhân tạo, đã thúc đẩy sản xuất phát triển nhanh, đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu cho tiêu dùng và chế biến xuất khẩu; Việc nâng cấp và mở rộng các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm ISO hoặc HACCP là điều kiện tốt để thâm nhập và mở rộng thị trường xuất khẩu; Việc tổ chức và quản lý ngành Thủy sản còn nhiều yếu kém nhất là khâu lưu thông và phân phối các mặt hàng thủy sản gây nên tình trạng ùn ứ nguyên liệu một cách giả tạo, phát sinh nạn thao túng, ép giá của tư thương, kiểm hãm sản xuất phát triển; bên cạnh đó, khoa học kỹ thuật tuy đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nhưng ít được quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nên tốc độ nghiên cứu chậm so với nhu cầu phát triển. Ngoài ra một số cơ chế chính sách cũng chưa thực sự thông thoáng, nhất là các chính sách đầu tư, ngư dân thiếu vốn sản xuất phải tự huy động bên ngoài với lãi suất cao, trong khi đó vốn của các ngân hàng thương mại lại thường xuyên thừa, tốc độ giải ngân chậm...

Thời gian gần đây thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản đã có bước chuyển biến thuận lợi. Một số mặt hàng đã xâm nhập được thị trường EU và Bắc Mỹ. Đặc biệt là sự trở lại của thị trường Nhật Bản là một cơ hội mới cho sự phát triển thủy sản nước ta, trong đó có tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên tiêu thụ nguyên liệu thủy sản vẫn là vấn đề nan giải phức tạp bởi không như các mặt hàng nông sản khác, người nuôi cá phải bắt buộc bán sản phẩm ngay khi đạt kích thước thương phẩm, nên thường vào cao

điểm thu hoạch rõ giá tiêu thụ thường hạ thấp. Do đó một khi không giải quyết được vấn đề mùa vụ hoặc bảo quản sản phẩm sẽ làm tăng giá thành, dẫn đến hiệu quả sản xuất thấp... Để giải quyết vấn đề đầu ra này, ngoài việc mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, ngoài việc tổ chức hệ thống lưu thông phân phối các sản phẩm thủy sản đến trung tâm thành phố lớn thông qua các điểm trung chuyển hàng hóa, cần quan hệ chặt chẽ với các cơ quan thông tin, thu thập, phân tích, xử lý thông tin, dự báo tình hình thị trường, thông tư về pháp luật của các nước xuất khẩu, kịp thời đưa ra kế hoạch sản xuất và biện pháp cụ thể để tăng hiệu quả kinh doanh xuất nhập khẩu thủy sản. Ông Dương Nghĩa Quốc còn cho biết thêm: Tỉnh Đồng Tháp sẽ không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, áp dụng các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm để giữ vững các thị trường truyền thống như: Singapore, Hồng Kông, Nhật Bản, tăng mức tiêu thụ ở các thị trường Bắc Mỹ, EU... Và một khi giải quyết được các khó khăn trong khâu thanh toán, thị trường Trung Quốc sẽ là nơi tiêu thụ các mặt hàng thủy sản mạnh nhưng không quá khắt khe về chất lượng.

H.N.T

BỘ SƯU TẬP ĐỊA CHỈ ĐỒNG THÁP

Quê hương xanh tươi

NGUYỄN NHÂN

Nhớ lại một ngày mà cả dân tộc như vỡ trong lồng ngực, ngày hòa bình được lập lại, Tổ quốc được thống nhất. Ngày ba mươi tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm đánh dấu mốc vàng hạnh phúc, chấm dứt cảnh máu rơi, chết chóc. Tất cả mọi người đều dốc sức chung lòng hàn gắn lại vết thương chiến tranh, kiến thiết lại đất nước.

Đến nay, thấm thoát đã gần bốn thập niên. Quảng thời gian có biết bao thăng trầm biến đổi, cây cỏ, hoa lá, sông nước, xóm làng, đất và người, tất cả đều thay da đổi thịt. Quê hương Châu Thành thân yêu nay đã đổi màu xanh tươi.

Những ngày đầu mới giải phóng, con người từ trong cuộc chiến bước ra “như một thần tượng của dân tộc”, một chân dung anh hùng chân đất, với đôi dép cao su đập bằng gian khó, bao kẻ thù phải gục ngã dưới chân; chiếc khăn rằn ấm tình đồng chí, đồng bào; chiếc áo bà ba đen đậm nét son, đằm đằm, dững dưng; chiếc quần nylon dầu mà bền gan dạ sắt; chiếc nón tai bèo màu xanh với một tâm hồn trong sáng, phơi phơi đi lên.

Chấm dứt chiến tranh, không khí hân hoan, hòa bình chưa thỏa mãn trong lòng mỗi người, thì cả nước phải bắt tay vào cuộc chiến đấu mới. Bao bộn bề, ngổn ngang, đan xen trong xã hội. Tình hình phức tạp mới đặt ra cho cuộc sống. Những người quản lý, điều hành xã hội ở Châu Thành không đêm nào ngon giấc, trăn trở lo âu trước cuộc chiến mới đầy cam go, thử thách. Quê hương Châu Thành đất không rộng, nhưng trong chiến tranh ác liệt, người dân rất anh dũng, kiên cường, lòng son, dạ sắt. Phú Hộ, Tân Nhuận Đông, An Khánh và Hòa Tân, sau chiến tranh có cả chục ngàn gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng. Cơ sở hạ tầng không có gì, người dân đi lại rất khó khăn.

Sự chậm đổi mới là một trong những nguyên nhân gây đói nghèo. Do duy trì quá lâu cơ chế bao cấp không còn thích hợp, đã làm ảnh hưởng đến sự năng động của những người quản lý, điều hành xã hội, làm

chậm sự phát triển xã hội. Cơ chế bao đã được dỡ bỏ từ những thập niên tám mươi. Từ đó, quê hương Châu Thành bắt đầu khởi động, đổi mới.

Thật vậy, vùng đất này ngày nay đã thay da đổi thịt, đất đã đổi màu xanh tươi. Sự chăm ngời của những người quản lý, điều hành xã hội phù hợp với nhịp đời đã tạo nên một sức mạnh phi thường, bằng sức lực, trí tuệ của nhân dân, mà nòng cốt là lực lượng thanh niên xung kích, đã xé đất tạo thành hàng chục con kênh lớn nhỏ. Những con kênh xanh đã đưa nước ngọt từ sông Cửu Long về tưới tiêu trên chục ngàn héc-ta đất và rửa phèn ở Tân Phú, chuyển đất trồng lúa một vụ thành hai, ba vụ, phát triển trồng rau màu, cây ăn trái, nhất là cây nhãn là cây đặc sản nổi tiếng của quê hương Châu Thành.

Nhớ ngày xưa, người dân gọi là con đường "đau khổ" ám chỉ con đường từ quốc lộ 80 đến Bệnh viện huyện, đường đầy ổ gà, ổ voi, đá lở chổm. Những chiếc xe lôi đạp chuyển bệnh nhân như qua cái ải tử thần. Giờ đây tuyến đường Châu Thành từ thị trấn Cái Tàu Hạ vào An Khánh, Hòa Tân và ngược ra Nha Môn đã được nâng cấp, kết nối với các tuyến đường giao thông trong toàn huyện. Xe bốn bánh đã đi đến tận trung tâm các xã. Xe tải nhỏ, xe khách đã vận chuyển, giao thương đến tận xã Tân Phú và cồn An Hòa. Người dân háo hức vui mừng khi có điện thắp sáng và phục vụ sản xuất ở khắp vùng Châu Thành, cả ở vùng sâu Tân Phú và nơi cách trở gần sông ở cồn An Hòa.

Một quê hương mà người dân đã phải chịu mất mát, đau thương nhiều, nay phải được bù đắp cả đời sống vật chất lẫn tinh thần. Những điều kiện cần có trong đời sống xã hội như trường học, trạm y tế, trụ sở văn hóa... đã được phát triển một bước. Bộ mặt đô thị, nông thôn đã có khởi sắc, nhưng thực tế chưa đáp ứng cuộc sống của người dân như mong muốn. Cần có một sự điều tiết hài hòa giữa các khu vực và huy động nhiều nguồn tài lực khác nhau để đầu tư cho quê hương Châu Thành phát triển xứng tầm với vùng đất anh hùng.

Những người chân đất từ trong cuộc chiến bước ra, đến nay hầu hết đã rời khỏi vị trí, bàn giao lại cho một thế hệ mới, nối tiếp truyền thống của quê hương Châu Thành anh hùng. Với trách nhiệm chính trị cao trước nhân dân, với tinh thần năng động, sáng tạo, tin chắc rằng những người quản lý, điều hành xã hội hôm nay sẽ đưa Châu Thành thân yêu mãi mãi xanh tươi.

N.N

Tam Nông - những đổi thay làm nghề ngành người xa xứ

MINH HOÀNG

Bè bạn gặp nhau sau bao năm bất tin với biết bao điều muốn nói. Mừng lắm chứ! Giọt cà phê chưa kịp tan trong đầu lưỡi thì chuông điện thoại lại reo. Giọng anh Phó Tổng biên tập báo từ đầu dây bên kia “Minh Hoàng viết một bài ký về Tam Nông nhen. 8 tây tháng này gửi xuống cho anh”. Tôi giật mình, trả lời “Gấp quá vậy... sao làm kịp”. “Biết Minh Hoàng viết được mà. Vậy hén!”. Không đợi tôi ừ hử gì thì anh cúp máy.

Thấy tôi dò đầu bút tóc mấy cái, Tuyền hỏi: “Chuyện gì vậy bạn?”. Tôi kể lại nội dung cuộc gọi ngắn ngủn vừa rồi thì Quốc Khánh cười to: “Tưởng gì. Đúng địa chỉ rồi”. “Phải, cậu viết đi thì biết. Ở đó mà tài hay!”. Khánh quay sang nói với Ngọc Tuyền: “Mấy đứa chuyên văn lớp mình hồi đó, bây giờ có mình Minh Hoàng cày ải văn chương thôi đấy”. Tôi thanh minh: “Đừng có nghe Quốc Khánh bốc phét nhen. Con cóc con cò thì có”. Tuyền lại cười, khoe mấy cái răng khểnh: “Cóc hay cò gì thì sau vụ này sẽ biết. Cậu gọi điện cho anh gì hồi nãy và nhận lời đi. Mình sẽ viết tiếp cậu”. Tôi tròn mắt hỏi lại: “Cái gì? Không đùa chứ?” “Tiên chủ, hậu khách”, Tuyền đề nghị tôi làm hướng dẫn để thực hiện một chuyến “xuyên huyện” trước khi nghe cậu ấy kể chuyện đất khách quê người, bởi Tuyền nói: “Mình hết sức ngỡ ngàng khi về thăm quê lần này. Lúc nãy đi ngang qua khu 3 (xã Phú Thọ) thấy quá nhiều bảng hiệu trại cá lóc giống. Không ngờ cái huyện vùng sâu, đất sinh, đất sét hồi trước mà nay thay đổi

nhau quá sức tưởng tượng như vậy.”. Tôi hiểu, và nhớ như in ngày xưa khi đi học chúng tôi cứ phải xách dép mà đi chân không khi trời mưa, rồi bùm miệng nín thở mà chạy tránh bụi mịt mù khi nắng cháy. Ngôi trường nhỏ tuềnh toàng vách lá lưa thưa, khi cô giảng bài ở lớp bên này thì lớp bên kia như học cùng lúc một tiết hai môn.

Vậy mà...

Tất cả các tuyến đường giao thông liên huyện bây giờ đã được tráng nhựa, lát đal, bằng phẳng như tấm gương phản chiếu những đổi thay hàng ngày của cuộc sống người dân vùng rốn lũ. Xe du lịch bốn bánh đã đến được tới trung tâm của 12 xã, trị trấn. Bộ mặt nông thôn như sáng bừng lên bởi không còn cảnh nắng bụi, mưa bùn, và lẽ đương nhiên khi giao thông đã mở rộng, nối liền, việc giao thương, mua bán, đi lại và vận chuyển hàng hóa cũng thuận lợi hơn thị kinh tế, dịch vụ, thương mại cũng từng ngày phát triển.

Chỉ trong vòng 5 năm gần đây (2006 - 2010) kinh tế Tam Nông tăng trưởng đạt 13,8%, bình quân thu nhập đầu người đạt 18 triệu đồng/năm, tăng hơn so với năm 2005 là 13 triệu đồng/người/năm. Giá trị GDP trong giai đoạn này đạt 755 tỷ đồng/năm. Trong đó khu vực nông lâm thủy sản tăng cao nhất, bình quân là 10,19%/năm. Các mô hình nuôi trồng thủy sản luôn được huyện đầu tư chú trọng. Xã Phú Thành B được xem là “vương quốc” tôm càng xanh của Tam Nông, từ 140ha năm 2006, nay đã tăng lên 700ha năm 2010, sản lượng ước đạt 12.000 tấn, lợi nhuận thu về tăng hơn gấp 4 - 5 lần so với làm lúa.

Trăm nghe không bằng một thấy. Tôi, Tuyến và Khánh rủ thêm một anh bạn phóng viên Đài truyền thanh huyện lên đường “trực thăng” đến vùng nuôi tôm lớn nhất của huyện.

Qua khỏi Vườn quốc gia Tràm Chim vài cây số, giữa cái nắng trong vắt của bình minh bỗng rực vàng lên bởi những bụi nhang xoe tròn phơi mình trong nắng sớm. Mùi hương nhẹ nhàng thoang thoảng hai bên đường làm cho tâm hồn người như nhẹ nhàng, thanh thoát. Chúng tôi dừng lại và làm quen với anh Đặng Văn Độ (ấp K8, xã Phú Đức) khi anh đang trải đều trên vĩ tre những bó nhang vừa se được. Nhờ có anh bạn phóng viên nên chúng tôi dễ dàng trò chuyện và tìm hiểu về công việc cũng như gia cảnh của anh Độ.

Là trụ cột của gia đình có 5 nhân khẩu, nhưng không có đất sản xuất, phải đi làm thuê làm mướn khắp nơi. Năm 2007, nhờ sự quan tâm của chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể xã mở lớp dạy nghề cho người dân, nên anh và gia đình đã đăng ký đến học, chấm dứt 17 năm bôn ba, lặn lội khắp nơi để mưu sinh. Hiểu được tâm tư và nguyện vọng của anh nên Hội Nông dân xã Phú Đức đã mạnh dạn cho vay 3 triệu đồng để mua máy làm nhang. Thấy đầu ra ổn định và công việc nhẹ nhàng nên anh đã vốc hết số tiền dành dụm được bấy lâu nay để mua nguyên vật liệu về cho cả gia đình cùng làm.

Với suy nghĩ quyết tâm “đổi đời” không theo cái kiểu “được ăn cả, ngã về không” nên anh đã tìm tòi, học hỏi cách làm sao cho nhanh chóng, hiệu quả. Vậy là sau 6 tháng chăm chỉ làm nhang, gia đình anh đã tích lũy và mua thêm một cái máy làm nhang thứ hai. Nay thì thu nhập bình quân mỗi người cũng được xấp xỉ 2 triệu đồng một tháng. Từ hiệu quả đó, Hội Nông dân xã đã đầu tư cho 32 hộ vay 400 triệu đồng và thành lập tổ làm nhang ở địa phương, tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động nông nhàn của ấp. Nâng tổng số lao động được giải quyết việc làm của toàn huyện lên 3.824 người, với 45 lớp dạy nghề được mở hàng năm.

Anh Độ khề khà, hớp một ngụm trà cuối cùng rồi tiễn chúng tôi. Nụ cười chất phác, đôn hậu của người nông dân chuyên làm thuê, làm mướn năm nào nay đã tươi tắn hơn, thư thái hơn, trong ánh mắt rục lên niềm tin yêu cuộc sống. “Hạnh phúc chẳng ở đâu xa, chính ở ngay trong bản thân mình, xung quanh mình và ngay dưới chân mình” (*Einstien*) là thế.

Con đường từ thị trấn Tràm Chim qua Phú Đức, đến Phú Hiệp đang được mở rộng ra. Hai bên đường nhà cửa của bà con san sát nhau. Nhiều căn nhà kiên cố cấp 4, nhà 1 trệt, 2 lầu mọc lên khoe thêm chút sắc màu cho bộ mặt nông thôn đang từng ngày thay da đổi thịt.

Vào địa phận xã Phú Hiệp một đổi, chúng tôi quẹo vào con đường mà không lâu trước đây ai cũng ngán ngẫm đi vào mỗi khi mưa xuống. Nhưng bây giờ thì xe đã chạy bon bon. Trước mắt chúng tôi mênh mông những ruộng tôm loang loáng nước. Ánh mặt trời soi nghiêng xuống mặt ruộng, nhấp nháy những cơn sóng lao xao. Hai hàng bạch đàn tỏa bóng mát cho con đường tĩnh lặng. Tuyến ngòi sau lưng tôi, buột miệng

“Thanh bình quá!”. Có lẽ Tuyền cũng hiểu, có sự thanh bình hôm nay thì quê hương mình đã phải đánh đổi biết bao mất mát, hy sinh để giành độc lập. Biết đâu trong từng thớ đất dưới đáy ao vuông tôm ấy còn đó những oai linh chiến sĩ một thời. Lốp lốp cha anh đã quên thân mình cho Tổ quốc quyết sinh, để hôm nay hạnh phúc, ấm no đang về trên từng làng quê, xóm nhỏ. Ngoài kia tượng đài Giồng Thị Đam, Gò Quảng Cung đang sừng sững giữa trời, minh chứng cho một thời quá khứ liệt oanh.

Qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã non cây số là đến “làng tôm”. Nhiều nơi bà con đang rộn ràng mùa tủa tôm trứng. Chúng tôi ghé nhà anh Lê Thành Công, ngụ ấp Phú Bình, xã Phú Thành B, người đã từng bôn ba với nhiều mô hình chăn nuôi, trồng trọt. Từ cây lúa, con heo, con gà đến vịt chạy đồng qua các vùng đất khác nhau như An Giang, Sóc Trăng, Cà Mau... Nhưng vì không “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” nên hiệu quả chẳng được bao nhiêu. Dịch cúm gia cầm, dịch heo tai xanh đã vắt kiệt đi sức lực của người nông dân có nước da bánh mật này. Vậy mà khi mô hình lúa - tôm của huyện đã bước đầu đạt hiệu quả, và dù được cán bộ chuyên môn hướng dẫn cụ thể phương pháp nuôi nhưng anh vẫn chưa dám đăng ký nuôi mà vẫn tiếp tục làm ruộng. Những ngày đồng áng thanh thoi, anh đến các hộ nuôi tôm gần nhà để tham quan, học hỏi. Tôi thắc mắc: “Sao anh không đăng ký nuôi khi bà con xung quanh đã thả nuôi đạt hiệu quả rồi?”. Bằng nụ cười hiền lành, có phần kín đáo, anh Công chậm rãi trả lời theo cách nghĩ của người Lào: “Mình tự nhìn mình thì không thấy được toàn thân. Thủng thủng mà đi, chậm mà chắc chú à”. Và điều bất ngờ theo cách “từng bước một” của anh Công là năm 2008 anh bắt đầu thả nuôi vụ đầu tiên với diện tích 3,5ha, thu hoạch sản lượng trên 3 tấn, sau khi trừ chi phí còn lãi 200 triệu đồng, cao hơn nhiều so với các hộ trong vùng quy hoạch nuôi tôm. Có lẽ anh hiểu được ba điều làm nên giá trị của con người là siêng năng, chân thành và thành đạt.

Nhìn cánh đồng vuông tôm rộng 5ha của anh, chúng tôi tin anh sẽ tiếp tục có thêm một mùa bội thu sắp tới. Anh Công cho biết huyện đang có dự án lúa sạch - tôm sinh thái gắn kết với tiêu thụ, năm 2011 sẽ thí điểm mô hình 50ha lúa - tôm ở cù lao Chim của xã Phú Thành B. Hiện mô hình đã được rà soát và cho nông dân đăng ký thực hiện ngay trong vụ Đông Xuân 2010 - 2011 sắp tới. Và niềm vui của bà con nông dân ở đây càng được nhân lên khi được biết huyện Tam Nông đang được

Trung ương đầu tư tuyến đường An Hòa - Hòa Bình để nối quốc lộ 30 với vùng nuôi tôm càng xanh, giúp cho việc giao thương đi lại được thuận lợi hơn, từng bước đón đầu giao thông, nối với nhánh N2 để người dân Tam Nông đi thẳng lên Thành phố Hồ Chí Minh mà không qua quốc lộ 1A. Ngồi trò chuyện với anh cạnh trại tôm mà chúng tôi cứ tưởng là đang nghe cán bộ Trung tâm Thủy sản của huyện nói chuyện. Điều đó cho thấy người nông dân bây giờ không chỉ sản xuất, kinh doanh giỏi mà còn biết nắm bắt thông tin kịp thời và ứng dụng tốt khoa học - kỹ thuật để đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Trước khi chúng tôi ra về, anh Công đã dẫn mọi người ra tham quan ruộng tôm của mình. Bước chân trên bờ đê thửa đất, nghe hơi nước mát đồng mà tâm hồn thư thái lạ. Có lẽ Ngọc Tuyến là người say đất, say người nhất chuyển đi này nên anh cứ một hai đôi xuống xuống bơi một vòng quanh ruộng tôm cho thỏa thích. Anh Công gọi người làm tung chài một tay lưới và cho chúng tôi xem những chú tôm đang bung tành tạch cái đuôi như muốn nhanh chân nhảy vào làn nước mát.

Suốt đoạn đường về Ngọc Tuyến cứ hỏi tôi hết chuyện này đến chuyện khác. Những câu chuyện đan xen, không chung một đề tài nhưng tập trung lại đều giống nhau ở hai điều: Ngõ ngành và thán phục.

Đi ngang qua Trường Trung học cơ sở Tràm Chim, ngôi trường vừa mới khánh thành và đưa vào sử dụng năm học 2010 - 2011, Tuyến cứ xuýt xoa, nhưng giọng lại buồn ngùi: "Hồi đó, trường mình đâu có được như vậy". Với 29 phòng học, 1 trệt, 2 lầu, khang trang giữa lòng thị trấn, và nhiều trang thiết bị hiện đại đạt chuẩn quốc gia được đầu tư trên 7 tỷ đồng thì kế hoạch nhiệm vụ năm học đạt và vượt chỉ tiêu cấp trên giao sẽ là điều mà thầy trò Trường Trung học cơ sở Tràm Chim đang quyết tâm thực hiện. Với 58 trường hiện có, huyện đã xóa được trình trạng học 3 ca. Nhiều lớp dạy nghề được mở cho các em theo hướng xã hội hóa giáo dục.

Chúng tôi về nhà thì trời đã xế trưa. Mẹ chuẩn bị cho cả nhà nổi mắm cá linh kho đúng điệu. Bông súng trắng nõn nà bên sắc vàng bông điên điển, đĩa rau sống, dưa leo, cà tím xoay tròn quanh tô bún trắng của hạt gạo quê hương, nhúm ớt hiểm đỏ tươi như kích thích sự thèm thuồng. Đặc sản quê mình là vậy đó.

Tôi hỏi Tuyến: “18 năm ở bến còn nhớ Đồng Tháp mình cái gì đẹp nhất không?”. Tuyến hít hà khi cần phải trái ớt xanh và nói: “Tháp Mười đẹp nhất bông sen. Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ... Ở đâu thì mình cũng là người Việt Nam. Làm sao mà quên được”. Quốc Khánh chen vào: “Chiều mát một chút tụi này dẫn cậu đi xem cái đẹp nhất của Tháp Mười, mặc tình mà ngắm”.

Khi cái nắng ngả về phía tây, bóng cau của ngoại đổ dài ra ngõ, thì chúng tôi trở ngược xuống xã Phú Cường, vùng đất anh hùng một thời còn ghi dấu chiến công. Sau khi dừng chân và vào tham quan khu tưởng niệm Tượng đài giao bưu vô tuyến điện Nam Bộ, chúng tôi cho xe trở lại bến đò Mười Tả, vì bên kia sông, mùi hương sen đã thoang thoang gọi mời.

Vợ chồng anh Nguyễn Văn Thành, ngụ ấp Hồng Kỳ, xã Phú Cường vừa từ ruộng sen bước lên đã cười tươi khi thấy người quen là anh bạn phóng viên đến. Chưa kịp biết chúng tôi là ai, anh Thành đã xởi lời: “Mấy chú này tới mua sen hả? Hôm rày nhiều người tới hỏi thăm dữ lắm luôn. Sau cái bữa hội thảo tới giờ, bà con xung quanh cũng tới nhà nhiều lắm”. Khi nghe chúng tôi nói rõ mục đích tới đây thì vợ anh Thành vội vã vào nhà châm trà tiếp khách. Địa hạt sen tươi mới hái cũng với theo câu chuyện. Anh Thành cho biết: Vùng đất này nhiễm phèn nhẹ, chỉ làm trúng được lúa vụ Đông Xuân, còn Hè Thu thì không lời lãi nhiều, nên chính quyền địa phương mới chuyển đổi qua trồng sen. Đây chỉ mới là mô hình thí điểm ban đầu với 17ha, dù chưa thu hoạch nhưng ước đạt năng suất và hiệu quả cao, khả năng cho 3 tấn/ha là cầm chắc, như vậy lợi nhuận sẽ đạt trên 21 triệu đồng/ha. Sau hội thảo thì vụ tới nông dân đăng ký tham gia mô hình đã tăng lên 112ha, trong đó bà con ở xã Tân Công Sính giáp ranh đăng ký 7ha.

Nhìn vẻ mặt rất phấn khởi của chủ nhân ruộng sen này, tôi biết anh đang rất vui nên sẵn lòng chia sẻ những kinh nghiệm trồng sen với chúng tôi (những người mà suốt tháng quanh năm chỉ biết cầm bút mà không cầm cuốc). Vợ anh Thành góp lời: “Sen thì cũng dễ trồng, giống Đài Loan này ít sâu bệnh, dễ chăm sóc, lúc này giá sen trên thị trường tăng cao, nên sản xuất thấy hiệu quả hơn so với lúa. Thấy mình làm có lời nên ai cũng tới hỏi thăm. Vợ chồng tui dự định sẽ trồng tiếp tục vụ Đông Xuân tới vì giá đang hấp dẫn”.

Trải mắt nhìn ruộng sen bát ngát đang vào mùa cho gương, cho hạt, chúng tôi cũng thấy vui lây, vui như anh bạn nhà bên vừa mới sắm được chiếc Honda Wave Alpha mới cáu. Và càng vui hơn khi anh Nguyễn Văn Nu thật thà nói lên suy nghĩ của mình khi tôi hỏi thăm “Nhà mình hộ nghèo mà... có xe Honda như vậy thì có ai nghĩ gì hôn?”. “Nghèo thì cũng phải có phương tiện đi lại miễn ăn cho thoát nghèo chứ! Nhà nước ở không đâu mà lo cho mình hoài. Cho nhà cửa lên cụm dân cư rồi thì mình phải lo miễn ăn với người ta cho hết khổ phải hôn?”. Tôi hiểu vì sao mà anh bạn có sổ hộ nghèo lại có ý chí vươn lên như thế.

Rõ ràng, chương trình cụm tuyến dân cư giai đoạn I do Chính phủ đầu tư cho huyện Tam Nông đã mang lại hiệu quả lớn, làm thay đổi suy nghĩ và cách sống của người dân nơi đây. Với 23 cụm tuyến dân cư đều khắp 12 xã, thị trấn, quy hoạch 6.974 nền nhà, bố trí cho 4.472 hộ chính sách vào sinh sống ổn định. Điều này đã giúp cho người dân trong huyện được hưởng các chính sách kèm theo như điện, nước sạch sinh hoạt và chăm sóc sức khỏe tốt hơn. Không còn lo chạy lũ mỗi năm, người dân càng yên tâm hơn với cuộc sống mới. Con em được đến trường, điều kiện sinh hoạt được thuận lợi, mọi người chú tâm vào lao động, sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống. Hiện huyện đang nhanh chóng san lấp 7 cụm tuyến dân cư giai đoạn II khi Chính phủ vừa đầu tư vốn, hứa hẹn sẽ có thêm 2.000 hộ có nơi “đất lành chim đậu” trong những ngày đầu năm 2011.

Là huyện thuần nông, phát triển cây lúa là chính, nên huyện đã và đang tập trung phát triển đi vào chiều sâu theo hướng hiện đại. Canh tác lúa chất lượng cao chiếm 76% diện tích, diện tích thu hoạch lúa bằng máy trên 55%, 70% diện tích sử dụng trạm bơm điện. Mỗi xã, thị trấn có ít nhất một ô bao vượt lũ. Mô hình đồng bộ sản xuất lúa chất lượng cao ở Hợp tác xã Phú Thọ xã An Long cho lợi nhuận bình quân 15,5 triệu đồng/ha. Canh đồng sản xuất theo hướng hiện đại ở Hợp tác xã Tân Cường xã Phú Cường với 860ha, Hợp tác xã số I xã Phú Hiệp với 100ha và Hợp tác xã Phú Thọ với 220ha, thu lãi bình quân mỗi năm 34,4 triệu đồng/ha. Với đà tăng trưởng đó, năm 2010 huyện đã tăng diện tích cánh đồng lên 1.180ha. Nhiều Hợp tác xã đã được doanh nghiệp đến ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, giúp cho bà con xã viên an tâm sản xuất. Anh Nguyễn Văn Trãi - Chủ nhiệm Hợp tác xã Tân Cường, xã Phú Cường

cho biết: Sau 2 năm áp dụng phương thức sản xuất hiện đại thì hiệu quả đạt được rất khả quan, xã viên đồng lòng chung tay thực hiện. Đúng như Bác dạy “Khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Hiện nay bà con nông dân đã nắm bắt được quy trình sản xuất từ các năm trước nên sản lượng thu hoạch cao. Sản phẩm nhiều thì doanh nghiệp dễ tiếp cận, đầu ra sẽ dễ dàng hơn, tránh được điệp khúc “trúng mùa rớt giá”.

Anh Dương Văn Khải, xã viên Hợp tác xã Tân Cường chia sẻ: Qua thực hiện mô hình thì tôi thấy được mấy cái hay. Thứ nhất là làm đồng loạt nên giảm được sâu bọ, dịch bệnh, giảm chi phí. Thứ hai là được Trung tâm Khuyến nông tỉnh tổ chức mấy buổi tọa đàm tại ruộng, hướng dẫn cho bà con biết tình hình sâu bệnh và biện pháp xử lý, nên đã nâng cao kỹ thuật cho nông dân, lúa làm ra sáng hơn, đẹp hơn nên giá thành cũng tăng hơn so với cách làm truyền thống.

Thiết nghĩ, không chỉ nông dân Tam Nông mà hầu hết bà con nông dân bây giờ đều đã quen thuộc với các mô hình như: 3 giảm 3 tăng; 1 phải 5 giảm; IPM... cũng như đặc tính các giống lúa Jasmine 85, OM 4218, OM 6976, 6377..., nên đã không ngừng tăng diện tích sản xuất lúa chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu ngày càng nhiều, nhất là khi đất nước đã gia nhập WTO.

Rời trụ sở làm việc của Hợp tác xã Nông nghiệp Tân Cường cũng là lúc tan ca của hàng ngàn công nhân của Công ty Hoàng Long - Đơn vị đầu tiên đầu tư và triển khai đi vào hoạt động đầu năm 2010 với Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và Nhà máy đông lạnh thủy sản, tạo được việc làm cho 1.000 lao động của Tam Nông. Cùng với cụm công nghiệp Phú Ninh và cụm công nghiệp vật liệu xây dựng, sắp tới đây Tam Nông sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư vào làm ăn và giải quyết việc làm cho nhiều lao động ở địa phương, nhất là lực lượng lao động trẻ. Anh Phùng Công Thanh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Cường cho biết: Từ khi công ty Hoàng Long đi vào hoạt động đã giúp cho nhiều lao động địa phương có việc làm ổn định. Cuộc sống của người dân có nhiều thay đổi tích cực. Các dịch vụ ở đây cũng đã phát triển thêm tạo sự phấn khởi cho địa phương.

Có thể nói phát triển đường giao thông chính là đòn bẩy giúp cho kinh tế huyện Tam Nông ngày càng đi lên. Khi tuyến đường ĐT 842 hoàn thành và tiếp theo sau là tuyến 843, 855 được thông thương thì bộ

mặt Tam Nông đã thay đổi hẳn. Xe tải đi lại được khắp 12 xã, thị trấn đã giúp cho việc vận chuyển giao thương, trao đổi thông tin, hàng hóa được thuận lợi, nhanh chóng, dễ dàng, không còn cảnh “qua sông phải lụy đò” như trước nữa. Riêng các tuyến đường liên ấp cũng được các xã chủ động thực hiện bằng nhiều nguồn vận động xã hội hóa. Hàng chục km đường được rải đá, lót đal, nhiều chiếc cầu ván, cầu bê-tông đã được bắc mới, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại và trẻ em đến trường nhanh chóng, an toàn. Hàng chục km đường đã được kéo dây điện, mắc bóng đèn chiếu sáng ban đêm, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự địa phương, hạn chế tai nạn giao thông và tệ nạn xã hội. Người dân các xã Phú Cường, An Hòa, Phú Đức, Phú Hiệp... đã cùng chung tay với chính quyền địa phương “thắp sáng đường quê” một cách tự nguyện, tự giác với tất cả niềm vui và sự tin tưởng tuyệt đối vào những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đề ra.

Ý Đảng, lòng dân là thế. Trong dân có Đảng. Trong Đảng là dân. Xã hội là một con thuyền mà mọi người phải tiếp tay chèo lái.

Một ngày đi qua với những đổi thay trong nhận thức và suy nghĩ của chính mình, tôi còn ngỡ ngàng hướng chi là người bạn xa quê lâu ngày như Tuyến.

Ánh nắng chiều tắt trên ngọn cây bạch đàn phía xa xa. Thị trấn Tràm Chim lung linh những ánh đèn vàng. Trên cầu Việt Nhật nhìn về phía cầu dây, nghe con nước ngã năm đang xuôi dòng theo năm ngã. Tôi hỏi Tuyến: “Cậu biết bài vọng cổ Trở lại Tam Nông của soạn giả Minh Thùy không?”. Tuyến lắc đầu nhưng Quốc Khánh lại ngân nga: “*Tôi viết bài tình ca Tam Nông, khi kinh sáng An Long mênh mông dòng nước...*”. Tôi thầm ước một lần, soạn giả Minh Thùy về lại Tam Nông để cho mảnh đất này được thắm hoa và rạng rỡ hơn bằng một bản tình ca mới.

Chúng tôi đi bộ theo các con đường nội ô cụm dân cư Ao Sen. Nhiều lắm những ngôi nhà kiên cố, quán xá nhấp nháy đèn. Dòng chữ “Chợ đêm Tràm Chim” sáng bừng lên giữa lòng thị trấn. Các cửa hàng dịch vụ với những biển quảng cáo sắc sỡ sắc màu, lung linh ánh điện như gọi mời du khách ghé thăm. Một số người nước ngoài đến du lịch và nghiên cứu, học tập ở Vườn quốc gia Tràm Chim cũng tranh thủ ra phố thư giãn và nhấm nháp ly cà phê trong những quán đèn màu. Nhà Văn

hóa huyện đang rộn ràng những khúc hát tươi vui, Đội thông tin lưu động đang tập dượt chương trình lưu diễn mới.

Anh bạn phóng viên đi bên cạnh tôi hẳn tâm đắc lắm nên mới chia sẻ suy nghĩ của mình: Sự đột phá trong cách nghĩ, cách làm của lãnh đạo huyện đã làm cho bộ mặt nông thôn thay đổi nhanh đến như vậy. Nhiệm kỳ 5 năm vừa qua có thể nói là mốc đánh dấu sự vươn lên vượt bậc của huyện nhà, là mốc lịch sử quan trọng trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. •

Tôi ngược nhìn lên bầu trời đêm, những ánh sao nhấp nháy bên vành trăng hạ tuần đang đong đưa như chiếc võng, chợt nghe vẳng bên tai lời phát biểu của đồng chí Bí thư Huyện ủy Nguyễn Văn Công trong kỳ Đại hội Đảng bộ huyện vừa qua được truyền thanh qua loa phóng thanh:... Giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh; Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân... Tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

*Tam Nông đất ấm tình người
Sưởi tung cánh hót những lời yêu thương.*

Tam Nông 6/2010

M.H

Trở lại xóm Giồng Bàng

TRỌNG QUÝ

Hướng sát về phía cửa khẩu quốc tế Thường Phước, tôi lái xe lách qua những lối mòn trên khúc đường chùng non hai cây số đang thi công chỉ mới có đất đỏ và cát, để hỏi thăm đường về xóm Giồng Bàng. “Làm gì có đường để vô đó, anh ơi!” “Sao nghe nói...?” “À, chùng mùa khô, người ta bang mấy chỗ lủi sủi trên bờ bao cho xe honda, xe đạp chạy đỡ. Chờ cỡ mùa này, nước ngập tràn qua tanh bành té bẹ, đi mình không còn chưa dám lội qua...” “Vậy có đồ đóm gì để vô đó không?” “Không có đâu. Mà anh định vô đó để làm gì? Trong ấy đạo này, người ta đóng cửa bỏ nhà đi làm ăn xa muốn hết ráo!...” Chuyện này xảy ra cách đây chỉ mới vài ngày.

Ký ức mười năm

Mùa nước lũ năm 2000, trong một chuyến đi thực tế lên vùng biên giới, rất tình cờ tôi được biết đến một địa danh rất mới mẻ là xóm Giồng Bàng. Xóm Giồng Bàng của mười năm về trước cho tận đến bây giờ vẫn còn in đậm trong tôi hình ảnh một vùng đất nơi “đầu sóng ngọn gió” cứ y như cảnh sống của người dân Đồng Tháp Mười hồi những năm đầu mới giải phóng vậy. Bởi mọi thứ tôi nhìn thấy không gì khác hơn ngoài hình ảnh những con người với cuộc sống sinh hoạt quá đổi nghèo nàn, lạc hậu. Nằm rải rác trên con kênh xáng Ba Nguyên trải dài sát theo biên giới Campuchia, hơn một trăm hộ dân sống trong những căn nhà tre lá tạm bợ, có cái đã xiêu vẹo vì giồng gió, nhiều căn khác phải dầm chân trong nước lũ hoặc đứng chơ vơ trên những mô đất nằm thoi loi giữa bốn bề mênh mông sóng nước. “Bà con ở xóm này năm nào cũng phải táo tác chạy lũ nên cái nghèo đói cứ rượt bám theo triền miên...” - Anh Trần Phát Thắng, Bí thư xã Thường Phước 1 hồi ấy cùng ngồi chung chiếc tắc

ráng với chúng tôi không khỏi xót xa nói. Tôi còn thấy xót xa hơn nữa khi nhìn thấy nhiều trẻ nhỏ nơi đây phải sống trong những căn nhà trống hươ trống hoác, không được chơi đùa và thiếu sự chăm sóc chu đáo của người lớn nên cái nhìn cứ ngơ ngác như gà con lạc mẹ. Nhiều em trong số đó còn chưa biết ông thầy giáo dạy học như thế nào, chiếc xe máy chạy ra làm sao...

Qua tiếp xúc với một số gia đình, tôi còn biết: bà con sinh sống ở xóm này phần nhiều là dân tứ xứ. Nhiều hộ gia đình không có đất canh tác; mùa khô làm thuê làm mướn, mùa nước thì đi câu, giăng lưới, đặt lọp lờ tìm cái ăn đắp đổi qua ngày.

Hồi ấy tôi đã hỏi anh Phát Thắng: “Nghe nói thời chiến tranh nơi đây từng in dấu chân của những nhà hoạt động cách mạng tên tuổi như bà Nguyễn Thị Định, ông Trần Văn Trà... Bà con mình nhiều người từng hết lòng theo cách mạng. Giờ chiến tranh đã lùi xa, chừng nào thì cuộc sống của người dân nơi đây mới được bớt phần cơ cực?”.

Anh Thắng tỏ vẻ trầm ngâm: “Quả là lực bất tòng tâm. Vùng biên giới xa xôi như chúng tôi thường phải chịu nhiều thiệt thòi. Nhưng có điều đáng mừng là xã Thường Phước sắp tới sẽ trở thành khu kinh tế cửa khẩu quốc tế và một số nơi trong đó có xóm Giồng Bàng cũng đã được cấp trên quy hoạch xây dựng thành cụm tuyến dân cư, sẽ được triển khai thi công trong một, hai năm nữa. Như vậy cuộc sống của bà con mình chắc chắn sẽ khá lên thôi...”.

Qua rồi, cái cảnh đoạn trường!

Mang theo trong đầu những liên tưởng về sự đổi thay ở một vùng đất biên cương nhiều gian khó, tôi trở lại Thường Phước 1 cũng đúng vào mùa con nước còn ngập đồng lênh láng. Buổi trưa ở khu vực cửa khẩu biên giới - nơi đã thấy xuất hiện nhiều công trình mới phục vụ cho việc hình thành và bước đầu đi vào khai thác khu kinh tế cửa khẩu quốc tế. Tôi lần qua những chỗ có nhà cửa đang xây dựng, nhằm tìm một anh phụ hồ hay giúp việc chi đó là người của xóm Giồng Bàng, theo cách chỉ dẫn của người đàn ông tôi hỏi đường lúc nãy. Một chị chủ quán cà phê ven đường lại mách nước cho tôi: “Đằng kia có hai người trong ấy theo làm cho cánh ông thầu Sáu. Họ thỉnh thoảng có ghé đây uống nước, nghỉ giải lao. Hay anh cứ ngồi đây chờ, lát trưa tui kêu họ lại chơi”.

Và đó là hai người đàn ông nhìn vẻ bề ngoài rất khó đoán tuổi. Tôi nghĩ họ chỉ trạc băm ngoài đến bốn mươi, nhưng coi bộ đã hơi cần bôi nước da đen đúa và đôi bàn tay thô ráp. Tôi mời họ uống nước. Họ mỉm cười nhưng ánh mắt có vẻ ngần ngại.

Tôi hỏi: “Xóm Giồng Bàng đã trở thành cụm dân cư vượt lũ, giờ nước ngập cỡ nào chắc cũng đâu ăn nhằm gì, mấy anh hở?”.

Người được giới thiệu có tên là Sơn chậm rãi nói: “Ồ, mấy năm nay tui tui đâu còn sợ nước ngập nữa. Thiệt là... Từ cái thời ông già tui còn sống cứ mơ hoài có một chỗ ở cao ráo, ngon lành mà đâu được. Ai ngờ...”.

- Nghe nói trong ấy giờ cũng đã có điện, có trạm cung cấp nước sạch và có cả ngôi trường tiểu học dạy tới lớp 5 ngon lành lắm?

- Ờ, ờ! Cái này thiệt tình tui tui cũng hồng hờ nó có mau vậy, cứ tưởng cái đời mình... - Anh Sơn nói với một nụ cười rất tươi.

Không tươi sao được chứ! - Tôi nghĩ. Những thân phận, những cuộc đời của cả trăm gia đình sẽ đi tới đâu, nếu mãi cứ bấp bênh theo từng mùa con nước đổ? Những đứa trẻ sau này còn biết phải làm gì, khi cả những kiến thức phổ thông đầu đời cũng không được biết đến?

Lúc này, ở trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 1 (huyện Hồng Ngự), tôi đã có cuộc trò chuyện hồi lâu với anh Trần Văn Gom - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Anh Gom cho biết: Cụm dân cư Giồng Bàng bắt đầu được khởi công vào giữa năm 2002 với các hạng mục thông thường, có nền đất vượt lũ trên 7 héc-ta, có trường tiểu học và trạm cung cấp nước sạch, có nhà tiện chế (cột kèo bằng bê-tông, mái lợp tol) bán trả chậm cho gần 120 hộ dân. Điện đồng thời cũng được kéo về khi bắt đầu bố trí cho bà con về ở. Bởi là vùng thường phải chịu nhiều ảnh hưởng của lũ lụt, nên chuyện được di dời khiến nhiều gia đình phấn khởi lắm.

Tôi quay sang trò chuyện với anh Ba Hùng, người hàng xóm của anh Sơn ở xóm Giồng Bàng: “So với hồi trước, giờ về sống trong cụm dân cư, anh thấy cuộc sống có dễ chịu không?”.

Ba Hùng nhướn miệng cười thật thà nói: “Nói thiệt, cái gì cái, chứ từ khi có được căn nhà đâu đó chắc chắn rồi, tối ngủ hồng phải hồi hộp,

nơm nớp mỗi lần có mưa to gió lớn, sợ nước cuốn trôi cả vợ con đi mất, là mình thấy khỏe con người ra liền”.

- Mấy đứa con anh đã được đi học hết chưa?

- Chỉ có hai đứa nhỏ thôi, đang học ở trường. Tụi nó cũng ham học lắm, không biết sau này tui có lo nỗi không?

Tôi nhìn thấy trong ánh mắt Ba Hùng thoáng qua một nét buồn xa vắng, nên đành chuyển sang chuyện khác.

Còn đó gian nan

Tôi hỏi anh Sơn:

- Dạo này đang mùa cá ra, trong ấy giờ có còn nhiều người làm nghề lợp lờ, câu lưới không anh?

- Cá mấm bây giờ còn được mấy con đâu, anh ơi! - Anh Sơn gãi đầu - Hồi trước tui cũng làm nghề này, cũng có mớ ăn, mớ bán, giờ mà theo nó chỉ có nước đói nhẩn rảng.

- Các anh đi làm như vậy, vợ con ở nhà có làm thêm nghề gì? Liệu có dành dụm được chút ít để tích kế làm ăn về sau không?

Trong ánh mắt của cả anh Sơn, anh Hùng lại thấy thấp thoáng một nét buồn.

Điều tôi quan tâm về chuyện làm ăn, sinh sống của những người dân ở cụm dân cư Giồng Bàng cũng chính là nỗi băn khoăn của lãnh đạo chính quyền địa phương xã Thường Phước 1. Anh Trần Văn Gom cho hay: Do thiếu đất sản xuất, không có nghề nghiệp ổn định, nên phần đông người dân ở Giồng Bàng phải kiếm sống bằng nghề làm thuê làm mướn. Những tháng mùa khô là dịp có thu hoạch các vụ lúa, bà con còn dễ kiếm công ăn việc làm. Mấy tháng mùa nước nổi, nhân công tại chỗ hóa ra dư thừa. Vài năm gần đây ở nông thôn nổi lên phong trào người lao động đổ xô đi làm công cho các khu công nghiệp tận Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Phước. Xóm Giồng Bàng có trên 30% gia đình kéo nhau đi làm trong mùa này.

Tôi hỏi anh Gom: “Mình có biết, họ đi làm thu nhập có khá không?” Anh lắc đầu: “Dân mình trong ấy trước đây ít được học hành, cũng không có tay nghề gì. Đi lao động phổ thông thì thu nhập đâu thể cao được. Họ đi làm cũng chỉ để giải quyết cái ăn, cái mặc hàng ngày

thôi. Qua vụ họ lại trở về với công việc nhà nông”. “Nghe nói ở vùng biên giới này, bà con mình có người sang phía bên Campuchia thuê đất làm ruộng?” “Ở Giồng Bàng cũng có đôi người, nhưng chuyện làm ăn bên ấy cách trở xa xôi, nhiều khê đủ thứ. Thấy vậy chớ cũng khó ăn!”.

Tôi đem những điều mắt thấy, tai nghe về việc có nhiều địa phương đã tìm cách đưa một số ngành nghề thủ công để giải quyết công ăn việc làm cho bà con vào trong câu chuyện. Anh Gom tỏ ý dẫn đo: “Tìm được một ngành nghề thủ công phù hợp đem về áp dụng vào địa phương là chuyện không khó lắm. Nhưng bài học ở nhiều nơi cho thấy, việc tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm là chuyện không dễ. Làm ăn không khéo có khi phải mang nợ”.

-Vậy có cách nào để đời sống của bà con xóm Giồng Bàng khấm khá lên được? - Tôi cũng có chút trăn trở.

Anh Gom tỏ vẻ lạc quan: “Khu kinh tế cửa khẩu Thường Phước đã được hình thành. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật từng bước được thi công. Một số doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng đã có dự án đầu tư, sẽ mở ra triển vọng tạo được công ăn việc làm ổn định cho lao động của địa phương, trong đó có bà con của xóm Giồng Bàng”.

Tôi về đến nhà, chợt thấy còn có điều chưa thỏa, bèn điện thoại ngược lên cho anh Gom: “Xóm Giồng Bàng chỉ cách khu vực kinh tế cửa khẩu bảy tám km đường thôi, mà bà con trong ấy vẫn còn cách trở lắm đó!”.

Anh Gom trả lời: “Chúng tôi đã có kế hoạch làm con đường này từ hai năm nay rồi. Vương ở chỗ chưa có tiền bồi thường giải phóng mặt bằng. Sắp tới chúng tôi sẽ phối hợp với lực lượng biên phòng xây dựng đường tuần tra biên giới, vừa làm đê bao và đường giao thông thuận lợi cho bà con. Chắc không phải chờ lâu lắm đâu”.

Tôi sẽ tiếp tục liên tưởng về những đổi thay ở vùng đất một thời là “nơi đầu sóng ngọn gió”.

11/2010

T.Q

Cồn An Hiệp - lở mà không lở

HỮU NHÂN

Chỉ một chuyến đò qua ngang đoạn sông rộng áng chừng ba trăm thước là có thể từ bờ bên này Sa Đéc sang bờ kia cù lao An Hiệp. Vậy mà khoảng chừng vài mươi năm về trước việc qua lại vùng đất này lại là chuyện không dễ dàng gì. An Hiệp khi đó hết phụ một “thế giới” hoàn toàn cách biệt với đất liền, nằm lơ lửng giữa dòng nước sông Tiền ngày đêm cuộn chảy. Theo những người sinh sống lâu năm ở đây thì trước tháng 4/1975, cù lao An Hiệp gồm bốn làng: An Tịch, Tân Hiệp, Tân Lễ và Hội Xuân. Tân Hiệp giờ đã bị xóa tên do sạt lở liên tục nhiều năm. Hiện tại, xã có năm ấp thì trong đó bốn ấp: An Thuận, An Hòa, An Thạnh và Tân Thạnh đang bị sạt lở rất nghiêm trọng. Bình quân từ năm 2000 trở lại đây, mỗi năm An Hiệp mất vài ba héc ta đất. Theo ông Lê Văn Thuận - Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Hiệp thì chỉ trong khoảng chục năm nay, An Hiệp đã “cúng cho hà bá” hơn 60 ha đất. Tất cả đều là đất nông nghiệp và đất ở. Điều này đã khiến cho diện tích sản xuất lúa của An Hiệp từ 230 ha hồi đầu năm 2005 thì đến cuối năm 2011 chỉ còn chưa đầy 30 ha. Nhiều cảnh “thương hải tang điền” ở đây khiến người nghe phải đau lòng xót dạ. Chẳng hạn như bà Phan Thị Bảo Thúy dành dụm cả đời mới cất được căn nhà. Ngày 22/8/2011, chính quyền cấp sổ hồng công nhận quyền sử dụng. Chưa hết mừng thì đúng một tháng sau, căn nhà đã chìm vào lòng nước. Đó là ông Năm Trường ở ấp An Thuận, mới vừa nhận được căn nhà tình nghĩa hôm trước thì hôm sau đã bị sạt lở đến sát chân tường nên đành phải che một cái chòi ở tạm. Chính quyền địa phương hầu như lúc nào cũng phải sẵn sàng đối phó với sạt lở. “Nhận tin báo riết rồi thành quen” - Ông Lê Văn Thuận nửa thiệt nửa đùa rồi chỉ tay ra trước nhà nói - “Chỗ đang lở đi đùng ngoài kia đã vào gần đến đây rồi. Chắc khoảng non nửa cây số là cùng”. Nhiều bà

con ở bên đò Tứ Phước nói vui: “Trước lở đầu cồn, sau tới đuôi cồn. Năm thì bên trái. Năm thì bên phải. Riết rồi, tứ phía chỗ nào cũng thấy sạt lở. Quanh năm mười hai tháng không tháng nào không có. Ít hay nhiều. Sống với sạt lở quen như bà con đầu nguồn sống chung với ngập lụt vậy thôi”. Hiện nay, An Hiệp đã bố trí chỗ ở mới tại cụm dân cư Tứ Phước cho gần 300 hộ dân chạy sạt lở bờ sông. Nhưng nhu cầu vẫn chưa đủ. Còn gần 50 hộ dân phải tự tìm nơi ở khác. Nhưng theo chính quyền địa phương thì mọi người cũng đã khắc phục khó khăn ban đầu và đang chuẩn bị sẵn sàng cho những vụ dưa, cà, khoai, bí sắp tới.

Sở dĩ, nói chuyện sạt lở trước để thấy hết những khó khăn mà An Hiệp luôn phải gánh chịu từ nhiều năm nay. Nhưng dù có sạt lở, dù phải di dời hàng năm nhưng An Hiệp vẫn vươn lên, vẫn phát triển để tự thân hòa nhập và không lỡ nhịp với đất liền. Một trong những thay đổi lớn để cù lao An Hiệp xích gần lại với đất liền là đò ngang và giao thông nông thôn. Đò qua An Hiệp những năm 90 chủ yếu phục vụ người dân từ cù lao sang đất liền đi chợ, mua sắm hay cần đơn từ gì đó phải lên huyện và phần ít các em học sinh sang Nha Môn học cấp III. Sông rộng, nước chảy xiết mà đò chỉ chèo bằng tay nên mỗi lần qua sông phải chờ đợi hàng tiếng đồng hồ là chuyện bình thường. Bốn, năm giờ chiều khi trời vừa sẩm tối là không còn đò qua sông. Nhưng đâu phải đò ngang mà là đò dọc. Hỏi ra mới biết, hồi ấy ở An Hiệp đường sá đi lại khó khăn, lầy lội nên đò phải đưa rước khách dọc theo cù lao. Qua An Hiệp, được ngồi trên những chuyến đò dọc lên lối trong các vườn cây ăn trái xum xuê và mát rượi cũng đủ khiến cho lòng người phương xa mới đến lằng lằng một cảm giác rất thơ về một vùng sông nước trù phú. Giờ thì những chuyến đò dọc “rất thơ” như vậy đã trở thành quá khứ. Từ năm 1998, Nhà nước vận động và tạo điều kiện cho chủ đò nâng cấp đò ngang. An Hiệp như gần hơn với đất liền. Đò máy, phà rộng có thể chở được cả ô tô bốn chỗ ngồi hoạt động suốt ngày đêm. Người qua lại lúc nào cũng chật ních. Nếu có qua phà Tứ Phước sang trung tâm hành chính xã An Hiệp, đi một vòng rồi xuống một bến đò ngang khác dưới đình Tân Lễ về Nha Môn mới cảm nhận hết nhịp sống qua lại hối hả của những người dân xứ cù lao này. Hôm tôi về An Hiệp đúng vào những ngày cúng đình. Lễ Kỳ yên thượng điền hàng năm chuẩn bị xuống giống cho mùa lúa mới. Hồi thăm những “nhạc công” cùng qua sông với tôi trên chuyến đò chiều ấy thì được họ vui vẻ trả lời: “Đội nhạc lễ tụi này thường xuyên qua phục vụ nhu cầu của bà con bên cù lao. Có chuyện hữu sự cần là tụi này qua

ngay. Giờ thì đâu có ngán đồ, sợ mưa như hồi trước. Chở như hồi xưa, mỗi lần đi phục vụ đình đám, tang chế là mất cả hai ngày đi về nên ít ai chịu nhận lời qua An Hiệp". Hồi trước mà họ nói có lâu gì đâu. Cũng mới những năm 90 đây thôi. Cả xã chỉ có một tuyến đường bê-tông từ bến đò Tứ Phước lên đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Còn lại là đường đất và cầu khỉ. Mùa khô đi lại đã khó đừng nói gì mùa mưa. "Năm 1991 - 1992, phương tiện chủ yếu đi lại là xe đạp. Mưa vác lên vai. Qua cầu khỉ cũng vác lên vai. Sang bên kia để xe xuống đi tiếp. Honda, xe máy là phương tiện quý hiếm. Hồi ấy, ai có được một chiếc xe gắn máy nổ tách là trẻ con xúm lại coi rần rần. Mà mấy ai có được. Chỉ Ủy ban xã có một cái xe cúp cánh én do huyện cấp để mang thư từ, công văn lên xuống". Ông Lê Văn Thuận nhắc lại chuyện của hai mươi năm trước ở An Hiệp mà cứ như là chuyện cổ tích. Vậy mà chớp mắt lại đổi thay đến không ngờ. Chỉ riêng từ năm 2004 đến nay, từ nhiều nguồn kinh phí như do nhân dân đóng góp, quỹ lao động công ích, nguồn hỗ trợ của cấp trên và tài trợ của các dự án, An Hiệp đã xây dựng được 6 km đường bê-tông rộng 2 m, xây dựng 31 cầu bê-tông cốt thép với kinh phí hơn 6 tỷ đồng. Xã cũng được ngân sách nhà nước đầu tư triển khai xây dựng dự án đường bộ dọc theo sông Tiên, đến nay đã thi công hoàn thành được 5 cây cầu và đang tiến hành thi công mặt đường từ Ủy ban nhân dân xã đến bến đò Cái Đồi. Xây dựng đưa vào sử dụng tuyến đường từ cầu Doi Am I đến bến đò Tứ Phước rộng 4 m. Những con số biết nói trên là một minh chứng đầy thuyết phục cho sự phát triển của vùng cù lao này. Có thể với nhiều nơi thì chuyện điện, đường, trường, trạm là chuyện lâu rồi thì với An Hiệp là chuyện mới xảy ra hôm qua và còn đang xảy ra ngay chính hôm nay.

Một trong những yếu tố để An Hiệp không phải lỡ nhịp với đất liền là điện. Năm 1994, điện vượt sông Tiên qua An Hiệp. Thoạt đầu chỉ loanh quanh vài cây số ở khu vực hành chính xã. Nay thì phủ rộng 100% diện tích xã. Điện về đã làm bộ mặt nông thôn ở An Hiệp thay đổi nhanh chóng. Đó là chương trình nước sạch nông thôn. Hiện người dân 3 ấp Tân Thạnh, An Thạnh và An Hòa đã có giếng khoan đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho sinh hoạt hàng ngày. Hiện xã đang tiếp tục đầu tư thêm một trạm cấp nước ở An Hòa. Có điện, sản xuất nông nghiệp cũng phát triển theo. Vườn cây ăn trái được đảm bảo ổn định và luôn tăng diện tích, các loại cây trồng được cải tạo và chuyển đổi cơ cấu cho phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng ở địa phương. Nhân dân đã cùng với Nhà nước tổ chức xây dựng kiên cố 4 ô bao với tổng diện tích 175 ha. Ngoài ra các

hộ dân còn xây dựng bờ bao liên kết để bảo vệ vườn cây ăn trái của mình, sẵn sàng bơm nước chống ngập úng khi mùa nước tràn về. An Hiệp giờ đây, khi vừa đặt chân lên khỏi bến đò là ta như thể lạc vào một xứ sở ngợp mát màu xanh của đủ loại cây ăn quả: chanh, nhãn, ổi, đu đủ, bắp, đậu, rau, dưa xen lẫn khắp nơi. Đó là chưa kể những vùng nuôi cá bả bì, cá bè trên sông với sản lượng trên 6.000 tấn mỗi năm. Tất cả đều nhờ có điện hỗ trợ cho việc sản xuất của người dân. Điện còn góp phần lớn vào việc phát triển đời sống tinh thần của người dân An Hiệp. Trước năm 1990, cả xã chìm về leo loét đèn dầu. Nhà ai khá giả chút thì sắm máy phát điện, mỗi tối thứ bảy chạy lên để mở truyền hình xem cải lương. Giờ thì phương tiện nghe nhìn đã phủ kín khắp nơi. Có điều, cả xã chỉ có vài ba tụ điểm Internet, nhưng chỉ có lúc đặc vài ba người đến chơi. So với những nơi khác, khi game online đang rầm rộ lôi kéo thanh thiếu niên vào chơi suốt ngày lẫn đêm thì không khi vắng lặng ở đây phần nào toát lên được vẻ thuần phác của một xứ sở miệt vườn còn đầy không khí “trong lành”.

Nói về hướng phát triển sắp tới của An Hiệp, Bí thư kiêm Chủ tịch xã Lê Văn Thuận phác thảo: “Trước tiên mở rộng thêm cụm dân cư Tứ Phước khoảng 4 ha, hoàn chỉnh cụm dân cư mới Tân Lễ khoảng 5 ha. Hai công trình này đảm bảo cho 400 hộ dân định cư. Về giao thông, xã tiếp tục hoàn chỉnh khoảng 5km đường còn lại để đảm bảo giao thông nông thôn trong toàn xã. Xã đang xúc tiến thực hiện kế hoạch liên kết với huyện Cao Lãnh mở thêm bến đò An Hiệp - Bình Thạnh để tạo điều kiện cho bà con nông dân mua bán, trao đổi hàng hóa nông sản với chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp. Rồi cả kế hoạch xúc tiến mở thêm bến đò nối An Hiệp với Tân Thạnh (Cái Bè - Tiền Giang) để mở rộng thị phần nông sản của bà con nông dân ra tỉnh bạn. Nhưng ưu tiên hàng đầu là tranh thủ mọi nguồn vốn để xây dựng bờ kè chống sạt lở cho toàn xã với kinh phí ước tính trên 100 tỷ”. Cả một khối lượng công việc đang đè nặng lên vai người Bí thư trẻ và cả tập thể Đảng ủy, chính quyền xã An Hiệp trong nhiệm kỳ 2011 - 2015 này.

Còn An Hiệp vẫn là một trong những vùng có nguy cơ sạt lở cao của tỉnh Đồng Tháp, nhưng với những gì đã làm và sẽ làm, An Hiệp sẽ không hề lỡ nhịp với sự phát triển chung của tỉnh nhà.

Tháng 11/2011

H.N

Chuyện về thương hiệu bột Bích Chi

CÁT NGỌC

Bột Bích Chi ra đời từ tình thương

Cách đây 23 năm, ngày 28/4/1987, các con gái ông Trần Khiêm Khánh - người chế tạo ra bột gạo lứt mang tên Bích Chi - bắt đầu ghi chép về cuộc đời và sự nghiệp của cha mình với tất cả niềm vui và nỗi buồn, niềm tự hào và lòng biết ơn cha đã chất chiu nuôi dạy đàn con khôn lớn, thành đạt.

Con gái là khách hàng đầu tiên

Chúng tôi tìm đến ngôi nhà trên đường Phan Bội Châu, phường 1, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, vào lúc 7 giờ tối. Ngôi nhà khá rộng nhưng im ắng vì chỉ có người giúp việc và ông Trần Khiêm Khánh (Tư Khánh) ở nhà. Ông Tư Khánh đang nằm ghế bố xem chương trình thời sự trên truyền hình. Câu chuyện bắt đầu.

Bích Chi là tên thật của người con gái thứ hai của ông - Trần Thị Bích Chi - sinh năm 1966, cũng chính là năm ông khai sinh loại bột gạo lứt. Ông nói năm đó gia đình rất khó khăn, sữa thì mắc nên không đủ tiền mua cho con bú. Ông từng tham gia kháng chiến, nhớ hồi trong chiến khu, bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng có đề nghị mỗi người mỗi tuần nên dùng một ngày gạo lứt để bổ sung dinh dưỡng. Ông cũng đọc được trong sách nói về giá trị của gạo lứt, nên quyết định thử nấu cháo gạo lứt, lấy nước cho con uống. Thấy Bích Chi uống cả tuần không bị tiêu chảy, mà còn khỏe ra, ông Tư Khánh an tâm. Ông nghĩ phải chế một máy xay nhỏ làm

bột cho con uống. Ông đưa loại bột này cho anh em trong nhà nuôi các cháu. Thấy bột tốt, anh em giới thiệu với bạn bè.

Tiếng lành đồn xa, mọi người đặt ông Tư Khánh làm bột bán cho họ. Với chiếc máy nhỏ xay bột cho con, vợ chồng ông tranh thủ làm thêm mỗi ngày 3 - 4kg chia cho mọi người. Số lượng người đặt cứ tăng. Ông Tư Khánh cũng mang bột lên Sài Gòn giới thiệu với bạn bè. Nhiều người đặt mua, lên tới cả trăm ký mỗi tuần. Ông vui mừng không chỉ vì bán được bột, có tiền xoay xở trong nhà, mà còn vui vì nhiều gia đình khó khăn cũng nuôi được con khỏe, chống được bệnh còi xương suy dinh dưỡng khi thiếu sữa. Ông nghiên cứu sản xuất tiếp bột gạo lứt và đậu xanh, rồi bột năm loại đậu (xanh, đỏ, trắng, đen và đậu nành).

“Thấy bột của tôi làm ra được người tiêu dùng chấp nhận, anh em đồng viên lập nhà máy sản xuất” - Ông Tư Khánh nói - Vợ chồng hội ý nhau, nghĩ có Bích Chi mới làm bột này nên lấy tên con đặt luôn cho nhà máy.

Coi trọng phân phối, quy chuẩn sản xuất

Ông Tư Khánh tự thấy mình có thể mày mò về kỹ thuật sản xuất ra cho bột ngon, đủ dinh dưỡng, nhưng nếu muốn phát triển sản xuất thì phải có người kinh doanh, tiếp thị giỏi. Ông chọn được ông Đỗ Như Công, một người bạn kháng chiến của anh ruột ông làm đối tác. Ông Công biết cách mua bán, cách quảng cáo, đặt tổng đại lý phân phối ở Sài Gòn, cứ một đợt ông Công quảng cáo là hàng làm không kịp giao. Một thời gian ngắn sau khi được thành lập, mỗi ngày nhà máy sản xuất khoảng 500kg.

Ông Tư vừa kể chuyện vừa lấy mấy tấm hình cũ ra xem. Đó là tấm hình vợ ông, bà Đinh Ngọc Diệp - bồng bế Bích Chi, dưới tấm hình ghi “Hình ảnh cháu Trần Thị Bích Chi, cháu bé đầu tiên được nuôi thử nghiệm bằng bột gạo lứt thay sữa mẹ”. Ông giải thích: “Đợt hàng đầu tiên chính thức ra thị trường, tôi tính in hình hai mẹ con lên nhãn hàng. Hình đã chụp rồi nhưng chưa kịp in lên bao bì vì không có tiền. Ông Công hối mang hàng lên bán vì đã quảng cáo, người ta đặt hàng rồi, nên phải lo sản xuất gấp, còn bao bì thì in hình vẽ thường thôi. Nhờ có ông Công mà những năm 1970 - 1975, bột Bích Chi đã có mặt khắp mọi nơi, từ miền Trung dài đến Cà Mau”.

Bà Đinh Ngọc Diệp kể: “Hồi năm 1970, nhà máy bắt đầu đầu tư máy lớn để tăng công suất làm bột. Vợ chồng tôi đã nghĩ phải đặt tiêu chuẩn vệ sinh lên hàng đầu. Chúng tôi nghĩ bộ đồ đồng phục vừa đẹp vừa giúp công nhân có ý thức giữ gìn vệ sinh chung. Công nhân đến nhà máy mới thay đồng phục vô làm. Vô phòng làm việc, đóng cửa kín lại, không được đi lung tung để giữ cho bột không bị nhiễm bụi”. Bà tiếc tiền công may, nên vừa phụ ông trông coi công nhân, vừa may đồ, có bao tay để công nhân mang, chú ý nhất là may nón sao cho trùm gọn tóc, không để tóc rụng vô bột. Công nhân lúc đầu không quen nên cứ lên mồ nón, bà lúc nào cũng phải để mắt nhắc nhở họ. Bà khâm phục ông vì sản xuất gia đình nhưng ông cũng lập thành từng phòng ban hẳn hoi, mỗi người lo một bộ phận.

Hiển thương hiệu lẫn tài sản

Theo ghi chép của TS.BS Trần Thị Minh Hạnh (con gái thứ ba của ông), năm 1975, khi đất nước thống nhất, có hai hướng mà Nhà máy bột Bích Chi phải đi theo: một là hiến cho Nhà nước, hai là hợp tác với Nhà nước. Ông Tư Khánh lên Sài Gòn gặp ông Trần Bạch Đằng, vốn là người bạn cùng hoạt động trong thời kháng chiến, xin ý kiến và được ông Bạch Đằng xác nhận Nhà máy Bích Chi là một cơ sở cách mạng thuộc Ban Tuyên huấn Xứ ủy Nam bộ. Sau đó, ông Bạch Đằng còn có ý định giúp ông Tư Khánh xin thêm đất để mở rộng nhà máy. Tuy nhiên, một thời gian sau, có chủ trương cải tạo công thương nghiệp, ông Bạch Đằng cho thư ký về Đồng Tháp nói với ông Tư Khánh hãy giao Nhà máy bột Bích Chi cho Bộ Công nghiệp Thực phẩm. Thế là từ năm 1976, Nhà máy bột Bích Chi trở thành đơn vị quốc doanh.

Ông Tư Khánh được giao nhiệm vụ làm giám đốc nhà máy. Ông thường cho nhân viên lương cao hơn mình, vì những việc này mà ông bị không ít lời gièm pha. Ông cứ nhắc đến kỹ sư Trần Phước Lộc. Từ một nhân viên bình thường ở nơi làm cũ, kỹ sư Lộc đã được tạo điều kiện sáng tạo, mạnh dạn làm vì thành công thì được thưởng, rủi thất bại đã có ông Tư Khánh gánh chịu. Ông tâm sự: “Mình phải dám chịu trách nhiệm thì người ta mới dám làm, người giỏi lại được tin tưởng thì họ không thể phụ lòng mình được”. Đối với ông, chức vụ chỉ là phương tiện để mình có thể chủ động quyết định những việc cần làm có lợi cho việc chung, chứ không phải để mưu cầu lợi ích cá nhân. Các con của ông đều nhìn

nhận họ đã học được “thuật dùng người” của cha trong công tác quản lý nhân sự.

Ông Trần Khiêm Khánh làm việc đến năm 1987 thì nghỉ hưu. Năm 2001, nhà máy bột Bích Chi trở thành doanh nghiệp đầu tiên của tỉnh Đồng Tháp được cổ phần hóa. Cứ ngỡ ông Khánh có nhiều cổ phần, nhưng ông chỉ có niềm tự hào, còn toàn bộ nhà xưởng và cả năm mẫu đất hương hỏa đã được ông hiến cho Nhà nước từ dạo đó.

Trên cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp và trang web của Công ty cổ phần thực phẩm Bích Chi, người ta viết rằng: “Tiền thân của Công ty cổ phần thực phẩm Bích Chi là Nhà máy bột Bích Chi được thành lập năm 1966 với nhiệm vụ sản xuất bột gạo lứt, bột dinh dưỡng các loại, cung cấp cho thị trường tiêu thụ trong nước”. “Để có được một Bích Chi của ngày hôm nay quả không hề đơn giản. Đó là thành quả từ sự cố gắng, nỗ lực của trên 500 cán bộ, công nhân viên năng động, sáng tạo, giàu kinh nghiệm và cầu tiến”.

Trên trang đó không thấy nhắc gì đến tên người sáng lập Nhà máy bột Bích Chi. Ông Tư Khánh chẳng than phiền khi về hưu mà không còn nhà xưởng vì đó là sự tự nguyện, nhưng thỉnh thoảng buông tiếng thở dài khi nghĩ đến bột gạo lứt, bột năm loại đậu Bích Chi ngày càng mờ nhạt trên thị trường. Đã có lúc ông nghĩ mình về hưu rồi thì có thể sản xuất lại những sản phẩm ấy, nhưng lòng tự trọng không cho phép ông cạnh tranh trực tiếp với Công ty cổ phần thực phẩm Bích Chi.

Đau đầu về “làng bột gạo Sa Đéc”

Không còn được chăm sóc “bột Bích Chi”, ông Trần Khiêm Khánh luôn an ủi vợ con rằng chuyện gì qua rồi thì không nên nuôi tiếc nữa. Ông đặt hết tâm lực cho nghề làm bột gạo chất lượng cao, ước mong một ngày nào đó, đi đâu cũng được nghe danh tiếng “làng bột gạo Sa Đéc”.

Hai lần làm lại từ đầu

Từ nhỏ, ông Tư Khánh đã thấy có làng bột Sa Đéc. Làng tồn tại đã ngót trăm năm. Lúc hưng thịnh, có trên 1.000 hộ sản xuất, nay chỉ còn khoảng 600 hộ gắn bó với nghề, mỗi ngày cung ứng trên 20 tấn bột cho Công ty Cổ phần thực phẩm Bích Chi và Công ty thực phẩm Hòa Hưng. Với 70 doanh nghiệp lau bóng gạo, nguồn nguyên liệu bột ở đây thật dồi dào.

Khi Nhà máy bột gạo lứt Bích Chi đi vào sản xuất ổn định, đầu ra tương đối tốt, ông Tư Khánh lại ôm ấp ước muốn lập hệ thống phân phối bột gạo. Năm 1970, ông tập hợp một số anh em lập hợp tác xã (HTX) Cửu Long Giang. Nhờ bột Bích Chi có thị trường, nên bột gạo của HTX phát triển nhanh theo hệ thống phân phối bột Bích Chi. Ông phân thành ba loại bột gạo: bột ngang (nguyên chất xơ) để làm bánh giòn như bánh xèo, bánh cốm; một loại nửa ngang nửa lọc (lấy bớt chất xơ) để làm bánh hấp, bánh luộc như bánh canh, bánh lọt; một loại đặc biệt (tinh bột không chất xơ) để làm bánh bò. Bột nếp có hai loại: bột ngang và bột lọc. Lúc bấy giờ, bột gạo ngang, ông lấy hiệu Con Cò, bột nửa ngang nửa lọc hiệu Thủy Tiên, bột làm bánh bò hiệu Hồng Nhung...

Năm 1976, cả nước thiếu gạo, Bộ Công nghiệp Thực phẩm yêu cầu ngưng không sản xuất bột nữa, HTX Cửu Long Giang giải thể. Làng bột điêu đứng.

Ông Tư Khánh thêm một nỗi buồn già biệt sản phẩm làng nghề từ hạt gạo mà mình yêu thích. Ông kể tiếp: “Năm 1990, tôi cùng một số người lập HTX Châu Long làm bột gạo công nghiệp. Bột tốt có thể để 1 - 2 năm, nhưng HTX sống vất vả vì bột làm thủ công giá rất rẻ”. HTX bước đầu gian nan, ít vốn, làm chưa có lời, muốn cầm cự để thị trường tiêu thụ tăng thì phải thêm vốn. Xã viên đâu có nhiều tiền, vay vốn không được, ông Tư Khánh đem nhà cửa thế chấp để tiếp tục đầu tư. Ông tâm sự: “Lỡ leo lên lưng cọp rồi thì phải xuống có trật tự, dẫu sao cũng mừng là tạo lập được thị trường, đã xuất được bột qua Đài Loan”.

Xã viên HTX Châu Long không đủ kiên nhẫn chờ đến khi thịnh vượng nên rút dần ra khỏi HTX. Ông Tư Khánh phải lo hoàn lại vốn cho xã viên, rồi tự mình làm. Chất lượng bột gạo của ông được Công ty Nestlé chấp nhận. Sau nhiều lần kiểm tra cơ sở sản xuất, kiểm tra vi sinh, Nestlé đặt hàng với số lượng lớn. Theo ông Tư Khánh, khó nhất đối với đơn hàng lớn là sấy. Kỹ sư Trần Phước Lộc là người nghiên cứu chế tạo máy sấy cho ông. Ông giữ kỹ bí quyết công nghệ và không ngừng nghiên cứu những khiếm khuyết của công nghệ sấy để hoàn thiện khâu thành phẩm luôn đạt chất lượng tốt.

Để có sản phẩm thị trường

Làm lại từ đầu trong hoàn cảnh thiếu vốn, cạnh tranh thị trường ngày càng khốc liệt, nhưng ông vẫn duy trì sản xuất liên tục đến năm

2007, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu bột gạo ra nước ngoài. Ông chứng minh tiềm năng của làng nghề nếu được đầu tư đúng mức. Lúc này ông đã 79 tuổi, sức lực ngày càng yếu, các con gái đều có sở nguyện riêng nên không ai nối nghiệp. Nghe theo lời khuyên của vợ con, ông đồng ý nghỉ hưu lần nữa nhưng phải tìm được người vừa ý để chuyển giao lại bí quyết công nghệ mà ông gìn giữ gần 20 năm. Cuối cùng, ông đã tìm được người mà ông có thể đặt niềm tin sẽ kế tục ông phát huy kỹ thuật làm bột công nghiệp và cùng có tâm huyết với làng nghề bột gạo như ông.

Vợ chồng anh Bùi Hữu Lộc gắn với làng nghề bột gạo hơn 20 năm. Trước đây, anh Lộc chỉ mua bán và từng là mối hàng của ông Tư Khánh. Anh Lộc cho biết, người ta bắt đầu dùng bột gạo Sa Đéc để làm nhiều loại thực phẩm khác khoảng 15 năm nay. Hiện anh cung cấp bột gạo cho Công ty Vifon sản xuất các loại bún, miến ăn, Vĩnh Thuận làm các loại bột làm bánh, các lò bánh tráng ở Phú Hòa Đông, Củ Chi, các cơ sở làm kẹo ở miền Tây và Thành phố Hồ Chí Minh, các cơ sở làm bánh phở ở Hà Nội. Bột Sa Đéc đã xuất sang Úc, Mỹ, Pháp, Đài Loan, Campuchia...

Anh Bùi Hữu Lộc rất nể ông Tư Khánh vì năng lực làm việc, sự say mê nghiên cứu, học hỏi. Nhiều người hỏi mua công nghệ và thiết bị máy móc của ông Tư Khánh, trả giá rất cao. Nhưng vốn không mong bán xưởng để lấy tiền, mà mong có người tiếp tục thực hiện ý nguyện của mình, làm cho làng nghề bột Sa Đéc phát triển, ông không chỉ chuyển giao cho anh Bùi Hữu Lộc toàn bộ máy móc, công nghệ mà cả một lực lượng công nhân lành nghề. Bởi thế, anh Lộc thấy mình như “Còn mắc nợ bác Tư Khánh một lời hứa...”

Nghe kể về tâm tư của anh Lộc, ông Tư Khánh nở nụ cười: “Tôi hy vọng mình không nhìn lầm người”. Ông khen anh Lộc thông minh, nhạy bén, biết cách quản lý và có tâm. Đã có người kế nghiệp, nhưng ông Tư Khánh vẫn đau đầu một thương hiệu cho làng nghề. Ông tâm sự: “Theo tôi bột mì có thể bán khắp thế giới thì bột gạo cũng có thể được người ta sử dụng như vậy. Ta cử các chuyên gia sang các nước dạy họ làm bánh. Tôi đề nghị với tỉnh nên đầu tư cho làng nghề, có một cơ quan đại diện thương mại cho làng nghề đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh để lo chuyện kinh doanh. Còn phương thức sản xuất của làng nghề thì nên quy chuẩn hóa, Nhà nước hỗ trợ ban đầu để các hộ làng nghề đầu tư, có thị trường vững vàng. Có thể tập hợp những tay làm bánh khéo để quảng bá, dùng

để mai một nghề làm bánh bằng bột gạo. Ở Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc... họ đã làm bánh bích quy bột gạo, bánh xốp bột gạo. Tỉnh Đồng Tháp hay thị xã Sa Đéc chỉ mới nhìn bột gạo như sản phẩm xóa đói giảm nghèo, chưa thấy đây là sản phẩm thị trường. Bây giờ dù đã muộn nhưng vẫn còn kịp. Nếu không có những giải pháp tích cực, tôi e ngày nào đó làng nghề bột gạo Sa Đéc lại ngậm ngùi như nước mắm Phú Quốc”

Gia tài để lại cho con

Cuộc đời không ít gian truân, ông Trần Khiêm Khánh đã cống hiến hết trái tim, khối óc cho bột Bích Chi, một sản phẩm của tình yêu thương. Người vợ hiền hơn 50 năm đồng cam cộng khổ, sáu người con gái đã thành đạt, gia đình đê huê và một đàn cháu ngoại ngoan ngoãn. Ông chẳng có gì quý giá để lại cho con ngoài tấm gương sống có tâm và thanh sạch.

Bà Đinh Ngọc Diệp luôn dùng những từ ngọt ngào nhất để nói về chồng, ông Tư Khánh: “Anh ấy...” hay “Anh...”. Bà nói: “Ảnh cứng vợ con lắm. Bản thân ảnh sống rất đơn giản, khi cực khổ thì nhịn cho vợ con ăn, khi sung túc cũng không bao giờ nghe ảnh đòi hỏi sắm sửa gì. Ảnh say mê với nhà máy, nên nói tôi sắm ít nữ trang để có đeo đi tiệc thôi, còn tiền có bao nhiêu đều gom để làm vốn. Khi giao nhà máy cho Nhà nước, tiền lương hai vợ chồng không đủ, tôi phải bán nữ trang nuôi con ăn học. Nhà máy xây trên đất nhà nhưng hiến cho Nhà nước rồi. Khi sản xuất phát triển, nhà máy trở nên chật chội, mới dời ra khu đất rộng năm mẫu của gia đình, nền nhà máy cũ vẫn thuộc sở hữu nhà nước. Nghe người ta kêu bán khu nhà máy cũ mà mình đã hiến, ảnh xin mua nhưng cũng phải nhờ vài người can thiệp mới mua được và trả góp trong nhiều năm. Ảnh nói cố gắng mua lại để giữ kỷ niệm của cha mình. Tôi hiểu chồng nên không trách gì ảnh, “có đức không sức mà ăn”, tôi thấy mình không có của cải dư dả, nhưng con cái đều thành đạt. Với tôi, quý nhất là tình cảm gia đình, chồng thương mình là hạng nhất rồi còn gì. Tôi đi là nhớ ảnh, trông cho mau về. Ảnh cũng vậy. Tôi lên Sài Gòn thăm con, đi vài bữa là ảnh nhớ, nói khéo “nhà vắng vẻ quá, em định chừng nào về?”, nghe thương lắm!”

Ông bà cưới nhau năm 1956, sống ở Sài Gòn đến 1964, vợ chồng đưa con gái đầu lòng về Sa Đéc trông nom nhà thờ (cha ông Tư Khánh

qua đời trong thời gian ông bị địch bắt giam), rồi sau mới mở nhà máy sản xuất bột. Bà Diệp đã gắn cuộc đời mình với quê chồng gần nửa thế kỷ. Bà là thợ may, nhưng nấu ăn rất khéo. Khi ông sản xuất bột, bà là người thử nghiệm các loại bột bằng cách chế biến món ăn. Chị Bích Chi nhớ: “Ba thường mời cơm khách tại nhà chứ không ra quán và khách luôn nhắc đến các món mẹ nấu. Đặc biệt, xúp bột gạo lứt Bích Chi là món không thiếu trong các bữa đãi khách. Ba luôn tự hào về sự khéo tay của mẹ”.

Bà Diệp mong chồng sống thanh thản, vui thú điền viên, nhưng bà không thể ngăn ông thôi suy nghĩ về nhãn hiệu bột Bích Chi và làng nghề bột gạo Sa Đéc.

Ông Khánh và bà Diệp có sáu người con gái, mỗi người đều đang lặng lẽ thu thập, ghi chép những thông tin, hình ảnh liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của ba mẹ mình. Trong mắt các con, ông Tư Khánh là một tấm gương ham học hỏi, tiết kiệm, biết đối nhân xử thế và sống thanh bạch. TS.BS Trần Thị Minh Hạnh (con gái thứ ba của ông) cho rằng ba chị đã đi đúng xu hướng mà sau này nhiều người mới quan tâm đến là dùng nông sản đưa vào chế biến thực phẩm, rồi ngày càng cải tiến, nâng chất lượng dinh dưỡng và tiến đến sản xuất thực phẩm chức năng. Nếu ông vẫn tiếp tục quản lý Nhà máy bột Bích Chi thêm vài năm nữa thì có lẽ ông sẽ hoàn thiện mô hình nông nghiệp - thực phẩm - dinh dưỡng (vì vào thời gian đó, Nhà máy bột Bích Chi được chọn tham gia chương trình PAM 2651 để sản xuất bột ăn dặm cho trẻ - là dự án viện trợ quốc tế lớn đầu tiên của PAM viện trợ cho nước ta trong thời kỳ đất nước bị cấm vận, nhằm phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em Việt Nam).

Trong những đồng ghi chép chưa trọn vẹn về ông Tư Khánh, chị Minh Hạnh ghi: “Ba không học đại học, toàn đọc sách mà làm nên, trong khi mấy chị em được cho học tới nơi tới chốn nhưng ứng dụng tri thức không bằng. Chính vì đam mê nghiên cứu nên ba quý người trí thức, trọng người tài. Ba không màng chức vụ, mà quá nặng trách nhiệm chung. Tôi nhớ có lần ba họp các con lại rồi nói ba làm giám đốc, nếu ba ký một hợp đồng sai nguyên tắc thì ba có tiền nhưng các con có đồng ý để cho ba sống trong sạch và chịu khổ cùng với ba không? Chúng tôi kể chuyện này ra có thể mọi người không tin, bảo ba tôi sống không thực tế. Chị em tôi không nghĩ ba như vậy là không hợp thời, mà rất tự hào.

Chúng tôi là con giám đốc nhưng không sung sướng gì hơn người khác. Thời đi học đại học, chúng tôi được ở nhờ chỗ cửa hàng phân phối của nhà máy ở Sài Gòn là tốt lắm rồi. Ba đăng ký cơm cho cả nhà ăn ở bếp tập thể của nhà máy. Thời thiếu gạo, ăn độn, chị em tôi cũng ăn bo bo như mọi người. Mẹ hiểu ba nhưng mẹ cũng sốt ruột lo cho con cái. Có những khi mẹ khó xử vì trong nhà thiếu thốn, không có tiền cũng làm cho ba khổ tâm. Ngày trước vào chủ nhật, chúng tôi thấy ba ít khi ra ngoài mà ở trong phòng tịnh tâm, để thiền, và để suy nghĩ những việc làm được và chưa được, và vạch ra hướng giải quyết. Ba luôn nghĩ đến mọi người hơn bản thân mình, nhưng sự biểu hiện bên ngoài của ba khiến người khác dễ hiểu lầm và khó gần. Công nhân rất sợ ba bởi ông không cho phép ai nói chuyện trong giờ làm việc. Thấy mọi người tụm năm tụm ba, ba rầy ngay".

Có một chuyện nho nhỏ mà các con ông Tư Khánh hay kể là chuyện tài xế đi công tác với ông. Trên đường đi, ông bảo tài xế xuống ăn uống cho no và tỉnh táo, còn ông ngồi chờ trên xe, lấy lương khô và nước lạnh ra dùng. Tài xế sợ không dám dừng ăn uống, nhưng ông bảo cứ làm theo vì có tỉnh táo mới lái xe được. Mặc dù có tiêu chuẩn công tác phí, nhưng đi công tác, ông luôn tranh thủ về trong ngày, hạn chế ăn uống ngoài đường vì lý do "mọi người còn khổ, mình không được phép phung phí".

Trong ký ức của chị Tâm Nhân: "Ba nhiều ý tưởng nhưng các con không nắm bắt được. Ba luôn hy vọng con nối nghiệp, nhưng không ép con theo nghề mình. Ba tôn trọng quyết định chọn lựa nghề nghiệp riêng của mỗi đứa con. Tôi cảm nhận nỗi khổ tâm của ba vì chị em không gánh vác được công việc tâm huyết chưa hoàn thành của ba. Đến giờ ba vẫn còn mê nghề bột. Đi đâu ba cũng ăn thử bột gạo của các nơi, ba nói họ chỉ hơn mình nhân hiệu đẹp, chứ chất lượng không bằng. Còn tôi, đi đâu thấy gì liên quan đến bột thì cũng hay mang về cho ba xem".

C.N

Những ngày đầu gian khổ

HỒ VŨ

Thế mà đã thấm thoát 30 năm, quãng thời gian dài với biết bao thăng trầm biến đổi. Vậy mà những kỷ niệm của ngày đầu đi xây dựng Tam Nông còn in đậm trong tâm trí tôi.

Tôi được may mắn có mặt trong tốp đầu đi xây dựng huyện, sau khi có quyết định chia tách, mở ra một bước ngoặt trong cuộc đời tôi. Là lực lượng vũ trang, chúng tôi được phân công đi trước để chuẩn bị địa bàn. Hành trang rất gọn nhẹ, có lệnh là chúng tôi hành quân ngay.

Chúng tôi được biên chế về Huyện đội Tam Nông, được lệnh đóng ở địa bàn mới thuộc xã Tân Công Sinh, huyện Tam Nông. Trên chiếc phà máy suốt mượn của dân chở hơn 30 anh em chúng tôi, có 3 cán bộ, nhiều hạ sĩ quan, chiến sĩ, còn lại là quân số từ Trung đoàn 891 bổ sung.

Chúng tôi bắt đầu hành quân khoảng 10 giờ ngày 30/6/1983, do đồng chí Nguyễn Việt Châu, Huyện đội phó chỉ huy. Kinh Đường Gạo bị cạn nên tốc độ hành quân rất chậm, phà bị vô nước nên anh em thay nhau tát nước. Phà chạy một đoạn khoảng 20 - 30 mét phải chậm lại cho nước dồn lên rồi mới chạy tiếp. Do tốc độ chậm nên gần 3 giờ chiều chúng tôi mới tới điểm tập kết. Nơi chúng tôi đóng quân là dinh quận Đồng Tiến của chế độ cũ. Đây cũng là một trong những cơ sở kháng trang nhất của chính quyền trước để lại. Tuy nhiên do thời gian và sự tàn phá của con người nên nơi đây trở thành hoang tàn trống trải. Các dãy nhà đều không còn cửa sổ, trống rỗng, mặc cho gió lùa thoải mái.

Vừa đặt chân đến nơi, điều đầu tiên chúng tôi làm ngay là dọn dẹp vệ sinh vì lâu ngày không có người ở nên trâu, bò tự do vào đây phóng uế. Để chuẩn bị cho cơm chiều, ngoài gạo mang theo và một số thực phẩm khô, chúng tôi phân công anh em đi kiếm xung quanh có gì chụm

được đem về để nấu cơm. Phần củ ướt phần không có bếp phải kê tạm mấy viên gạch để nấu nên lửa tắt lên tắt xuống, nồi cơm thuộc dạng “ba sồn, ba sứt” nhưng vì đói nên anh em ăn rất ngon. Có thể nói đây là bữa cơm nhớ đời, bữa cơm đầu tiên chúng tôi đi xây dựng quê mới Tam Nông.

Việc ăn ở hết sức khó khăn, do nhà không có cửa nên khi trời mưa anh em phải chạy luống để tránh mưa. Mưa hướng Đông thì chạy sang hướng Tây, mưa hướng Bắc phải chạy sang hướng Nam để tránh. Không có củi để nấu ăn, nếu đem tiền ăn để mua củi thì không còn tiền mua thức ăn, nên Ban Chỉ huy Huyện đội gặp chú Út Mến là người giữ tràm cho Lâm nghiệp để xin tràm chết đem về chụm. Chú Út nói: “Cho thì tao không dám cho vì tràm của Nhà nước, tụi bây có làm thì làm cho kín, kéo tao...”. Chúng tôi đưa cho anh em mỗi người một sợi dây và một cái rựa, trời gần tối là xuất quân xuống đám tràm khoảng hai kí lô mét, đón mỗi người một ôm đem về chụm. Sau đó dần dần dần về ở đông, có nhà máy xay lúa, chúng tôi cho xây lò nấu ăn, đỡ vất vả hơn. Chú Út Mến và cô bác nơi đây rất nhiệt tình giúp đỡ, nhờ vậy chúng tôi cũng bớt đi phần nào khó khăn.

Về nguồn nước thì khỏi phải nói. Nơi đây là rốn phèn nên quanh năm không có nước ngọt. Để giải quyết khó khăn về nước, chúng tôi dùng tảng trên mái nhà nóc bằng của trụ sở để trữ nước mưa. Biết làm như vậy thì nhà mau hư hỏng, nhưng không còn cách nào hơn. Khi hết nước mưa thì cho anh em bơi xuống ra ngoài cầu Tổng đài cách đơn vị trên khoảng 3km, nhận xuống vô dẫy nước ngọt chở về để nấu ăn. Còn tắm giặt thì chờ khi nước lớn, nước từ kinh An Long vào ít phèn, có khi nửa đêm mới tắm giặt được.

Đời sống của nhân dân các xã vùng sâu của Tam Nông cũng vô cùng khó khăn. Đa số sống bằng nghề nông và câu lưới. Nhà thì tạm bợ, chủ yếu nhà tre lá, trẻ em không được đến trường. Cuộc sống của người dân quanh năm cơ cực, “bán lưng cho đất, bán mặt cho trời”, nhưng làm không đủ ăn, thiếu trước hụt sau.

Hoàn cảnh sinh hoạt của anh em Huyện đội chúng tôi cũng hết sức gian nan, vất vả nhưng anh em động viên nhau cố gắng khắc phục để hoàn thành nhiệm vụ. Mỗi người có một tâm trạng riêng, người có vợ con thì lo lắng cho gia đình, anh em còn trẻ thì nhớ nhà, nhớ người yêu.

Khi đêm về nhìn về hướng Thanh Bình, Cao Lãnh ánh điện sáng lung linh, bên kia sông là nghĩa địa lâu lâu xẹt lên những đốm lân tinh mà anh em thấy chạnh lòng.

Chúng tôi bắt tay vào xây dựng cơ quan, khắc phục khó khăn trong ăn ở, được bà con nhân dân thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ tận tình. Chúng tôi tranh thủ xuống cơ sở nắm tình hình, củng cố phát triển lực lượng dân quân tự vệ, tổ chức huấn luyện. Các xã nằm trong vùng sâu của huyện như Phú Thành, Tân Công Sinh, Phú Đức, Phú Hiệp, Phú Cường lúc đó còn yếu nhiều mặt.

Đến tháng 8/2003, các cơ ngành huyện tập trung vào hoạt động, Ủy ban nhân dân huyện cho Phòng Xây dựng sửa chữa lại doanh trại. Từ đó chúng tôi tránh được mưa nắng. Sau đó, nhờ tranh thủ xin kinh phí của Ty Tài chính đóng thêm bàn ghế để sinh hoạt và công tác. Cuộc sống anh em dần ổn định.

Tình hình trên chiến trường Campuchia lúc này còn diễn biến phức tạp. Hàng ngày đều có tử sĩ từ biên giới được chở về an táng tại các nghĩa trang ở nội địa. Điều đó tác động lớn đến tâm lý gia đình và thanh niên chuẩn bị thi hành nghĩa vụ quân sự, nên những năm này công tác tuyển quân vô cùng khó khăn. Mỗi khi đến đợt tuyển quân anh em phải thức trắng để canh gác, thế mà sơ sẩy một chút thôi là thanh niên tìm cách trốn trại.

Khi chia huyện, chúng tôi được sở hữu khoảng 200 công đất lúa mùa ở Gáo Đồi, Tân Công Sinh, mỗi vụ được mùa thì thu được trên dưới 2.000 gạ, có năm cũng mất trắng. Gom góp tiền tích lũy, chúng tôi mua thêm 2 chiếc máy cày, vừa cày đất nhà, vừa cày mướn thêm. Từ đó cuộc sống đơn vị ngày một ổn định, anh em yên tâm công tác.

Bước đầu gặp nhiều khó khăn, nhưng Huyện đội Tam Nông nhờ sự giúp đỡ tận tình của cấp ủy, chính quyền địa phương, cùng các ban, ngành, đoàn thể, đặc biệt là sự giúp đỡ của bà con cô bác nên chúng tôi đã vượt qua khó khăn và ngày càng trưởng thành, phát triển. Tình cảm đó riêng tôi không bao giờ quên được. Tôi nhớ các chú Út Mến, Út Na, Ba Thi có món gì ngon cũng cho chúng tôi. Chúng tôi có gì khó khăn là nhờ các chú giúp. Các chú rất sẵn lòng. Tôi nhớ chú Út Mến khi nhậu thường hay ca: “Trăm ơi, trăm nhớ ta chăng, ta là Út Mến quanh năm giữ

trầm”. Chú Ba Thi trước làm chủ tịch xã Tân Công Sinh, sau do lớn tuổi chú nghỉ việc, có tật nhậu vào nói chuyện nhiều, còn chú Út Na thì ít nói. Nay các chú đã không còn nữa. Tôi không có dịp để cảm ơn các chú nhưng những lời này thay nén nhang lòng xin cảm ơn các chú.

Thế mà đã 30 năm rồi, có nhiều đồng chí lãnh đạo ngày đầu vào Tam Nông giờ đã mãi mãi ra đi như anh Ba Khoáng, chú Ba Minh Chí, chú Tư Kia. Tam Nông bây giờ đã phát triển vượt bậc, đời sống của người dân được nâng lên rất cao, đi đến đâu cũng thấy nhà cao cửa rộng, đường phố khang trang sạch đẹp, nhiều mô hình mới vươn lên xóa đói giảm nghèo, nhiều tỷ phú miệt vườn, nhiều nông dân sản xuất giỏi. Cuộc sống của người dân Tam Nông ấm no, hạnh phúc.

Tôi kể lại những ngày đầu gian khổ để thấy Tam Nông được như hôm nay là có sự chung sức chung lòng của toàn Đảng, toàn dân, sự lãnh đạo sáng suốt của các vị lãnh đạo tiền bối có những quyết sách đúng đắn, nhất là chủ trương “Tiến công Đồng Tháp Mười”, biến đất phèn chua hoang hóa ngàn năm thành những ruộng lúa bạt ngàn. Tam Nông là một trong những huyện đứng đầu về nông nghiệp của tỉnh.

Tuy không còn ở Tam Nông, nhưng tôi xem đây là quê hương thứ hai của mình. Nơi đây có biết bao kỷ niệm vui buồn, nơi đánh dấu sự trưởng thành của cuộc đời tôi.

Nhân kỷ niệm 30 năm ngày chia tách huyện Tam Nông, đánh dấu bước trưởng thành, phát triển, đi lên của huyện, tôi tin tưởng rằng trong thời gian tới dưới sự lãnh đạo của huyện Đảng bộ và sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân, huyện Tam Nông sẽ luôn vững bước trên con đường phát triển, ra sức xây dựng Tam Nông ngày càng giàu đẹp hơn.

H.V

Lấp Vò - hiện tại và tương lai...

TAO ĐÀN

Sau sự kiện khởi công xây dựng cầu Cao Lãnh (19/10/2013) và trước đó là khởi công xây dựng cầu Vàm Cống (10/9/2013), tôi thường nghĩ đến mảnh đất Lấp Vò với câu hỏi có phần *các cơ*: Sao có thể có sự kiện *đặc biệt* như vậy, khi hai *cánh bay vũ trụ* - hai chiếc cầu tầm cỡ khu vực Đông Nam Á được nối vào địa danh này như một sự *thần kì có thật*? Và tôi tự tìm câu trả lời với đôi dòng tản mạn...

Có thể nói, chưa một địa phương nào trên đất Việt Nam này, từ xưa đến nay (có khi cả thế giới?) lại được dịp may mắn hiếm có: gần như cùng một lúc khởi công xây dựng hai chiếc cầu *tầm cỡ thế kỉ* như huyện Lấp Vò, Đồng Tháp: cầu Vàm Cống và cầu Cao Lãnh. Đây là những chiếc cầu bắc qua hai nhánh sông lớn nhất Cửu Long Giang, sau cầu Mỹ Thuận (sông Tiền) và cầu Cần Thơ (sông Hậu). Niềm vinh dự, sự vui sướng và nỗi tự hào dường như vỡ òa trên đất và trong mỗi con người. Là người dân Lấp Vò, chắc chắn không ai không lâng lâng một cảm xúc khó tả về sự kiện có thể coi là *độc nhất vô nhị* này...

Đương nhiên, hai chiếc cầu này là công trình kinh tế - văn hóa tầm quốc gia, vùng. Nó nối liền một cách thuận lợi nhất các quốc lộ 80, quốc lộ 54, liên tỉnh lộ 848 và nhiều tuyến giao thông huyết mạch khác. Cùng với cầu Mỹ Thuận, cầu Cần Thơ, hai chiếc cầu này sẽ giúp cả đồng bằng sông Cửu Long có cơ hội tốt hơn để phát triển cùng đất nước. Hai chiếc cầu này vươn lên trong một thời điểm chín muồi, có lẽ không thể chần chừ hay chậm trễ thêm nữa. Cả vùng đồng bằng sông Cửu Long với tiềm năng to lớn của mình lâu nay chỉ biết *ken chặt* trong các chuyến phà rì rì

qua sông hay may mắn hơn, gần đây *nối sát đuôi nhau* qua hai chiếc cầu Mỹ Thuận và Cần Thơ, thực sự là một sự trệ trệ ngoài mong muốn. Cầu Vàm Cống và cầu Cao Lãnh cùng khởi công xây dựng như là tất yếu lịch sử - khách quan. Cả nước, cả đồng bằng sông Cửu Long, cả tỉnh Đồng Tháp khắp khởi...

Tuy nhiên, không thể không nhận ra một điều, trực tiếp chịu tác động tích cực nhất không nơi nào khác ngoài huyện Lấp Vò - cái miền đất *dành* hai bờ sông thân yêu của mình cho hai chiếc cầu hoành tráng nối nhịp.

Tác động trực tiếp tích cực đầu tiên chính là về phương diện tinh thần cộng đồng, trong thăm sâu động lực phát triển nhờ khả năng *kích cầu*, khởi động của sự kiện trọng đại bằng tầm ảnh hưởng lớn lao, toàn diện của nó đến *tâm thế và khí quyển xã hội*. Không thể không nhận ra niềm hân hoan ánh lên trong mắt người dân Lấp Vò trong những ngày khởi công xây dựng hai chiếc cầu. Một khi con người có một niềm vui và niềm tin nào đó trong cuộc sống, chắc chắn người ta sẽ có thể chung tay làm nên những điều kì diệu. Vai trò của nhân dân với niềm tin vào Đảng, vào bác Hồ qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ thắng lợi là quá rõ. Theo tôi, đó chính là *liệu pháp tinh thần* quan trọng mà Lấp Vò có được để vươn lên một cách mạnh mẽ từ đây, hơn bất cứ một địa phương nào trong tỉnh, trong vùng hay cả nước.

Thứ hai là sự tác động tích cực đến kinh tế của huyện nhà, ngay khi hai chiếc cầu khởi công và nhất là khi khánh thành đưa vào sử dụng. Một miền đất được gắn với hai chiếc cầu hiện đại như thế, không thể không trở thành một địa chỉ cực kì thuận tiện cho việc tổ chức sản xuất, luân chuyển hàng hóa và vì thế, các nhà đầu tư, các doanh nghiệp ắt sẽ chọn nơi đây làm *bến đỗ* lí tưởng cho hoạt động kinh doanh của mình. Một khi hai chiếc cầu Vàm Cống và Cao Lãnh nối nhịp qua sông Hậu, sông Tiền, các cụm công nghiệp Vàm Cống, Cần Quạ (xã Định Yên) và tuyến công nghiệp Bắc sông Xáng (xã Bình Thạnh Trung)... của huyện Lấp Vò chắc chắn sẽ *lấp đầy mặt bằng* và nhộn nhịp hoạt động bởi nhiều nhà sản xuất trong, ngoài tỉnh và nước ngoài. Một khi hai chiếc cầu Vàm Cống và Cao Lãnh khánh thành, *thương hiệu chiếu Định Yên* vốn đã rất nổi tiếng của Lấp Vò chắc chắn sẽ được quảng bá rộng rãi hơn, cũng như các hoạt động thương mại - dịch vụ của huyện nhà sẽ có cơ hội tốt nhất để phát

triển, tương xứng với tiềm năng dồi dào của một miền quê với nhiều sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp có giá trị. Và điều đáng nói hơn cả là chính hai chiếc cầu tầm cỡ này *núu chặt tay nhau* qua mảnh đất Lấp Vò sẽ là một *cú hích* cực mạnh và ngoạn mục, khiến nền nông nghiệp địa phương phát triển đa dạng, toàn diện và bền vững hơn. Trước sau, Lấp Vò nói riêng và Đồng Tháp nói chung vẫn mãi là *vựa lúa*, góp phần chủ yếu và quan trọng cung cấp và giữ vững an ninh nguồn lương thực cho cả nước. Vì thế, nông nghiệp vẫn là động lực chủ yếu để huyện nhà phát triển kinh tế - xã hội trong hiện tại và tương lai. Với hai chiếc cầu này, cũng như toàn bộ hệ thống giao thông của huyện nhà phát triển sẽ là điều kiện vô cùng thuận lợi cho nông nghiệp Lấp Vò vươn mình khởi sắc trong xu thế công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Thứ ba là sự tác động tích cực đến mọi lĩnh vực, phương diện xã hội - cộng đồng, nhất là các mặt văn hóa, giáo dục, y tế... Quả là hoành tráng xét trên phương diện cảnh quan khi ta đứng bất cứ địa điểm nào của huyện Lấp Vò cũng có thể nhìn ngắm được vóc dáng lồng lộng của hai chiếc cầu dây văng hiện đại: Vàm Cống và Cao Lãnh. Đó là hình ảnh *tân tiến* của sự phát triển, thể hiện sinh động tinh thần kết hợp hiện đại và truyền thống trong động lực và nhịp bước đi lên của huyện nhà. Hai chiếc cầu khánh thành và hệ thống giao thông phát triển sẽ góp phần không nhỏ kích hoạt các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa... của Lấp Vò vươn lên một giá trị mới, tương xứng với tiềm năng, nguồn lực con người và thế mạnh hạ tầng cơ sở đang có.

Một điều nữa, giản dị thôi nhưng không thể không thấy, đó là sự tác động tích cực đến cuộc sống thường nhật của mỗi người dân trên mảnh đất Lấp Vò (và cả người dân những vùng miền lân cận). Từ đây, sự đi lại của bà con sẽ giảm nhọc nhằn, bớt truân chuyên hơn. Việc giao lưu làm ăn, trao đổi hay thăm thú giữa người dân của nhiều miền đất sẽ diễn ra nhanh hơn, tiết kiệm hơn và an toàn hơn khi qua sông không còn phải lụy... phà, chỉ vài phút là có thể sang đất An Giang hoặc sang tỉnh lỵ Đồng Tháp.

Điểm qua như trên để thấy một niềm vui hiện hữu, mãnh liệt đang dâng lên trong lòng mỗi người dân Lấp Vò nói riêng, tỉnh Đồng Tháp, vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Đó là một niềm vui lớn, xét ở

phương diện *vật thể*, từ đây, đang hiển hiện từng ngày trong sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Lấp Vò.

Về phương diện *phi vật thể*, cũng đã có một niềm vui lớn khác đến với Lấp Vò, cùng lúc với việc khởi công xây dựng hai chiếc cầu nói trên: ngày 10/9/2013, nghề dệt chiếu thủ công truyền thống ở Định Yên rất phần khởi và tự hào được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận là *Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*. Nếu tôi nhớ không nhầm hoặc có phần thiên vị, thì xét riêng nghề dệt chiếu, cả nước Việt Nam mới chỉ có làng nghề Định Yên được tôn phong (qua 4 đợt công bố năm 2013). Quả là một vinh dự và hãnh diện không nhỏ, khi biết rằng, trên dải đất hình chữ S thân yêu, gần như đâu đâu cũng có nghề dệt chiếu và cũng không ít làng nghề dệt chiếu truyền thống đã rất nổi tiếng từ lâu! Niềm tự hào này của người dân huyện Lấp Vò là hoàn toàn chính đáng và chắc chắn đây cũng là một trong những khởi nguồn mãnh liệt, tạo nên một không khí xã hội phấn chấn, tự tin để chung sức xây dựng quê hương phát triển nhanh, mạnh, bền vững trong hiện tại và tương lai.

Như vậy, có thể coi như đây là một trong những *xác nhận cao quý* và có giá trị tinh thần sâu sắc về mặt thương hiệu, bên cạnh thương hiệu sản phẩm mà lâu nay làng nghề dệt chiếu Định Yên đã tạo ra bằng những sản phẩm có tiếng của mình như: *chiếu bông vuông hình con cò, chiếu bông động phòng hoa chúc, chiếu vảy ốc, chiếu Trà Niên, chiếu hoa văn, chiếu trắng...* cũng như phương thức hợp chợ - *chợ Ma* có một không hai của mình. Và chẳng, sự công nhận này sẽ là một trong những động lực quan trọng giúp việc hoạch định, mở mang và định hướng phát triển làng nghề dệt chiếu Định Yên từ nay càng thêm bài bản, căn cơ và mạnh mẽ? Tôi muốn nhấn mạnh ở khía cạnh, khi được coi là một di sản văn hóa, cụ thể là *di sản văn hóa phi vật thể tầm quốc gia* thì tài sản để lại của cha ông từ trăm năm nay là làng nghề dệt chiếu Định Yên không còn thuần túy là một vùng đất sản xuất, kinh doanh, tạo ra sản phẩm cùng thu nhập giúp thoát nghèo, làm giàu cho người dân mà hơn thế, nó mãi mãi trở thành một điểm đến về phương diện văn hóa, du lịch và tâm linh, giúp người đời sau ngưỡng vọng về quá khứ tốt đẹp của đất nước, quê hương bằng một tấm lòng trân trọng, nâng niu.

Hay nói một cách chuẩn xác hơn, từ đây, sẽ có một kết hợp biện chứng, khăng khít giữa hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày một hiện

đại với công việc bảo tồn, gìn giữ vốn văn hóa tốt đẹp nơi làng nghề dệt chiếu Định Yên. Nó đòi hỏi một tầm nhìn xa rộng và sự đồng thuận sâu sắc của mọi người dân huyện Lấp Vò.

Vậy là cùng một thời điểm - mùa thu năm Quý Tỵ của thế kỉ XXI - trên đất Lấp Vò xuất hiện hai sự kiện trọng đại thuộc hai phương diện kinh tế - xã hội khác nhau nhưng có chung một sức cuốn hút và khơi gợi mãnh liệt. Nếu coi việc khởi công xây dựng hai chiếc cầu Vàm Cống và Cao Lãnh hoành tráng *tầm vóc thời đại* thì việc làng nghề dệt chiếu Định Yên được công nhận là *Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đậm đà sắc thái truyền thống*. Cả hai sự kiện hòa quyện trong một cảm hứng khát khao, tự hào và một tinh thần phấn chấn, tự tin, khiến mảnh đất Lấp Vò *bừng tỉnh*, vươn mình khởi sắc.

Sự hội tụ *hiện đại - truyền thống* này là một tín hiệu tốt lành. Hiện tại rậm rịch nhịp bước chuyển mình và tương lai *bừng sáng* hào quang thắng lợi. Lấp Vò mạnh bước đi lên...

T.Đ

Đất thức

NGUYỄN HUỲNH HIẾU

1. Về Tân Hồng lần này tôi chỉ có một việc là tìm gặp một người mà tôi cho là lạ và độc đáo. Lạ là vì sau khi rời cương vị công tác, lúc đó ông là một trong những người lãnh đạo cao nhất của chính quyền tỉnh Đồng Tháp (Phó chủ tịch rồi Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh). Ông không ở lại thị xã tỉnh lỵ sinh sống mà lại chọn Tân Hồng - nơi "đầu sóng ngọn gió", còn rất nhiều khó khăn thiếu thốn.

Đó là ông Lê Văn Hiếu - tên thường dùng là Ba Lê Hiếu. Cái tên thân thương đến nỗi nông dân dùng đặt tên cho mấy con kinh ở vùng Tân Hộ Cơ. Cuộc đời ông có hai dấu ấn đáng nhớ: Thứ nhất là gắn liền với việc chỉ huy lực lượng quân sự bằng những trận đánh chỉ có thắng. Thứ hai là ý tưởng sống chung với lũ gắn liền với việc đào kinh, trong đó có con kinh Tân Thành - Lò Gạch là tâm huyết của ông. Việc làm của ông đã làm thay đổi suy nghĩ và thuyết phục nhiều cộng sự lúc đó và đã được chứng minh bằng hiệu quả kinh tế - xã hội mà các con kinh này mang lại.

Tôi gặp ông tại trại ruộng cạnh bờ kinh Tân Thành - Lò Gạch, khi ông đang "điều động" con cháu chuẩn bị xuống giống vụ hè thu. Trong bộ pijama cũ, sờn vai, phong thái nhẹ nhàng, khoan thai, trông ông rất khỏe mạnh. Ngọn gió đồng mát rượi lồng qua căn trại mang theo hơi thở của đất và nước miệt đồng, tôi bỗng thêm cuộc sống an nhàn tự tại của ông ở một vùng biên giới đầu nguồn.

- Chú Ba quyết định về quê sinh sống vì ở đây là nơi chôn nhau cắt rún hay vì một lý do nào khác? - Tôi gợi ý.

Bên tách trà thơm, ông kể nhiều câu chuyện. Trong câu chuyện của ông có kinh nghiệm của một nhà nông, mưu lược của người lính, sắc

sảo của nhà chính trị, suy nghiệm của một triết gia và khát vọng công dân của một người tâm huyết với quê hương.

- Tôi sinh ra tại Tân Thành. Khi trưởng thành, lên tỉnh công tác với cương vị nào tôi cũng may mắn có điều kiện trực tiếp theo dõi từng bước đi lên của quê hương Tân Hồng. Được góp phần vào lịch sử xây dựng và phát triển của quê hương không ai không cảm thấy tự hào.

- Thời xưa, Tân Hồng...

- Khi tôi bắt đầu biết vùng đất này thì trước đó ông tôi, ba tôi... những thế hệ trước đã có mặt và sinh sống ở đây rồi. Tôi nhớ hồi nhỏ ở vùng này cá nhiều vô kể. Có thể nói cá là một trong những sản phẩm hàng hóa chính nuôi sống người dân nơi đây. Vào những ngày 5/5 âm lịch, dân không ngủ yên vì tiếng cá quậy dưới sân nhà. Ở Tân Thành vào mùa cá, người ta khai thác cả đôi ba trăm ngàn tấn. Còn nhớ, trước năm 1973, khi đó bưng Sa Rày chưa có người khai thác, ba tôi hùn vốn với ba, bốn người khai thác phía trên bưng, phía dưới có người khác khai thác, cá nhiều không thể tưởng tượng nổi. Cá dưới bưng Sa Rày nhiều đến nỗi không ai dám lội xuống, sợ cá cắn, nhất là cá bông nhào lên tấp rất ghê. Mùa khô, sau khi gặt lúa xong thì làm đĩa. Mùa nước giụt khoảng tháng ba, người ta khai thác cá đồng mang về, đào hầm ở hai bên bờ sông Tân Thành trữ, chờ nước lên mới mang đi bán, chủ yếu bán ở Sài Gòn và Mỹ Tho. Cá làm mắm, làm khô để bán hoặc đổi gạo. Hồi đó lúa một vụ lúa thu hoạch chỉ được 14 - 15 giạ một công, lúa sạ từ 17 - 18 giạ một công, cao lắm là 25 giạ. Vùng đất này người ta nuôi trâu, bò rất nhiều, như ông Sơn có cả ngàn con, thả mênh mang ngoài đồng, hay ông Năm tôi, ông Vàng có từ 200 đến 300 con... Những năm mất mùa, khô và mắm là hàng hóa để đổi gạo. Cánh đồng này ngày xưa lúa trời bạt ngàn. Mùa nước không có ruộng đi học, tôi theo ba đi đập lúa trời. Những người dân khác cũng vậy mỗi mùa đập được vài chục giạ, tạm sống cũng vài ba tháng. Mùa nước, nhà cửa bị ngập, mọi người lên gò ở tạm, chờ nước rút. Thời đó nhà cửa thưa thớt, sống rải rác theo từng chòm, từng chòm xa xa. Đất đai hoang hóa, cỏ ống, cỏ mốc, cỏ mồm, cỏ chác... rất dày. Đặc trưng vùng này có nhiều cây me nước và ô môi. Chúng chịu được mùa nước lũ, qua mùa nước giụt "hình hài" từ thân đến lá bị đóng rong rêu, chúng bắt đầu đâm cành, mọc lá mới. Ở đây còn có cây me chua, nhà nào cũng có trồng. Me chua dùng để nấu canh chua với cá. Thời tôi đi học, ở vùng

này chỉ có một ngôi trường do Pháp cất dành cho con em của những người làm việc cho họ. Để con em mình khỏi dốt, có mấy ông già đảng viên cộng sản mở lớp dạy học (gọi là học lậu vì Pháp không cho mở trường). Tôi học với thầy Quý, thầy Dân, thầy Trung... Thầy Dân trình độ tới Dip-lôm. Mỗi ngày học 8 tiếng. Người của chính quyền Pháp vô, thầy trò bỏ lớp trốn, vô miếu học hoặc cắp sách vở ra đồng trốn, nếu không chúng phạt, không có tiền đóng. Tôi học đến khi thầy Dân nói hết lớp 3, chỉ bấy nhiêu chữ không có bằng, giấy chứng nhận gì. Thời đó muốn đi học hết sức vất vả, khó khăn.

Những năm 1945, cả vùng này là địa bàn và căn cứ an toàn của ta. Ở nơi đây thật sự có một cuộc đổi đời, người dân được cấp đất, cấp trâu, bò, chính quyền mở lớp bình dân học vụ, mở rộng vùng lúa nổi lấn dần lúa trời, tình làng nghĩa xóm đùm bọc lẫn nhau, mọi người hăng say kháng chiến. Một thời kỳ hết sức tốt đẹp, khó có thời kỳ nào tốt đẹp hơn.

Thời chống Pháp, vùng này có một lần chúng cần bằng xe tăng, nhiều lần cần bằng tàu kết hợp với xuống bộ binh đánh vào Sa Rày vì nơi đây năm 1952 có một bộ phận của Xứ ủy, Tỉnh ủy, Tỉnh đội và Trường quân chính đứng chân. Lúc đó tôi là Xã đội phó Tân Thành phụ trách tác chiến. Do xuống bộ binh và tàu của chúng chạy xa gò bắn vào nên ta không làm gì được chúng. Tôi đề nghị với ông Lưu - Tỉnh đội trưởng cho du kích phối hợp dùng Ba-zô-ca bắn tàu. Được đồng ý, tôi nhận một tổ du kích đi đánh tàu tại Gò Chùa, bắn cháy hai chiếc tàu, bắn chìm một chiếc nữa trên sông Sở Hạ, Thông Bình.

Thời đánh Mỹ, chiến tranh ở vùng đất này rất ác liệt. Giặc tăng cường đóng đồn bốt, lập khu trù mật, áp chiến lược để đánh phá căn cứ của ta. Tân Hồng trở thành cái nôi trong kháng chiến chống Mỹ. Sau năm 1954, Tân Hồng không gián đoạn hoạt động vũ trang, mặc dù lực lượng vũ trang chưa chính thức được thành lập vì vướng vào các điều khoản trong Hiệp định Giơ-ne-vơ. Lúc này tôi được cử vào Ban Hòa Hảo vận, tổ chức 200 anh em vào lực lượng giáo phái bao vây đồn Bình Phú 7 ngày đêm, sau đó rút về Thông Bua, bắn chìm một tàu chiến của Diệm. Năm Lửa đầu hàng, tôi có nhiệm vụ phải lo cho mấy trăm người của mình ở lại. Tôi phân tán anh em ra thành từng nhóm về Ba Gò, Tân Thành sống với dân, làm cho dân để dân nuôi. Đến bây giờ tôi vẫn còn nợ dân ở đây cả ngàn giạ lúa. Năm 1957, ta thành lập Tiểu đoàn 5 danh

nghĩa giáo phái Hòa Hảo do ông đạo Đờn, chính gốc Hòa Hảo làm Tiểu đoàn trưởng, ông Sáu Chung làm Chính trị viên. Do bản chất hung hăng, đàn áp nhân dân nên mình chủ trương đánh chúng tại Gò Cây Voi, chúng ra đầu hàng Diệm và quay trở lại đóng đồn Bình Phú, Thông Bình. Mình rút về Gò Suông bám trụ, giữ lực lượng thành lập Tiểu đoàn Bình Xuyên. Khi đó ở Tân Hộ Cơ, Tân Thành đều lập chính quyền Giải phóng Bình Xuyên. Tôi được phân công làm Tổng thư ký chính quyền Giải phóng Bình Xuyên.

Năm 1958, Diệm cho di dời 200 - 300 hộ dân Khmer Trà Vinh lên kinh Gò Ổi. Chúng nói thành lập trang trại làm ruộng nhưng thực chất là lập khu trù mật để đánh phá căn cứ của ta. Rồi chúng lập khu dinh điền, chỉ có hai xã mà chúng đóng đến 9 đồn.

Tại Tân Hồng có những trận đánh tiêu biểu mà tôi trực tiếp tham gia như: Từ năm 1961, 1962, 1963, 1964 đến 1966, 1967 ta đánh gãy "chiến tranh đặc biệt", phá tan ấp chiến lược và "chiến tranh cục bộ" của chúng. Lúc đó, ở Hồng Ngự có 3 căn cứ quân sự thì ở Tân Hồng chúng đóng 2 căn cứ: Dinh Điền và Cà Vàng. Chúng đóng thêm ở xã Tân Thành 10 đồn bót. Lúc đó Tân Thành trở thành xã, ấp chiến đấu, thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân. Từ năm 1961, 1962, 1963 xã Tân Hộ Cơ nổi tiếng về chiến tranh du kích, là ngọn cờ đầu chiến tranh du kích ba năm liền.

Tôi nhớ năm 1968, mình có hai tiểu đội "cứng" do tôi chỉ huy ra Thông Bình, "kéo" bọn biệt kích Mỹ ra đánh, sang Dinh Bà diệt một lính Mỹ, qua Ba Gò diệt một trung đội biệt kích Mỹ. Trước khi được điều về tỉnh, tôi cùng đại đội địa phương quân huyện Hồng Ngự ở Thông Bình chủ động đánh diệt một trung đội biệt kích Mỹ, sau đó đánh tan một đại đội biệt kích Mỹ nữa, rồi đánh thiệt hại nặng một đại đội biệt kích Mỹ khác.

Tại khu căn cứ quân sự Cà Vàng, chúng tôi có trận đánh kéo dài 29 ngày đêm, bao vây đồn Thông Bình, trong đó có cả một tiểu đoàn biệt kích Mỹ với súng đại liên 30, 12,7 li, trung liên... lại có máy bay ném bom, pháo binh, trực thăng yểm trợ. Mình kết hợp với vũ khí thô sơ, tạo bãi gài với hơn 500 trái các loại, đánh như chúng ra khỏi đồn, dẫn dụ vào bãi gài đồn Miên để tiêu diệt. Đến 9 ngày sau ta mới cho chúng lấy thây.

2. Đối với tôi, Tân Hồng có một sức quyến rũ kỳ lạ. Có lẽ bởi đây là vùng đất đầu nguồn biên giới, là vùng đất thuộc chủ quyền quốc gia dân tộc. Biên giới còn là nơi khó khăn, thiếu thốn, được cả nước quan tâm hướng về.

Do công tác trên lĩnh vực báo chí, tôi có dịp đến Tân Hồng nhiều lần, sau ngày giải phóng 30/4/1975. Cứ như lời hẹn, mỗi năm hai lần tôi trở lại Tân Hồng vào mùa khô và mùa nước nổi. Hai mùa có đặc trưng khác nhau của miền biên giới Tây Nam. Mùa khô thì thiếu nước, mùa nước thì trắng đồng nước lụt mênh mông. Tân Hồng là vùng không điện, không đường, không trường, không trạm. Trong khi các địa phương khác trong tỉnh bình yên xây dựng cuộc sống mới sau giải phóng thì năm 1978, người dân Tân Hồng phải cầm súng trở lại đánh bọn diệt chủng Pôn-Pốt.

Trong suy nghĩ của tôi, Tân Hồng là biểu tượng của sức mạnh và tinh thần của những con người giữ đất và tự lực đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt để tồn tại. Tôi không thể quên những chuyến rong ruổi bằng tắc ráng giữa đồng nước mênh mông, mỗi buổi chiều về, bình minh lên, những đêm trăng sáng, sự hòa trộn sắc màu và âm thanh của thiên nhiên, những ngọn gió đồng phóng khoáng vỗ về sóng nước, những bữa cơm đặc sản rau vườn, cá đồng, hình ảnh người dân trên những chiếc xuồng nhỏ nhấc trên đồng nước với nghề câu lưới khi trời yên gió lặng... Cuộc sống của con người giữa thiên nhiên vừa mạo hiểm cũng vừa thanh bình, lãng mạn và thơ mộng. Phải chăng cuộc sống ấy gợi lên hình ảnh con người sống chung với thiên nhiên để sau đó hình thành ý tưởng sống chung với lũ!

3. Vì sao chọn năm 1989 để tách huyện, theo chú Ba ý nghĩa của việc tách huyện là gì?

- Nói cho có trước có sau, năm 1977, chỉ hai năm sau hòa bình, huyện Hồng Ngự báo động đói. Khi đó tôi được phân công trách nhiệm là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời đó, nơi đây chỉ làm được lúa hai vụ ở vùng cù lao. Ban Thường vụ Tỉnh ủy bàn bạc, phân công tôi về Hồng Ngự. Khi về huyện khó khăn trăm bề, nguồn tài chính tự túc của huyện không có. Việc đầu tiên tôi làm là bán 5 - 6 chục ngàn lít xăng, lấy tiền mua dầu huy động máy cày đi mở đất. Bắt đầu từ Thường Phước xuống sông Sở Hạ, chỗ nào mở được thì mở hết. Cuộc khai hoang lớn bắt

đầu. Lúc ấy, một số người dân, một số chủ máy cày phản ứng tôi rất dữ vì tôi huy động họ và phương tiện của họ để kéo đường nước từ kinh lên đồng để làm lúa hai vụ. Rồi những con kinh này mang lại hiệu quả, người dân phấn khởi, vì vậy mà ở Dinh Bà và Cả Mũi có mấy con kinh mang tên Ba Lê Hiếu. Hai bên bờ bưng Sa Rày nước được đưa lên, chuốt đồng nhiều vô kể. Đến cuối năm 1977, ở đây đã đưa được 18 ngàn ha đất làm lúa hai vụ, nhưng vẫn chưa giải quyết hết nạn thiếu đói. Do địa bàn huyện Hồng Ngự quá lớn cộng với năng lực quản lý của chính quyền địa phương còn hạn chế, chưa sát dân, cuộc sống khó khăn, thiên nhiên khắc nghiệt, nông dân đói khổ có nguy cơ bỏ xứ ra đi. Ban Thường vụ Tỉnh ủy bàn bạc đề nghị chia tách huyện. Không có ai xung phong về nơi khó khăn thiếu thốn. Tôi tình nguyện về huyện mới Tân Hồng. Về huyện mới, tôi thường xuyên ở tại đồng để tìm hiểu, khảo sát từng vùng đất một. Tôi lên xe máy cày chạy giáp các cánh đồng, lúc đó Sáu Bồn - Phó chủ tịch huyện lo lắng, cản tôi vì sợ đạn bom còn sót lại nổ chết. Để chỉ đạo kịp thời, tôi cho điều 3 máy PRC25, bất cứ lúc nào tôi cũng nắm được thông tin các nơi báo về để kịp thời chỉ đạo. Tôi điều đội xáng của Bộ, lúc đó đồng chí Võ Văn Kiệt hỗ trợ xe bầu, xe móc hiện đại, rồi xáng thổi loại I về Tân Hồng xẻ kinh, quyết tâm “đánh vỡ” khu vực hoang hóa này. Lúc đó, hơn một trăm chiếc xáng ở cả Nam và Bắc sông có mặt tại Tân Hồng, đêm nhìn thấy cả một vùng chỗ nào cũng có ánh đèn của những chiếc xáng nhấp nháy như bầu trời đầy sao. Cả một vùng hoang hóa Tân Hồng đang bừng thức dậy.

- Vì sao chú lại tâm huyết với kinh Tân Thành - Lò Gạch đến như vậy?

- Con kinh này trước đây mang tên Sâm Sai - Gò Ổi, không có trong bản quy hoạch. Vì sống và gắn bó với mảnh đất này, tôi hiểu nếu không có nó và con đường này thì 2/3 diện tích của Tân Hồng sẽ chìm đắm trong mùa nước lũ. Cho nên tôi kiên quyết đề nghị phải mở con kinh này cho bằng được. Con kinh này được hình thành qua quá trình đấu tranh hết sức gian nan vì lúc đó chỉ một mình tôi bảo vệ ý kiến của mình. Con kinh này được tổ chức làm hai lần: Lần thứ nhất huy động lực lượng lao động chân tay làm được một đoạn, sau đó lần thứ hai kết hợp với máy ủi, làm được một đường nước nữa, đến khi có chủ trương khai thác tiềm năng Đồng Tháp Mười đến với Tân Hồng thì tỉnh và Trung ương mới

đồng ý mở, tên con kinh mới có trong quy hoạch. Có nhiều ý kiến đề nghị mở nhỏ thôi. Tôi đề nghị mở rộng hơn 30 mét mới giải quyết được vấn đề. Và ngày nay, con kinh này đã được mở rộng như hôm nay, để Tân Hồng yên tâm sống chung với lũ. Và cả một cánh đồng hoang được phục hóa thành cánh đồng bạt ngàn lúa hai vụ.

- Ý tưởng sống chung với lũ đã trở thành hiện thực sau 15 năm xây dựng và phát triển huyện vùng sâu Tân Hồng. Điều gì làm chủ Ba tâm đắc và trăn trở?

- Tâm đắc là hiện nay Tân Hồng đã thực hiện được ý tưởng sống chung với lũ. Còn trăn trở là cái nghèo và tái nghèo thật sự là bài toán đau đầu bởi thiếu việc làm cho lao động ở nông thôn. Tôi nghĩ cần phải tổ chức lại sản xuất mà hình thức phù hợp nhất là trang trại ở nông thôn. Hiện nay, ở Tân Hồng có hai loại cây và con chiến lược là cây lúa - vườn, con cá - bò. Nếu Nhà nước huy động được nhiều người có tâm huyết làm giàu, phát triển trang trại thì đây là một trong những mô hình góp phần vào việc giải quyết việc làm ở nông thôn. Bản thân tôi và gia đình đang thực hiện theo hướng đó. Năm rồi, 5 công vườn của tôi với hơn 200 gốc ổi, xoài cát Hòa Lộc, bưởi (tôi thích trồng những loại cây của Việt Nam phù hợp hơn của Thái Lan) kết hợp với ao nuôi cá. Riêng cá tôi thu 7 tấn, bán gần 70 triệu đồng. Rồi thu hoạch xoài khoảng 20 triệu và 5 tấn cá nữa. Tổng thu từ vườn và cá hơn 100 triệu đồng. Sắp tới đây, gia đình tôi sẽ nuôi thêm heo từ 20 - 30 con. Với 5 công đất nếu biết cách làm thì thu nhập gấp mấy lần cánh đồng 50 triệu hiện nay đang được Nhà nước hỗ trợ và khuyến khích. Tôi còn 4 ha ruộng, sẽ dành 1 ha nuôi cá...

4. Năm 1999, Tân Hồng kỷ niệm 10 năm ngày thành lập huyện. Đó là bước ngoặt đầu tiên Tân Hồng thành công trong việc thực hiện ý tưởng sống chung với lũ. Ý tưởng sống chung với lũ trở thành hiện thực với ấn tượng đầy xúc động: Ruộng hoang đã bị đẩy lùi để nhường cho biển lúa hai vụ bạt ngàn. Rồi đề bao thị trấn Sa Rày vững chắc uốn lượn, chở che thị trấn an toàn trong mùa nước lụt, tạo bộ mặt mới, ổn định và phát triển của một thị trấn huyện lỵ. Rồi đường bộ thông suốt từ thị trấn đến tất cả các xã, xóa sự cách ngăn. Rồi trạm y tế, trường học kiên cố, bán kiên cố mọc lên giữa đồng nước nổi. Rồi điện thoại liên lạc một cách nhanh chóng. Rồi điện về vùng sâu Tân Phước, mô hình điện khí hóa

vùng sâu mang lại niềm vui cho người dân vùng lũ... Mười năm, Tân Hồng đã xóa được bốn không.

Năm 2004, Tân Hồng kỷ niệm 15 năm ngày thành lập huyện. Lần này Tân Hồng khẳng định thêm một bước mới trên con đường phát triển của mô hình sống chung với lũ.

Những nơi tôi đi qua: Tân Công Chí, Tân Thành, Tân Hộ Cơ, Thông Bình... đều là những con đường đất, có cả đường xi-măng cao hơn mặt nước lũ, thẳng tắp những hàng cột điện trung thế giăng giăng, soi mình bên dòng kinh, nổi bật trên nền màu xanh mây trắng của bầu trời cao. Các cụm - tuyến dân cư vượt lũ đã hình thành nên xóm nên làng có sự quy hoạch, mặc dù còn bộn bề khó khăn nhưng hứa hẹn mai đây sẽ là những khu đô thị miệt đồng nhộn nhịp - hình ảnh của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Còn nữa, những công trình tầm cỡ quốc gia từ ý tưởng sống chung với lũ đã thành hiện thực sau năm 2000 ở Tân Hồng. Đó là tượng đài chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung đặt tại xã An Phước hoành tráng, sừng sững trên khuôn viên rộng lớn giữa đồng nước nổi cách xa hàng mấy km vẫn có thể nhìn thấy. Đây là nơi tham quan của du khách cả trong và ngoài tỉnh. Kế đó là khu dân cư Giồng Găng - Tân Phước, nơi đây trong những năm còn hoang sơ trước và sau khi thành lập huyện được biết đến nhiều nhất về tinh thần tự lực của người lính cụ Hồ đã biến nơi hoang hóa bậc nhất nầy thành một vùng trù phú, để bây giờ đang được quy hoạch thành thị trấn Giồng Găng trong tương lai. Theo quốc lộ 30, đến khu kinh cửa khẩu quốc tế Dinh Bà, các hạng mục công trình dần dần được hình thành. Và nơi đây, chính quyền hai tỉnh Đồng Tháp, Prây-venh đã tổ chức khai thông cửa khẩu quốc tế, bắt đầu khởi động các dịch vụ thương mại hai bên biên giới...

N.H.H

Kỷ ức một thời

PHẠM THỊ TOÁN

Tám giờ sáng!

Từng người xuống tàu. Nhiều người mang vác theo những bọc hàng hóa công kênh. Từ chợ Sa Đéc đi về thị trấn Mỹ An của huyện Tháp Mười trong ngày chỉ có một chuyến tàu này. Đường bộ đi về huyện gần như chưa có. Nếu trễ thì chỉ có nước nằm ở lại, đợi ngày sau mà về. Cả một ngày đêm thật khủng khiếp, thời gian tới 24 tiếng đồng hồ không biết đi đâu, khi mà xe máy không có, điện nhà, điện thoại, ti vi cũng không.

Rồi chiếc tàu lô chở cả trăm con người cũng bắt đầu ịch nổ máy rời bến. Lúc mới xuống tàu có ít người, chắc muốn khoe với cô vợ sắp cưới cảnh nên thơ sông nước quê mình nên chồng tôi cố ý chọn chỗ ngồi ở hàng ghế sát bên ngoài hông tàu để có thể nhìn rõ hai bên bờ sông. Tàu chạy dọc con sông Sa Đéc. Lúc ấy phía Bệnh viện Sa Đéc mới bị lở chút ít ngoài đầu doi. Thời gian chẳng bao năm, không biết có phải do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu hay không, mà sự tàn phá của thiên nhiên thật ghê gớm. Nó đã “nuốt chửng” luôn cả cái bệnh viện tỉnh rất bề thế ngày nào.

Hết sông Sa Đéc, tàu rồ ga băng qua con sông Tiền mệnh mông. Gió ào ào thổi. Cái không khí nóng nực, oi nồng ở trên bờ chỉ ít phút trước đây, đã tan biến hết khi tàu bắt đầu ra đến sông lớn. Nước và trời mệnh mông như giao nhau. Tít xa chỉ nhìn thấy một vệt xanh mờ, chạy dài. Tàu rẽ sông chéch xéo để sang bên kia sông. Từ mũi tàu, nước hai bên mạn tàu rẽ ra tung lên từng đám bọt trắng xóa rồi chạy lăn tăn tan dần ra xa. Trên trời, bầy chim én bay lượn thành đàn. Có một vài con dạn dĩ chao lượn sát mũi tàu trông thật nên thơ.

Tôi cứ đắm mình nhìn nước, nhìn trời. Cũng phải thôi! Là cô gái quê tận tỉnh Thái Bình, lại ở thị xã, rất ít sông rạch, lần đầu tiên về quê chồng, tôi thật ngỡ ngàng, thích thú xen lẫn sợ hãi bởi không biết lội. Lỡ ra..., tôi không dám nghĩ tiếp. Có điều cũng hơi an tâm bởi ông xã sống ở vùng sông nước từ nhỏ đến lớn nên lội giỏi, lỡ có gì xảy ra, chắc tôi không bị chìm ngấm dưới nước. Tuy vậy, mới bước xuống tàu, như phản xạ, tôi đã dáo dác tìm phao và mấy cái can nhựa không, để ở góc tàu. Lỡ có gì, có lẽ tôi sẽ phóng lẹ nhất tới cái đồng phao cứu sinh, ít người để ý ấy...

Qua sông Tiền, con tàu chạy chậm chậm tới Bình Thạnh. Giống như xe đồ trên đường, hề có người cần xuống, kêu là tàu ghé liền chẳng thấy qui định đâu là bến cho xuống khách. Rồi tàu tới Rạch Ruộng, theo kênh Nguyễn Văn Tiếp. Khoảng hai giờ chiều, tàu ghé chợ Thanh Mỹ. Có ba, bốn người cùng chúng tôi xuống đây. Con tàu lại tiếp tục rẽ sóng tiến về chợ Mỹ An của huyện Tháp Mười. Nghe nói khoảng bốn tới năm giờ chiều mới tới bến đàu cuối cùng và 12 giờ đêm, tàu lại trở ngược về Sa Đéc mang theo cả trăm người và đặc sản miền sông nước Tháp Mười.

Chiều nắng chang chang, trong chợ không còn bóng người, không có những tiệm bán hàng chạp phốp, tiệm thuốc Tây mua bán cả ngày đêm như bây giờ. Các loại tôm, cá, cua, ốc, chuột đồng, chim cò, rau muống, bông súng... nói chung tất cả những thứ của đồng quê được bà con đánh bắt, trồng tĩa đem ra chợ bán vào những buổi sáng. Khi nắng vừa hừng lên là chợ tan, gọi là chợ nhưng chỉ là một doi đất trống, bà con tự nhóm họp chủ yếu để trao đổi hàng hóa với nhau, hầu như không có căn nhà xây nào. Buổi chiều chỉ lác đác vài cái dù che tạm bán bánh mì, cơm, hủ tiếu và một cái sạp bán vải, quần áo may sẵn. Chúng tôi dừng chân ngồi nghỉ chuẩn bị cho đợt "hành hương" sắp tới, khoảng hai ba cây số để về kênh 1, ấp Lợi An. Mà hai cây số của người dân nơi đây tôi nghe đâu cũng kéo "dây thun" lắm nên cũng hơi ớn ớn trong đầu. Nghỉ khoảng mười phút, ông xã hối đi về gấp, sợ trời mưa thì mệt.

Chưa mưa mà tôi thấy mệt thiệt! Đường gì mà khúc khuỷu, lồi lõm, bề ngang có lẽ khoảng nửa mét, một bên đường là con rạch chạy dài, một bên là sông, sợ ý một chút là "trượt pate" xuống đó liền. Còn một cái khổ nhất mà không thể không nói đến, đó là cứ đi dăm mét là có một

cây cầu khỉ. Tại sao họ lại gọi là cầu khỉ mà không gọi là cây cầu nhĩ? Sau chuyến đi này, tôi mới tự trả lời được!

Ôi trời, tới bây giờ nhớ lại tôi vẫn còn nổi da gà, tim vẫn đập thình thịch, xây xẩm cả mặt mày. Cầu gì mà chỉ có một cây gáo hoặc cây tràm khúc khuỷu cong queo bắc qua. Có cây có tay vịn, còn đa phần là không. Đi qua cứ như làm xiếc. Để qua được một cây cầu, tôi phải ngồi ngang, tập trung cao độ để nhích dần từng centimet, hai tay ôm cứng lấy thân cầu nên mỗi khi bò qua được một cây cầu, tôi phải ngồi thở dốc dù gió xách, quà cáp đem về, thậm chí cả đôi guốc cao gót ông chồng cũng mang vác hết, chưa nói một tay anh còn phải nắm lấy bắp tay tôi, miệng thì điều khiển, phải làm thế này, phải làm thế kia. Còn một số cây có chiều dài hơn một mét thì cứ “liều mình” phóng qua là dễ thở hơn. Tôi thấy dân nơi đây giỏi thiệt, đặc biệt mấy đứa con nít. Cầu chơi loai như vậy mà đi cứ như đi trên đường, mấy đứa nhỏ còn chạy ào qua chẳng cần tay vịn. Có khi bên này bên kia cầu hai đứa giành nhau cùng đi qua mà vẫn không hề bị té. Giá mà cho làm diễn viên xiếc, có lẽ họ chẳng cần cầm cây giữ thăng bằng đâu. Lúc ấy dù sợ, tôi chợt phì cười vì liên tưởng đến câu chuyện ngụ ngôn “Hai con khỉ qua cầu” chẳng ăn nhập gì tới mình cả.

Bởi tại cái mặt tôi tái xanh tái mét, cả người run cầm cập chẳng còn hồn vía gì khi đi qua những cây cầu, khiến ai đi ngang cũng phải mắc cười, chắc họ xem tôi như người từ “hành tinh khác” rớt xuống. Tôi vùng vằng tuyên bố với ông chồng: “Thôi, đây là lần đầu cũng là lần cuối, không bao giờ về đây nữa đâu!” Ông xà tôi phì cười: “Vậy đó, chứ sau này muốn về... hoài à”. “Ai về thì về. Đã nói không về là không!” “Thôi, khuya mai đi bằng đường sông, khỏi qua cầu nữa, được không?” Tôi vội vàng gật đầu đồng ý ngay. Nghĩ tới đoạn đường trở ra, tôi bủn rủn cả người nên đi kiểu nào cũng được, miễn đừng phải bò qua những cây cầu này. Mà nghe nói lại đi lúc nửa đêm để đón tàu nữa chứ! Đi ban ngày đã muốn đứng tim, huống hồ ban đêm, chẳng biết rồi sẽ như thế nào... Cũng may là tôi không bị bệnh tim, chứ tôi mà bị cái bệnh nguy hiểm này, có khi lại đổ thừa tại đi qua mấy cây cầu khỉ này mà bệnh mất! Nhưng đã lỡ “leo lưng còp” rồi, thầy kệ, tới đâu thì tới!

Gần tới nhà, nghe nói chỉ còn ba cây cầu nữa thôi, tôi cũng khấp khểnh mừng trong bụng thì gió ào ào thổi tới, một cơn mưa chợt đổ ập xuống. Thời tiết gì mà kỳ cục, thật vô duyên! Mới nắng chang chang đó,

chẳng thấy có một bóng mây, chẳng có dấu hiệu gì trời mưa, thế mà vẫn mưa như xối nước được. Hai chúng tôi ướt nhẹp, lạnh run. Bây giờ thêm cái nạn nữa của trời mưa còn khổ trăm ngàn lần trời nắng.

Vốn đường đất sét pha thịt, khi trời nắng thì cứng ngắt, đi chân không bị đâm đau nhói, xuýt xoa hoài, nhưng kể ra cũng còn “sướng” chán. Đến lúc mưa, đất chèm nhẹp dính bết vào guốc gỗ không ra. Không lẽ đem vút quách luôn đôi guốc. Đi chân không dò từng phân còn khó, huống hồ mang thêm đôi guốc bết đất, giống như đeo thêm cùm ở chân. Tới hai cây cầu gần nhà còn khổ hơn những cây cầu trước. Nước mưa, những cây tràm làm cầu đã tróc vỏ vì mưa nắng, càng trơn trượt. Lơ đãng một chút là lọt xuống sông liền.

Trầy trật cả tiếng đồng hồ, người lấm lem sinh đất rồi chúng tôi cũng về được tới nhà. Trong nhà chỉ có một mình mẹ anh. Ba anh và một người anh là liệt sĩ, hy sinh cách nhau có vài năm. Không có hình, chỉ thấy có hai cái bằng Tổ quốc Ghi công trên bàn thờ. Nhà anh cũng như rất nhiều gia đình tôi gặp trên đường từ chợ đi vô, không hề thấy bóng một ngôi nhà tường mà rặt nhà lá, vách đung. Khung sườn nhà, đòn dông chủ yếu là cây tràm, là loại cây có nhiều ở vùng này. Tuổi thọ ngôi nhà chắc đã nhiều năm, chúng tôi phải dùng thau, nôi hứng những chỗ bị dột. Nền nhà cũng bằng đất sét nện cứng. Nước mưa đổ xuống, trong nhà như ngoài sân, rất dơ.

Nước ăn uống dựa vào hệ thống lu khắp hứng nước mưa. Đoán nhà giàu nghèo dựa vào “tiêu chí” là hàng lu khắp đựng nước mưa dài hay ngắn, lu cao hay lu thấp. Trong mùa nắng có cái khổ vì nước phèn. Nước trong vắt đến tận đáy, thoạt nhìn rất thích bởi thấy rõ những con cá, con tôm bơi lội như trong bể cá. Thế nhưng, nếu nhúng chân xuống cái thứ nước tưởng rất sạch ấy chỉ ít lần thôi là da chân đổi màu xám ngoét, mốc thối. Móng chân thì vàng chệch, ăn sâu vô tận những kẽ móng. Chưa nói tới nạn dĩa từng đàn nhung nhúc lội, sẵn sàng “viếng thăm” nếu xuống sông tắm không để ý.

Còn cái nạn đi vệ sinh mới khổ! Thật “mắc cỡ” với mấy con cá dưới ao, bởi ở đây chỉ toàn là cầu cá. Tôi chợt nhớ trước khi về quê chồng, có đứa bạn thân cắc cớ hỏi tôi: “Đố mày làm thế nào để phân biệt cá tra đực và cá tra cái?”. Tôi say sưa trả lời như sách vở: “Loại này khó phân biệt, chỉ khi nào thành thực, bắt lên bờ, vuốt thấy trứng hoặc “se”

chảy ra mới biết được". "VẬY mà cũng đòi làm kỹ sư thủy sản! Tao có "kinh nghiệm" chỉ này, cách này dễ ợt". Tôi tròn xoe mắt, hỏi dồn: "Còn cách nào hả?". "CÓ chứ! Về quê chõng đi câu cá là biết ngay". "Làm sao mà biết bởi cá ở dưới nước". Đứa bạn thảm thì: "Nếu đàn ông đi câu, cá dưới ao nhảy loạn xạ lên thì đó đích thị là cá cái; còn đàn bà đi câu, cá dưới cầu chắc chắn là cá đực!".

Ôi trời, đồ quý!

Hỏi thăm về trường học lúc đó chỉ có trường cấp I. Đường sá đi lại khó khăn nên giáo viên cũng ít muốn về đây. Để học cấp II, các em phải ra Mỹ An hoặc ở nhờ bà con họ hàng trên thị xã mới theo học được.

Đêm xuống. Ngoài trời tối đen như mực bởi ở đây chưa có điện, người dân chỉ dùng đèn dầu. Từng đàn muỗi vo ve, nhỏ xíu nhưng chúng châm vô người là muốn nhảy dựng. Má anh đã giăng sẵn mấy cái mùng. Cảnh ngồi trong mùng nói chuyện bây giờ nghe thật lạ, chứ lúc bấy giờ rất phổ biến nếu không muốn bị muỗi chích. Mà lúc ấy ai cũng nghèo, cũng khổ. Tiền không đủ ăn, đừng nói tới chuyện mua thuốc xịt hay kem thoa tránh muỗi. Nhưng muỗi nhiều quá, mấy thứ trừ muỗi là hàng xa xỉ phẩm bấy giờ cũng không thể đuổi những đàn muỗi đói ấy đi được, bởi chúng quá nhiều. Má anh và bà con xung quanh thường xua muỗi bằng việc hun gốc cây hay hun trấu mới bớt đi đáng kể mà chẳng tốn một xu nào.

Lăn qua lăn lại, rồi một đêm lạ nhà cũng qua đi. Tờ mờ sáng, má anh đã thức dậy quét dọn. Tôi cũng dậy theo. Má biết con gái thành thị, đi làm việc hay ngủ nướng. Bà nói: "Con cứ ngủ thêm đi. Má thức sớm quen rồi, có nằm thêm cũng không ngủ được". "Con cũng không ngủ được mà à"! "Ừ! Thôi xuống bếp sưởi ấm, ngồi gần lửa có khói cho bớt muỗi".

Sáng rõ đã có mấy cô bác xung quanh nghe tin có cô dâu miền Bắc về, ghé qua hỏi thăm. Đúng là tình người nơi thôn quê mộc mạc, chân tình thật. Má anh ra bờ ruộng sau nhà đem vô mấy cái lờ lộp bên trong có mấy con cá, tôm nhảy lách chách, đổ ra thau cũng cả ký lô. Sao ở đây kiếm đồ ăn dễ thế nhỉ?! Mấy dì lối xóm tới chơi tiếp làm cá. Má kêu tôi ra trước nhà vít cây điên điển hái nửa rổ bông vàng rực đem vô.

Tôi cứ tròn xoe mắt, tự hỏi sao cái thứ bông vàng cuống xanh, mùi dụ dụ thơm thơm ngai ngái ấy lại ăn được nhỉ! Má bắc nồi canh chua nấu với cơm mẻ. Má lựa ít con cá rô trông trọng bỏ vô nồi. Cá còn lại, số

chiên, số kho tiêu. Gạo nấu cơm là gạo đỏ lúa mùa nhà trồng. Càng nhai càng thấy giòn ngọt, thơm thơm, ăn hoài không muốn dừng. Sau này dù có lúc đi ăn tiệm rất nhiều món “sơn hào hải vị” nhưng tôi cảm giác chưa bao giờ được ăn một bữa cơm dân dã nhưng ngon hơn thế! Cả một nồi cơm to tướng, quay đi quay lại hết sạch.

Ăn xong, tôi cùng ông xă đi tới mấy nhà bà con chòm xóm xung quanh thăm hỏi. Đa phần là họ hàng với anh. Ai cũng vồn vã, hồ hởi đón tiếp chúng tôi. Cái không khí đầm ấm ấy làm cho tôi bỗng quên bẵng đi cái cực khổ nơi quê nghèo thiếu thốn. Buổi chiều sau khi ăn cơm xong, má kêu chúng tôi đi ngủ sớm để tối còn đi. Thao thức mãi, mới chợp mắt một lát, bà gọi dậy ra tàu. Lúc ấy độ chừng quá nửa đêm.

Trời đêm lạnh lạnh nhưng đầy sao. “Chắc mai trời nắng lắm” - Má nói vậy. Mắt nhắm mắt mở tôi bước xuống xuống. Chiếc xuồng ba lá nhỏ nhắn, chông chênh. Lại tới cái màn ngồi xuống chết trân không dám đụng cựa sợ lật xuống. Cái xuồng bé nhỏ chở tới ba người, nước hai bên be xuống mấp mé, cảm tưởng nước sắp tràn vào xuồng. Ngồi cả mấy tiếng đồng hồ muốn đứng tim. Má bơi lái, anh bơi mũi. Đêm có gió, trên sông thấy ít muỗi hơn. Nước ngược nên hai người cật lực bơi lâu lắm mới ra tới vàm. Chợ bây giờ vắng tanh, tối thui. Chỉ thấp thoáng một bóng đèn tròn mờ mờ ở nhà máy chuốt gạo.

Chúng tôi ngồi đợi tàu ra. Đêm nay nước chảy mạnh thật, sao đêm khuya quá mà tàu vẫn chưa tới. Không có đồng hồ, ngồi vạ vật, khoác cái áo budong dài tay, cao cổ của anh chờ đợi. Từng đàn muỗi lại vo ve bên tai, châm chích. Khoảng hơn hai giờ sáng có người ra bán cá, thấy chúng tôi chờ tàu vội nổi, tàu chạy từ nãy rồi.

Trời... Tôi muốn sụi luôn. Chán nản, buồn tủi, tôi òa khóc nức nở rồi nằm dài ra cái sạp bán thịt trong chợ chẳng sợ dơ bẩn, mặc gió thổi, mặc muỗi chích, mặc ông chồng an ủi: Tối mai sẽ chèo xuồng ra chợ ngủ luôn, không sợ trễ tàu. Má đã về rồi. Bây giờ mà kêu tôi quay lại con đường hồi chiều hôm qua chắc tôi “tự vận” chết luôn. Tôi lạy trời lạy phật có một phép màu, nhắm mắt lại, khi mở mắt ra là đang ở Sa Đéc rồi. Mệt mỏi, mơ màng tôi thiếp đi. Anh ngồi đuổi muỗi để tôi ngủ và trời sáng hẳn chúng tôi quá giang được xuồng của người quen gần nhà đi chợ, quay trở về nhà anh.

Rồi đêm sau, đúng như anh hứa, chập tối má bơi xuống đưa chúng tôi ra chợ ngủ nhà người bà con gần đó. Hai giờ sáng tàu ra. Thật là mừng hơn “mẹ đi chợ về”. Lúc này trên tàu ít người. Chủ tàu còn giăng sẵn vài cái võng. Chúng tôi lên hai cái võng còn trống. Mặc cho người lên xuống. Gió mát hiu hiu. Hừng sáng nghe lao xao, mở mắt thì ra đã tới chợ Sa Đéc rồi. Hai chúng tôi vội vàng theo mọi người lên bờ, kết thúc chuyến hành trình lần đầu tiên về quê chồng!

*
* *

Xã Thanh Mỹ anh hùng, nơi trước đây là cái nôi của cách mạng, quê hương thứ hai đã gắn kết với cuộc đời tôi. Hai đứa con trai của tôi - Minh Nhật, Nhật Minh ra đời có cội nguồn nơi ấy. Năm mươi năm đã trôi qua kể từ ngày giải phóng năm 1959. Trong chiến tranh, nơi đây đã chở che bao bọc các đồng chí lão thành cách mạng như bác Tám Bé, chú Tư Hữu, chú Mười Long, chú Hai Thái Hòa... của tỉnh Kiến Phong, nay là tỉnh Đồng Tháp để lãnh đạo phong trào cách mạng các địa phương trong tỉnh, góp phần vào chiến thắng ngày 30/4/1975 lịch sử.

Kẻ thù muốn xóa sổ mầm mống cộng sản ở đây. Không biết bao nhiêu tấn bom đạn, chất độc hóa học đã được rải xuống mảnh đất nhỏ bé nhưng trung dũng, kiên cường này. Thử hỏi các nhà viết sử, có nơi nào như nơi đây? Chiến tranh thật khốc liệt, gia đình nào trong xã cũng có người chết, bị thương vì đạn bom, vì bị tra tấn tù đầy bởi đi theo cách mạng. Người dân vẫn quyết ở lại vùng giải phóng, đồng cam cộng khổ với cách mạng. Dù khổ khăn gian khổ, dù hiểm nguy chất chồng rình rập từng ngày, từng giờ, thậm chí từng phút, từng giây nhưng họ vẫn không bỏ cách mạng mà đi.

Danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ, Anh hùng Lực lượng vũ trang và Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được Nhà nước trao tặng cho những con người nghèo nàn nhưng vô cùng yêu nước, trung kiên nơi mảnh đất vùng sâu Tháp Mười này. Mảnh đất mà trong mỗi tấc đất, mỗi con người ở đó đã ghi đậm những chiến công ngoan cường của quân và dân Thanh Mỹ trong mỗi trận đánh với Mỹ - nguy. Không biết đã bao nhiêu máu xương của đồng chí, đồng bào đổ xuống nơi đây để ngày hôm nay chúng ta có dịp hồi tưởng lại một thời lịch sử hào hùng đã qua của vùng đất với hai tiếng gọi thân thương: Thanh Mỹ, Tháp Mười.

Sau ngày giải phóng, thống nhất đất nước, xã Thanh Mỹ tan hoang bởi bom mìn của giặc. Cả vùng đất bao la hầu hết là cánh đồng hoang đầy lúa trời, cỏ mọc, đống nãi, sậy, tràm, sản xuất chỉ một vụ lúa mùa, năng suất bắp bênh, mùa lũ thì nước ngập mênh mông, mùa khô đất đai nứt nẻ, xì phèn không thể sản xuất được, không đủ lương thực nuôi sống dân trong xã mà phải nhờ viện trợ của Trung ương. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hầu như chưa có gì, giao thông khó khăn, đi lại bằng đường thủy, dân cư thưa thớt.

Ngày xưa khi chưa bước chân tới mảnh đất này, tôi thường nghe hai câu ca dao nói về Đồng Tháp Mười là xứ: “*Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn*”. Thế nhưng tôi thấy nó chỉ đúng khi “đất rộng, người thưa”. Sau này khi dân cư đông dần, cá lúa ở đâu mà bắt mà kiếm hoài nếu không chăn nuôi, không trồng lúa.

Gần như từ “*hai bàn tay trắng*”, chính quyền và nhân dân Thanh Mỹ cùng nhau bắt tay xây dựng lại quê hương. Nhà nước đầu tư thêm hệ thống kênh nối liền các con kênh lớn vươn vào vùng sâu để dẫn ngọt, tháo chua, rửa phèn, cải tạo đất đai, mở rộng diện tích sản xuất lúa, tiêu thoát lũ và tăng thêm nguồn thủy sản, phát triển giao thông thủy, tạo điều kiện đưa dân vào làm ăn sinh sống và phát triển sản xuất. Nước ngọt tràn về, đất được ém phèn không cho lừng lên, nước chảy tới đâu, ruộng lúa cũng xanh lên tới đó như những vết dầu loang. Xã Thanh Mỹ anh hùng trong chiến đấu trước kẻ thù, bây giờ dần dần đã hồi sinh, “*thay da đổi thịt*” từng ngày.

Hơn hai mươi năm kể từ ngày đầu tiên tôi về quê anh. Cảnh vật, con người đổi thay đến chóng mặt. Trung tâm của tỉnh đã chuyển lên Cao Lãnh. Từ thành phố trẻ Cao Lãnh, con đường đi về xã Thanh Mỹ chỉ hơn hai mươi cây số, lại toàn là đường bê-tông và đường tráng nhựa, qua huyện Cao Lãnh, rẽ xuống đường Tràm Dơi, đi ngang xã Tân Hội Trung là tới ngay địa bàn kênh 1 của ấp Lợi An, một trong bốn ấp của xã. Chạy xe honda chỉ khoảng ba mươi phút chứ không phải ngồi tàu ê ẩm từ sáng đến chiều như ngày nào.

Còn nếu từ thị xã Sa Đéc muốn về Thanh Mỹ cũng có nhiều ngã đường, hầu hết là đường lộ bê-tông. Có thể qua đò Mỹ Long, tới huyện Cao Lãnh rồi đi đường Tân Hội Trung hay theo đường quốc lộ 1, vô Cổ Cò là tới thẳng chợ Thanh Mỹ, hoặc tới huyện Tháp Mười về xã cũng chỉ hơn chục cây số. Nói chung bây giờ có rất nhiều con đường đi về xã. Dân

trong xã bây giờ muốn đi Mỹ An hay tới Thành phố Hồ Chí Minh hoặc đi Cao Lãnh chỉ cần vài bước ra cửa là có ngay xe đò hay xe bus, ít phút lại có một chuyến.

Đường điện cũng đã hòa vào mạng lưới điện quốc gia. Không còn gia đình nào trong xã còn phải dùng đèn ngọn đèn dầu le lói để thấp sáng hàng đêm nữa. Nguồn nước sạch cũng được kéo đến từng nhà dù dưới sông, nước ngọt tràn về đầy ắp bởi Nhà nước đã cho xẻ thêm nhiều con kênh dẫn nước ngọt xả phèn. Điện thoại bàn thì hầu như nhà nào cũng có, không kể điện thoại di động được người dân sử dụng rất phổ biến.

Ngay trung tâm xã là Trạm Y tế với trên hai mươi giường bệnh, có bác sĩ túc trực ngày đêm, chăm sóc sức khỏe cho bà con. Và ngay đầu và cuối vòm là trường cấp I, cấp II. Hơn chín mươi phần trăm hộ dân nơi đây đều đã xây dựng được nhà tường kiên cố, có cả một số nhà lầu dù nhà nào đất cũng rất rộng đủ xây cả mấy dãy biệt thự, không cần phải lên lầu để ở. Trong mỗi nhà đều xây nhà vệ sinh, không còn cây cầu cá ngày nào.

Chợ Thanh Mỹ không thấy một chút vết tích của ngày xưa. Khu nhà lồng chợ rộng lớn với đầy đủ các mặt hàng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt của nhân dân. Những dãy nhà hai ba tầng san sát mọc lên. Khu dân cư nối liền chợ sầm uất, nhộn nhịp. Đèn điện sáng rực suốt đêm. Bây giờ Thanh Mỹ như một đô thị thu nhỏ, chẳng thua kém bao nhiêu so với thành phố.

Tới Ủy ban xã Thanh Mỹ, chúng tôi chợt gặp các anh, các chị còn rất trẻ, sử dụng máy vi tính nối mạng Internet thành thạo, là cán bộ lãnh đạo của xã. Hỏi ra mới biết, gia đình họ ở gần đây, đều là con em gia đình cách mạng ngày xưa được xã đưa đi bồi dưỡng, đào tạo rồi trở về địa phương làm việc. Thật đáng trân trọng những thế hệ nối tiếp cha anh. Họ là tài sản vô giá của đất nước.

Chúng tôi rất vững tin ở những chàng trai cô gái trẻ trung, có trình độ, đầy nhiệt huyết như họ.

Chính họ sẽ viết tiếp trang sử mới của quê hương Thanh Mỹ anh hùng!

P.T.T

Đất ấm tình anh

Kính viếng hương hồn
anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Tre

LÊ MINH THÀNH VINH

Lũ vừa rút, con đường từ Cao Lãnh đi Tháp Mười đã bắt đầu khô lại. Nhưng ruộng đồng thì vẫn chìm trong biển nước bạc trắng. Kinh rạch đầy những mảng cỏ rác lũng nhùng, xuống ghe đi lại rất khó. Vườn tược, cây cối rụng lá, trái non héo quắt, treo lủng lẳng. Đây là trận lụt thứ ba kể từ sau cuộc chiến tranh chống Mỹ. Người dân Tháp Mười lại vừa trải qua một hoạn nạn. Chiếc tắc rắng chở tôi cùng đồng chí sĩ quan ở Ban Chính trị Huyện đội ngược kinh Nguyễn Văn Tiếp cứ phải luồn lách mãi đến xế chiều mới đến xã Thanh Mỹ, một làng giải phóng năm xưa, một căn cứ địa của cách mạng trong kháng chiến. Tôi tìm gặp những cô, chú, anh, chị một thời nuôi giấu cán bộ, đánh giặc giữ làng. Người sống còn đó: Ốm đau, bệnh tật, vì những vết thương không lành. Người chết còn đây: Những tấm hình mờ theo năm tháng, phủ khói nhang trên bàn thờ, bên cạnh là huân chương, bằng vàng...

Nhà anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Tre đã được Nhà nước cất lại bên dòng kinh Nguyễn Văn Tiếp B: mái ngói, sàn gỗ, vách ván đơn sơ nhưng ấm áp. Một trường cấp II mang tên người anh hùng: Trường cấp II Nguyễn Văn Tre với gần chục lớp học, trong nhiều năm qua là nơi cho hàng ngàn con em của xã theo học. Những đứa con của Hai Tre cũng đã trưởng thành, người lấy vợ sinh con ở với ông nội, mẹ già; người ra tận thủ đô học cao đẳng ngành Kiểm sát, sau đó trở về công tác ở huyện. Cô Út học xong lớp mười hai đang theo nghề may. Vợ con của anh đã vượt qua cái đói khó để có cái ăn cái để trong nhà. Còn những cô, chú từng chia bom sốt đạn với anh một thời thì cứ nhắc mãi về anh. Chú Mười

Long ở Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cứ khăn lau mắt mà “thương lắm Hai Tre”. Chú Tư Hồng, tổ trưởng chế tạo vũ khí ngày ấy, đợt này cũng sẽ được phong tặng danh hiệu Anh hùng, cứ kể về những đêm anh đi bắt cá nuôi quân, cài mìn cản giặc. Rồi chú Hai Thuận, ông Năm Danh, những người vận động anh đi làm cách mạng, giới thiệu anh vào Đảng, cứ nhắc cái thằng hồi nhỏ nó lành như đất mà lớn đánh giặc thì gan bằng trời... Khi tôi hỏi vợ anh xin một tấm hình của anh thì vợ anh khóc: “Hồi đó đâu có chụp hình chụp bông gì đâu. May mà còn họa lại được”. Con anh ôm tấm hình của cha trên bàn thờ xuống cho tôi chụp lại. Mấy đứa cháu cứ ôm lấy bà để coi chụp hình ông. Vậy là đã thành ông, thành bà rồi. Ở nơi xa anh có hay chăng? Tôi muốn được viết đôi dòng về anh cho bạn bè và các em sau, có thiếu sót xin anh lượng tình.

Cái thuở chăn trâu

Cha anh mồ côi nhưng không nghèo. Bây giờ ông vẫn còn đó, gần 90 tuổi, nói năng, đi đứng khó khăn nhưng vẫn sống giữa đất trời, thách thức, với thời gian. Bằng ruộng vườn ông bỏ để lại, bằng sức khỏe và bản lĩnh của người nông dân Nam Bộ, ông nuôi một đàn trâu để cày ruộng và kéo lúa về nhà. Tuổi nhỏ anh đi chăn trâu cho cha. Nhà anh là một cơ sở tin cậy của nhiều cán bộ, chiến sĩ trong kháng chiến. Hạt gạo cha anh làm ra khó nhọc nhưng cho cán bộ ăn là ông không tiếc. Nhà cửa, ruộng vườn khi cách mạng cần ông cũng không tiếc. Ông biết đưa con cưng của mình vẫn dong trâu ngoài đồng làm liên lạc, tiếp lương cho mấy cô, mấy chú nằm vùng, ông còn động viên thêm. Chú bé chăn trâu Hai Tre đã trở nên thân thiết với cô, chú cán bộ. Cơm gói mo cau, thuốc giắt cặp quần anh dắt trâu vượt kinh, băng đồng đưa cho cán bộ. Đến nơi anh chỉ nhe răng cười. “Lành lắm, ít nói mà lành nhất trong đám nhỏ. Tao hỏi em có sợ địch không? Nó nín khe. Ý cũng sợ. Ở cái làng này biết bao nhiêu người bị địch bắn chết vì dám tiếp tế cán bộ, nó biết chớ. Nhưng thương cán bộ, nó cứ làm, làm riết rồi thành gan dạ” - Chú Năm Danh kể vậy. Quần cộc, nạng thun đeo ở cổ, đầu trần, roi dây cuộn trong tay, ngồi ngang lưng trâu, chú bé Hai Tre luồn lách ruộng đồng, kinh rạch, thuộc địa bàn trong vùng như lòng bàn tay. Không nghịch phá như những trẻ chăn trâu khác, Hai Tre chỉ thích đến với các anh, các chú cách mạng rồi vào Nông hội, tham gia đoàn thể như một lễ tất yếu của một người dân mất nước sớm ý thức được nghĩa vụ của mình.

Một thời vang tiếng Hai Tre

Cuối năm 1959, chúng ta giải phóng đồn Thanh Mỹ, lập đội du kích vũ trang, xây dựng làng giải phóng. Hai Tre đã là một đảng viên kiên cường. Đầu năm sau anh được bầu làm Trưởng dân quân du kích. Xã đội chia làm 5 tổ chiến đấu: Lại Hòa, Hưng Lợi, Lợi An, Mỹ Thạnh, Mỹ Điền và một tổ chế tạo vũ khí để cung cấp cho du kích khắp vùng. Thanh Mỹ cũng là nơi Tỉnh ủy Đồng Tháp đặt nhiều cơ quan, cài nhiều cán bộ, là nơi lực lượng Miền ếm quân. Vì vậy du kích Thanh Mỹ không chỉ cài mìn, đặt trái chống càn giữ làng mà còn đảm đương bao công việc khác: Nuôi giấu cán bộ, nuôi giấu quân, áp tải thuốc men, đạn dược, bảo vệ thương binh, bảo vệ các cuộc hội nghị, các cơ quan của Đảng. Địch thường tập trung bom đạn, thuốc độc hóa học, máy bay, xe pháo và nhiều sư đoàn, trung đoàn, đại đội biệt kích, tiểu đoàn du quyết "làm cỏ" Thanh Mỹ. Nhưng phải đến mười năm, phải điều hết Sư đoàn 7 đến Sư đoàn 9, Trung đoàn 12, lính dù, biệt kích, phải dùng những thủ đoạn dã man nhất trong lịch sử như bom độc Napan, B52 rải thảm, Mỹ - nguy mới vô được thánh địa của du kích Hai Tre. Riêng anh đã đánh địch 250 trận, giết 150 tên (trong đó có 10 lính Mỹ), làm bị thương hàng trăm tên khác. Nhưng tôi không muốn nói nhiều đến những con số, những trận đánh, tôi muốn nói đến con người của anh, cái tình của anh ấm nồng trong từng tấc đất Thanh Mỹ.

Cảm động nhất là chuyện Hai Tre đào hầm bí mật. Nhiều đêm anh lọ dọ một mình, lựu đạn giắt đầy người, đào hầm rồi nguy trang, gài trái, đánh dấu, ghi chép vào cuốn sổ nhỏ. Gắn hết hầm bí mật trong xã là do anh đào. Rồi lại một mình anh dẫn cán bộ, dẫn quân vào ếm. Anh lần mò đi tìm dấu vết chuyển quân, cách thức chẻ đường của giặc để cài trái lẹp, cài mìn. Do vậy bí mật được đảm bảo, địch không thể phán đoán được hàng trăm cái bẫy giăng sẵn của anh khắp xã. Suốt trong mười năm, những cánh quân, những trận càn lớn nhỏ của địch đều chững lại ngoài bìa rào của xã Thanh Mỹ. Mỗi lúc chúng liêu lĩnh chẻ đường để vô là đều gặp phải những cái bẫy của Hai Tre từ dưới đất bật lên, từ trên trời úp xuống. Bom cam, bom bi, hỏa tiễn, đạn 105... của địch, Hai Tre lượm về, của lấy thuốc lấy vỏ rồi giao cho tổ vũ khí của Tư Hồng để làm lại thành mìn, thành trái cài bẫy đánh địch. Lính Sư 7, Sư 9, hay lính dù, lính biệt kích Mỹ đều "ớn xương sống" mỗi khi bị đẩy xuống địa bàn Thanh

Mỹ. Nhiều trận, Mỹ - nguy chỉ “đụng” bẫy của Hai Tre ngoài đồng đã la ó kinh thiên, vãi đạn loạn xạ, nã pháo vu hồi rồi mặc lệnh trên, xuống kinh đông hết.

Đầu năm 1968 ta đưa quân chủ lực vào ém ở Thanh Mỹ để chuẩn bị đánh lớn thì Mỹ - nguy cũng điên cuồng đưa quân đến “dọn cỏ”. Lệnh trên cho chuyển gấp số thương binh ra xa vùng hỏa lực, Hai Tre xin chỉ viện nhưng mọi nơi đều kẹt hết. Người anh hùng trong lúc nguy biến đã có một phương án phá vòng vây hết sức táo bạo. Hai Tre tổ chức hàng chục xuồng đưa thương binh vượt kinh Nguyễn Văn Tiếp trước mũi súng kẻ thù. Anh đánh trần, đứng mũi, đập súng dưới chân, chỉ huy cả đoàn thuyền vượt êm. Khi địch hay được thì số thương binh, cán bộ đã ở ngoài tầm bắn nguy hiểm. Xong việc anh lại băng đồng, chế đường về với anh em du kích để bảo vệ làng.

Năm 1970, địch biết trước hội nghị bình vận của tỉnh họp ở vườn bà Năm Phì trên bờ kinh Nguyễn Văn Tiếp B, chúng đưa một trung đoàn của Sư 7 đến bủa vây. Biết lộ, Hai Tre bình tĩnh phân công du kích lớp đánh chia cắt đội hình địch, lớp chế đường đưa đại biểu vượt vòng vây. Địch đuổi theo thì giã trái, vướng mìn, đánh trả thì không biết lực lượng mình ở đâu để tập trung hỏa lực. Cả một trung đoàn chủ lực với đầy đủ súng đạn phải chịu bó tay trước những du kích áp gan góc, dày dạn, thua trí một chàng trai nhỏ nhắn, lạnh lợi.

Tình thế ngày một căng thẳng, địch đổ quân ngày càng đông, vây ráp liên tục, tổ chức những đợt càn quét qui mô, sử dụng B52 rải thảm, cả tàu chiến và pháo tầm xa, xe M118, bom độc Napan... Thanh Mỹ sống trong tình trạng căng thẳng, sôi động. Xóm làng bị đốt cháy, bị địch bắn rốc két, ruộng vườn dày đặc hố bom B52. Nhiều du kích đã mất bình tĩnh, một số trốn đi làm ăn xa, có kẻ ra chiêu hồi. Hai Tre vẫn động viên anh em. Anh mua lưới, đêm đến mò rạch, mò kinh bắt cá cho anh em ăn, nằm suốt đêm với những thương binh nặng để an ủi, chia sốt từng miếng ăn, điều thuốc, dành lấy những công việc nguy hiểm để tránh tổn thương thêm. Nhưng chính anh đã không tránh khỏi sự hy sinh. Chuyện thật đau lòng! Chẳng hay anh có cho phép tôi nhắc lại hay không, nhưng chân thật và thẳng ngay như người lính cách mạng tôi cứ muốn nói ra. Chiến tranh mà, có bao nhiêu chuyện không ngờ được. Đợt ấy vào cuối năm 1971, Sư 9 của nguy phát cỏ lác dọn đường vào Thanh Mỹ. Du kích và

bộ đội của ta phục kích đánh trả. Không ngờ địch biết trước bọc hậu, ém ta lại. Hai Tre đội rau mác đi nắm tình hình, phát hiện được âm mưu của địch liền bỏ trở lại đội hình báo rút để tránh thiệt hại. Trong khẩn trương lúng túng và tình thế thay đổi không lường được, Hai Tre đã hy sinh vì những viên đạn mất bình tĩnh của đồng đội mình. Người ấy nay vẫn còn, ở cạnh nhà anh, mang mãi một nỗi đau không tan. Nhưng anh lại nhận được một tình thương và sự cảm thông của chính người thân trong gia đình Hai Tre. Âu cũng vì chiến tranh, do chiến tranh. Đâu phải là tội lỗi gì. Cái tình người Việt Nam là vậy. Bây giờ phần mộ của anh đã được chuyển về nghĩa trang liệt sĩ tỉnh, nhưng hình ảnh anh, tình anh thì vẫn ở mãi trong lòng người dân Thanh Mỹ, Tháp Mười.

Người vợ và những đứa con của người anh hùng

Trước năm 1959 con gái Thanh Mỹ thường bị lính ngụy trong đồn ghẹo riết. Vì vậy nhà ai có con gái lớn là muốn gả đi cho sớm để yên bề. Cô Nguyễn Thị Rẫy về làm vợ Hai Tre lúc mười sáu tuổi. Sáu lần sinh hạ nhưng vợ chồng anh chỉ nuôi được ba cháu: hai trai một gái. Năm 1969, khi đứa con gái út của Hai Tre mới chín tuổi thì cũng là lúc đau thương trút xuống gia đình anh. Em ruột, em vợ, em rể đều bị máy bay địch bắn chết. Vợ con anh rơi vào cảnh khốn khó. Ruộng vườn không làm được, công tác thì ngày một vất vả nguy hiểm. Anh đang tính đưa vợ con lánh lên kinh Ba cho yên thân thì chị và cháu thứ sáu bị giặc bắn liền sau đó. Mỹ đưa L.19 quần suốt ngày, bắn rốc két vào làng. Chị Rẫy bị trúng đạn giập nát cả hai chân khi đang ẵm cháu út trên tay. Chị bất tỉnh, nhưng khi biết chuyện thì đau đớn quần quai đến mức không thể sống nữa. Đứa con gái út chưa đầy năm khóc thét bỏ trên người mẹ, thương con chị rảng tỉnh lại, nhưng không tài nào gượng nổi. Chị yếu đuối la gọi. May mà chú Bảy tới kịp. Rồi mẹ con chị nằm hết Bệnh viện Cửu Long đến Bệnh viện Cần Thơ, gần hai năm trời vết thương mới tạm lành. Một tay chị bị cưa sát nách, một chân thì bị giập nát đến không còn xương. Chồng thì ở ngoài vùng giải phóng lo đánh giặc, mẹ con nheo nhóc đói khổ hết bệnh viện này đến bệnh viện nọ. Chỉ còn chị Ba đi theo chị nhưng không còn tiền để nuôi bệnh chị. Người chị nghèo phải đi mò hến đổi gạo nuôi cả ba mẹ con. Khi chị còn băng bột trắng xóa thì cũng là lúc anh hy sinh. Trở về làng với một thân thể tàn tật, một tay kéo nách ba đứa con nhỏ còn thơ dại chị đã tưởng hết đường sinh sống. Rồi các chị,

các chú, gom tiền mua cho chị một cái xuồng nhỏ, ít vốn liếng để chị đi bán dạo từng miếng vải, bao thuốc. Một chân đạp xuồng, một tay chèo ghe, miệng rao khản tiếng khắp kinh dọc, rạch ngang. Cứ như thế đau khổ chồng chất lên nhau năm này tháng khác. Thằng con lớn nhất lúc bấy giờ đu cả người mà chưa gịch nổi cây sào chống xuồng, đứa út thì còn ẵm. Bốn mẹ con lên đênh trên sông nước, tới đâu là tấp vào đó làm nhà, cơm bữa không thành bữa, khi cơn nắng lúc trời mưa, cái khổ tưởng không bỏ đâu cho hết.

Thế rồi giải phóng. Nội ngoại thương cảnh đỡ cho một phần. Xã hội quan tâm lo cho một phía. Các con chị cũng được học hành. Nhà cửa được cất lại. Nhưng cũng phải đến hàng chục năm sau khi con cái trưởng thành chị mới vơi đi những khổ đau mất mát.

Bây giờ về Thanh Mỹ, đến nhà anh hùng Nguyễn Văn Tre đã thấy hồi sinh lại. Nội già ngồi bên hai chất, cháu trong tay bà, mẹ bên con dâu, con trai. Chiến tranh đã qua đi nhưng có thay đổi lớn lao nào xóa hết nỗi đau của con người do chiến tranh gây nên?

L.M.T.V

40 năm nông nghiệp Đồng Tháp

VÕ LỢI

“Công cuộc tiến công khai hoang, khai thác Đồng Tháp Mười thật sự là một cuộc cách mạng vô cùng quan trọng trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam”. Tôi nhớ đến nhận xét của cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt khi đang thực hiện chương trình truyền hình thực tế “Xông đất đầu năm” của Truyền hình Đồng Tháp dịp Tết Ất Mùi năm 2015. Tất cả nhân vật trong chương trình đều là những người có thâm niên gắn bó với nông nghiệp Đồng Tháp. Đó là Giáo sư Tiến sĩ Võ Tòng Xuân, người được mệnh danh là nhà khoa học của nông dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Nguyễn Văn Dương, xuất thân từ cán bộ nông nghiệp xã và hai anh Phạm Thanh Liêm, Huỳnh Thanh Thẩm, những nông dân đang miệt mài sáng tạo, cống hiến cho đồng đất quê mình. Câu chuyện của họ loanh quanh một hồi thì cũng quay về cái thuở khai phá Đồng Tháp Mười.

Những chuyện chưa bao giờ cũ.

“Tôi biết anh Liêm từ năm 1980, khi tôi là một thành viên trong nhóm chuyên gia được cử về Nông trường Láng Biển để nghiên cứu cải tạo vùng Đồng Tháp Mười. Lúc đó tôi ở nhà của ba anh Liêm, là thợ máy của Nông trường. Anh Liêm khi đó còn nhỏ xíu nhưng rất sáng dạ, nhất là đối với các loại máy móc” - Giáo sư Tiến sĩ Võ Tòng Xuân mở đầu câu chuyện - “Quả thật là mấy ông chủ máy cày ở vùng Đồng Tháp Mười này rất giỏi. Máy Nhật, máy Mỹ qua tay họ đều chạy rất tốt trên đất sinh lầy ở khu vực này.”

Công cuộc tiến công vào Đồng Tháp Mười có thể tính thời điểm khởi đầu là năm 1977, khi Trung ương phát lệnh khởi công đào kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng dài 45km xuyên qua Đồng Tháp Mười, nằm ở khu vực gần biên giới Campuchia của hai tỉnh Đồng Tháp và Long An. Đây được xem là con kênh dài nhất, lớn nhất được con người đào thủ công cho đến nay. Về sau, tuyến kênh này vẫn được nhiều người gọi là “kênh Trung ương” có nguyên do là vậy. Năm 1984, kênh Trung ương được đào xong, dẫn nước ngọt từ sông Tiền xuyên qua Đồng Tháp Mười về tận sông Vàm Cỏ Tây để tăng tốc rửa phèn, cải tạo đất. Nước ngọt dẫn tới đâu, người dân tụ họp về hai bên bờ kênh cất nhà, khai hoang, lập nghiệp tới đó.

“Lúc đó có chuyên gia nước ngoài đến từ Liên Xô, Hà Lan vào tận Nông trường Láng Biển lấy mẫu đất, nước ở đây đem về phân tích rồi kết luận: *Muốn cải tạo đất này thì mỗi héc-ta phải tốn cả triệu đô la và Đồng Tháp Mười không thể trồng lúa*” - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Văn Dương tiếp lời - “Khi đó, ở đây mùa nắng thì đồng khô cỏ cháy, tới mùa mưa thì nước ngập lênh láng như biển cả, cho nên mới gọi là Láng Biển”.

Xã Láng Biển thuộc huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp ngày nay có đường ô tô chạy vào tận trung tâm xã. Một năm nông dân làm được lúa 3 vụ hoặc 2 lúa 1 màu. Nhiều người còn nuôi thêm cá sặc rằn, làm khô ăn rất ngon.

“Cái bí quyết trị giá triệu đô mà chuyên gia nước ngoài không biết chính là kỹ thuật ém phèn của nông dân mình” - Giáo sư Tiến sĩ Võ Tông Xuân tiếp lời - “Nhà nước đào kênh vào Đồng Tháp Mười là để xả phèn ở lớp đất mặt. Nhưng để trồng lúa được thì phải không cho phèn từ những tầng đất dưới xì lên. Cái đó đưa vô sách vở gọi là *ém phèn*, một sáng tạo mà 99% công lao thuộc về nông dân”.

“Ém phèn có nguyên tắc chung nhất là lúc nào cũng giữ nước trên mặt ruộng. Đất khô nứt thì phèn sẽ xì” - Anh Phạm Thanh Liêm tiếp lời - “Vụ Đông Xuân nông dân chuẩn bị ruộng từ lúc nước sắp lên. Cày, trực kỹ để diệt cỏ, sau đó thì để tự nhiên cho nước tràn đồng. Đến khi nước sắp rút thì bắt đầu sạ, gọi là *sạ ngâm*, nước rút tới đâu lúa mọc tới đó. Còn vụ Hè Thu thì xuống giống lúc đầu mùa mưa. Gốc rạ cũ thì đốt, còn

mặt ruộng thì để nguyên không cày xới gì hết để tránh xì phèn, cái này gọi là *sạ chai*".

Do yếu tố quan trọng nhất của kỹ thuật ém phèn là phải giữ nước trên ruộng đúng mức, cho nên mặt ruộng phải bằng phẳng. Những năm đầu khai phá, Đồng Tháp Mười còn là nơi đất rộng người thưa nên công việc này chủ yếu phải dựa vào máy cày. Khi đó máy cày còn rất khan hiếm, mỗi chiếc có giá trị đến hàng chục cây vàng. Rất nhiều trường hợp trong gia đình, người chồng xách giỏ tiền đi mua máy, vợ ở nhà khóc mù trời vì sợ nợ nần.

Vừa quý máy, vừa thương đất, điều đó giải thích vì sao ở vùng Đồng Tháp Mười từ trước đến giờ luôn có những ông chủ máy cày rất giỏi. Điển hình gần nhất là anh Phạm Thanh Liêm, không chỉ giỏi sử dụng máy mà còn biết chế tạo máy xuất khẩu sang tận Châu Phi. Hợp đồng mới đây của Cơ sở cơ khí Thanh Liêm với đối tác Nigeria trị giá 100 ngàn USD, vừa mới giao hàng đợt đầu tiên vào tháng 2/2015. Kỳ tích 40 năm khai phá Đồng Tháp Mười đã thực hiện được nhờ những nông dân như thế.

Tiếp nối những chặng đường mới

Chia tay với anh Phạm Thanh Liêm ở xã Láng Biển, chúng tôi về xã Mỹ Quý. Ở đây có trạm bơm điện và ô đê bao đầu tiên của tỉnh Đồng Tháp do Nhà nước đầu tư, giúp nông dân từ canh tác 2 vụ lên 3 vụ lúa một năm, điểm mốc khởi đầu cho phương thức "sống chung với lũ" của cư dân Đồng Tháp Mười ngày nay.

Người mà chúng tôi đến thăm là anh Huỳnh Thanh Thắm, Giám đốc Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đức Huệ, nơi đã sáng tạo ra mô hình *nhận khoán canh tác trọn gói* với nông dân. Cứ mỗi héc-ta lúa, nông dân giao cho Hợp tác xã sản xuất với chi phí 22 triệu đồng, đến cuối vụ, Hợp tác xã giao lại sản lượng 7 tấn lúa. So với cho thuê đất bên ngoài, nông dân được lợi nhiều hơn từ 30% trở lên. Còn so với tự mình canh tác, thì nông dân cũng được lợi ít nhất là 10%. Với cách làm trước nay chưa từng có, nhiều người gọi anh Thắm là "giám đốc liều".

Anh Thắm tuổi chưa tới 40, gốc nông dân, ăn chay trường, vóc dáng ốm yếu hơn so với nông dân bình thường, càng nhỏ bé hơn so với ý tưởng làm nông nghiệp kiểu mới mà anh đang thực hiện.

“Chúng tôi thực hiện mô hình này nhằm để chứng minh vai trò quan trọng của Hợp tác xã trong tái cơ cấu nông nghiệp, đó là tập trung ruộng đất, tập trung nông dân để sản xuất lớn. Việc này tự mình nông dân thì không làm được” - Anh Huỳnh Thanh Thấm nói - “Chỉ có sản xuất lớn thì mới tiết kiệm chi phí, liên kết được với doanh nghiệp đầu vào đầu ra. Nông dân vừa tăng thêm thu nhập vừa có thể phát triển bền vững”.

"Người ta gọi anh Thấm là "giám đốc liều", nhưng lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thì đánh giá rất cao mô hình khoán sản xuất trọn gói mà Hợp tác xã Đức Huệ của anh Thấm" - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Văn Dương nói - "Tỉnh đã chỉ đạo các ngành chuyên môn nghiên cứu mô hình, vừa là để tăng thêm hiệu quả cho cách làm của Hợp tác xã Đức Huệ, vừa là để nhân rộng ra một số hợp tác xã khác trong thời gian tới”.

Có khoảng 50 hộ nông dân ở xã Mỹ Quý đã giao khoán đất cho Hợp tác xã Đức Huệ ở vụ Đông Xuân năm 2014 - 2015 với diện tích 100 héc ta. Ngoài việc hưởng lợi từ bằng đến cao hơn so với tự làm, nông dân giao đất còn có thời gian để làm kinh tế khác như canh tác vườn, chăn nuôi hay buôn bán. Ngoài ra, Hợp tác xã Đức Huệ cũng thu nhận một số nông dân vào làm trong các tổ sản xuất theo kiểu công nhân nông nghiệp như tổ làm đất, tổ sạ phân, phun thuốc hoặc tổ sản xuất nấm rơm. Cách làm này được đánh giá là đột phá trong việc sắp xếp lại lao động nông thôn, một trong những nội dung quan trọng nhất của Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh Đồng Tháp.

“Từ hiệu quả của vụ lúa vừa rồi, chúng tôi đang vận động nông dân giao đất lâu dài hơn, từ 5 năm trở lên. Nếu được như vậy thì Hợp tác xã sẽ đầu tư kinh phí để san phẳng đồng ruộng, gộp những mảnh ruộng nhỏ thành cánh đồng lớn. Sản xuất như vậy thì mới đi lên hiện đại được” - Anh Thấm chia sẻ kế hoạch hoạt động trong thời gian tới.

Điều thú vị là mới đây, tỉnh Đồng Tháp vừa ký kết biên bản ghi nhớ với Tập đoàn Phát triển Nông nghiệp nông thôn Hàn Quốc, gọi tắt là KRC. Nội dung trong đó có xúc tiến nguồn vốn, thiết bị kỹ thuật để *san phẳng 28 ngàn héc-ta ruộng*, nói nôm na là cánh đồng rất lớn. Ý tưởng gộp ruộng để làm cánh đồng lớn của anh Huỳnh Thanh Thấm phải chăng là sự trùng hợp ngẫu nhiên, góp phần thực hiện công cuộc khai phá Đồng Tháp Mười giai đoạn hiện đại?

Việc ém phèn bằng các kỹ thuật *sạ ngâm, sạ chai* đến *phá bờ, gộp ruộng* làm cánh đồng lớn là bức tranh kháis quát nhất về Đồng Tháp Mười giai đoạn 1975 - 2015.

Cũng giống như công cuộc khai phá Đồng Tháp Mười của gần 40 năm trước, Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã và đang được thực hiện một cách rất sáng tạo bởi chính những nông dân đã sinh ra và lớn lên tại Đồng Tháp Mười.

Vĩ thanh

Nói đến Đồng Tháp Mười 40 năm, không thể không nhắc đến mùa nước nổi. Cư dân ở đây chắc chắn ai cũng có câu chuyện về mùa nước nổi của riêng mình. Với tôi, tác giả của bài viết này, tôi nhớ nhất mùa nước nổi của các năm 1978, 2000 và 2011.

Mùa nước nổi năm 1978 nước rất lớn, ngập gần lút chân giường nhà tôi. Năm đó tôi còn bú mẹ. Nửa đêm ngủ giường, mẹ để tôi ra phía ngoài cho bú rồi ngủ quên. Tôi rơi tòm xuống nước. May mà mẹ vớt kịp.

Mùa nước nổi năm 2000, tôi đang công tác tại báo Người Lao động, quận thất lòng khi khiêng từng thùng hàng của người dân Thành phố Hồ Chí Minh lên xe tải cho đồng nghiệp đi cứu trợ đồng bào miền Tây bị lũ lụt.

Mùa nước nổi năm 2011, tôi là phóng viên của Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Tháp, có mặt tại tất cả những điểm nóng, nơi quân và dân trong tỉnh đang ra sức gia cố đê bao bảo vệ lúa vụ ba. Tôi vừa tác nghiệp vừa dấy lên nỗi tự hào vì quê hương lớn mạnh.

Với Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp mà tỉnh Đồng Tháp đã triển khai từ năm 2012, tôi tin rằng sẽ có thêm nhiều mùa nước nổi nữa được nhắc nhớ trong lòng tất cả mọi người, về sự ưu ái của thiên nhiên ban tặng đã làm nên sự giàu có của vùng đất Sen hồng.

Tháng 03/2015

V.L

Ngẫm nghĩ sau 40 năm ngày giải phóng

NGUYỄN VĂN LONG

Ngày 30/4/1975, ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, ngày đặt dấu chấm hết dã tâm xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ, ngày toàn dân Việt Nam ở miền Nam hay miền Bắc, ở trong nước hay ở nước ngoài, ở phía bên này hay phía bên kia, một số bạn bè trên thế giới kia đều tràn ngập niềm vui khôn xiết.

Thấm thoát đến nay đã tròn 40 năm. Nhớ lại những gì diễn ra lúc ấy, không cần nhắm mắt lại để nhớ, nó vẫn hiện ra rất đầy đủ, rất chi tiết, gây xúc động trong lòng mỗi người.

Năm 1954 tôi chưa đầy 15 tuổi. Khi tôi tham gia hoạt động bí mật chống Mỹ - Diệm ở địa phương, bị địch bắt bỏ tù. Ra tù, tôi thoát ly gia đình vô vùng giải phóng hoạt động. Tôi và chắc chắn nhiều người có ai ngờ mình phải gồng mình lên chống Mỹ - nguy đến 21 năm! Nhiều lúc tôi tức cười ngẫm nghĩ nếu mình biết trước rằng phải chịu đựng ác liệt, thương tật, hy sinh, gian khổ đến ngần ấy thời gian như vậy thì mình có dám bước chân vào cuộc hành trình đó không? Mấy anh bộ đội xuống tàu đi tập kết ra miền Bắc đều gơ hai ngón tay hẹn hai năm gặp lại, có ngờ đâu phải cầm súng vượt Trường Sơn trở về tiếp tục đánh Mỹ - nguy. Nói vui, lúc xuống tàu ra miền Bắc, nếu biết rằng 2 năm không trở lại, mà phải 21 năm sau, liệu các anh có chịu xuống tàu hay không?

Trong hơn 7.600 ngày đêm với mức độ ác liệt của chiến tranh giống như mùa nước ngập nước cứ cao dần lên từng ngày thành lụt lớn, ngày sau ác liệt hơn ngày trước, cứ vậy tăng lên... Giờ tỉnh tâm nhớ lại thời đó, những năm ác liệt nhất từ cuối năm 1968 đến đầu năm 1972, chiều lại mới biết mình còn sống, sáng mai chưa biết mình sẽ ra sao? Bốn bề đồn bót giặc, lại phải chịu bom pháo, cần quét liên miên, tình

hình cảm thấy “dây như da trâu”, so sánh đơn thuần về quân sự giữa địch - ta, trước mắt mặt mờ không biết chừng nào ta mới thắng? Ấy vậy mà vẫn vui, vẫn hát, vẫn miệt mài công tác. Người dân gánh chịu tất cả các khổ ải, hy sinh, mất mát, sao mà chịu nổi vậy? Bởi cái gì? Lúc ấy mọi người đều có một câu trả lời rằng, trong trái tim, trong đầu có một niềm tin vào thắng lợi cuối cùng, đơn giản thế thôi!

Sau ngày giải phóng, tôi có nghe đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn nói đại ý: Chiến thắng này là chiến thắng của nền văn hóa Việt Nam. Lúc đó tôi nghe mà không hiểu! Đánh nhau bằng súng đạn, sao đồng chí lại nói là chiến thắng của nền văn hóa Việt Nam? Qua năm tháng hiểu biết dần, tôi mới nhận thấy đồng chí nói đúng quá!

Đế quốc Mỹ có cả nền một công nghiệp quốc phòng hiện đại, là nước giàu số một thế giới. Nước ta có nền nông nghiệp lạc hậu, là một nước nghèo nàn. Hai bên chênh lệch nhau một trời một vực! Trên thế giới này có ai ngờ người nông dân Việt Nam hiền lành, chân chất như Nguyễn Văn Tám lại giết được hàng trăm tên Mỹ - ngụy chỉ bằng vũ khí thô sơ tự tạo. Anh nông dân Cao Văn Đạt chỉ biết đọc biết viết, lấy bom đạn, pháo lép của địch, chế tạo ra lựu đạn cá mè (bằng vỏ hộp đựng cá mè do Mỹ đi càn ăn bỏ lại), trái gài cung cấp cho du kích đánh địch... Quân ta chỉ đi bộ hoặc bơi xuống, chông lại xe M113, tàu chiến, máy bay đủ loại của Mỹ. Ấy vậy mà vẫn mưu trí, dũng cảm hạ những phương tiện chiến tranh hiện đại đó của Mỹ. Nhiều xã như Thanh Mỹ, Thiện Mỹ, Mỹ Hòa... số hố bom, hố pháo địch nhiều hơn gấp năm gấp mười lần dân số trong xã. Đội bom pháo cỡ vậy mà quân dân vẫn ngoan cường chiến đấu. Nhiều gia đình có 3 bằng Tổ quốc ghi công trở lên! Đảng ta tặng danh hiệu cao quý Bà Mẹ Việt Nam anh hùng cho những bà mẹ có từ hai con hoặc có chồng và con là liệt sĩ. Nhưng đất nước này còn biết bao bà mẹ, người vợ mất chồng mất con. Các nghĩa trang liệt sĩ chứa 3.000, 10.000 mộ liệt sĩ, nhưng còn biết bao người ngã xuống mà đến nay vẫn chưa tìm được hài cốt? Ngày giải phóng tôi trở về nhà vui mừng vì gặp lại bà con nhưng nước mắt tôi đầm đìa khi nhìn lên bàn thờ ba má tôi. Ba má đã mỗi mòn chờ các con trở về mà không kịp. Tôi bật khóc khi nghĩ anh tôi không bao giờ còn được bước chân về ngôi nhà mình nữa! Lối xóm của tôi, các anh Hai Quận, Sáu Chưởng, Tư Nhì, Bảy Lạc... cũng không được diễm phúc như tôi. Ta toàn thắng nhưng nỗi đau vì chiến tranh quá lớn, quá sức chịu đựng bình thường của mỗi người, mỗi gia đình.

Chiến tranh đã lùi xa, cho đến nay nhiều chính khách Mỹ vẫn chưa hiểu được vì sao họ mạnh như vậy, họ giàu như vậy mà không chiến thắng được một dân tộc nhỏ bé, nghèo nàn như Việt Nam. Họ chưa hiểu được Việt Nam thắng Mỹ bằng cái gì? Bây giờ tôi mới hiểu ra lời đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, đó là chiến thắng của nền văn hóa Việt Nam.

Dân tộc ta suốt mấy ngàn năm luôn bị nước lớn xâm lược, tổ tiên, ông bà ta không chịu cúi đầu vãn vùng lên đánh bại chúng, bảo vệ mảnh đất, vùng trời, vùng biển thiêng liêng của mình. Lòng yêu nước, ý chí bất khuất, giàu nhân nghĩa, niềm tin vững như sắt đá, gan dạ, thông minh, sáng tạo... đã kết tinh thành khối lượng lớn kim cương, thành bản sắc văn hóa lấp lánh, chói ngời của dân tộc Việt Nam ta. Bản sắc văn hóa ấy càng được nâng cao hơn trong thời đại Hồ Chí Minh, một con người biểu tượng cho nền văn hóa Việt Nam, được thế giới tôn vinh là Nhà văn hóa kiệt xuất, anh hùng giải phóng dân tộc.

40 năm sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, giang sơn Việt Nam thu về một mối, đất nước ta lại trải qua bao cơn sóng to gió lớn, song dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, con thuyền cách mạng Việt Nam vẫn nhắm thẳng đích phăng phăng lướt tới. Việt Nam, từ một nước không có tên trên bản đồ thế giới, nay đã đặt quan hệ ngoại giao, thương mại với trên 190 nước khắp năm châu. Uy thế và tiếng nói của Việt Nam càng có uy tín, tiếng vang trên các diễn đàn quốc tế. Chúng ta đã vượt qua mọi thử thách, mưu toan của những thế lực thù địch muốn dìm đất nước ta trong nghèo đói. Ngày nay nền kinh tế, quốc phòng, nền văn hóa đất nước ta đã vượt lên ngang tầm nhiều nước trên thế giới. Người dân Việt Nam đã bay lên vũ trụ, lái được tàu ngầm, có tri thức, tài năng không kém ai trên các lĩnh vực công nghệ, khoa học, toán học, tin học, nông học, kinh doanh, ngoại giao... Đất nước phát triển toàn diện trên cái nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Chúng ta không thỏa mãn, kiêu căng, tự cao tự đại với những gì có được, mà phải như ông cha ta đoàn kết, chịu thương chịu khó, sống có nghĩa có tình, khiêm tốn, giản dị, cần kiệm, luôn biết vươn lên phía trước.

Bốn mươi năm, thêm một mốc son!

N.V.L

THỦY SẢN ĐỒNG THÁP

Chặng đường bốn mươi năm

PHẠM THỊ TOÁN

Bốn mươi năm - đối với con người có thể nói đây là lứa tuổi chững chạc, bản lĩnh và thành công. Là một người “trọng cuộc”, một kỹ sư thủy sản, đặt chân tới Đồng Tháp chỉ 5 năm sau ngày miền Nam được giải phóng, mấy chục năm gắn bó với mảnh đất này, tôi có cảm giác ngành Thủy sản của tỉnh nhà giờ đây đã đầy đủ bản lĩnh, “vươn mình đứng dậy” từ xuất phát điểm rất thấp. Còn nếu nói về nuôi thủy sản thì phải dùng những từ “từ không thành có” mới thật chính xác! Mặc dù Đồng Tháp có nguồn nước ngọt dồi dào, không hề bị nhiễm mặn, khí hậu ôn hòa chia 2 mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa, hệ thống kênh rạch chằng chịt rất thích hợp cho nghề nuôi tôm, cá phát triển mạnh mẽ.

Những năm trước và sau 30/4/1975

Dân cư ít ỏi, thưa thớt. Nguồn thực phẩm có sẵn trong tự nhiên, cá nước ngọt trong đồng, ruộng, kênh, rạch như cá linh, lóc, rô, sặc, mè vinh, tôm càng xanh... các loài rắn, rùa, ba ba..., phải nói sản lượng “dư thừa” đáp ứng nhu cầu trong nhân dân. Ông Nguyễn Văn Thanh, dân “thổ địa” ở miệt kinh 1, ấp Lợi An, xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười kể lại: “Hồi đó kiếm cá dễ lắm! Nhấc nồi cơm lên bếp rồi ra ruộng đi lòng vòng một hồi, quay lại mò ngay trên những dấu chân thôi là có nửa rổ tôm cá, dư đãi khách. Nhờ thiên nhiên ưu đãi nên dù bị giặc ruộng bố cả năm mười ngày, bà con, bộ đội, du kích chỉ cần cái hộp quẹt là sống khỏe...”. Chẳng thế mà trong kho tàng ca dao Nam Bộ có câu:

*"Ai ơi về miệt Tháp Mười
Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn"*

Sau ngày miền Nam được giải phóng, năm 1976 Ty Thủy nông được thành lập. Ông Ngô Thanh Long, kỹ sư thủy sản từ miền Bắc về Đồng Tháp, được giao giữ chức Phó trưởng ty phụ trách chăn nuôi, thủy sản; cùng số cán bộ kỹ thuật chuyên ngành nuôi trồng và khai thác, đánh bắt thủy sản từ các Trường Đại học Thủy sản Nha Trang, Đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh được phân công về tỉnh, nhưng không đủ đáp ứng nhu cầu. Ông Nguyễn Quang Tự (cháu nội của nhà chí sĩ yêu nước Nguyễn Quang Diêu, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh) lúc đó là kỹ sư thủy sản từ Liên Xô về, cho biết: Nhiệm vụ của bộ phận thủy sản giai đoạn này chủ yếu làm công tác điều tra nguồn lợi thủy sản trong tỉnh, cung cấp ngư lưới cụ cho các địa phương để khai thác thủy sản cá nước ngọt. Sản lượng thủy sản lúc ấy tập trung tại huyện Hồng Ngự, chiếm trên 80% sản lượng thủy sản khai thác trong toàn tỉnh. Theo số liệu thống kê, năm 1977 Nhà nước thu mua tôm càng xanh của bà con chỉ được 52 tấn, cá các loại 316 tấn; năm 1978 thu mua tôm càng xanh được 339 tấn; và năm 1979 thu mua tôm càng xanh được 115 tấn; cá chỉ có 11 tấn.

Đầu những năm 80: Về tổ chức, bắt đầu hình thành Sở Thủy sản Đồng Tháp. Các công ty trực thuộc cũng được thành lập cùng lúc đó như: Công ty nuôi trồng thủy sản, Công ty Khai thác, Công ty Thủy sản. Các kỹ sư, cán bộ trung cấp thủy sản được tăng cường từ Cần Thơ, Nha Trang về tỉnh. Kỹ sư Nguyễn Thị Rô, phụ trách kỹ thuật, Trại cá Sa Đéc cho biết: Lúc đó trại đã cho đẻ thành công một số giống cá chép, rô phi, cá mè vinh, tai tượng... từ nguồn cá bố mẹ mua từ cá bè ở Cần Thơ mang về. Còn Trại nuôi thủy sản Bình Thạnh thì năm 1984 được xây dựng ngay bên đuôi cồn Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, vừa xây dựng vừa khai thác chà tôm, chà cá ngoài sông Tiền, nuôi cá tôm ở bờ lửng ven sông. Cuối những năm 80 chúng tôi cho đẻ thành công cá tra rồi sau đó là tôm càng xanh cùng một số đối tượng nuôi chính trong dân, cung cấp con giống cho thị trường trong và ngoài tỉnh". Theo số liệu thống kê, năm 1981 lượng đánh bắt cá sông của dân là 1.243 tấn. Năm 1982 tăng lên 2.080 tấn. Người dân đã thành thạo việc vớt cá tra bột về ương nuôi lên cá hương, cá giống để tiêu thụ trong tỉnh và các tỉnh trong khu vực.

Ngày 28/7/1987, Sở Thủy sản sáp nhập về Sở Nông nghiệp theo chủ trương sáp nhập 4 sở thành Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Từ đó cho tới nay, lĩnh vực thủy sản là một đơn vị trong ngành Nông

nghiệp. Hai đơn vị thủy sản trực thuộc Trung tâm Ứng dụng Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp (bây giờ là Trung tâm Khuyến nông) là Trại nuôi thủy sản Bình Thạnh và Trại Giống thủy sản Tân Xuân. Nhiệm vụ chính là ương nuôi và sản xuất giống thủy sản (chủ yếu là cá tra và tôm càng xanh) cho toàn tỉnh và một số tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long vào cuối những năm 80 và suốt những năm 90.

Bước vào những năm 2000, lĩnh vực thủy sản của tỉnh đã không ngừng phát triển. Diện tích nuôi trồng thủy sản đã tăng lên 2.300 ha với 2.500 lồng bè nuôi cá, chủ yếu là cá tra và basa. Thủy sản dần dần chiếm vị trí thứ hai trong sản xuất nông nghiệp sau cây lúa và tốc độ tăng rất nhanh. Phải nói đây là thời kỳ “hoàng kim” của con cá tra, basa Đồng Tháp. Năm 2005, diện tích nuôi trồng thủy sản đã tăng gấp đôi so với năm 2000, đạt 4.600ha và 3.000 lồng bè nuôi. Sản lượng đạt 132.500 tấn, tăng 74.000 tấn so với năm 2000. Các mô hình sản xuất thủy sản dần mang tính hàng hóa với rất nhiều mô hình như: mô hình nuôi cá tra bãi bồi, nuôi tôm càng xanh trên ruộng lúa, mô hình nuôi cá lóc, cá rô đồng, cá rô phi... Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2005 đã đạt 100 triệu USD, tăng 75 triệu USD so với năm 2000, trong đó cá tra, cá basa chiếm 90 - 95% giá trị kim ngạch xuất khẩu. Thế nhưng đến cuối những năm 2000, sản xuất và tiêu thụ cá tra lại gặp khó khăn, nhiều đại gia phá sản trong những năm 2007 - 2009.

Tới năm 2010: Ngành Thủy sản của tỉnh đã “trở mình”. Năm 2010, tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng, chủ yếu là cá tra, đạt 375.510 tấn, tăng 132.000 tấn so với năm 2006. Tổng giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 236 triệu USD. Có thể thấy, sản xuất thủy sản đã trở thành ngành chủ lực của tỉnh Đồng Tháp, cung cấp một sản lượng hàng hóa lớn và kim ngạch xuất khẩu cao, góp phần đáng kể phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Ngoài hình thức nuôi cá ao hầm, bãi bồi, còn có hình thức nuôi trồng thủy sản trên ruộng trong mùa nước nổi đạt hiệu quả, đặc biệt là hình thức nuôi tôm càng xanh trên ruộng lúa, với diện tích thả nuôi trên 1.000 ha, tập trung ở các huyện Tam Nông, Lấp Vò, Thanh Bình và Cao Lãnh.

Đặc điểm phát triển thủy sản những năm này: Các hộ nuôi cá tra nhỏ lẻ giờ đây không tiếp tục nuôi cá tra mà cho thuê ao hoặc nuôi gia công cho các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp chế biến thủy sản lớn đã tổ chức liên kết các khâu chế biến xuất khẩu, sản xuất nguyên liệu, cung

cấp thức ăn thủy sản, thuốc và vật tư nghề cá, từng bước hình thành mô hình kinh tế lớn. Các doanh nghiệp chế biến thủy sản vừa và nhỏ, tổ chức khép kín qui trình sản xuất, xây dựng vùng nuôi riêng. Về sản xuất và kinh doanh giống thủy sản, toàn tỉnh có 172 cơ sở, 5 trại giống cấp huyện, 1 trung tâm giống cấp tỉnh và khoảng 2.000 hộ ương giống, trong đó có 90 cơ sở sản xuất giống cá tra, 32 cơ sở sản xuất giống tôm càng xanh, 50 cơ sở sản xuất kinh doanh giống cá các loại. Sản lượng giống sản xuất năm 2010 đạt 1.313 tỷ con cá tra bột, 150 triệu post tôm càng xanh và 63 triệu con cá giống các loại khác, đáp ứng 60 - 70% nhu cầu giống cá tra ở đồng bằng sông Cửu Long, riêng giống tôm chỉ mới đáp ứng 40% nhu cầu trong tỉnh.

Đặc biệt trong năm 2010, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh đã tổng kết đề án khai thác lợi thế mùa nước phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp. Đề án đã mang lại nhiều thành tựu quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống người dân vùng ngập lũ. Diện tích và sản lượng thủy sản, cây thủy sinh, tổng giá trị sản xuất từ khai thác lợi thế mùa nước nổi tăng dần qua các năm, tốc độ tăng bình quân 37,5%/năm, góp phần làm tăng giá trị sản lượng sản phẩm thủy sản với rất nhiều mô hình sản xuất phong phú và đa dạng, Tỉnh khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hệ thống quản lý chất lượng (HACCP, ISO,...), đăng ký nhãn hiệu cho sản phẩm hàng hóa để có thể tiêu thụ sản phẩm ở các thị trường có yêu cầu khắt khe về chất lượng; Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong việc nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm thủy sản, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường tiêu thụ, nhất là đối với các đối tượng và thị trường có mức sống cao.

Cho tới năm 2015: Phát triển bền vững, hài hòa lợi ích giữa người nuôi, doanh nghiệp chế biến và giữ môi trường sinh thái dựa trên khai thác lợi thế vùng đất bãi bồi ven sông, tận dụng mặt nước mùa lũ. Mục tiêu phấn đấu tỷ trọng thủy sản chiếm trên 37% trong cơ cấu khu vực I, tổng sản lượng thủy sản năm 2015 đạt 463.000 tấn, trong đó sản lượng nuôi đạt 450.000 tấn.

Thạc sĩ Đỗ Minh Tri, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho biết: Ngành Nông nghiệp thời gian này đã tăng cường quản lý vùng nuôi thủy sản theo quy hoạch được duyệt, xây dựng và thực hiện kế hoạch vùng nuôi chi tiết; Điều chỉnh kế hoạch nuôi thủy sản theo hướng cân

đổi từ sản xuất, đến chế biến, tiêu thụ, ưu tiên phát triển vùng nuôi cá tra xuất khẩu tập trung theo hai bờ sông Tiền, sông Hậu phù hợp với quy hoạch chung của toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long. Phát triển đa dạng hóa các loại hình nuôi như: cá tra bãi bồi, cá tra ao hầm, tôm, cá trên ruộng, đặng quăng, nuôi cá trong lồng bè, kịp thời phổ biến các quy trình nuôi trồng thủy sản tiên tiến, bền vững; Khuyến khích tổ chức nuôi trồng theo quy mô lớn trang trại, doanh nghiệp gắn sản xuất với hợp đồng tiêu thụ và xử lý môi trường nuôi hiệu quả; Hướng dẫn quy trình nuôi cá sạch, nuôi cá có trách nhiệm; thực hiện kiểm tra cấp giấy chứng nhận và mã số cơ sở nuôi; Tiếp tục đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ sinh sản nhân tạo, tập trung sản xuất các loại giống thủy sản chất lượng cao; Thực hiện phương châm xã hội hóa sản xuất giống, trên cơ sở nâng cấp đầu tư Trung tâm giống thủy sản của tỉnh thực hiện nhiệm vụ chính là sản xuất, lai tạo, gia hóa giống bố mẹ, nhằm nâng cao chất lượng và sức sống con giống; Tiếp tục hợp tác với các Viện, Trường nghiên cứu sản xuất các giống thủy sản mới để đưa vào sản xuất theo nhu cầu thị trường; Quản lý nhà nước chặt chẽ chất lượng giống, thức ăn, vật tư, môi trường nuôi, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản, thuốc thú y thủy sản để phát triển sản xuất, tiêu thụ thủy sản bền vững, hiệu quả...

Để ngành Thủy sản được như ngày hôm nay, chiếm tỷ trọng cao trong ngành Nông nghiệp, bốn mươi năm qua, những nhà quản lý, những cán bộ kỹ thuật nuôi thủy sản và nông dân, ngư dân tỉnh nhà đã phấn đấu không mệt mỏi, đổ bao mồ hôi, công sức, góp phần quan trọng làm thay đổi diện mạo cả cơ cấu nền kinh tế, bằng giá trị mà ngành hàng thủy sản trong những năm qua đã mang về cho tỉnh.

P.T.T

Bốn mươi năm - những con đường

HỮU NHÂN

Sau ngày 30/4/1975, hệ thống giao thông đường bộ của tỉnh Đồng Tháp, gồm 2 tỉnh Kiến Phong và Sa Đéc của chính quyền Sài Gòn để lại, đều xuống cấp trầm trọng. Phía Sa Đéc có quốc lộ 8; các tỉnh lộ TL 23, TL29, TL37 và huyện lộ chủ yếu trải đá hoặc sỏi đỏ với tổng chiều dài hơn 180km. Phía Cao Lãnh chỉ có 2 tuyến chính là quốc lộ 30 từ Mỹ Hiệp đi Hồng Ngự dài khoảng 85km nhưng chỉ lưu thông đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự và tỉnh lộ 28 đi từ Cao Lãnh ra Cầu Bắc. Trên các tuyến giao thông này là một hệ thống cầu bê-tông được xây dựng từ thời Pháp và cầu sắt Eiffel được xây dựng vào năm 1960.

Có người nói rằng lịch sử 300 năm hình thành và phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh không thể tách rời với sự hình thành và phát triển của miền lục tỉnh ngày xưa, tức là miền Tây Nam Bộ ngày nay. Điều đó quả không sai chút nào. Trong đó, nếu phà Mỹ Thuận là gạch nối của giao thông đường bộ từ Thành phố Hồ Chí Minh xuống các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long thì phà Cao Lãnh là một trong những bến phà khác nối Cao Lãnh và các tỉnh lân cận lại với nhau trong một mối liên kết chặt chẽ của vùng sông nước. Nhớ những năm sau 1975, từ Cao Lãnh muốn đi Thành phố Hồ Chí Minh phải vòng qua Sa Đéc xuống Bắc Mỹ Thuận rồi theo quốc lộ 1 đi ngược lên. Ngôi xe mất chục tiếng đồng hồ mới tới được Bến xe miền Tây là chuyện thường. Đó là chưa kể chuyện kẹt xe ở Bắc Cao Lãnh và Bắc Mỹ Thuận. Có khi qua được bên kia sông mất đến nửa ngày. Nhưng dù có nói gì đi nữa thì chắc chắn “những con phà có vị trí đặc biệt trong đời sống của người dân đồng bằng sông Cửu

Long. “Hình ảnh con phà là biểu tượng văn hóa, phản ánh phương thức đi lại của người dân vùng sông nước và đằng sau đó là hàng trăm năm phát triển của các vùng dân cư nằm trên lưu vực sông”¹. Phà Cao Lãnh đi vào thơ ca một cách ngọt lịm: *Đêm che gió qua phà Cao Lãnh - Thương sông dài thương quá người ơi*².

Ngay từ năm 1976, khi hai tỉnh Kiến Phong và Sa Đéc chính thức được ghép thành tỉnh Đồng Tháp, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Đồng Tháp đã xác định giao thông là một trong những nhân tố quan trọng góp phần vào việc tái ổn định, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần I năm 1976 đã chỉ đạo tiến hành xây dựng lại hệ thống giao thông trong toàn tỉnh, nhất là các tuyến đường đi vào Tam Nông và vùng Đồng Tháp Mười; tu bổ, sửa chữa các tuyến đường đang có đảm bảo nhu cầu trước mắt và lâu dài. Song song đó là việc khai thác và sử dụng hệ thống giao thông trên các tuyến sông rạch từ thị trấn, thị xã về các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Giai đoạn 10 năm đầu tiên từ năm 1976 đến năm 1985 là giai đoạn có thể nói “gian lao mà anh dũng” nhất của ngành Giao thông Đồng Tháp khi xuất phát điểm gần như là hai bàn tay trắng. Ty Giao thông Vận tải Đồng Tháp khi ấy chỉ tiếp quản 4 xe lu, 2 xe xúc, 2 xe trang, 10 xe ben và một ít dụng cụ khác không đáng kể³. Ty Giao thông Vận tải Đồng Tháp đã có nhiều quyết sách quan trọng, có thể nói một trong những quyết sách đó là rút ngắn đoạn đường Cao Lãnh - Thành phố Hồ Chí Minh bằng cách vận động các nhà hảo tâm, các trại cứu hàng trăm mét khối gỗ cắm xe, sao để sửa chữa hệ thống cầu trên quốc lộ 30 từ Cao Lãnh ra An Hữu. Người đi Cao Lãnh - Thành phố Hồ Chí Minh tuy phải nghe cái điệp khúc xuống xe qua cầu nhưng dẫu sao đi nữa thì thời gian chỉ còn bằng phân nửa so với phải vòng qua Mỹ Thuận. Có thể nói, Cao Lãnh gần hơn chút nữa với Tiền Giang, Long An nhờ quốc lộ 30 thông xe bằng cách làm này.

Một trong những quyết sách góp phần làm thay đổi hệ thống giao thông của tỉnh giai đoạn này là việc vận động, huy động hàng chục ngàn

¹ Theo Trăm năm bến cũ con phà, Trương Thúy Hằng - Báo Biên phòng ngày 25/6/2013.

² Đêm qua phà Cao Lãnh - thơ Từ Kế Tường.

³ Theo Sổ Giao thông Vận tải Đồng Tháp - 35 năm xây dựng và phát triển (1975 - 2010), trang 43.

người tham gia đào đất đắp đường. Từ cách làm này đến phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm đã hình thành nên những tuyến đường như: Đường Thét - Thập Mười, Trường Xuân - Tràm Chim - An Long, Tân Mỹ - Vĩnh Thạnh, Nàng Hai - Tân Quy Đông, góp phần làm thay đổi bộ mặt của những vùng đất vốn heo hút này.

Giai đoạn từ năm 1986 đến năm 1995 là giai đoạn mà giao thông Đồng Tháp bắc nhịp chung với sự nghiệp đổi mới của cả nước. “Ngành Giao thông Vận tải là khâu quan trọng nhất của khâu kết cấu hạ tầng, phải đi trước một bước để đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế quốc dân”⁴. Trung ương “quyết” vậy thì tỉnh phải thực hiện theo. Đồng Tháp đặt ra kế hoạch và mục tiêu cụ thể là “tiếp tục thay một số cầu sắt bằng cầu vĩnh cửu trên trục lộ 30, 23; hoàn thành cầu Trần Quốc Toản, làm mới và sửa chữa hệ thống đường nông thôn; xóa dần đến loại bỏ các cầu khỉ trên trục lộ chính của xã, ấp”⁵. Xóa cầu khỉ ở Đồng Tháp là chuyện tưởng đơn giản nhưng không dễ chút nào. Người hoài cổ thì cho rằng cầu khỉ là nét đặc trưng riêng không chỉ của Đồng Tháp mà còn của cả vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long. Không còn cầu khỉ là mất đi một hình ảnh bao đời nay gắn bó với đời sống cư dân nơi đây. Người thờ ơ với thời cuộc thì cho rằng chuyện cầu, đường, trường, trạm là chuyện của Nhà nước. Xưa nay cầu vậy, đường vậy vẫn sống được. Muốn đi thì xuống có sẵn, ghe có sẵn, máy dầu, máy xăng có sẵn, ào một cái ra tới chợ. Chính vì vậy mà mãi cho đến năm 1995, toàn tỉnh Đồng Tháp mới có khoảng 70% cầu khỉ chủ yếu nằm trên các trục lộ giao thông chính được thay bằng cầu ván và bê-tông. Chưa ai tính được công sức và tiền của mà Nhà nước và nhân dân Đồng Tháp bỏ ra để đạt được thành quả trên trong 10 năm từ năm 1986 đến năm 1995, nhưng rõ ràng thành quả này đã minh chứng một điều rằng ý Đảng và lòng dân khi gặp được nhau thì không có khó khăn nào không vượt qua được. Nhưng quan trọng hơn là ba tuyến đường nối quốc lộ 30 vào sâu trong Đồng Tháp Mười là Đường Thét - Mỹ An - Bằng Lăng, An Long - Tam Nông - Trường Xuân và Hồng Ngự - Sa Rày - Tân Thành. Tuyến quốc lộ 30 và quốc lộ 80 được trải đá, tráng nhựa hoàn chỉnh với 1.700 chiếc cầu được

⁴ Văn kiện Đại hội Đảng lần VI.

⁵ Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần IV, năm 1986.

bê-tông hóa. Tuy nhiên vẫn còn một số xã chưa có đường giao thông đến nơi như Gáo Giồng, Phương Thịnh (huyện Cao Lãnh) và Phú Thành B (huyện Tam Nông). Nhưng dẫu sao thì cho đến thời điểm này, giao thông của Đồng Tháp đã nối các huyện, thị với trung tâm tỉnh lỵ và kết nối các vùng kinh tế trọng điểm lại với nhau tạo điều kiện cho tỉnh Đồng Tháp tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội.

Giai đoạn từ năm 1996 trở đi là giai đoạn hệ thống giao thông Đồng Tháp được đầu tư và phát triển đồng bộ từ quốc lộ, tỉnh lộ đến lộ nông thôn. Trong đó đáng kể là quốc lộ 30 đã đi thẳng đến cửa khẩu Dinh Bà nối liền Việt Nam với Campuchia, quốc lộ 54 chạy dọc theo sông Hậu nối liền 3 tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long và Trà Vinh, quốc lộ 80 đi thẳng từ Bắc Mỹ Thuận tới Phà Vàm Cống. Đó là chưa nói đến con đường N2 “có chiều dài trên 440 km nối quốc lộ 22 và quốc lộ 30 xuyên qua vùng Đồng Tháp Mười. Tuyến đường này còn là một phần của đường Hồ Chí Minh kéo dài từ Chợ Thành (Bình Phước) đến Vàm Rầy (Kiên Giang) dài khoảng 280 km và kết thúc tại đất mũi Cà Mau. Đoạn đường qua địa bàn Long An được khởi công năm 2007, bắt đầu từ cầu vượt Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh) đi vào tỉnh lộ 8, rồi qua các huyện Đức Hòa, Thủ Thừa, Thạnh Hóa và Tân Thạnh (Long An) vượt qua vùng mênh mông sông nước rồi về tận cái rốn của Đồng Tháp Mười là thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười (tỉnh Đồng Tháp)”⁶. Đây là con đường được mệnh danh là “đánh thức Đồng Tháp Mười”.

Ngoài các tuyến giao thông mang tầm cỡ chiến lược quốc gia và khu vực chạy ngang qua Đồng Tháp như nói trên thì tất cả các con đường giao thông thuộc hệ thống tỉnh lộ đều được trải đá và tráng nhựa gần như hoàn chỉnh. Nhưng quốc lộ, tỉnh lộ chỉ làm thay đổi diện mạo giao thông bên ngoài. Đồng Tháp cho đến lúc này vẫn là tỉnh thuần nông. Giao thông nông thôn mới là trực cơ bản có ý nghĩa tích cực đến sự phát triển kinh tế của toàn tỉnh. “Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn được coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong sự đổi mới cơ sở hạ tầng nông thôn nhằm mục đích rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, và đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa -

⁶ Theo Báo Giao thông ngày 2/2/2015.

hiện đại hóa, nhằm thay đổi bộ mặt nông thôn một cách tích cực hơn”⁷. Trong đó, nổi bật nhất là phong trào “Xóa cầu khỉ - giảm cầu vỹ - tăng cầu ván” của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh. Trong quá trình triển khai vận động thực hiện, khẩu hiệu trên được Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải bổ sung thêm tiêu chí mới là “Xóa cầu khỉ - giảm cầu vỹ - tăng cầu ván - ráng cầu xây”. Chỉ tính giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2009 đã có hàng chục ngàn cây cầu các loại được sửa chữa, bảo mới với tổng kinh phí xã hội hóa trên 350 tỷ đồng và hàng chục ngàn ngày công lao động tự nguyện của nhân dân.

Với những thành tựu đạt được, từ những năm đầu giải phóng cho đến năm 2009, ngành Giao thông Đồng Tháp đã có cơ sở xây dựng một lộ trình phát triển cụ thể cho những quốc lộ, tỉnh lộ, hương lộ trên địa bàn mình. Đó là “đến năm 2010 xe cơ giới 4 bánh đến được trung tâm các xã; xe tải dưới 8 tấn đến được một số xã có trung tâm kinh tế phát triển khá; xây dựng mới các bến phà phục vụ xe ô tô đến trung tâm xã vùng cù lao. Đến năm 2020, nâng cấp hệ thống đường hiện có đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, xe tải nặng đến được trung tâm kinh tế lớn của các huyện thị, xe tải nhẹ đến được các thị trấn (đô thị loại 5), đường từ trung tâm xã đến các cụm, tuyến dân cư đi lại quanh năm”⁸. Nhưng có lẽ không một niềm vui nào hơn nữa khi ngày 19/10/2013, cầu Cao Lãnh chính thức được khởi công. Dự án xây dựng này có giá trị 145 triệu USD (tương đương 3.037 tỷ đồng) do Chính phủ Australia viện trợ vốn không hoàn lại và vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Song song với cầu Cao Lãnh thì trước đó vào ngày 10/9/2013, cầu Vàm Cống cũng được khởi công. Đây là những chiếc cầu hiện đại thuộc Dự án Kết nối khu vực trung tâm đồng bằng Mekong, có vai trò và ý nghĩa quan trọng, cấp thiết, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long và kết nối trục thứ 2 Bắc Nam là đường Hồ Chí Minh từ Pắc Bó (Cao Bằng) đến mũi Cà Mau.

Nói thì nói vậy nhưng trên thực tế, giao thông Đồng Tháp vẫn còn nhiều ngốn ngàng cần phải tiếp tục hoàn thiện. Theo ông Nguyễn Hải

⁷ Theo Giao thông Vận tải Đồng Tháp - 35 năm xây dựng và phát triển (1975 - 2010) - trang 73.

⁸ Đề án phát triển giao thông tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ngày 26/5/2009.

Quân, Chủ tịch Hội Khoa học - Kỹ thuật cầu đường Đồng Tháp báo cáo trong buổi làm việc của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Đinh La Thăng với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp vào đầu tháng 6/2014 thì hiện vẫn còn 1.000km đường cần được nâng cấp và sửa chữa. Ngoài ra để thực hiện Đề án phát triển giao thông của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì Đồng Tháp cần khoảng 4.400 tỷ đồng để nâng cấp và sửa chữa 98 tuyến đường cấp huyện và 204 tuyến đường cấp xã. Quả là một nguồn kinh phí không phải nhỏ đối với một tỉnh chưa phát triển lắm như Đồng Tháp. Nhưng bằng những gì đã làm, đang làm trong hôm nay và cho cả mai sau, ngành Giao thông Đồng Tháp xứng đáng nhận danh hiệu Huân chương Lao động hạng Nhất.

H.N

Bình yên một dải biên cương

NGUYỄN QUẾ

Được sự quan tâm của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành, đoàn thể, địa phương cùng với sự phát huy nội lực của lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh; ý chí tự cường, tự chủ, tự lập của người dân vùng biên, sau 40 năm kể từ ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cuộc sống của người dân vùng biên giới tỉnh Đồng Tháp đã thay da đổi thịt từng ngày. Chúng tôi rất phấn khởi và tự hào vì đã có đóng góp không nhỏ cho sự bình yên và phồn thịnh nơi biên giới của tỉnh! Đó là khẳng định của Đại tá Nguyễn Đình Anh - Chính ủy Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đồng Tháp - trước thềm kỉ niệm 40 năm ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng 30/4/1975 - 30/4/2015.

Với chủ trương “Quan tâm, tập trung đầu tư mọi nguồn lực, xây dựng địa bàn biên giới phát triển toàn diện, nhiều cuộc vận động “Hướng về biên giới, vì biên giới” được triển khai rộng khắp, phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân tộc, tích cực sáng tạo trong lao động sản xuất, xây dựng ấp, xã biên giới, Đồn Biên phòng vững mạnh, phát triển ổn định bền vững”, bộ mặt khu vực biên giới tỉnh Đồng Tháp có bước phát triển toàn diện, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện, chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng cao. Mạng lưới điện quốc gia, đường giao thông, trường học, y tế, bưu điện, chợ nông thôn... phát triển rộng khắp. Người dân được vào ở trong các cụm, tuyến dân cư dọc theo biên giới với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ. Đường liên ấp, liên xã được nối liền với các tuyến tỉnh lộ, quốc lộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu

an sinh xã hội, củng cố quốc phòng an ninh và đối ngoại ở tuyến biên giới.

Để có được một diện mạo khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển như hiện nay, trước hết phải kể đến công tác tuyên truyền, bởi “Tư tưởng thông thì hành động đúng”. Nhờ làm tốt công tác phối hợp giữa lực lượng Bộ đội Biên phòng, Công an, Quận sự với cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể địa phương nên bình quân mỗi năm, trên toàn tuyến biên giới đã tổ chức tuyên truyền được 324 cuộc với sự tham dự của 9.613 lượt người, phát 8.594 tờ bướm. Riêng công tác tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của Đồn, Trạm Biên phòng và địa phương được 154 giờ.

Một khi quần chúng hiểu về quyền và trách nhiệm của mình thì họ sẽ là “tai mắt” cho lực lượng Biên phòng. Mỗi năm người dân cung cấp cho lực lượng chức năng 205 nguồn tin có giá trị, giúp lực lượng chức năng thu giữ nhiều tài liệu, hình ảnh, băng đĩa có nội dung phản động; phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng truyền đạo trái phép qua biên giới. Không chỉ chú trọng công tác tuyên truyền ở nội biên, công tác đối ngoại biên giới cũng luôn được quan tâm. Hàng tháng, các Đồn Biên phòng tổ chức hội đàm ít nhất một lần với lực lượng bảo vệ biên giới của nước bạn, hàng tuần tổ chức tuần tra biên giới song phương với lực lượng chức năng của nước bạn Campuchia nhằm bảo vệ vững chắc biên giới. Lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh Đồng Tháp phối hợp với Ty Công an tỉnh Prâyvang của nước bạn Campuchia tổ chức tuyên truyền phòng chống tội phạm về ma túy, phòng chống dịch cúm gia cầm. Với phương châm “Giúp bạn là tự giúp mình”, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, các sở, ngành tỉnh và chính quyền 3 huyện, thị xã biên giới cùng lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh đã hỗ trợ phía bạn xây dựng hạ tầng giao thông, trụ sở làm việc, trường học và các cơ sở vật chất khác; tổ chức khám chữa bệnh miễn phí, cứu trợ, cứu nạn với số tiền bình quân mỗi năm hơn 5 tỷ đồng; giúp đỡ, tặng quà cho Ty Công an, Tiểu khu Prâyvang, Tiểu đoàn 202 và Tiểu đoàn 602 của nước bạn Campuchia từ nguồn kinh phí của đơn vị và địa phương với số tiền 375 triệu đồng và một tấn gạo phục vụ bầu cử Quốc hội Campuchia khóa V. Những ai gắn bó với Bộ đội Biên phòng tỉnh sẽ không bao giờ quên câu chuyện thấm đượm tình hữu nghị giữa hai dân tộc Việt Nam - Campuchia anh em, do lực lượng Bộ

đội Biên phòng tỉnh Đồng Tháp thực hiện vào năm 2003. Để giúp bà con ở bên kia biên giới thuộc tỉnh Prâyveng kết nghĩa với tỉnh Đồng Tháp có nguồn nước sạch trong sinh hoạt, được Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh cấp 30 triệu đồng, Đồn Biên phòng 909 - nay là Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Dinh Bà - thành lập một đội sang xã bạn giúp khoan và lắp đặt 34 giếng nước sạch. Được sử dụng nước sạch, nhân dân xã bạn rất cảm kích và biết ơn Bộ đội Biên phòng Việt Nam; còn cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng 909 lại gọi vui là “Nguồn nước lương quốc” đầy ý nghĩa. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, vận động mà các đối tượng bị truy nã sang Campuchia lần trốn đã trở về đầu thú. Lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh còn góp phần giải quyết hàng trăm vụ mâu thuẫn đánh nhau gây thương tích giữa người dân hai bên biên giới, người Việt Nam sang Campuchia đánh bắt thủy sản trái phép. Những việc làm trên đã góp phần củng cố mối đoàn kết hữu nghị, gắn bó giữa hai dân tộc và nhân dân hai nước.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về công tác xây dựng nền Biên phòng toàn dân ngày càng vững chắc với tinh thần “Tất cả hướng về biên giới, vì biên giới”; các cấp, các ngành, đoàn thể tỉnh, cấp ủy cùng chính quyền 3 huyện, thị xã biên giới, nhất là các huyện, thị, Thành đoàn hàng năm đều quan tâm, động viên, giúp đỡ, hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần đối với Bộ đội Biên phòng và các lực lượng công tác ở biên giới. Bình quân mỗi năm có 30 lượt đoàn đến thăm, động viên và tặng quà cán bộ, chiến sĩ các Đồn Biên phòng nhân dịp lễ, tết với số tiền 110.540.000 đồng. Tỉnh đoàn kết quân dân, đoàn kết các lực lượng, cơ ngành đứng chân trên địa bàn biên giới luôn được giữ vững, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong việc quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới; giữ vững an ninh, trật tự xã hội, hạn chế thấp nhất tình trạng vi phạm kỷ luật, pháp luật trên địa bàn. Thực hiện phương châm “Đồn là nhà, biên giới là quê hương”, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cùng lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh đã có nhiều giải pháp, nhiều hoạt động, phần việc có ý nghĩa trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân vùng biên giới. Những ai phải xa quê hay một lần về thăm biên giới trước năm 2000, nay có dịp trở lại đều phải thừa nhận một thực tế là hệ thống giao thông vùng biên giới Đồng Tháp thay đổi đến không ngờ. Tuyến quốc lộ 30 dài 120 km nối liền với đường

102 của tỉnh Prâyveng, nước bạn Campuchia được đầu tư nâng cấp với tổng kinh phí 2.571 tỷ đồng, tuyến tỉnh lộ ĐT 841 dài 32,3 km nối liền thị xã Hồng Ngự với huyện Hồng Ngự và kết nối với đường 11 của tỉnh Prâyveng được đầu tư xây dựng với kinh phí 93,359 tỷ đồng. Đường ra các Đồn Biên phòng, Trạm Biên phòng đều được đầu tư xây dựng, đảm bảo mục tiêu phục vụ kinh tế dân sinh và an ninh, quốc phòng có hiệu quả. Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch dân cư ra biên giới; tỉnh Đồng Tháp đã đầu tư 104,791 tỷ đồng xây dựng các cụm, tuyến dân cư giai đoạn 1. Đến nay đã bố trí cho 7.523/7.563 hộ dân vào ở, đạt tỷ lệ 99,6%. Điện sinh hoạt đã phủ kín 8 xã biên giới, 100% hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia. Với 5 trạm cấp nước sạch trị giá 6,7 tỷ đồng do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng và Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp tài trợ, 1.775 hộ dân và các đơn vị đứng chân ở biên giới được sử dụng nước sạch với giá thấp hơn 1.000 đồng/m³ so với giá quy định của Nhà nước. Đến nay, 100% ấp trên địa bàn biên giới đều có Nhà văn hóa cộng đồng. Về mặt này ở các vùng miền có điều kiện thuận lợi hơn cũng chưa đạt được. Hàng năm Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tổ chức kí kết với các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện các nội dung: xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và phát triển Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng; xây dựng điểm sáng văn hóa nơi biên giới, hoạt động văn hóa văn nghệ; vận động phụ nữ, nông dân tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới cùng các phong trào “Chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Chung tay xóa nhà tạm bợ, dột nát nơi biên giới”; hàng năm tổ chức khám và điều trị bệnh miễn phí cho nhân dân hai bên biên giới cho 2.932 lượt người với số tiền 109,5 triệu đồng, đặc biệt là mô hình “Bến đò ngang Bộ đội Biên phòng” và “Hũ gạo tình thương” với mục đích đưa rước học sinh và người dân trong mùa lũ, giúp đỡ lương thực và chi tiêu cho 28 đối tượng khó khăn mỗi tháng. Nói về tình quân dân cá - nước, tôi vẫn không sao quên được hình ảnh người thầy thuốc, thầy giáo mang quân hàm xanh Võ Văn Bé Năm đã hết lòng với người dân vùng biên giới, cho dù thời gian đã lùi xa hơn 15 năm. Trong mùa nước nổi bệnh tật càng nhiều, có khi phát thành dịch. Với phương châm quân - dân y kết hợp, ngoài nhiệm vụ khám và điều trị tại đồn cho cán bộ và chiến sĩ, y tá quân y Võ Văn Bé Năm phối hợp cùng cán bộ của Trạm Y tế xã Thông Bình khám và trị bệnh cho bà con. Chưa hết nổi vất vả, mệt nhọc trong chiến dịch

giúp dân phòng trị bệnh mùa lũ, năm học 1994 - 1995 ngành Giáo dục Đồng Tháp triển khai kế hoạch lớn: Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học trong toàn tỉnh. Anh lại tình nguyện trở thành người thầy giáo ngoài biên chế liên tục và suốt sáu năm học (từ năm 1994 - 2000). Hàng trăm học sinh con em các gia đình nghèo sẽ nhớ mãi bóng hình người thầy thuốc, người thầy giáo mang quân hàm xanh ở Đồn Biên phòng 905. Bằng sự đam mê đầy nhiệt huyết của người lính trẻ muốn được phục vụ nhân dân ngày càng nhiều, anh đã góp phần cùng địa phương và ngành Giáo dục Tân Hồng đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục tiểu học. Năm 1997, Đồng Tháp được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học. Thành tựu lớn lao ấy của tỉnh nhà có công đóng góp của thiếu úy quân y Võ Văn Bé Năm ở Đồn Biên phòng 905 - nay là Đồn Biên phòng Thông Bình.

Trong cơn lũ lớn năm 2011, một lần nữa, lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh Đồng Tháp tỏ rõ phẩm chất sáng ngời của người lính Cụ Hồ. Để giúp dân chống lũ, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng đã cử 476 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia đắp đê, gia cố và tuần tra đê bao, bảo vệ 6.144 ha lúa với 8.532 ngày công, cứu hộ được 8 phương tiện, 29 người dân bị chìm trong lũ, xây dựng và sửa chữa 4 cầu gỗ, giúp dân thu hoạch 479 ha lúa, di dời 240 căn nhà bị sạt lở và hỏa hoạn về nơi an toàn, khắc phục hậu quả sau giông lốc 396 căn nhà, phát hoang 70,64 km tuyến đường lộ làng. Thực hiện Cuộc vận động "Mái ấm biên cương cho người nghèo nơi biên giới, hải đảo", thông qua các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, bình quân mỗi năm có 244 hộ gia đình vùng biên giới của tỉnh được hỗ trợ tu sửa, xây mới nhà ở với số tiền 6,1 tỷ đồng, trong đó cán bộ chiến sĩ Bộ đội Biên phòng tỉnh đóng góp 26 triệu đồng cùng 1.205 ngày công. Bộ đội Biên phòng tỉnh còn phối hợp với Tỉnh đoàn xây dựng được 2 cái cầu, trị giá 497 triệu đồng.

Sẽ là thiếu sót khi đề cập đến cuộc sống bình yên nơi biên giới mà không nói đến mô hình Tổ tự quản đường biên, cột mốc. Ngoài việc củng cố 24 Ban nhân dân ấp, 53 Đội dân phòng, 42 Chi đoàn, 49 Chi hội Phụ nữ, 51 Chi hội nông dân, 38 Chi hội Cựu chiến binh, 28 Chi hội Chữ thập đỏ đi vào hoạt động có nề nếp, hiệu quả, những năm gần đây, trên tuyến biên giới các địa phương đã thành lập được 24 Tổ tự quản đường biên, cột mốc với sự tham gia của 404 thành viên. Đêm đêm, sau giờ sinh hoạt

thường nhật, mọi người chìm sâu trong giấc ngủ yên bình thì những người lính Biên phòng và Tổ tự quản đường biên, cột mốc lại thức thâu đêm để canh giữ từng tấc đất đường biên, bảo vệ sự bình yên cho nhân dân. Xa xa, trên những cánh đồng trải dài tưởng chừng như vô tận, thỉnh thoảng lại xuất hiện những ngọn đèn pha của Bộ đội Biên phòng và Tổ tự quản đường biên, cột mốc trên đường tuần tra. Sự ra đời của mô hình Tổ tự quản đường biên, cột mốc góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở tuyến biên giới.

Chia tay các anh ở Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, tôi về xã biên giới Tân Hộ Cơ, là địa phương được đánh giá cao về mô hình Tổ tự quản đường biên, cột mốc của tỉnh. Theo Trưởng Công an xã Tân Hộ Cơ, Nguyễn Văn Lát, trước năm 2009, tình hình an ninh trật tự ở cửa khẩu quốc tế Dinh Bà nói riêng, xã Tân Hộ Cơ nói chung còn phức tạp. Nạn trộm cắp trâu bò, cướp giật tài sản xảy ra... làm cho người dân hoang mang, nhưng kể từ khi tổ tự quản đường biên, cột mốc của xã được thành lập vào năm 2009, đi vào hoạt động thì an ninh trật tự nơi biên giới đã ổn định, tạo dựng được niềm tin trong người dân. Đặc biệt, năm 2014, khi Tổ Công đoàn bóc vác tự quản về an ninh trật tự tại bến tập kết hàng hóa ở Cửa khẩu quốc tế Dinh Bà được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả thì người dân của hai nước rất tin tưởng vào Công an xã. Thông qua mô hình này, Tổ Công đoàn bóc vác tự quản về an ninh trật tự đã báo cho Công an xã 4 vụ vận chuyển thuốc lá lậu, 1 vụ đốt pháo, cung cấp thông tin cho Công an xã phá vụ án trộm cắp tài sản của người nước ngoài (Campuchia) với số tiền 3 triệu đồng và 1 điện thoại di động.

Cũng như các xã biên giới khác, ở Tân Hộ Cơ, Công an xã, Xã đội và Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Dinh Bà đều phối hợp xây dựng kế hoạch và kí kết thực hiện nhiệm vụ quản lí, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, liên tục hai năm 2013 và 2014, Công an xã Tân Hộ Cơ được tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng.

Tạm biệt quê hương biên giới thân yêu, tôi xuôi về thành phố để tiếp tục công việc của mình mà lòng vẫn mang một niềm vui khôn tả: Biên giới là phen giậu của Tổ quốc!

N.Q

Cần đánh thức khát vọng làm giàu của người nông dân

TÙNG THIÊN

Ngay từ khi tỉnh Đồng Tháp quyết tâm và khẩn trương thực hiện chủ trương “Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp” tỉnh nhà, những giải pháp khá thoáng, nhằm tạo ra nhiều cơ chế linh hoạt, có chính sách khuyến khích rõ ràng được đưa ra và đã thu hút nhiều sự chú ý của nhiều tổ chức, nhiều tập đoàn nước ngoài, của các doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài tỉnh. Đây được xem là một thắng lợi bước đầu của tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, để tiến trình tái cơ cấu thực sự thiết thực, hiệu quả và có được sự “đồng tâm hợp lực”, từ phía người nông dân, của các thành phần kinh tế vừa và nhỏ, vốn là những đối tượng trọng tâm, không thể thiếu vắng trong đề án tái cơ cấu, thì cần lắm sự đồng bộ từ tư duy sản xuất và đánh thức khát vọng làm giàu của người nông dân.

Hơn 30 năm trước, tỉnh Đồng Tháp là một trong 3 tỉnh gồm (Đồng Tháp, Tiền Giang và Long An) thực hiện tiến công Đồng Tháp Mười trong bối cảnh cả nước đang thiếu lương thực, và Đồng Tháp nằm trong số những tỉnh mà Trung ương phải “cứu đói”.

Khi công cuộc tiến công Đồng Tháp Mười thành công, thì tỉnh Đồng Tháp nói riêng và Đồng Tháp Mười nói chung, trở thành vựa lúa lớn của cả nước. Vấn đề thiếu đói không chỉ trở thành một “ký ức” xa vời trong lòng một thế hệ cha anh, mà vấn đề an ninh lương thực còn được đảm bảo, thậm chí xuất khẩu lương thực trở thành thế mạnh chủ lực của tỉnh. Hàng năm thành quả nông sản, lúa hàng hóa đã làm đổi đời hàng triệu hộ gia đình canh tác trên những cánh đồng 2, 3 vụ ở Đồng Tháp Mười.

Chuyện quá khứ một thời cả tỉnh cùng nhau “gồng mình” lao vào gian khó để rồi cuối cùng cũng thành công. Quá khứ là con số với thời gian hơn 30 năm cũng khá dài, nhưng ở khía cạnh nào đó nó cũng mới rành rành đây chứ có xa xôi gì đâu! Vì thế việc ta nhìn lại, soi rọi, chất lọc phương châm, kinh nghiệm của Đảng bộ, chính quyền thời bấy giờ để một “chủ trương lớn” nhanh chóng đi vào cuộc sống, nhất là tìm ra những giải pháp để giải quyết căn cơ giữa cái chung và cái riêng, giữa ý thức tự nguyện và niềm tin “ý Đảng lòng dân”, cùng nhau đồng tâm hiệp lực của mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh mới là mấu chốt của vấn đề.

Ở khía cạnh nào đó, nếu tạm xem chủ trương “Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp” ở Đồng Tháp giống như chủ trương tiến công Đồng Tháp Mười lần thứ hai, chúng ta sẽ nhận diện được vài điểm tương đồng giống nhau và khác nhau, cho dù bối cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế - xã hội trước đây và hiện nay hoàn toàn khác nhau.

Nếu như thời kỳ cả tỉnh Đồng Tháp gồng mình dồn sức cho công cuộc tiến công Đồng Tháp Mười, trong điều kiện chiến tranh chống Mỹ cứu nước vừa mới kết thúc chưa bao lâu, lũ lụt kéo về hàng năm, và chiến tranh biên giới Tây Nam còn đó những mất mát đau thương, rồi tiềm lực của tỉnh nhà thiếu thốn trăm bề, mặt bằng đời sống người dân thấp, việc đào kênh thủy lợi để “dẫn ngọt xổ phèn” chủ yếu dựa vào sức người là chính, nhưng bù lại vào thời điểm ấy các “bạc tiền bối” là lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp cũng có những thuận lợi vô cùng quan trọng, là cả Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh đều đồng lòng, đồng sức quyết tâm ủng hộ chủ trương tiến công Đồng Tháp Mười. Và câu khẩu hiệu “*Nghiêng sông đổ nước vào đồng, tưới từng bụi lúa cho bông sai oằn*” không chỉ là phương châm, là động lực quyết tâm vượt khó vì tương lai tươi sáng, mà trên những cánh đồng mênh mông, tuy là sở hữu của dân, nhưng “tính chất sở hữu” và nhu cầu quyền lợi trong lòng người nông dân lúc bấy giờ “nhẹ tênh” như lông hồng, nên việc triển khai “cải tạo nông nghiệp” tương đối thuận lợi.

Hiện tại, khi chủ trương “Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp” tỉnh Đồng Tháp” đã được triển khai, thiết nghĩ tất cả chúng ta cần phải xác định rằng đây là một chủ trương lớn, đúng đắn và cấp thiết, vì nếu không nhanh chóng “tái cơ cấu” thì nguy cơ ngành Nông nghiệp Đồng Tháp sẽ

tự hậu là kết quả một sớm một chiều mà thôi, bởi đó là quy luật tất yếu không thể tránh được.

Về thuận lợi, cần nhận diện rằng mục tiêu của đề án “Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp” là xu thế tất yếu trong tình hình hiện nay. So với hơn 30 năm trước, thì tiềm lực kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp hiện tại đã vượt trội hơn rất nhiều thời kỳ tiến công Đồng Tháp Mười. Bên cạnh đó đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân Đồng Tháp cũng khấm khá hơn rất nhiều so với mấy mươi năm trước. Trên tất cả các cánh đồng của tỉnh ta, phương tiện cơ giới của Nhà nước, của các hợp tác xã và tư nhân có khá nhiều, nó giúp “giải phóng” được yếu tố sức lao động bằng tay chân cho người nông dân. Ngoài ra hệ thống đê bao, thủy lợi nội đồng, mạng lưới tưới tiêu gần như hoàn chỉnh, việc đầu tư, triển khai các chương trình khuyến nông, đưa khoa học - kỹ thuật vào quy trình sản xuất, canh tác, thu hoạch cũng đã được áp dụng khá bài bản. Tất cả đều là những nền tảng thuận lợi, là cơ hội để đề án tái cơ cấu lần này đến thành công.

Tuy vậy, vấn đề khó khăn, vướng mắc và thách thức khi triển khai đề án tái cơ cấu cũng không ít. Điều này đòi hỏi lãnh đạo tỉnh và các cấp, các ngành liên quan cũng cần thẳng thắn “đương đầu” để có thể đề ra những giải pháp kịp thời và phù hợp cho từng địa phương, từng nhóm đối tượng trọng tâm mà đề án đã, đang và sẽ tiếp tục triển khai.

Một trong những khó khăn thách thức lớn nhất phải nói ngay là “tính sở hữu quyền lợi” của người nông dân trên thửa ruộng và mảnh đất của mình cũng lớn dần theo nhu cầu của cuộc sống. Chúng ta cần phải thấy rằng khi xã hội phát triển, đất đai tăng giá, thì yếu tố “quyền lợi và lợi ích” cũng được người dân đặt lên hàng đầu. Đó là chưa kể đến một thực tế khác nữa, là đại đa phần người nông dân vẫn còn hằn sâu tính “cố hữu” trong sản xuất, vốn là bản chất xưa giờ luôn là “điểm yếu” làm cho người nông dân khó vượt lên so với các thành phần kinh tế khác. Bao nhiêu năm qua cũng chỉ vì tập quán, thói quen cứ quẩn quanh với những lợi ích nhỏ, trước mắt, nhất thời, mà họ không muốn có những thay đổi lớn trên mảnh đất, miếng vườn của mình. Thực tiễn nhiều năm qua, những câu “chuyện nhỏ mà lớn” xoay quanh vấn đề phá thửa, xóa ranh (dòng ranh) đậm màu sắc “sở hữu và cố hữu” luôn là những vấn đề

“muôn thuở” làm đau đầu các nhà quản lý, và nó cũng rất xa lạ, đối nghịch với những mô hình “cánh đồng mẫu”, “cánh đồng lớn” diễn ra ở nơi này nơi khác. Đây chẳng phải là những khó khăn, thách thức của đề án “Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp” hay sao!?

Nói đi thì phải nói lại, đặt ra vấn đề ấy không có nghĩa là chúng ta “chùn bước” trước một chủ trương lớn, cho dù ai ai cũng thấy rõ mục tiêu thắng lợi nơi phía trước con đường. Công bằng mà nói, xưa nay lĩnh vực nông nghiệp vẫn là một “bệ đỡ” rất hiệu quả cho nền kinh tế của tỉnh, kể cả trong những lúc tỉnh nhà gặp khó khăn, thì sản lượng lúa hàng hóa vẫn là “phép màu” để góp phần ổn định an ninh lương thực cho cả vùng.

Vấn đề là chúng ta đã thấy hết tất cả những “điểm yếu” của người nông dân hay chưa, để xác định những thách thức mà chúng ta sẽ phải đương đầu!? Và quan trọng hơn là làm sao có những lộ trình, những cách tiếp cận, tác động làm thay đổi nhận thức của người nông dân trên chính mảnh đất của họ. Phải làm cho họ thấy cái lợi từ xa. Muốn vậy, phải có những giải pháp cụ thể, thích hợp, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động rõ ràng mang tính thuyết phục hơn là những “định chế” cứng ngắt, khi đó khả năng đề án đi sâu vào cuộc sống và thành công là điều không khó.

Ở một khía cạnh khác cũng cần thấy rằng: Để góp phần làm cho đề án “Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp” Đồng Tháp nhanh chóng đi vào cuộc sống, đạt hiệu quả tích cực từ nhiều phía, thì cần lắm những chính sách ưu đãi, những cơ chế linh hoạt, minh bạch làm đòn bẩy để thu hút các thành phần kinh tế tham gia, nhất là vấn đề thu hút đầu tư của nước ngoài trong việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao cho lĩnh vực này.

Nhìn lại chặng đường đã qua, chắc hẳn mọi người đều biết rằng lĩnh vực Nông nghiệp ở Việt Nam nói chung, ở đồng bằng sông Cửu Long và tỉnh Đồng Tháp nói riêng, tuy bề dày lịch sử canh tác lâu đời nhưng vẫn ì ạch trong quá trình phát triển. Riêng ở tỉnh Đồng Tháp cũng vậy thôi, sau thời kỳ 30 năm tiến công Đồng Tháp Mười đạt được những thành tựu nhất định, thì lĩnh vực nông nghiệp bắt đầu “chững lại”, nếu không muốn nói là có nguy cơ thụt lùi dần vào sự lạc hậu. Trong khi đó,

phần đông dân số trong tỉnh lại chủ yếu sống bằng nghề nông. Điều này nếu nhìn ở diện rộng cho thấy nền nông nghiệp trong tỉnh thiếu tính bền vững từ nhiều phía, cho dù thực tế vẫn có những sản phẩm từ nông nghiệp như lúa chất lượng cao, trái cây đạt chuẩn, nổi trội lên ở nơi này nơi khác nhưng lại thiếu thương hiệu mạnh, nên dù có xuất khẩu khá nhiều nông sản mà vẫn chưa thực sự có tính bền vững trong cạnh tranh với thị trường nước ngoài.

Mạnh dạn nhìn nhận vấn đề này để thấy rằng thời gian qua việc đầu tư cho ngành Nông nghiệp còn mang tính dàn trải, manh mún lắm, dẫn đến hệ lụy một tỉnh thuần nông như Đồng Tháp vẫn chưa có sự “tự chủ”, ngay từ yếu tố quan trọng nhất trong nông nghiệp là giống cây trồng, vật nuôi và thậm chí cả trong tiêu thụ nữa. Vậy nên hiểu rằng: Chủ trương tái cơ cấu ngành Nông nghiệp phải chăng chính là chúng ta đang bắt tay vào sự “điều chỉnh” lại việc tổ chức, đầu tư cho sản xuất nông nghiệp sao cho có trọng tâm, trọng điểm, và xác định việc xây dựng thương hiệu cho nông sản tỉnh nhà ngay từ bây giờ, với một mục tiêu “dù ít nhưng phải mạnh”, “dù muộn vẫn còn hơn không”. Tất cả đều phải hướng đến một mục tiêu cao hơn là tăng chất lượng nông sản, mạnh để đủ sức cạnh tranh, và tạo cho được sự tự chủ để phát triển bền vững trong quá trình “vươn xa” hội nhập.

Thiết nghĩ, bên cạnh những vấn đề vừa nêu trên, lãnh đạo tỉnh cũng cần chú trọng cải cách thể chế trong chỉ đạo, điều hành. Cần đảm bảo sự minh bạch, và những nguyên tắc “hợp lòng dân” trong quá trình quán triệt, triển khai để tái cơ cấu. Bởi vì thực trạng cho thấy có nhiều nơi “chủ trương ở trên đúng, nhưng khi triển khai thì dưới làm sai”, và sự thiếu minh bạch cũng là “mầm bệnh” của nhiều căn bệnh khác từ tham nhũng cho đến cơ chế “xin cho” và “chạy chọt”, không loại trừ khả năng “ép dân” để rồi làm mất lòng dân. Nếu ngăn chặn được những “nguy cơ” này thì mới mong đề án “Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp” tỉnh nhà đạt được mục tiêu mà bao người mong muốn. Và chỉ có như vậy thì mới mong đưa nền nông nghiệp Đồng Tháp phát triển mạnh - nhanh và nông sản của tỉnh Đồng Tháp đủ sức cạnh tranh trong khu vực và toàn cầu.

Làm được điều này thực sự không dễ dàng chút nào! Và đó phải chăng chính là một sự thách thức của lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp, của các cấp, các ngành, của mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh phải “thấy rõ và nhìn ra” từ “hiệu ứng” của đề án.

Và mong lắm tất cả người dân Đồng Tháp tìm được tiếng nói chung, đồng bộ từ “tư duy sản xuất” đến “tư duy quyền lợi”. Tất cả hướng về mục tiêu chung, trong đó cần lắm động thái từ phía lãnh đạo tỉnh: *“Hãy đánh thức khát vọng làm giàu của người nông dân Đồng Tháp”*.

3/2015

T. T

An Khánh - Đi lên từ khơi dậy sức dân

PHẠM THỊ TOÁN

An Khánh, một xã vùng sâu nằm ở phía Đông Nam của huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp với diện tích 31,184 km². Từ trung tâm của huyện, thị trấn Cái Tàu Hạ, vô Phú Hựu, hoặc từ Nha Môn qua Hòa Tân phải chạy gần chục cây số mới tới được trung tâm xã. Bây giờ vậy là tốt lắm rồi bởi cách đây ít năm thôi, muốn đi vào được tới xã, chỉ có độc nhất là phương tiện xuống ghe, bởi đường bộ chỗ có chỗ không, đứt khúc, gián đoạn với nhiều kênh rạch lớn nhỏ, phân bố chằng chịt trên địa bàn toàn xã. Đó là đặc trưng chung của cả các điểm vùng sâu, vùng xa ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Để được như ngày hôm nay, cả cộng đồng từ chính quyền đến nhân dân nơi đây đã vào cuộc, tạo sự đồng thuận xã hội, khơi dậy nội lực xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều mô hình "Dân vận khéo" ở đây đã thật sự tạo được niềm tin trong nhân dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Được biết, năm 2012 số hộ nghèo ở xã là 415 hộ, chiếm 15,29% tổng số hộ. Với tỷ lệ hộ nghèo quá cao như vậy, các công ty, cơ sở sản xuất kinh doanh lớn lại không nằm trong địa bàn xã, việc huy động tiền dân để xây dựng đường là rất khó khăn. Về xây dựng ô bao thủy lợi, nếu tính toàn bộ số ô bao để tránh lũ lụt, bảo vệ mùa màng, xã An Khánh phải làm không dưới 15 cái, mỗi ô bao từ 60 - 600 ha sản xuất lúa. Về giao thông nông thôn toàn xã có 76km, chủ yếu đường tạm rải đá, gạch cho dân đi. Khi trời mưa bão, đường sinh lầy, giao thông liên xã rất khó khăn. Nhiều cầu chỉ bắc tạm bằng cây gỗ không an toàn, rất nguy hiểm

trong mùa mưa lũ. Vậy làm thế nào để cuối năm 2015 này, xã phải cơ bản hoàn thành 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới như nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã đề ra, trong khi năm 2012 khi tiến hành điều tra sơ bộ xã mới đạt 8/19 tiêu chí. Đặc biệt vấn đề giao thông, thủy lợi mang ý nghĩa quyết định cho sự phát triển nông thôn và nhu cầu lao động ở địa phương lại rất khó thực hiện.

Xuất phát từ thực tế địa phương, Đảng ủy xã đã xác định nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn đầu là hoàn thành hệ thống cầu, đường nông thôn toàn xã sớm nhất, kết hợp xây dựng ô bao hoàn chỉnh chủ động tưới tiêu với phương châm: “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. “Cái khó ló cái khôn”, cấp ủy Đảng, chính quyền xã nắm tình hình và giải quyết những vướng mắc, bức xúc của nhân dân; xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình, điển hình tiên tiến, trong đó thực hiện có hiệu quả mô hình “Dân vận khéo”. Nhờ vậy khi chính quyền và các đoàn thể xã, ấp vận động nhân dân tham gia đóng góp sức người, sức của. Bà con tự nguyện hiến đất để mở rộng nền đường và làm đường bê-tông nông thôn, tham gia đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, góp phần làm thay đổi diện mạo của xã.

Chỉ sau 2 năm đồng loạt triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, bộ mặt nông thôn ở đây đã thay đổi. Mùa mưa bà con vẫn lưu thông bình thường, đường không còn bị ngập nước. Có 9 con đường liên ấp trong xã với chiều dài 33,85km, bề mặt phủ nhựa rộng từ 2 đến 3,5m với tổng kinh phí thực hiện hơn 37 tỷ đồng, thì 7 con đường đã hoàn thành đưa vào sử dụng như: đường Mương Ranh Trong, Kinh Thầy Năm, Kinh Thầy Tám, Địa Cà Trê... Ngoài ra còn 3 cây cầu được xây dựng trong địa bàn xã với kinh phí trên 500 triệu đồng, do các mạnh thường quân và nhân dân đóng góp. Chỉ còn 2 đường là Nhân Lương - Ông Tà (giai đoạn 3) và Bờ Tây Kênh Mới đến nay đã hoàn thành 60 - 80% tiến độ, kinh phí xã huy động trong dân và các mạnh thường quân hơn 9 tỷ đồng. Một con số thật ấn tượng. Hệ thống giao thông thuận tiện, thông suốt không những tiện lợi cho sinh hoạt, đi lại của dân, của các em học sinh mà còn tạo đà để phát triển sản xuất nông nghiệp. Cơ sở hạ tầng nông thôn được phát triển đồng bộ, kinh tế nông thôn của xã có chuyển biến tích cực. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng lên. Bà con an tâm, phấn khởi và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, của chính quyền.

Ông Phạm Văn Dũng, Bí thư Đảng ủy xã cho biết: An Khánh với thế mạnh chính là sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là sản xuất lúa. Đảng và chính quyền lãnh đạo dân thời gian qua tập trung làm thủy lợi nội đồng để chủ động nước tưới tiêu. Năm 2014, tổng diện tích gieo trồng lúa của xã là 5.593ha, vòng quay của đất 2,88 lần, tổng sản lượng lúa đạt 35.514 tấn, năng suất bình quân đạt 6,34 tấn/ha/vụ. Hoa màu với diện tích gieo trồng hàng năm là 418ha. Vườn cây ăn trái với tổng diện tích là 755,85 ha, chủ yếu là trồng nhãn, bưởi, cam, xoài... đã thay thế hoàn toàn các vườn tạp trước đây. Trong chăn nuôi: Đàn bò 145 con, đàn heo 1.162 con, đàn gia cầm 50.961 con và nuôi thủy sản được 108,85 ha, chủ yếu là nhân dân tận dụng mương vườn, ruộng lúa để nuôi cá tra, cá chép, cá lóc... Trong nhiệm kỳ qua, xã đã thành lập được 37 tổ hợp tác sản xuất. Hiện nay một số tổ hợp tác đã triển khai thực hiện liên kết từ sản xuất tới tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo xu hướng chung để phát triển bền vững, chủ yếu trên các đối tượng: lúa, cá tra, nhãn, cam. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, hiện có 149 cơ sở kinh doanh, 4 nhà máy xay xát, 1 lò sấy nhãn, 2 lò sấy lúa và nhiều cơ sở thu mua nhãn, thu mua lục bình và hàng trăm hộ dân làm nghề đan lục bình, bóc vỏ nhãn sấy. Còn về chương trình xây dựng nông thôn mới, An Khánh là 1 trong 3 xã của huyện Châu Thành được chọn làm điểm xây dựng xã nông thôn mới. Tính đến cuối năm 2014, xã đã đạt 14/19 tiêu chí, 5 tiêu chí còn lại đang phấn đấu hoàn thành cơ bản trong năm 2015 này.

Trong nhiệm kỳ qua, hệ thống Dân vận, Mặt trận và các hội, đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã làm tốt công tác vận động quần chúng. Nhờ đó, đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi, nông dân tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. Năng suất lúa đạt khá cao và không như những năm trước, gần đây bà con đã có thói quen sử dụng các giống lúa chất lượng cao, chăn nuôi chuyển dần theo hướng trang trại, sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Việc triển khai thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở An Khánh đạt hiệu quả cao.

Qua tìm hiểu nhân dân, chúng tôi được biết: Khi sản xuất phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của người dân cũng có sự thay đổi theo.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và gia đình văn hóa” được nâng lên, hàng năm có từ 95% gia đình đạt 3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa và cuối năm 2014 có 1 ấp đạt ấp văn hóa 3 năm liền, 5 ấp đạt 5 năm, 1 ấp đạt 10 năm liền. Hoạt động văn hóa - văn nghệ luôn được duy trì và phát triển, tạo sân chơi lành mạnh cho người dân trong các ngày lễ, tết. Công tác giải quyết việc làm cho người lao động được tích cực triển khai thực hiện thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết việc làm, các mô hình làm kinh tế có hiệu quả, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và giúp người lao động có việc làm và thu nhập ổn định. Công tác chăm lo cho người nghèo luôn được xã quan tâm. Xã triển khai kịp thời các chính sách có liên quan đến người nghèo, huy động có hiệu quả nguồn lực xã hội trong việc xóa nhà tre lá tạm bợ, giúp người nghèo có nơi ở ổn định. Chính sách an sinh xã hội và công tác chăm lo cho đối tượng chính sách được thực hiện tốt. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm. Mạng lưới y tế cộng đồng được củng cố. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, chăm sóc, giáo dục trẻ em, kế hoạch hóa gia đình được thực hiện tốt. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên. Hệ thống trường lớp được xây dựng ngày càng khang trang. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học được quan tâm đầu tư. Tỷ lệ huy động trẻ em đến lớp ngày càng cao, tỷ lệ học sinh bỏ học giảm, chất lượng dạy và học không ngừng được nâng lên, công tác phổ cập giáo dục tiếp tục được duy trì, công tác xã hội hóa giáo dục ngày càng có hiệu quả. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Xã An Khánh là địa phương phòng chống có hiệu quả các loại tội phạm. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được tăng cường, công tác tuần tra được đẩy mạnh và thực hiện tốt. Công tác quốc phòng quân sự địa phương được chú trọng gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân. Công tác xây dựng lực lượng luôn đảm bảo đạt chỉ tiêu, chất lượng huấn luyện, diễn tập cơ bản thực hiện tốt, đấu tranh phòng chống có hiệu quả những âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Công tác tuyển quân luôn đạt chỉ tiêu hàng năm.

Qua 4 năm thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW về tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” với từng chủ đề cụ thể hàng năm, gắn với tổng kết 45 năm thực hiện Di chúc của

Chủ tịch Hồ Chí Minh xã đã tổ chức học tập cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ. Từ đó xuất hiện nhiều mô hình hay, có hiệu quả được áp dụng như: Mô hình hùn vốn xoay vòng giúp đảng viên làm kinh tế, mô hình giúp hộ dân có hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo, mô hình “5 không”, mô hình “4 có”, mô hình kể chuyện đạo đức Hồ Chí Minh dưới cờ, mô hình lập bàn thờ Bác trong nhà dân và làm giỗ Bác dịp 2/9 hàng năm, mô hình hỗ trợ xây dựng nhà cho đảng viên khó khăn về nhà ở, mô hình mua bảo hiểm y tế cho chi hội trưởng đoàn thể ấp. Trong nhiệm kỳ, xã đã đề nghị về trên kết nạp được 97 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên toàn Đảng bộ xã lên 303 đồng chí, chiếm 2,27% dân số, vượt chỉ tiêu đề ra. Hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh. Lễ lối làm việc của cán bộ, công chức không ngừng được nâng lên. Công tác cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa ngày càng mang lại hiệu quả. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân được thực hiện tốt, tạo được lòng tin vững chắc trong nhân dân.

Về xã An Khánh anh hùng hôm nay, chúng tôi vui chung niềm vui của Đảng, của chính quyền, của bà con. Càng phấn khởi hơn khi biết nơi đây vinh dự được Huyện ủy Châu Thành lựa chọn là Đảng bộ tổ chức đại hội điểm của huyện. Xã An Khánh là một trong những nơi đã biết khơi dậy sức dân để xây dựng quê hương “Ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như Bác Hồ kính yêu của chúng ta hằng mong ước.

P.T.T

MỤC LỤC

Lời nói đầu		7
1. Vùng đất tôi yêu	LÊ NGỌC	9
2. Ở một vùng đất mới	LÂM NGỌC	15
3. Bộ đội về	NGUYỄN SƠN	21
4. Nông trường vùng biên giới	HỒNG PHƯƠNG	29
5. Một thời để nhớ	QUỲNH ANH	37
6. Tản mạn về con Sếu Tràm Chim	NGUYỄN QUANG NGỌC	47
7. Nông dân - Hướng đi...	NGUYỄN HUỲNH HIẾU	53
8. Đất lành	HOÀNG KIM	59
9. Niềm vui của người nghèo	PHƯỚC THU	63
10. Báo cáo không có trong báo cáo	HỮU NHÂN	69
11. 20 năm trước, ngày này...	NGUYỄN THANH TÂM	73
12. Gió Thanh Mỹ	TRẦN MẠNH HẢO	81
13. Duyên dáng Sa Đéc	LÊ NGÂN	89
14. Về Bàu Hút	NGUYỄN TRUNG THỨ	93
15. Từ Bưu điện Hồng Ngự nhìn sang các lĩnh vực khác của huyện	HÀ MINH MẶN	99
16. Về miệt nấng	TRỌNG QUÝ	103
17. Vui - buồn chuyện vay vốn tôn nền chống lũ ở Đồng Tháp	LÊ MINH HÙNG	107
18. Vài điều về công tác cho dân vay vốn chuộc đất ở huyện Cao Lãnh	CHÍNH NGÂN	111
19. Ở nơi không có lũ	HOÀNG TUẤN	115
20. Cao Lãnh những cánh tay đang mở	PHAN NGỌC QUANG	121

21. Những ngày nước mắt và hoa	BẠCH PHẦN	127
22. Lao động nước ngoài - lối thoát cho người nghèo	HỮU NHÂN	139
23. Để con cá tra ngày càng đi xa	HỒ NHỰT TRUNG	143
24. Quê hương xanh tươi	NGUYỄN NHÂN	155
25. Tam Nông - những đổi thay làm ngõ ngành người xa xứ	MINH HOÀNG	157
26. Trở lại xóm Giồng Bàng	TRỌNG QUÝ	167
27. Cồn An Hiệp - lở mà không lở	HỮU NHÂN	173
28. Chuyện về thương hiệu bột Bích Chi	CÁT NGỌC	177
29. Những ngày đầu gian khổ	HỒ VỮ	187
30. Lấp Vò - hiện tại và tương lai...	TAO ĐÀN	191
31. Đất thức	NGUYỄN HUỲNH HIẾU	197
32. Ký ức một thời	PHẠM THỊ TOÁN	205
33. Đất ấm tình anh	LÊ MINH THÀNH VINH	215
34. 40 năm nông nghiệp Đồng Tháp	VÕ LỢI	221
35. Ngẫm nghĩ sau 40 năm ngày giải phóng	NGUYỄN VĂN LONG	227
36. Thủy sản Đồng Tháp - chặng đường bốn mươi năm	PHẠM THỊ TOÁN	231
37. Bốn mươi năm - những con đường	HỮU NHÂN	237
38. Bình yên một dải biên cương	NGUYỄN QUẾ	243
39. Cẩn đánh thức khát vọng làm giàu của người nông dân	TÙNG THIỆN	249
40. An Khánh - đi lên từ khơi dậy sức dân	PHẠM THỊ TOÁN	255

40 NĂM KÝ ĐỒNG THÁP

Ký - Nhiều tác giả

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 04.38222135

E-mail: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

<http://nxbhoinhavan.com>

Chi nhánh miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng - Q3- TP.HCM

Tel & Fax: 0838297915

Email: nxbhnv.saigon@gmail.com

Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên

42 - Trần Phú - thành phố Đà Nẵng

ĐT: 0511.3849516

Email: nxbhnv.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chi nhánh miền Tây Nam Bộ

314C - Hoàng Lam - thành phố Bến Tre

Tel: 075.3812736 - 016.998.083.86

Email: nxbhnmekong@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM TRUNG ĐÌNH

Chịu trách nhiệm nội dung:

NGUYỄN THỊ ANH THƯ

Biên tập:

LÊ MINH TRÍ

NGUYỄN KIM SƠN

(Vũ Hồng)

Tổ chức bản thảo: PHẠM KHIÊM - HỮU NHÂN

Vẽ bìa: THÀNH THU - Trình bày: QUẢN ĐẠI

Sửa bản in: NGUYỄN VŨ

In 500 cuốn, khổ 16x24 cm tại Công ty Cổ phần In Nguyễn Văn Thành.

Số 48, Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

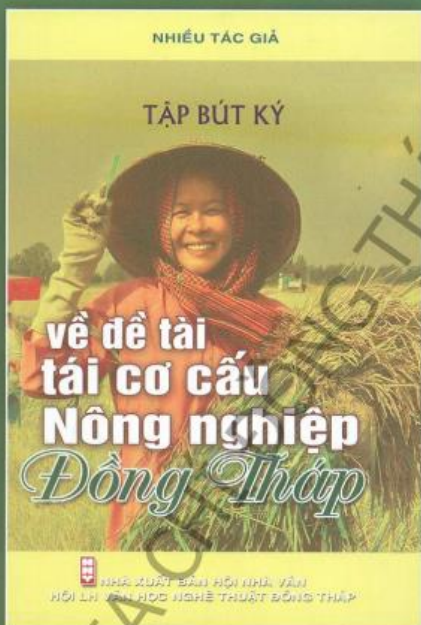
Số xác nhận ĐKXB: 3681-2015/CXBIPH/68 - 134/HNV

Số quyết định xuất bản: 1898/QĐ-NXBHNV ngày 17/12/2015

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-53-5307-3

In xong và nộp lưu chiểu 02/2016.

SÁCH
SẮP
XUẤT
BẢN



ISBN: 978-604-53-5307-3



9 786045 353073

Giá: 100.000 đ

